VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

sử học và truyền thống hùng vương
tạ chí đại trường

đi xa với hoàng xuân hãn
nguyễn nam anh

trời xanh, bên kia sông
nguyễn mộng giác

quyên
hoài mỹ

cuối đường
minh ý

vùng ký ức đớn đau
hoàng chính

vướng víu
trần doãn nho

thơ
du tử lê ● ngô nguyên dũng ● đỗ thì kênh g.
nguyễn minh đức ● hoàng vũ đức vân ● huỳnh liễu ngạn
lâm chương ● trần thiện hiệp ● trúc chi

SỐ 108 ● THÁNG 4 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về

Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI GIÁ BÁO

Kính thưa quí độc giả,

Trong gần mười năm qua, tạp chí Văn Học đều đặn đến tay quí độc giả liên tục, phần lớn nhờ sự ủng hộ tích cực của quí độc giả sốt sắng mua báo dài hạn.

Đáp lại lòng ưu ái đó, nhóm chủ trương cố gắng vượt qua những khó khăn tài chánh để tháng tháng gởi đến tay quí vị món ăn tinh thần bổ ích, ước mong đem lại cho bạn đọc những giây phút thoải mái sau những ngày giờ nặng nhọc với đời sống tất bật nơi xứ người. Từ Hoa Kỳ sang Âu châu, Úc Châu, Á châu, số độc giả dài hạn ngày càng tăng, khích lệ chúng tôi hơn nữa trong việc duy trì tạp chí Văn Học về mọi phương diện: hình thức, nội dung, phát hành, v.v.

Gần đây, sở phí ấn loát gia tăng vì giá giấy tăng vọt (30%), cộng thêm việc Sở Bưu Điện Hoa Kỳ tăng mọi giá biểu bưu phí, từ 10% đến 25% tùy theo cách gởi.

Vì thế, Ban chủ trương Văn Học buộc lòng quyết định thay đổi giá báo bán lẻ, cũng như giá báo dài hạn. Bù lại, chúng tôi tăng thêm số trang, từ 124 trang lên 148 trang.

Kể từ ngày 1 tháng 4, 1995, giá báo thay đổi như sau:

Giá bán lẻ:		US$4.00
Giá dài hạn cho một năm:		
Hoa Kỳ:	Hạng Tư :	US$ 42.00
	Hạng nhất	US$ 50.00
Canada:	Đường bộ:	US$ 46.00
	Máy bay:	US$ 54.00
Âu, Á, Úc Châu hay các quốc gia khác:		
	Đường thủy (surface)	US$ 56.00
	Máy bay (Air Mail)	US$ 94.00

Riêng các Thư Viện, từ nay Văn Học chỉ gởi hạng nhất (Hoa Kỳ) hay bằng máy bay (các quốc gia khác), theo giá biểu sau:

Hoa Kỳ/Hạng Nhất	US$ 50.00
Ngoại quốc/Máy bay:	US$ 100.00

Giá biểu này áp dụng từ ngày 1 tháng 4, 1995.

Riêng độc giả dài hạn, **từ nay cho đến ngày 31 tháng 3, 1995,** có thể gia hạn báo thêm một năm nữa hay nhiều hơn, dù chưa đáo hạn, **theo giá biểu cũ.**

Chúng tôi mong ước được sự ủng hộ nhiệt thành của quí vị, như đã từng ủng hộ chúng tôi trong nhiều năm qua, giúp phương tiện để gởi đến tay quí vị tạp chí mà quí vị hằng yêu mến.

Chân thành cám ơn quí độc giả.

Văn Học

VănHọc

Số 108, tháng 4.1995

VĂN HỌC	Thư toà soạn	2
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	Sử học và truyền thống Hùng vương	3
NGÔ NGUYÊN DŨNG	*Mảnh sáu, tám*	18
TẠ QUỐC TUẤN	Thơ mới Trung hoa	19
NGUYỄN THUYẾT PHONG	Tiếng hát trên sông Hương	41
ĐỖ THÌ KÊNH G.	*Gái quê*	45
DU TỬ LÊ	*Sự biện bạch của những cơn bão*	46
NGUYỄN NAM ANH	Đi xa với Hoàng Xuân Hãn	48
NGUYỄN MINH ĐỨC	*Thuyền trăng*	58
NGUYỄN MỘNG GIÁC	Trời xanh, bên kia sông	60
HUỲNH LIỄU NGẠN	*Mùa lá lục*	67
LÂM CHƯƠNG	*Hãm địa*	68
HOÀI MỸ	Quyên	70
MINH Ý	Cuối đường	81
TRẦN THIỆN HIỆP	*Có loài hoa tên thục nữ*	91
TRÚC CHI	*Giọt nắng*	92
HOÀNG CHÍNH	Vùng ký ức đớn đau	93
NGU YÊN	*Hãy cho ta chết giùm đời nhau*	109
TRẦN DOÃN NHO	Vướng víu	110
HOÀNG-VŨ ĐỨC-VÂN	*Sáo trúc vô thanh*	123
NGUYỄN CHÍ KHAM	Thành phố trong hư tưởng	124
HỒ MINH DŨNG	*Ở Cali phân ưu Phùng Quán*	131
NGUYỄN HUY THẠCH	Ghi chép	132
	Văn học thời kỳ mới ở Trung quốc	
	Hồi ký về Nam Cao	
VĂN HỌC	Tòa soạn với bạn đọc	
VĂN HỌC	Giới thiệu sách mới	

© Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1994-1995
© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved 1994-1995

Thư Tòa soạn

Văn Học số tháng 4.1995 là một tuyển tập gồm một số tiểu luận, thơ, văn của nhiều cây bút thuộc các thế hệ khác nhau, tiêu biểu cho tính cách đa dạng của văn chương hải ngoại.

Về tiểu luận, trước hết có những bài liên quan tới nghiên cứu Việt học như bài *Sử học và Truyền thống Hùng vương* của Tạ Chí Đại Trường, *Đêm nghe tiếng hát trên sông Hương* của Nguyễn Thuyết Phong, và bài phỏng vấn Hoàng Xuân Hãn của Nguyễn Nam Anh. Tạ Quốc Tuấn bổ túc những kiến thức về cổ học Trung hoa của chúng ta bằng bài *Thơ mới Trung hoa*, một giai đoạn văn chương hiện đại mà rất nhiều người Việt không quan tâm.

Về thơ, Văn Học hân hạnh giới thiệu những sáng tác mới nhất của Du Tử Lê, Ngô Nguyên Dũng, Đỗ Thị Kênh G, Nguyễn Minh Đức, Huỳnh Liễu Ngạn, Lâm Chương, Trần Thiện Hiệp, Trúc Chi, Ngu Yên, Hoàng Vũ Đức Vân, Hồ Minh Dũng.

Về văn, tuyển tập thơ văn kỳ này có sáu truyện ngắn của sáu tác giả: Nguyễn Mộng Giác, Hoài Mỹ, Minh Ý, Hoàng Chính, Trần Doãn Nho, Nguyễn Chí Kham. Trong khi những truyện *Trời xanh, bên kia sông, Vướng víu, Thành phố trong hư tưởng* lấy khung cảnh Việt Nam làm nền cho truyện, thì những truyện *Quyên, Cuối đường, Vùng ký ức đớn đau* là ba cảnh ngộ của người Việt tha hương. Sáu mảnh đời, trải dài qua thời gian và không gian, nhắc nhở chúng ta rằng: không có nỗi đau nào giống nỗi đau nào, cũng như không có nỗi đau nào duy nhất chỉ một mình ta chịu. Có thể khi đã nhớ như thế, ta bắt đầu tìm thấy hạnh phúc.

Văn Học số tới sẽ là số đặc biệt kỷ niệm hai mươi năm lưu vong của tập thể người Việt hải ngoại. Ban biên tập mong ước có sự đóng góp bài vở đông đảo và phong phú của các văn hữu và bạn đọc, để giá trị số báo tương xứng với tầm quan trọng của dịp kỷ niệm này.

Sử Học Và Truyền Thống Hùng Vương

Tạ Chí Đại Trường

Việt Nam nằm trong vòng ảnh hưởng Trung quốc, trải qua đến cả ngàn năm Bắc thuộc rồi tiếp theo đó tổ chức chính trị xã hội lại theo đường lối Trung quốc nên việc ghi chép lịch sử cũng có rất sớm, có thể là từ những năm đầu độc lập trong thế kỷ X. Bởi vì tuy mãi đến năm 1121 mới thấy có tên viên Thái sử Trần Độ, nhưng xét lại bộ sử đầu tiên của nhà nước Trần, bộ *Đại Việt sử kí* của Lê Văn Hưu (thế kỷ XIII) nằm trong bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV), những sự kiện được ghi không phải chép ở sử Tàu mà là những chi tiết phải của người trong nước thu nhận mới có. Điều đó có nghĩa là ngay từ thời Ngô, Đinh và chắc chắn là từ Tiền Lê với tổ chức chính quyền của Thái sư Hồng Hiến, trong triều đình hay nội cung đã có những viên chức gia thần cặm cụi ghi chép các biến cố ở cung đình và mở rộng ra đến những vùng đất trong vòng ảnh hưởng của trung ương hay liên hệ tới nó. Dấu vết ghi chép tuần tự theo ngày tháng ấy gọi là phép biên niên còn thấy rõ ở bộ sử đồ sộ nhất trước thế kỷ XIX: bộ *Đại Việt Sử ký Toàn thư*, ngày nay trong sách vở thường gọi tắt là *Toàn thư*. Đây là tập hợp những bộ sử của các sử gia nối tiếp từ Trần đến Lê Trung hưng, đừng lại ở thế kỷ XVII. Các tác giả về sau đã sửa lại người trước, thêm bớt, chen vào các luận điểm của mình khiến ta không còn rõ những nguyên văn cũ - trừ những đoạn bình luận còn ghi lại tác giả. Nhưng tổ chức ghi chép sử có hệ thống và công trình lưu lại đồ sộ nhất là của triều Nguyễn thế kỷ XIX. Nhà Nguyễn cũng thực hiện một lối viết sử mới có tính chất tổng hợp hơn so với phép biên niên trước đó là phép cương mục tóm thâu sự việc vào một đề tài và đưa chi tiết vào sau đó. Thật ra phép cương mục cũng dựa vào lề lối của một bộ sử đồ sộ đời Tống và Hồ Tông Thốc ở thế kỷ XIV từng đã viết một bộ *Việt sử cương mục* đã thất truyền, nhưng bộ *Khâm định Việt sử cương mục* của Quốc sử quán Nguyễn quả là lớn nhất theo lối này ở Việt Nam.

Sử quan triều Nguyễn cũng đem vào thể liệt truyện kể tiểu sử các quan chức, danh nhân nam nữ làm phong phú hóa thêm kiến thức về thời đại cho những người sau.

Sử sách nối tiếp thời gian, lưu trữ sự kiện tạo được một truyền thống cho những người liên hệ hay thấy mình có liên hệ với sự việc, tập đoàn được trình bày. Thật ra thì truyền thống từ truyện kể cũng đã kết thành trước khi con người có chữ để ghi chép, có người biết ghi chép. Cho nên chúng ta thấy Hồ Tông Thốc lượm lặt "những lời cố lão" di truyền để viết truyện 18 đời Hùng Vương trong lúc sử quan của nhà Trần không đả động gì đến dòng vua khởi đầu này cả. Có chăng là ở một quyển sách ngoài dòng quan sử, quyển Đại Việt sử lược, có nhắc tới ông Hùng Vương như một con người đặc biệt, một lãnh tụ địa phương nổi bật. Ấy thế mà từ khi Ngô Sĩ Liên cho cả họ Hồng Bàng vào chính sử với 18 đời Hùng Vương đã kể thì truyền thống Hùng Vương thành hình ở tầng lớp trên rồi sẽ tỏa rộng khắp nước cùng với thời gian xây dựng, phát triển.

Sự muộn màng này cũng là điều dễ hiểu. Đất nước Việt Nam trước thế kỷ XV là của những tông tộc trị nước mà vị thế cao cả đó cùng nguồn gốc Trung quốc còn gần gũi, nhất là của các triều Lí Trần dài hơi khiến cho họ không quan tâm đủ đến các truyền thuyết của dân chúng, chưa kể những điều xa lạ này tạo thành một truyền thống có hại cho uy quyền của họ. Bởi vì "nước" thật ra cũng không phải bao gồm một tổ chức chính quyền trung ương có tác dụng quyền bính từ Hoa Lư, Thăng Long đến tận làng xã. Tổ chức thời Bắc thuộc đã khiến thuộc địa phương nam của Trung quốc có một chừng mực cố kết nào đó trên vùng đồng bằng dọc biển, có thể cho là đến đèo Ngang. Tuy nhiên rõ ràng là ngay trên phần đất Việt cổ các ông quan thái thú, thứ sử vẫn cai trị gián tiếp qua các lãnh chúa địa phương mà quyền hành nổi bật lên ngay sau thời độc lập dưới dạng sứ quân, không phải chỉ có 13 sứ quân của sử sách ghi lại. Đinh Lê Lí Trần dần dần mở rộng quyền hành bằng binh lực nhưng vẫn không phải đã chiếm hẳn được các vùng tự trị đó mà người cầm đầu còn lưu lại danh xưng của triều đình ban để "rửa mặt" cho hoàng đế: các *quản giáp*. Binh lực không đủ sức làm việc thống nhất thì có ý thức hệ thay. Nho giáo và quan niệm ông Thiên cha của hoàng đế Trung Hoa từ thời Chu xa xưa đã tạo lập một chính quyền hoàn chỉnh ở Trung Quốc thì cũng làm kiểu mẫu dần dà thành công ở Đại Việt. Nhà Hồ thành công ở phương diện đánh đổ tông tộc Trần chưa kịp dựng nên một hệ thống tông tộc khác thì một thời gian ngắn ngủi của thời thuộc Minh cùng chiến tranh tàn phá sau, trước đã khiến cho Đại Việt của thế kỷ XV cắt đứt hẳn với quá khứ. Nhà Hậu Lê tuy xuất thân tù trưởng lang đạo nhưng trước tình thế ấy chỉ có thể bắt đầu trên một căn bản mới với ông

vua Lê Thánh Tông và cả hệ thống nho sĩ được đào tạo trong thời thuộc Minh và sau đó. Một hệ thống trung ương tập quyền mới với phép quân điền hàm ý không còn lãnh chúa - ít ra là trên một khu vực liền lạc to rộng hơn thời trước - đã đòi hỏi một nguyên lí quyền hành xuyên suốt không phải ở phương diện không gian mà còn ở phương diện thời gian nữa. Vua cai trị thần dân trong hiện tại, là bực con trời, phải mang mầm mống quyền uy thừa hưởng từ các bậc con Trời trong quá khứ, đến tận cùng giao tiếp của Trời Đất: có một thời Hùng vương trên đất Việt thì sẽ lấp được khoảng trống thời gian trước thời độc lập, xa trước thời ngoại thuộc. Gốc gác lang đạo của nhà cầm quyền mới cũng khiến họ dễ chấp nhận một truyền thuyết lập quốc của một lang đạo khác. Ông Nguyễn Trãi vì sinh ra trước thời đại có sự chấp nhận ấy nên trong *Đại Cáo Bình Ngô* (1428) đã không nhắc đến Hùng Vương mà chỉ biết có Triệu, Đinh, Lê...ngang với Hán, Đường, Tống... Ông chỉ nói "văn hiến chi bang" mà không xác định con số "4000 năm" là cách tính theo Ngô Sĩ Liên (1479) ngược về với thời gian của tổ tiên những người đẻ trứng chia con.

Các nho sĩ Hậu Lê đã tìm được một lí thuyết cầm quyền cho dòng vua mở rộng con đường thăng tiến của tầng lớp họ và tạo dựng được tính cách chính thống cho nhà Lê đến mấy trăm năm dù có sự lật đổ của họ Mạc, có sự chèn ép của chúa Trịnh. Tất nhiên các nho sĩ phải lo củng cố lí thuyết để vượt qua được dông tố. Ông tổ Hùng vương thành hình không có tên, chỉ có một vài thứ hạng (III, VI, XVIII) không dễ dàng được những người khác truyền thống chấp nhận. Cho mãi đến thế kỷ XVIII mà Lê Quý Đôn còn nghe thấy câu chuyện hồi đầu thế kỷ về một ông thần khác cướp bè gỗ người ta định đưa về tu tạo đền Hùng: ông thần đền Hùng được vua quan ở Thăng Long đưa lên bực tối thượng cũng không thể nào thuyết phục được ông thần ngang ngạnh ở gần mình. Trách gì họ Mạc ở đầu thế kỉ XVI không đếm xỉa gì đến tính cách kế thừa hương hỏa của nhà Lê nên hạ vua, đuổi vua để cướp chính quyền. Chuyện giành được chính quyền là của binh lực nhưng lí thuyết cũng góp phần vào việc chính danh. Nhà Lê Trung hưng đang còn ở Thanh Hóa vẫn coi mình có quyền trên phần đất mà kẻ khác chiếm đoạt nên cho làm một loạt thần tính gán ghép với Hùng vương. Có người sửa lại bản "Cổ Việt Hùng thị thiên thế thánh vương ngọc phả cổ truyện" được cho là làm từ thời Lê Thánh Tông (1470) nay còn để ở đền Hùng. Hùng vương 18 đời được ông Nguyễn Bính (1572) vâng lệnh làm sáng tỏ hơn với các tên Hùng Duệ vương, Hùng Hiền vương với con Mị Châu, cháu 14 đời Kinh Dương vương (?). Và để có những nhân vật trung gian đến thời có sử thì ông - hoặc hệ thống thư lại dưới quyền ông - đã ghép Hai Bà Trưng làm con cháu Hùng Lạc tướng quân "dòng dõi Lạc Long Quân", giải quyết

một cách ba phải gọn nhẹ vấn đề sử học rắc rối Hùng hay Lạc? (1) Thật ra nhà Mạc cũng không ngăn trở nổi một hệ thống đã thành hình ở tầng lớp trên của xã hội, bởi vì như đã nói, đó là lí thuyết căn bản biện minh hệ thống quyền lực của vua quan ở đất Đại Việt - bắt chước giống như ông Nghiêu, ông Thuấn ở xứ của Nho học gốc là Trung Hoa kia. Cho nên ta gặp hệ thống Hùng vương được phát triển theo đà các thần tích của Nguyễn Bính vẽ ra, vào các thế kỷ XVII, XVIII lúc nhà Lê Trung hưng, lan rộng với các ông thần tinh ma gỗ đá, bà thủy, làm con cháu tướng tá các ông Hùng vương tuy vẫn không đủ cùng khắp ở tầng lớp dưới như trong câu chuyện ông thần "Đại vương" đền Ngọc Tháp chặn gỗ xây đền Hùng chỉ biết sợ lệnh vua chứ không biết sợ ông tổ tinh thần của vua.

Tính chất li khai của họ Nguyễn vào lúc hệ thống Hùng vương chưa phát triển cùng với một quan niệm thần linh về người chủ tể khu vực trên đất mới khiến ta không gặp được hình ảnh các ông Hùng vương cùng dâu rể của họ ở Đàng Trong. Dương Văn An sửa *Ô Châu cận lục* (1555) đem vào đền Tứ Vị thánh nương của Chiêm Thành một câu chuyện liên quan đến một ông Hùng vương có thứ hạng rất ngẫu nhiên, tỏ rõ sự lạc loài của ông: Hùng vương thứ Mười ba. Cho nên ba năm sau, từ khi Nguyễn Hoàng đến (1558) ông đã bị xua biến mất không còn thấy dạng ngay cả khi truyện tích được lượm lặt ghi vào sách vở *(Đại Nam nhất thống chí)* cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nghĩa là trên dưới một thế kỷ sau khi thống nhất Nam Bắc (1802). Nhà Nguyễn khởi nghiệp ở phương Nam, tuy vẫn để đền Hùng được thờ cúng, để sử quan ghi chuyện vua Hùng, nhưng làm kẻ chiến thắng, họ giản lược thần thánh, bắt các thần ở Bắc thành hạ chức từ Đại vương, Công chúa (trong đó hẳn có con cháu Hùng vương)... xuống làm Phủ quân, Phu nhân (lệnh 1804, 1841), rõ ràng là không nồng nhiệt lắm với ông quốc tổ kia.(2)

Lịch sử sang trang với công cuộc xâm lấn của người Pháp. Sử học Việt Nam có đổi thay nhưng chưa sang trang, một nền sử học khoa học còn ngập ngừng, lạc loài, bị ngập chìm trong cảm tính chính trị, lấn át trong nỗi mơ ước độc lập và bị hủy hoại dưới quyền lực có khi bằng những luận cứ nhân danh khoa học.

Và cũng như những trường hợp trớ trêu khác trong lịch sử, chính kẻ xâm lược là người Pháp lại làm cho thanh danh Hùng vương phổ cập khắp nước trong một hệ thống chính quyền ổn định lan rộng uy thế tận ngõ ngách thôn xã. Chữ quốc ngữ đã khiến cho kiến thức phổ biến trong dân chúng dễ dàng hơn. Báo chí, nhất là *Nam Phong* với quan điểm bảo

thủ, hồi cố đã nhắc nhở nhiều đến Lạc Hồng, Rồng Tiên, Hùng vương. Quyển *Việt Nam sử lược* đem lại một lịch sử xuyên suốt đến thời hiện đại cho lớp người Việt Nam của văn tự mới, trong đó có lịch sử Hồng Bàng và ông Hùng vương khởi thủy. Vẫn một lịch sử các triều đại, tuy nhiên không màng đến tính cách chính thống đặt ra ở thời trước, Trần Trọng Kim đã đem các nhà Hồ, Mạc, Tây Sơn vào chính sử. Nó đã được làm chuẩn cho các chương trình sử bậc Trung học ở miền Nam cho đến 1975 với những điều chỉnh chi tiết, điều đó chứng tỏ giá trị của sách, đồng thời cũng nói lên sự chậm chạp của nền sử học Việt Nam.

Tuy nhiên quyển sách ra đời từ thập niên 20 mà mãi đến cuối thập niên 30, đầu những năm 40, ông Hùng vương mới dần dần được nhắc nhở bởi những biến động tận trời Tây, vì Thế chiến II. Người Pháp trong chuẩn bị chiến tranh đã phải cần dùng đến dân thuộc địa để bảo vệ chính quốc. Lịch sử bản xứ được quan tâm nhắc nhở nhiều hơn. Khẩu hiệu "Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc" từ Thế chiến I chỉ có ý nghĩa thoáng qua nhưng lúc bắt đầu Thế chiến II, con rồng cùng với sự phổ biến của báo chí, sách vở đã khơi dậy nhiều cùng với các lễ hội của Miền Bắc, trong đó có hội đền Hùng. Khi thất trận ở chính quốc, chính quyền Decoux phải luồn lách trong thế đang lên của phe Trục, nương nhờ vào dân bản xứ nhiều hơn nên cố quay về với truyền thống gia đình tộc hệ Đông phương, truyền thống bản xứ thuộc địa, phù hợp với các khẩu hiệu bảo vệ gia đình tổ quốc của chính phủ Pétain đăng nhan nhản trên các báo chí, bích chương. Các hình ảnh nhân vật anh hùng cứu quốc Trần Quốc Tuấn, Hai Bà Trưng xuất hiện đồng thời với Jeanne d'Arc in màu với chú thích theo kiểu truyện tranh từng tờ mỏng, gợi dậy tinh thần ái quốc của dân Việt - tất nhiên được hiểu là đưới quyền của Mẫu quốc. Các bản nhạc hùng mạnh xuất hiện. Lễ hội đền Hùng từ lâu vốn chỉ là của địa phương Phú Thọ nay được nhắc nhở trên báo chí và âm nhạc.

Ta cũng không nên quên dòng tư tưởng chống đối người Pháp của các nhà Cách mạng Việt Nam kêu gọi đến lòng tự trọng, nét kiêu hùng của dân tộc qua "4000 năm văn hiến" với ông Hùng vương khởi đầu. Chính vì bị kiềm hãm trong thế chống đối này mà quan niệm về một họ Hồng Bàng mang tính cách cảm tính nhiều hơn là lí luận và nó trở thành một truyền thống mạnh mẽ lấn át lí trí để có dà về sau thành một cản trở lớn lao cho ngành sử học Việt Nam, không chỉ nhằm vào thời sơ sử mà còn lấn át trong những giai đoạn về sau. Ông Hồ Chí Minh trong khi trốn tránh ở vùng biên giới Việt Bắc đã viết những câu lục bát đăng trên báo in thạch bản. Ông Hùng vương trong các câu hò vè đó sẽ có tác động mạnh đến những người theo khi địa vị của ông lãnh tụ càng ngày càng

nâng cao và uy quyền của đảng Cộng sản càng đi đến chỗ tuyệt đối.

Một thứ truyền thống Hùng vương độc đoán bắt đầu từ một ngày năm 1954, khi ông Chủ tịch đi thăm đền Hùng như một hành động của người cầm đầu đất nước ngày nay báo công với tổ tiên đất nước ngày xưa. Ông đã nói với đám binh lính đang chiến thắng cùng đi: "Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước." Lại cũng y hệt ngày xưa có người ghi lại lời vua phán, câu nói đó trở thành kinh nhật tụng cho Đảng - hệ thống quan lại cung đình mới - giục giã dân chiến đấu và buộc các nhà học giả lấy đó làm kim chỉ nam cho cả một chương trình nghiên cứu về thời đại Hùng vương suốt nhiều thập niên sau.

Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV) đã đặt nghi vấn Lạc vương vì lầm chữ viết mà thành ra Hùng vương. Tuy nhiên ông Chủ tịch đã gọi là Hùng vương thì không ai dám cãi. Lớp thanh niên đương thời trở thành học giả thì không thắc mắc gì, giống như anh học trò trung học không đặt thành vấn đề có loại hình học nào khác hình học Euclid không. Lớp học giả già vướng víu thời của Trường Viễn Đông bác cổ như Đào Duy Anh, Hoa Bằng thì tuy có gắng gượng nói chuyện Lạc hay Hùng nhưng vẫn phải nói thêm một lời buông xuôi, vuốt đuôi. Kiến thức của ông Chủ tịch không đến mức độ phân biệt đó mà chỉ biết đến Hùng vương thì người ta chỉ khai triển từ chữ Hùng Vương thôi. Rồi nhân đà chiến thắng, có nước, có thủ đô với cả một ban bệ nghiên cứu đào tạo của các Viện, các Đại học, người ta khởi đầu nghiên cứu về Hùng vương. Ban đầu chỉ là nghiên cứu từ sách vở cũ kĩ, một phần vì các học giả cũ dù là của trường Viễn Đông bác cổ lưu lại hay tự học, tất cả đều không được đào tạo chuyên sâu để đi ra ngoài vòng thư tịch. Trong lúc đó thì tài liệu về cổ sử Việt Nam nói chung, Hùng vương nói riêng không còn lưu lại gì hơn vài dòng chữ lặp đi lặp lại từ một khởi đầu, về sau tán rộng càng lúc càng thêm rối rắm. Một ít lý thuyết về duy vật lịch sử được hiểu sơ sài đã mang lại chút dáng vẻ sáng tạo trong những giải thích về những nhân vật được cho là của thời Hùng vương, như Thánh Gióng chẳng hạn.

Về cổ sử, nhất là ở các nước thứ ba, có một loại tài liệu nằm sâu dưới đất chưa được khai thác. Khoa khảo cổ học thành một phương tiện cho các nước này đi sâu vào quá khứ hơn để chứng minh họ cũng có một bề dày lịch sử như ai. Do đó khảo cổ học trở thành một phương tiện chiến đấu gây thêm niềm tự tín dân tộc, nhất là khi nó được thực hiện bởi người bản xứ. Với Việt Nam thì Trung quốc cũng là một gương mẫu khi những người này cố công đào bới và thành công trong việc đẩy lùi lịch sử có bằng cớ từ nhà Thương Ân ngược lên vài thế kỷ nữa với cả một

danh sách các ông vua nhà Thương có trong sử kí, rồi sau đó họ lại cố tìm trong các tầng đất của văn hóa Ngưỡng Thiều, Long Sơn cho ra một nhà Hạ còn mịt mờ. Lớp học giả Việt Nam thời hậu Genève được đào tạo từ Liên Xô rồi từ Trung quốc với các chuyên viên đàn anh viện trợ đã lục lọi trong các tầng đất để lập ra một chuỗi thời kỳ tiền sử cho Việt Nam có tên là Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn, bốn năm ngàn năm trước thật hợp với chiều dài 4000 năm văn hiến được ca tụng từ lâu. Các học giả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đền đáp công ơn của Đảng một cách nhiệt thành, đầy kiêu hãnh. Khoa khảo cổ học tranh đấu biến thành công cụ chính trị để gây lòng tự tín dân tộc và tuyên dương với bên ngoài. Tuy nhiên vì trình độ thấp kém của các lãnh tụ - những người chỉ định đường hướng - trong khi các học giả trí thức vì phải làm việc trong một tinh thần phụ họa khép kín, nên các thành quả không được nâng cao ngang với công sức của họ, chỉ đành quanh quẩn trong vùng "mẹ hát con khen hay" mà thôi. Thời Hùng vương, theo hướng dẫn chính trị phải là một thời đại rực rỡ, nghĩa là trong chuỗi tiến trình tiền sử vừa khám phá kia, ít ra nó phải là của thời đại khảo cổ Đông Sơn. Vậy mà Đông Sơn, theo các học giả Pháp, thì chỉ ở vào một vài thế kỷ trước Công nguyên thôi. Muốn bài bác, trước hết phải dựa theo lí thuyết cách mạng, đả phá tư cách của các học giả này về tính chất "tư sản", "thực dân đế quốc" đã khiến họ miệt thị dân bản xứ, cứ coi thành quả của văn minh Đông Sơn là do từ xa đưa lại chứ không phải xuất phát tại chỗ và tỏa rộng ra chung quanh. Người ta tán dương hành động giấu giếm của dân chúng không chỉ chỗ cho Colani đào bới, mắng mỏ Pajot đào lấy của, và may mắn cho Goloubew, người liên quan trực tiếp đến trống đồng, được nghe nhẹ lời vì là "gốc Nga" - người ta không nệ ông là một thứ di tản nên danh ở xứ người. Cuộc tranh cãi lây lan đến cả với người anh em môi-răng về vụ trống đồng Tấn Ninh trại (Vân Nam) hay Đông Sơn, ai xưa hơn ai.

Tuy nhiên giữa khảo cổ học và sơ sử học thành văn của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vẫn chưa có sự kết nối rõ rệt như trường hợp nhà Thương trước Bàn Canh. Một kho tên ở Cầu Vực phát hiện ngẫu nhiên liền được gán cho An Dương vương căn cứ vào câu chuyện nỏ thần và thành Cổ Loa. Năm 1959, lúc phát hiện, chưa có việc cắt mặt thành Cổ Loa còn lại chứng minh đất xây thành thuộc đời Hán là sớm nhất, nên luận cứ còn có chỗ để tin, tuy rằng về phía phương pháp khảo cổ học không ai ngạc nhiên hỏi tại sao kho tên còn nguyên vẹn và không ai cất công thử tìm xem nơi phát hiện có dấu vết tàn phá của chiến tranh (dữ dội) còn để lại hay không. Mặt khác, không ai chịu mở rộng kiến thức - tài liệu lại ở ngay xứ Trung quốc anh em có nhà khảo cổ Hoàng Xuân

Chinh thụ nghiệp - để thấy rằng các mũi tên Cầu Vực sao lại có dáng của những mũi tên tìm được ở Trường Sa? Một nhà sưu tầm Trung quốc đưa ra thẻ ngọc An Dương liền được tán tụng là của An Dương vương, theo cách hiểu vương hiệu của ông Thục Phán lật đổ Hùng Vương XVIII này là độc nhất, mà không ai thắc mắc xem thử có phải đó là loại thứ phẩm xa đời ở tận phía Nam Trung quốc của các đồ vật từ kinh đô An Dương của nhà Ân hay không? Rốt lại, khi người ta muốn chứng minh thời Hùng vương có đầy đủ diện mạo của một thời văn minh, thì một mặt cứ diễn tả con người, y phục, sinh hoạt dựa trên các đồ vật đồng thau tìm được, dù rằng chúng có đấu vết là của các thế kỷ đầu Công nguyên hay sau đó, và mặt khác lấy tài liệu ở các sách thuộc thế kỷ XIV, XV (*Việt điện u linh tập, Lĩnh nam chích quái*) làm bằng chứng thay vì phải nghi ngờ các ông Hùng vương được các nho sĩ điểm trang trong đó. Kết quả sau một thời gian dài tập trung khảo cổ về Hùng vương, các học giả Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có bốn tập họp dày lấy từ các bản tham luận đọc trong các cuộc hội nghị. Tập họp *Hùng Vương dựng nước* ấy đủ làm lóa mắt người ngoài, nhất là ở miền Nam, đủ điểm thêm niềm thán phục đến mức độ mê tín về miền Bắc của những người chưa trải qua một chế độ coi "chính trị là thống soái". (3)

Đất nước chia hai, phần đất còn lại phía Nam luống cuống trong việc tạo lập tập trung một chính quyền phân tán với giáo phái, người di cư, người Pháp còn cố bám víu quyền lực, những kẻ còn ngỡ ngàng vọng tưởng một nền độc lập đưới quyền Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong lúc còn có đám dân chúng đã nếm mùi chủ nghĩa xã hội sơ khởi qua cuộc phóng tay phát động quần chúng cải cách ruộng đất đầy kinh hoàng.

Trường Văn khoa thu hồi trong tay người Pháp từ Hà Nội vào, cho đến đầu những năm 60 mới có các chứng chỉ Việt sử, Đông Nam Á sử lẻ tẻ mà chỉ đến cuối thập niên đó mới có các bằng cử nhân sử địa, rồi tách riêng sử và địa sau đó. Chúng tôi còn nhớ khoảng niên khóa 60-61, một cô giáo cầm một bài đăng ở BEFEO dịch ra tiếng Việt và phân trần với sinh viên: "Các anh chị coi, tôi học Địa lí mà người ta bảo dạy Sử thì đây, bài sử của ông X..." Còn một ông thầy khác thì cứ lấy *Việt Nam sử lược* hay sách của Lê Thành Khôi ra dạy, chẳng cần thêm bớt gì cả.

Phần nghiên cứu khảo cổ của miền Nam lọt vào tay các học giả Pháp (Saurin, Fontaine), tuy có được nói đến trong nhà trường nhưng về phần tổ chức vẫn nép mình trong một Viện Khảo cổ mà danh xưng tiếng Pháp kèm theo lại là Institut de Recherches Historiques. Dưới tay viện này có một Viện Bảo tàng của người Pháp để lại trong Sở thú, có ông Nghiêm Thẩm tốt nghiệp chuyên ngành ở Thụy Điển với vài hoạt động

thời Đệ nhất Cộng hòa, có lẽ nhờ ảnh hưởng của ông Cố vấn tốt nghiệp Trường Chartes của Pháp.

Chiến tranh đã ngăn trở việc nghiên cứu ở thực địa, tìm kiếm tài liệu, ảnh hưởng của chiến tranh với cuộc sống quay cuồng nhiều thay đổi cũng không thuận tiện cho một sự trầm mặc nghiên cứu. Trừ một vài giảng khóa, một vài luận văn, công cuộc nghiên cứu lịch sử, hay nói đúng hơn, việc "viết" lịch sử VN đi vào tay những người tưởng mình có khả năng làm sử gia, tưởng chỉ có lòng yêu chuộng quá khứ là đủ dẫn đến sự tự tín không cần được huấn luyện chuyên môn. Ta còn nhớ có một "học giả" đã đăng quảng cáo trên nửa trang tư của tờ Chính Luận khoe khoang công trình văn sử học của ông về Hai Bà Trưng và dụ dỗ được một cô sinh viên Dược khoa - loại sinh viên cao giá thời bấy giờ! Điều đó chứng tỏ rõ ràng hơn nơi một tác giả có bộ Việt sử nhiều tập, đồ sộ nhất đến cả ngày hôm nay; sách diễn giải lịch sử dài từ thời thượng cổ đến thời hiện đại, mà khởi đầu viết và in là quyển về đương thời, lúc hình như ông ta còn là chuẩn úy, nghĩa là khá trẻ. Chúng tôi không rõ bộ *Việt sử tân biên* của ông được hoàn thành với bao nhiêu công sức riêng, nhưng được tiếp cận vào lúc ông có quyền chức, chúng tôi thấy rõ công trình khảo sử của ông thật khác thường. Ông lấy báo hàng ngày của đơn vị mua, đọc rồi cầm bút xanh đỏ đánh dấu để cho một người lính cắt dán vào một tập riêng. Ông ném cho một sĩ quan dưới quyền, anh này có bằng đại học (có khi là triết, văn, may mắn là sử) liền xào nấu lại cùng với một xấp bản thảo sơ sài nào đó của ông để thành một tập mới, và có người đánh máy thành bản thảo mới. Lại đến một giai đoạn khác với anh sĩ quan khác làm việc "trời ơi đất hỡi trả nợ quỷ thần" trên bản thảo mới kia và những cắt dán mới. Lúc nào người sau cũng tưởng mình chỉ phụ giúp một ít vào công trình của xếp mà không ngờ rằng quyển sách dày vài trăm trang là công trình của nhiều người, trong đó có của các anh nhà báo nghe ngóng chuyện đời xưa viết ra mà không hề ngờ rằng có vị học giả sẽ dùng nguyên vẹn, không thắc mắc. Đó là một quyển sử viết vào thời sử học được coi là một khoa học! (Học trò lớp 12 học môn luận lý học đã biết). Sách có uy thế đến mức, lúc chúng tôi trình Cao học (1964), một giáo sư giám khảo đã chất vấn: "Sao không kể *Việt sử tân biên* vào phần sách tham khảo?"

Dân Việt Nam cũng là dân ưa thơ thẩn. Người xưa chịu ảnh hưởng của lối sử bút Xuân Thu nên hay đem các nhân vật lịch sử ra phê phán bằng những câu vịnh sử thường theo thể thất ngôn bát cú thay vì viết bằng văn xuôi. Quyển *Đại Nam quốc sử diễn ca* của thế kỷ XIX dài hơi hơn vì không chỉ tập trung vào một nhân vật nhưng bao gồm các thời đại (phần lớn sự việc lấy từ sách vở cũ cùng một mớ truyền thuyết) và để

chen vào những lời phẩm bình của tác giả. Ở Miền Nam trước 1975 cũng có một bô lão người Biên Hòa (?) viết cả một quyển diễn ca dài đem đi dự thi Giải Văn chương Toàn quốc của Tổng thống trong năm 1970, tức là đầu tiên có thêm giải thưởng cho bộ môn Sử.

Tất cả những quyển sử kể trên, khi nói về Hùng vương đều chỉ lặp lại sử cũ, nếu có thêm gì mới cũng chỉ là tô đậm với những truyền thuyết muộn về sau. Sự giới hạn cô đọng đó lại củng cố thêm quan niệm đầy cảm tính về Hùng vương của quần chúng đọc sử.

Vì khả năng chuyên môn của tác giả, vì vị trí Miền Nam không phải là nơi để đào bới về thời Hùng vương, nên sự lặp lại ấy cũng là điều dĩ nhiên. Và do đó những sử phẩm hiếm hoi của Miền Bắc đưa vào bằng đường Nam Vang, Pháp trở thành tài liệu quý báu, đương nhiên có giá trị theo với dáng vẻ nghiêm túc bên trong, không thấy lộ ra những điều do yêu cầu chính trị đặt nên. Một ý thức phi chính trị đã thành nếp sống của dân Miền Nam - đúng hơn, của người dân ngoài vòng kềm tỏa của người Cộng sản - khiến cho người ta không nghi ngờ gì về tính cách lãnh đạo của Đảng trong các sử phẩm ở Miền Bắc. Nếu có thấy lộ ra những luận cứ trái tai thì người ta cũng cho đấy là của tác giả chứ không phải của một hệ thống giáo dục - kềm kẹp chính trị. Sách hiếm, người ta giấu giấu giếm giếm làm của riêng - chúng tôi đã có kinh nghiệm chỉ được liếc qua cái đề *Hùng Vương dựng nước* mà thôi, không biết tập thứ mấy vì cũng không biết nó có 4 tập! Và vì vậy đã có chuyện suýt làm cho đài Hà Nội la toáng lên bởi có người đem một quyển sách Miền Bắc bôi xóa các tên người viết, người chú thích rồi đánh máy lại nạp vào dự thi giải Văn chương Toàn quốc (1972) và sém được giải thưởng! Ông Tổng thống Thiệu cũng nên biết điều này để thắp nén hương cúng vong hồn ông Nghiêm Thẩm.

Sự hấp dẫn của các công trình mới về Hùng vương khêu gợi tình cảm hồi cố và làm nảy sinh những diễn giải triết lý thần bí trộn lẫn vẻ khoa học về các ông quốc tổ và thời đại đó. Đã có một nhóm người đặt trước họ của mình một chữ Lạc thành các họ kép Lạc-Nguyễn (Văn X), Lạc-Hồ (Văn Y)...có dáng dấp hội kín, tôn giáo, và sau đó đăng đàn diễn thuyết về Hùng vương. Một vị tiến sĩ và là viện trưởng dự phóng của một đại học định viết một khảo cứu về Hùng vương dựa trên các quyển sách mua được của Hà Nội.(4) Còn nói chi đến các thầy giáo Sử Địa lanh tay lẹ mắt muốn "cua" giáo khoa của mình có điều mới lạ để sách bán chạy nên đã đem chuối tiền sử Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun - Đông Sơn, và ông Hùng vương mới đi vào những quyển sách giáo khoa dự tính đưa ra trong cuối niên học 1975, mà rủi ro vì ngày 30-4 nên vẫn còn nằm trong phim hay chỉ mới chất đống trong nhà in!

Xứ Huế cổ kính với dấu vết kinh đô xưa có vẻ hợp với sử học hơn. Tạp chí *Đại học* đăng những bài của Trần Kinh Hòa (Chen Ching Ho) về Giao Chỉ, của Nguyễn Toại về Hùng vương và nhà xuất bản Đại học Huế in bản dịch *An Nam chí lược* cùng bản chữ Hán (sắp chữ lại) của Lê Tắc. (Ta không bàn đến các bản dịch khác ở đây). Động đến Hùng vương của truyền thống một cách quyết liệt theo một hướng khác lạ là các bài dạy của linh mục Nguyễn Phương đăng rải rác trên các tạp chí, kỉ yếu rồi gom lại thành sách: *Việt Nam thời khai sinh*. Theo ông, dân Việt như trong hiện tại là một lớp dân Trung quốc đến ở đất mới vốn của một dân tộc thuộc văn minh Đông Sơn mà đại biểu cuối cùng là Hai Bà Trưng. Đám thực dân này sinh sôi nảy nở có một đại biểu đầu tiên, "một người Việt Nam đầu tiên" là Lí Bí (thế kỷ VI); họ giống như trường hợp của dân các xứ Nam Bắc Mỹ châu gốc châu Âu vậy. Sinh viên không dám bài bác ông thầy vì như họ nhận định: "ông ấy dạy học như lúc đang ở tòa giảng trong nhà thờ vậy." Có điều nói như ông là đã gạt phăng ông Hùng vương ra ngoài chính-sử Việt. Nhưng ông lại tiếc rẻ níu vào sách cả một thời đại văn minh Đông Sơn không-Việt (theo ông), cho nó chiếm một số lượng trang áp đảo của thời khai sinh Việt Nam! Cho nên ta hiểu nổi tức giận của quan-chức sử Phạm Huy Thông vào năm 1976 khi thấy chính những kẻ dưới quyền được Đảng trao cho mình săn sóc tư tưởng lại nhân danh khoa học bảo một cái sọ 2000 năm trước trên đất gần Hà Nội không có dáng Việt, nghĩa là phụ trợ cho giả thuyết của ông Nguyễn Phương là dân Việt mãi đến vài thế kỷ sau mới xuất hiện ở đây.

Chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hãnh diện vì các công trình khảo cổ học trình diện được các ông Hùng vương và tổ Hùng vương có dạng hình, nên những ngày đầu tháng 5-1975 đã làm một cuộc triển lãm các thành tích khảo cứu tiền sử của mình trong cơ sở Bộ Phát triển Sắc tộc cũ trên đường Tự Do với một cán bộ nữ đại diện, có các cô sinh viên Văn khoa Sài Gòn tươi mát làm phụ tá. Sách vở, đồ bản, trống đồng, vũ khí phục chế trông cũng có vẻ bề thế lắm. Tôi hỏi bà cán bộ kẹp tóc nửa bới nửa buông: "Mấy cái thành tích về đo C14 này là đo ở đâu làm vậy?" Bà ta mau mắn trả lời: "Hà Nội ta làm tất đấy. Ta còn có nhiều cách đo thời gian tuyệt đối của vật dụng chính xác lắm cơ!" Làm dân bại trận nghe người chiến thắng huênh hoang thì chỉ có cúi đầu thán phục mà thôi. Cho mãi đến khi vào trại cải tạo cầm các quyển khảo cổ học lớp mới, lớp cũ mối ăn loang lổ, tôi mới biết các thành tích đo C14 là của Cộng hòa Dân chủ Đức và Trung quốc làm giùm! Cây kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra, nhưng chuyện để lâu cứt trâu hóa bùn, ai có nhắc không khéo lại bị chê là nói chuyện đời xưa, còn hậu quả tức thời lúc bị lừa bị kim châm đau điếng thì hãy rán lãnh lấy!

Các giáo sư đại học cũ bị cho về vườn, hay cứ lãnh lương mà làm việc khác, kể cả ông X nhiệt thành được chọn làm đại biểu Quốc hội mới, kể cả ông Y từng bảo trợ cho lớp Tiến sĩ Sử học, xưng là dân cách mạng, nay chỉ làm Ban đời sống chia cá chia thịt. Một lớp nhà giáo nhân dân đến thay thế với mục đích "tác chiến chống những quan điểm sai lầm về sử học, xuyên tạc lịch sử VN của đế quốc phong kiến, của những sử gia phản động ở miền Nam" (Trường Chinh 1963). Tôi đã được nghe một vài người đó diễn giảng có lúc sùi bọt mép, có lúc nhún nhường đầy mặc cảm, lấy kiến thức chính trị kiểu tình cảm ái quốc, đồng bào để che lấp sự yếu kém về chuyên môn của mình.

Nhiệm vụ chính trị của Sử học qua thời gian đã làm cho cơn sốt Hùng vương, từng hạ xuống ở Miền Bắc, được sự kiện thống nhất đất nước hâm nóng lại ở Miền Nam. Ông Hùng vương chỉ có vài đốt xương mục, vài mảnh da nát khó cho chuyên viên cổ-nhân-học nào phục hồi, được nói mãi ở các cuộc hội nghị với chừng ấy người nghe cũng đã nhàm, người ta đem vào Nam để làm nhiệm vụ chính trị, tìm quần chúng mới, dù là thứ quần chúng cúi đầu nghe trong phòng họp có nhang đèn và cười thầm ngoài hành lang. Tờ *Giải Phóng* đến chủ nhật lại ra một số đặc biệt cho các Phó tiến sĩ, Giáo sư (chức chưởng của Nhà nước) kể lại các thành tích cũ, nêu ra những đào bới mới về Việt Khê, Làng Vạc, Làng Cả ngay trên cái nôi Đất Tổ... Tuy nhiên ông Hùng vương cũng bị thất thế vì đề tài dựng nước bị ế hàng so với món hàng thống nhất, quét sạch xâm lăng đã có ông Quang Trung thay thế. (Ông Quang Trung bị Đảng giao cho nhiệm vụ thống nhất giải phóng Miền Nam, nên bức tượng cao lớn ở chân gò Đống Đa lại quay mặt chỉ gươm về hướng Nam, như một người lính tiên phong của Tôn Sĩ Nghị!). Chen vào đó là các đề tài chống bá quyền Trung quốc kể vạch chuyện từ thời thượng cổ, vì chiến cuộc 1979 gợi nên. Tình hình kinh tế suy sụp khiến số lương của nhà nước không đủ nuôi đám học giả, dù là để sống trong cảnh bần hàn.

Các tập *Khảo Cổ học* thưa dần, xuất bản bất thường và các tập kỉ yếu của hội nghị Ngành hàng năm cho thấy những cuộc đào bới lạo thảo, qua quýt, cả lúc in ra cũng cẩu thả hình như không cần đến người sửa bản vỗ nữa. Sự gượng dậy sau 1986 mãi đến đầu những năm 90 mới có tác động, nhưng là ở các văn phòng nhiều hơn ngoài thực địa. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* bàn chuyện đổi mới mà không qua được cơn lúng túng nói quanh, một mặt vì cái kim cô duy vật lịch sử phải đi theo biểu tượng xã hội chủ nghĩa vẫn còn đó, mặt khác vì không có người được đào tạo có khả năng trong thời gian sau 75: phía Bắc chỉ có một số huênh hoang nói dóc theo lãnh tụ, phải rẽ ngang mới tìm được thành công như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, phía Nam chỉ có dân nói hùa theo thời thế,

theo lời dạy của các thầy cô Hà Nội, không cần đọc sách khác, không cần sáng kiến riêng như lời một Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh nói với các bậc thầy tương lai: "Sách giáo khoa là pháp lệnh, các anh chị cứ cầm lấy mà dạy không cần đọc sách nào khác."

Có điều nhà nước không làm thì dân làm, sử học khoa học không phát triển thì "cái gọi là sử học" cứ nhân danh tình cảm tốt đẹp đối với tổ quốc, dân tộc mà bàn chuyện ông tổ ngày xưa. Cái mặc cảm xa rời đất tổ lại càng làm cho những người ở miền Nam - nhất là những người gốc Bắc - càng chuyên chú với vấn đề Hùng vương hơn. (Điều này cũng thấy ở những người lưu vong tuyệt vọng trước sự quyến rũ không gì cưỡng lại được của các nền văn minh nơi "tạm trú" đối với đám con cháu họ.) Ngày trước ông Ngô Đình Diệm đã bị trách móc không có được một đền Hùng ở Sài Gòn, không có một ngày kỉ niệm Hùng vương cho rầm rộ xứng đáng với bậc quốc tổ. Đến bây giờ người ta đã dùng đài kỷ niệm chiến sĩ trận vong trong Sở thú làm đền quốc tổ rồi, nên những người giữ đền ở Nghĩa Lĩnh đang phân vân không biết chỉ nên sửa lại đền Hùng hư hại hay là phá ra xây dựng to rộng hơn để xứng đáng với ông tổ có mặt tận vài ngàn cây số ở phía Nam. Ngày kỉ niệm Hùng vương 1993 có lễ ra mắt một Hội Nghiên cứu Hùng vương nơi Câu lạc bộ Lao động (cạnh vườn Tao Đàn cũ) gồm vài ông già lụm cụm, có nhiệt tình dân tộc sôi động đến làm chảy nước mắt vài diễn giả. Cũng tại Câu lạc bộ này, năm 1994, lại có diễn đàn về Hùng vương, diễn giả có một ông Tiến sĩ (tư bản) về giáo dục, một ông Tiến sĩ y khoa nổi tiếng, cả hai đều là bậc khả kính nhưng cả hai đều nói một cách đầy tự tin về một thời Hùng vương đáng làm khuôn mẫu cho cả thế giới. Báo chí loan tin với thắc mắc tại sao không có một lễ Hùng vương thật lớn mặc kệ lời một vài nhà giáo sử rụt rè bảo rằng chuyện Hùng vương còn là trong huyền sử. Cái áp lực truyền thống Hùng vương đó ở Miền Nam khiến cho ông quốc tổ phải chịu một lời trách móc:

"Chung quy chỉ tại vua Hùng,
Để ra một lũ khùng khùng điên điên..."

Lời ấy, ông thần ở Vĩnh Phú không nghe thấy vì dân chúng không phải lụy với một ông Hùng vương được dùng làm cái bung xung cho luận điệu chính trị thống nhất một chiều.

Triết lý về nhận thức có phân biệt từng cấp bực từ thấp đến cao, từ nhận thức thô sơ của giác quan đến nhận thức có biện biệt, bằng cớ, lập thành hệ thống khoa học triết học, và sau cùng có người muốn đẩy đến một thứ nhận thức về tôn giáo qua lòng tin. Những nhận thức của con người Việt Nam thường bị chìm lấp trong cảm tính, trong những thành

kiến tích tụ từ ngàn đời, thảng hoặc có vươn cao đến mức độ tôn giáo thì cũng chỉ là do thói quen và sự lôi cuốn của chung quanh. Nền tảng truyền thống vững chãi đến độ sau mươi năm, vài mươi năm được huấn luyện trong môi trường khoa học, một khi rời bỏ nó, người ta lăn ngay vào lối suy nghĩ cũ của ông cha, của những người chưa dứt khỏi những phán đoán có tự ngàn đời. Ta gặp ông cán sự hóa học Nguyễn Thành Nam trở thành ông đạo Dừa, xưng là Minh Mạng tái sinh; bao nhiêu năm con người xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc ngập chìm trong một chế độ đề cao tương lai khoa học đến mức cố chấp vẫn hiểu "chủ nghĩa xã hội khoa học" như người không chịu ảnh hưởng gì của thế giới Tây phương qua người Pháp, qua tầm mức khoa học của Liên Xô đem tới, rồi đến khi chủ nghĩa xã hội tan rã thì lại đua nhau tán tụng những môn giả khoa học của giới bình dân phương Tây hợp nhãn với những tồn đọng quá khứ của dân tộc, có tinh thần vị quốc nâng đỡ gây niềm kiêu hãnh.

Cho nên tuy thật lạ lùng mà vẫn không khó hiểu khi ta đọc những lời kêu gọi của họa sư, điêu khắc gia Lê Bá Đảng, người sống phần lớn đời ở phương Tây, thành danh ở đó, tỏ bày trong bài viết cho tờ *Cửa Việt* (6/94) của quê hương ông, nói về một thứ quốc hồn quốc túy Hùng vương loại bỏ tất cả những gì ngoại lai! Chưa kể rằng khi thứ quốc hồn quốc túy đó được sử dụng cho một mục tiêu chính trị với tất cả sự khe khắt ngang bướng của quyền lực. Ông Phạm Huy Thông, người cầm trịch một thời của nền khoa học xã hội tiến hành trên đất Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rồi Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đã nhất định "Không cho phép ai lấy danh nghĩa nghiên cứu khoa học mà phát ngôn tùy tiện" bởi vì "những công trình khoa học" của các học giả dưới quyền Đảng, nhân danh tổ quốc tạo lập ra nay "đã trở thành di sản thiêng liêng của dân tộc..." Ông không chịu "bật đèn xanh" cho các cuộc tranh luận học thuật chỉ vì có người khi bàn về Hai Bà Trưng, Hùng vương đã không lặp lại ý Đảng. "Khách quan chủ nghĩa" theo ông, là một thứ tội nặng đối với Tổ quốc (của Đảng); không thể có một tinh thần khách quan vượt lên trên chế độ chính trị hiện hành; con người phải phục vụ chế độ, cụ thể hơn, phục vụ Đảng và lãnh tụ, và cũng như ở lãnh vực văn học hiện thực, các phát hiện sử học không phải là cố công tìm lại quá khứ đã mất mà là trích đoạn quá khứ cho hợp với khuôn khổ lí thuyết để phục vụ một xã hội tương lai. Đảng đã quan niệm về truyền thống với một tinh thần gia trưởng rõ rệt.

Thật ra thì trong quá khứ, dân tộc nào cũng tìm cho mình một ông tổ để nối kết nhau. Khởi đầu có khi chỉ là một tô tem như ta thấy ở các bộ lạc ngày nay, hay như con gấu của Triều Tiên/ Đại Hàn lưu lại trong sách vở của họ bây giờ. Các dân tộc chuyển hóa ở mức độ cao hơn thì

khoác cho những sự vật ban đầu một dạng hình tốt đẹp hơn như trường hợp ông Lạc Long và bà Âu của dân Việt, như Thần nữ Thái Dương của Nhật Bản. Nhưng người Nhật không vì Thái Dương Thần nữ mà ngăn trở các sử gia của mình đưa ra giả thuyết về các dòng di dân từ Trung quốc, Triều Tiên sang, từ các hải đảo phương nam đến chẳng hạn. Vậy thì hà cớ gì ông Hùng vương được đảng Cộng sản Việt Nam sai về mặt theo một cách nào đó, lại không thể có người điểm xuyết thêm hay vẽ khác đi?

Dùng truyền thống theo một dụng ý trục lợi, người ta đã khiến cho nó mang một tính chất xấu xa không có lúc khởi đầu hay đã tô đậm một tính chất tiêu cực mờ nhạt lúc khởi đầu đó. Ở vùng đền Hùng, người ta đếm được (?) có 99 ngọn núi quay về một hướng và một ngọn xoay hướng khác. Ở Nghệ Tĩnh, trong dãy Hồng Lĩnh cũng có 99 ngọn quay về một hướng và một ngọn đơn lẻ quay về hướng khác. Chuyện cũng là thường tình theo cái nhìn của mọi người và cũng là thường của thiên nhiên bởi vì đó là những *dãy núi* chạy dài theo một hướng. Tuy nhiên với thời chuyên chế thì người ta cho đó là biểu hiện sự trung thành của 99 sinh vật đồng tâm và sự phản trắc của một sinh vật khác bị cụt đầu, bị hình phạt chặt đầu chỉ vì dám không chịu thần phục. Người ta không chịu nghĩ rằng *số đông không đồng nghĩa với lẽ phải và số ít không đồng nghĩa với điều trái, nhất là khi tranh luận ở lãnh vực chuyên môn*. Năm 1960, ở Sài Gòn, ông Trương Bửu Lâm vì một lời phát biểu liên quan đến việc sử dụng tài liệu sử, đề nghị nên cần đến cả tài liệu Trung quốc vì có thể tài liệu Việt mang tinh thần thiên vị dân tộc, thế là tờ *Tự do* dành cả một trang trong của tờ báo 4 trang cho các độc giả viện dẫn tinh thần yêu nước ra tố khổ ông Giám đốc Viện khảo cổ tơi bời hàng nhiều tháng. Đến bây giờ truyền thống về sự trung thành thần phục xưa trên đất Việt cổ được tân biên rõ ràng là để nhắn nhủ rằng trung thành với Đảng là hợp với truyền thống, đáng tưởng thưởng khen ngợi, còn trái lại thì phải bị trừng trị không xót thương, không được oán trách!

Núi ở Nghĩa Lĩnh được coi là ngựa, núi ở Hồng Lĩnh được coi là voi. Voi hay ngựa cũng là có oai phong đấy nhưng rốt lại vẫn là *súc vật*. Có ai nhận ra điều ấy không? Có đảng viên nào trong cơn mê đắm theo lí tưởng, cúi đầu thần phục, lại suy nghĩa được rằng mình cũng chỉ là súc vật được bàn tay lãnh tụ sai phái? Truyện kể không những đe dọa rõ rệt những kẻ không chịu thần phục nói hùa theo đã đành mà còn ngầm ý nghi ngờ cảnh cáo cả kẻ đã thần phục, vậy thì còn chỗ nào dành cho các sáng kiến, các ý kiến riêng tư không phục vụ những đường hướng có khi tỏ ra rất là nhất thời, xoay đổi như chong chóng của Đảng? Sự đe dọa biểu hiện bằng những hình tượng cụ thể nhất, với phát biểu cục cằn

Mảnh sáu tám
NGÔ NGUYÊN DŨNG

trong tôi vỡ
mảnh long lanh - đòng mưa lục bát
rêu xanh xuống đời
tôi ôm vai nhớ
nhớ ơi - nhăn nheo cỏ úa
cùn lời ca dao
lụn sầu ngọn bấc dầu hao
đăm chiêu mắt lửa
dàu dàu bóng run
rưng rưng con nước dâng buồn
săm soi khoé lệ chập chùng
bóng đêm - ngoài kia sao rụng kín thềm
như tình quá vãng
ủ mềm đất câm
mình tôi nghe vỡ âm thầm
mảnh thành sáu tám
mảnh thành trăng nghiêng.

nhất, chả trách người ta cứ phải đi theo 4000 năm văn hiến với con Hồng cháu Lạc được Đảng sai các tay phù thủy khoa học bôi phết, trang điểm trên cái nền cũ để gia ơn với dân chúng trong nước và gạt gẫm người bên ngoài.❐

Chú thích

(1) Có thể thấy rất nhiều ở *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà nội 1993.

(2) Xin xem chi tiết ở *Thần, Người và Đất Việt*, Tạ Chí Đại Trường, Văn Nghệ xuất bản, CA 1989.

(3) Trong lần phát biểu ở Đại học Paris VII năm 1988, chính Văn Tạo, Viện trưởng Viện Sử học đã nói: "Chúng tôi không viết sử để làm công trình sử học mà là để góp phần xây dựng chế độ mới." (Dẫn từ Hugues Tertrais của Nguyễn Thế Anh, Historical Research in VN: a Tentative History, trong *Journal of Southeast Asian Studies*, số tháng 3.1995)

(4) Ngày nay lại có tình trạng ngược: người Việt ở nước ngoài gửi tài liệu, sách vở về cho các Viện, Đại học Hà nội qua tay các sử gia, học giả nhưng những người này giấu riêng cho mình khai thác hay giữ làm của riêng dù không làm gì được. Đây chỉ là vấn đề xoay chiều gió của học giới nội địa mà thôi.

Thơ Mới Trung-hoa

Tạ-quốc-Tuấn

Thường khi nói tới thi-ca Trung-hoa người ta nghĩ ngay đến Kinh Thi, Sở-từ, Đường-thi, Tống-thi, v.v..., mà ít ai để ý tới thơ mới (tân-thi) được sáng-tác từ cuối thế-kỷ thứ 19, nhất là từ năm 1919 trở đi, và đã lưu-hành khắp Hoa-lục cũng như Đài-loan, Hương-cảng, Tân-gia-ba. Điều này cũng dễ hiểu. Các thi-phẩm của các thi-vương, thi-bá, thi-thánh, cũng như của biết bao thi-nhân khác, những người ngày nay thường được coi là thi-sĩ cổ-điển, đã làm vẻ-vang cho nền văn-học Trung-hoa từ khi lập-quốc cho tới cuối thế-kỷ thứ 19. Những thi-phẩm đó chẳng những đã ăn sâu vào lòng dân-tộc Trung-hoa mà còn được các dân-tộc khác đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa Trung-hoa, trong đó có Việt-nam, mến-chuộng.

Có điều là nếu chỉ học-hỏi, tìm hiểu các thi-phẩm đó, mà chúng tôi gọi là thơ cũ hay cổ-thi, thì chưa đủ. Thi-ca Trung-hoa không chấm dứt từ cuối thế-kỷ thứ 19. Trong một thế-kỷ qua, các thi-sĩ Trung-hoa không ngừng đóng góp vào công-cuộc phát-triển và cải-tiến gia-sản thi-ca của tổ-tiên để lại. Tuy nhiên rất ít người biết đến tân-thi, chẳng cứ là ở ngoại-quốc, kể cả Việt-nam, mà còn cả ở Trung-quốc nữa. Chúng ta cứ mở bất cứ một tập hợp-tuyển thi-ca Trung-hoa nào do người Trung-hoa hay người ngoại-quốc biên-soạn ra xem thì sẽ thấy ngay. Hầu hết chấm dứt với các thi-sĩ cuối thế-kỷ thứ 19. Đọc những tài-liệu này chúng ta có cảm-tưởng là nền thi-ca Trung-hoa chấm dứt với thế-kỷ này. Thản-hoặc mới thấy một vài tập thêm vài bài tân-thi. Chỉ từ thập-niên 1970 trở đi mới có một số hợp-tuyển cũng như những tài-liệu nghiên-cứu hay phê-bình thi-ca hiện-đại Trung-hoa. Riêng ở Việt-nam, theo chỗ chúng tôi biết, hiện nay chưa có ai biên-soạn một tài-liệu nào về thơ mới hay thơ hiện-đại của Trung-hoa cả.

I. Nguyên-nhân phát-sinh thơ mới ở Trung-quốc

Thơ mới Trung-hoa manh-nha từ cuộc Duy-tân Vận-động (1889-

1898) và được thúc-đẩy mạnh từ cuộc Ngũ-Tứ Vận-động (4.5.1919).

Trong hậu-bán thế-kỷ thứ 19 Trung-quốc đã trải qua nhiều thất-bại chính-trị và quân-sự rất đau-đớn. Nhà Măn-Thanh (1644-1912) trong những năm đầu cai-trị Trung-quốc, nhất là dưới triều hai vua Khang-hi (1662-1723) và Càn-long (1736-1796) đã đem lại sự phú-cường cho Trung-quốc, nhưng những đời vua sau vì quá ươn-hèn nên chính-tình Trung-quốc ngày một rối-loạn, uy-quyền của triều-đình ngày một suy-nhược.

Mặt khác, các cường-quốc Tây-phương và Nhật-bản, lợi-dụng sự suy-yếu của Trung-quốc đua nhau sâu-xé nước này. Năm 1842, vì bị Anh-quốc đánh bại trong trận Nha-phiến Chiến-tranh, Trung-quốc đã phải ký Hiệp-ước Nam-kinh với nước này, theo đó Trung-quốc phải mở rộng cửa ngõ cho các quốc-gia Tây-phương vào buôn-bán. Năm 1858, liên-quân Anh-Pháp tiến về Bắc-kinh và trong hai năm liền đã xâm-chiếm Thiên-tân và Bắc-kinh cùng là buộc Trung-quốc ký một hiệp-ước bất-bình-đẳng khác. Năm 1894-1895, Trung-quốc lại bị Nhật-bản đánh bại trong một trận chiến khác và phải nhượng đảo Đài-loan cho Nhật-bản cai-trị.

Sau những thất-bại nhục-nhã này người Trung-hoa mới thức-tỉnh để nhận thấy là nước họ quá yếu-kém và quá lạc-hậu, nhất là về phương-diện quân-sự và kỹ-thuật, so với các quốc-gia tiền-tiến khác, kể cả Nhật-bản, một nước từ ngàn xưa Trung-quốc vẫn coi như là nước đàn em, nếu không phải là chư-hầu. Do đó, họ thấy ngay một nhu-cầu cấp-bách là phải canh-tân quốc-gia về mọi địa-hạt.

Tuy nhiên để giải-quyết các vấn-đề trong cuộc canh-tân quốc-gia, người Trung-hoa đã có những thái-độ, những phương-pháp khác nhau. Có những người muốn thực-hiện các cuộc cải-cách quốc-gia một cách từ-từ, qua nhiều giai-đoạn, và cố giữ được truyền-thống quốc-gia càng nhiều càng tốt. Trái lại, cũng có nhiều người chủ-trương là phải gấp-rút cải-cách quốc-gia trong một thời-gian ngắn nhất và phải mạnh-dạn cắt đứt mối giây liên-hệ với quá-khứ. Tuy khác nhau như vậy, họ đều cùng ôm một hoài-bão chung là hiện-đại-hóa quốc-gia, một lòng tin chung là có nhiều điều của văn-minh Tây-phương Trung-quốc cần phải học-hỏi. Về phương-diện văn-hoá giáo-dục, nhiều nhà trí-thức chủ-trương tân-học, mở Quảng-phương-ngôn quán để dạy tiếng các nước, lập Đồng-văn quán dạy văn-tự và học-thuật các nước, mời những người Âu-Mỹ và Trung-hoa phiên-dịch các sách Tây-học, phái học-sinh du-học Âu-Mỹ. Ngoài ra, họ chủ-trương bỏ lối văn bát-cổ trong các khoá thi mà lấy sách luận về thời-vụ vào thay, khuyến-khích kẻ viết sách mới, ra báo để khai thông dân-trí. Tuy nhiên vì sự hiềm-khích giữa vua Quang-tự (1875-1908) và Từ-hi Thái-hậu quá lớn nên công-cuộc vận-động duy-tân đã bị thất-

bại về phương-diện chính-trị mà chỉ thành-công đôi chút ở mặt văn-hóa.

Sau khi nhà Mãn-Thanh đã bị lật đổ trong cuộc Cách-mạng Tân-hợi ngày 10.10.1911, tuy nền dân-quốc (cộng-hòa) được thành-lập nhưng vì thế nước quá suy-yếu, Trung-quốc vẫn bị các cường-quốc khinh-miệt. Mặc dù Trung-quốc đã đóng góp nhiều trong trận Thế-chiến thứ I (1914-1918) nhưng vẫn bị các nước đồng-minh hy-sinh trong một trật-tự quốc-tế hậu-chiến mới. Do đó ngày 4.5.1919 sinh-viên trong toàn-quốc đã nổi dậy để biểu-lộ sự bất-bình của nhân-dân Trung-hoa trước sự bất-lực và tham- nhũng của chính-quyền trung-ương cũng như cách đối-đãi bất-công và bất-bình-đẳng của ngoại-bang. Cuộc nổi dạy này được gọi là cuộc Ngũ-Tứ Vận-động.

Tuy mối quan-tâm chính của những người khởi-xướng cuộc Ngũ-Tứ Vận-động là các vấn-đề cấp-bách về chính-trị, kinh-tế, xã-hội, v.v..., nhưng những ai nghiên-cứu nó đều phải đồng-ý là nó chính là một phong-trào cách-mạng văn-hóa. Thực vậy, tuy cuộc Ngũ-Tứ Vận-động không đem lại những cải-thiện chính-trị, kinh-tế, xã-hội ngay tức-khắc, nó đã gia-tăng những hoạt-động cải-cách trong địa-hạt văn-học của Trung-quốc. Nền văn-học hiện-đại nói chung và thi-ca hiện-đại nói riêng của Trung-quốc đã phát-sinh trong giai-đoạn này.

Trong các nỗ-lực cải-thiện và hiện-đại-hóa quốc-gia giới trí-thức trẻ Trung-hoa đã nhận thấy rằng ngôn-ngữ và văn-chương là hai phương-tiện khẩn-yếu trong công-cuộc khơi-động quần-chúng quan-tâm đến các vấn-đề xã-hội, chính-trị, kinh-tế. Vì thế họ chủ-trương phải thay-đổi quyết-liệt về hai mặt này. Ngay từ cuối thế-kỷ thứ 19 đã có những hoạt-động nhộn-nhịp về phương-diện văn-học, đặc-biệt là việc phiên-dịch sang Hoa-ngữ các tác-phẩm Âu-Mỹ về triết-học, chính-trị, khoa-học, văn-chương. Hoạt-động này có một tầm ảnh-hưởng quan-trọng và rất lớn đối với nền văn-học Trung-quốc trong những thập-niên sau. Hai người có công nhiều nhất trong việc dịch-thuật trong giai-đoạn này là Nghiêm-Phục (1853-1920) và Lâm-Thư (1882-1924).

Nghiêm-Phục đã dịch các tác-phẩm triết-học và khoa-học xã-hội Âu-Mỹ như: *Evolution and Ethics* của Thomas Huxley, *Principles of Sociology* của Herbert Spencer, *On Liberty* của John Stuart Mill, *Elementary Lessons in Logic* của William Stanley Jevons, *L'Esprit des Lois* của Montesquieu. Trái với Nghiêm-Phục vốn từng du-học bên Anh nên rất thông-thạo Anh-ngữ, Lâm-Thư lại không biết một ngoại-ngữ nào. Tuy nhiên, với sự giúp-đỡ của một số thông-ngôn, ông đã dịch được 170 tác-phẩm tiểu-thuyết của nhiều tiểu-thuyết-gia Âu-Mỹ như: Charles Dickens, Sir Walter Scott, Alexandre Dumas, Leo Tolstoi. Các dịch-phẩm của hai ông đã ảnh-hưởng rất nhiều giới trí-thức Trung-hoa.

Về phương-diện thi-ca, các thi-sĩ đã tìm cách phản-ảnh mối quan-tâm của họ đối với đất nước qua việc chọn đề-tài cho các sáng-tác của họ và đồng-thời cũng thay-đổi cách viết nữa.

Bị thúc-đẩy bởi một ý-thức lịch-sử tối-cao và một quan-niệm sâu-sắc về sứ-mệnh của họ đối với quốc-gia dân-tộc, hầu hết các thi-sĩ đã nhận-thức được rằng bổn-phận chính của họ là phải diễn-tả trung-thành thực-tế xã-hội đương-thời. Vì vậy họ muốn tiến-hành gấp-rút việc phá-hủy trật-tự xã-hội cũ để từ đống tro tàn đó có thể kiến-tạo một Trung-quốc mới.

Trong công việc này, các thi-sĩ đã nhận thấy thơ cũ quá gò-bó, về niêm-luật cũng như về thi-pháp, thi-tứ, thi-ngôn, khiến cho họ không thể diễn-tả cảm-xúc và ý-nghĩ của mình một cách dễ-dàng được. Sự gò-bó này càng trở nên quá cứng-nhắc vào lúc Trung-quốc bước sang giai-đoạn cải-cách và hiện-đại-hóa. Vì vậy họ đã sáng-tác các thi-phẩm của họ với hình-thức mới.

II. Các đặc-điểm của thơ mới

Chúng ta có thể nói được rằng thế-kỷ thứ 20 là thế-kỷ của thơ mới ở Trung-quốc. Nói như vậy không có nghĩa là thi-ca của Trung-hoa trong thế-kỷ này hoàn-toàn là thơ mới, bởi vì vẫn còn có người làm thơ theo thể và hình-thức cũ, nhưng con số thi-sĩ thuộc loại này rất ít, không đáng kể. Đại-đa-số đã làm thơ mới.

Thơ mới khác với thơ cũ như thế nào?

1. Văn-thể

Cái mới ở đây là mới về văn-thể. Thơ cũ phải theo các qui-luật rõ-ràng về vần, điệu, số chữ, số câu, cách bố-cục của bài thơ. Trái lại, thơ mới không áp-dụng các qui-luật này (vì thế thơ mới Trung-hoa còn được gọi là thơ tự-do), tuy vào thời-kỳ phôi-thai của thơ mới một số thi-sĩ, chẳng hạn Hoàng Tuân-hiến (1848-1905) hay Lưu Đại-bạch (1879-1931), vẫn còn dùng văn-thể cũ. Bài sơn-ca sau đây của Hoàng Tuân-hiến là một thí-dụ vì nó còn mang ảnh-hưởng của thể thơ Đường thất-ngôn tứ-tuyệt với những qui-luật của thể thơ này.

Tự chử liên canh thiết ngẫu ti,
Đãi lang qui lai úy lang ki (cơ).
Vị tham biệt xứ song song trú,
Chỉ phạ tâm trung vong khước thi.
(Em nấu canh ngó sen cắt nhỏ,
Chờ chàng về ăn cho khỏi đói.
Ví chàng tham dũa người nơi khác,
Chàng sao quên được khóa trong tim.)

Nhiều khi thơ mới Trung-hoa còn mang ảnh-hưởng của văn-thể thơ của Tây-phương, như bài thơ sau của Từ Chí-ma (1897-1931):

Ngẫu-nhiên

Ngã thị thiên-không lý đích nhất phiến vân,
Ngẫu nhĩ đầu ảnh tại nễ đích ba-tâm.
Nễ bất-tất nhạ dị,
Cánh vô tu hoan-hỉ.
Tại chuyển thuấn gian tiêu-diệt liễu tung-ảnh.

Nễ ngã tương-phùng tại hắc dạ đích hải thượng,
Nễ hữu nễ đích, ngã hữu ngã đích, phương-hướng.
Nễ ký đắc đã hảo,
Tối hảo nễ vong điệu
Tại giá giao-hội thời hỗ phóng đích quang-lượng!

(Tình-cờ Anh là một đám mây trên không,
Ngẫu-nhiên ném bóng giữa lòng sóng em.
Em bất-tất ngờ-lạ kinh-dị,
Càng không nên hoan-hỉ.
Trong nháy mắt đấu vết bóng sẽ tan biến.
Chúng mình gặp nhau trên biển cả trong đêm đen tối,
Em có phương-hướng của em, anh có của anh.
Em nhớ được cũng hay,
Tốt nhất hãy quên đi
Cái ánh sáng do cuộc gặp-gỡ này mang lại.)

Bài thơ này phỏng theo thể *limerick*, một thể thơ rất bình-dân của người Anh. Gọi là *limerick* (người Trung-hoa gọi là "ngũ hàng đả du thi") vì nó lấy từ một điệp-khúc của một bài dân-ca cổ trong đó tên thành-phố Limerick ở Ái-nhĩ-lan được nói tới. *Limerick* là thể thơ 5 câu với hai đặc-điểm sau: (a) chữ cuối của các câu 1, 2 và 5 vần với nhau, còn chữ cuối của câu 3 lại vần với chữ cuối của câu 4; (b) hai câu 3 và 4 ngắn hơn ba câu kia. Thí-dụ:

There was a young man from Trevizes
Whose ears were of different sizes,
The left one was small,
And of no use at all;
With the right one he won several prizes.

(Có một chàng thanh-niên ở Trevizes
Có đôi tai to nhỏ không đều nhau,
Tai trái thì ngắn
Hoàn-toàn vô-dụng;

Với tai phải chàng đoạt nhiều giải thưởng.)

Trong bài này, chữ cuối câu 1 (Trevizes), câu 2 (sizes) và câu 5 (prizes) vần với nhau, vần izes, và chữ cuối câu 3 (small) và câu 4 (all) vần với nhau, vần all. Ngoài ra, trong khi các câu 1, 2 và 5 dài 8 vần (câu 1, 2) hay 9 vần (câu 5) thì câu 3 và 4 chỉ có 5 vần (câu 3) hay 6 vần (câu 4).

Tuy bài thơ "Ngẫu-Nhiên" của Từ Chí-ma thuộc thể *limerick* nhưng cũng có vài điểm hơi khác. Thứ nhất, chữ cuối câu 1 (vân) và câu 2 (tâm) đoạn 1 cùng chung một vần (bằng) và một âm (vân, tâm) nhưng chữ cuối câu 5 (ảnh) đoạn 1 lại thuộc vần khác (trắc) và âm khác (ảnh). Thứ hai, chữ cuối câu 3 (dị) và câu 4 (hi) đoạn 1 cùng vần (trắc) và cùng âm (dị, hi). Thứ ba, chữ cuối các câu 1 (thượng), câu 2 (hưởng) và câu 5 (lượng) đoạn 2 cùng vần (trắc) cùng âm (thượng, hưởng, lượng) với nhau. Thứ tư, chữ cuối câu 3 (hảo) và câu 4 (điệu) đoạn 2 tuy cùng vần (trắc) nhưng khác âm (hảo, điệu). Ngoài ra, về cách bố-cục, bài thơ "Ngẫu-nhiên" giữ đúng được qui-luật của thể thơ *limerick*: câu 3 và 4 của hai đoạn 1 và 2 ngắn hơn (5 chữ) câu 1, 2 và 5 của đoạn 1 (9 chữ) hay của đoạn 2 (10 chữ).

2. Ngôn-ngữ thi-ca

Đặc-điểm thứ hai của thơ mới là bạch-thoại đã được dùng để thay-thế văn-ngôn. Trong số sau, chúng tôi có một bài riêng trình-bày về đặc-điểm quan-trọng này, nhan-đề là "Bạch-thoại trong thi-ca hiện-đại Trung-hoa." Thực vậy, nền thi-ca hiện-đại Trung-hoa (dù ở Hoa-lục, Đài-loan, Hương-cảng hay Tân-gia-ba) có thể nói là thi-ca bạch-thoại. Từ Hồ-Thích trở đi, chỉ còn rất ít thi-sĩ làm thơ bằng văn-ngôn.

3. Niêm-luật

Một bài cổ-thi bao giờ cũng được làm theo một mẫu nhất-định về thể (cổ-phong, Đường-luật), về số chữ trong một câu (4 chữ, 5 chữ, 7 chữ), về số câu trong bài thơ (tứ-tuyệt hay tuyệt-cú, bát-cú), cũng như về vần, đối, thanh, niêm, cách bố-cục, v.v... Trái lại, một bài tân-thi không theo một mẫu nào, không bị gò-bó về niêm-luật, không bị giới-hạn bởi số chữ trong một câu, số câu trong bài thơ. Thi-sĩ được hoàn-toàn diễn-tả cảm-xúc hay ý-nghĩ của mình. Xin kể hai thí-dụ để chứng-tỏ sự khác-biệt giữa cổ-thi và tân-thi.

Bài thơ dưới đây của Thôi-Hiệu (? - 754) rất quen-thuộc với người Việt-nam và theo chỗ chúng tôi biết đã có 9 người dịch sang thơ tiếng Việt(1), mỗi người một bài, riêng 1 người dịch 8 bài(2).

Hoàng-hạc Lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng-hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng-hạc Lâu.
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản,

Bạch-vân thiên tải không du-du.
Tình-xuyên lịch-lịch Hán-dương thụ,
Phương-thảo thê-thê Anh-vũ châu.
Nhật-mộ hương quan hà xứ thị,
Yên-ba giang thượng sử nhân-sầu.

Lầu Hoàng-hạc
Xưa hạc vàng bay vút bóng người,
Đây Lầu Hoàng-hạc chút thơm rơi.
Vàng tung cánh hạc đi đi mãi,
Trắng một màu mây vạn vạn đời.
Cây bến Hán-dương còn nắng chiếu,
Cỏ bờ Anh-vũ chẳng ai chơi.
Gần xa chiều xuống nào quê-quán,
Dừng giục cơn sầu nữa sóng ơi.

Vũ-hoàng-Chương dịch.

Đây là một bài thơ Đường-luật, thể thất-ngôn bát-cú. Toàn bài thơ có 56 chữ, chia ra làm 8 câu, mỗi câu 7 chữ. Mỗi câu, mỗi chữ đều tuân theo các qui-luật về vần, đối, thanh, niêm, và toàn bài theo cách bố-cục căn-bản của một bài thơ cận-thể.

Trái lại, Giang-Hà (s. 1949) đã sáng-tác một bài thơ điển-hình cho loại thơ mới của Trung-hoa. Bài đó như sau:

Một hữu tử hoàn đích thi
Ngã tử liễu.
Tử-dạn tại thân thượng lưu hạ đạn-khanh, tượng không-không đích nhãn-oa.
Ngã tử liễu.
Bất thị vi liễu lưu hạ nhất phiến khốc-thanh, nhất phiến cảm-động,
Bất thị vi liễu hoa đóa tại phần-mộ thượng cô-độc địa khai-phóng.
Dân-tộc đích cảm-tình dĩ-kinh túc-cú phong-phú.
Thảo-nguyên mỗi thiên lạc mãn lộ-thủy.
Hà lưu mỗi thiên lưu hướng hải-dương,
Tượng cửu-viễn đích triều thấp đích cảm-tình.
Nan-đạo bị cảm-động đích thú số hoàn thiếu ma?
Ngã bị đính tử tại giám-ngục đích tường thượng.
Y-khâm hoãn-hoãn phiêu-động,
Tượng nhất diện chính tại thưng khởi đích kỳ-sí.
(Một bài thơ viết dở
Tôi đã chết.
Đạn kẹt trong các lỗ trên thân như hố mắt.
Tôi đã chết.
Không để lại cho đời một tiếng khóc, một chút cảm-động.

Cảm-tình của dân-tộc quá đầy-đủ, phong-phú.
Cánh đồng có ngày một đầy sũng sương sa.
Sông mỗi ngày chảy về đại-dương
Như cảm-tình vĩnh-cửu của nước triều ẩm-ướt.
Liệu có nói được chúng mình thiếu cảm-tình chăng?
Tôi bị đóng đinh trên tường giám-ngục.
Vạt áo phiêu-động nhè-nhẹ
Tựa lá cờ lúc sắp giương cao.)

Bài thơ của Giang-Hà gồm 13 câu, tổng-cộng 123 chữ, chia làm hai đoạn: đoạn đầu 10 câu 97 chữ và đoạn hai 3 câu 26 chữ. Số chữ trong một câu không nhất-định: 3 chữ (2 câu), 6 chữ (1 câu), 8 chữ (2 câu), 9 chữ (1 câu), 10 chữ (2 câu), 11 chữ (2 câu), 14 chữ (1 câu) hay 15 chữ (2 câu). Ngoài ra, bài thơ này không theo niêm-luật gì về thi-pháp cả.

4. *Cách trình-bày ý trong câu thơ*

Trừ một vài trường-hợp hãn-hữu, mỗi câu trong một bài thơ cũ mang trọn một ý. Chúng ta có thể chấm dứt từng câu một mà câu không bị thiếu nghĩa. Không có việc một ý kéo dài từ câu này sang câu kia. Chúng ta hãy lấy một bài thơ của Phạm Trọng-yêm (989-1052) làm thí-dụ.

Giang thượng ngư-giả
Giang thượng vãng lai nhân,
Dán ái lư-ngư mỹ.
Quân khán nhất diệp chu,
Xuất một phong-ba lý.
Người đánh cá trên sông
Trên sông khách qua lại,
Chỉ thích cá lư ngon.
Bạn xem thuyền một lá,
Sóng gió nhấp-nhô dòng.
Trần-trọng-San dịch

Trong bài ngũ-ngôn tứ-tuyệt này mỗi câu diễn-tả hết một ý. Do đó cứ sau 5 chữ của một câu chúng ta có thể chấm câu mà không làm cho câu bị thiếu ý.

Trái lại, chúng ta thấy trong rất nhiều bài thơ mới một ý được kéo dài từ câu này sang câu kia mới hết. Chúng tôi xin đơn-cử một bài thơ của La-Thanh (s. 1948) để chứng-minh.

Nhật xuất
Ngã khán đáo nhất luân thái-dương
Tùng vạn sơn chi trung,
Tùng tùng-lâm chi trung,
Tùng ngõa-thất chi trung,

Tùng phòng gian chi trung,
Nga bất! tùng ngã đích
Dầu-lô chi trung,
Mạo liễu Xuất lai.
Cu-nhiên thị
Phương hình đích
Thượng diện khắc trước
Lưỡng cá đị đống đích hào-tự:
LA-THANH(3).
(Mặt trời mọc
Tôi trông thấy một vầng thái-dương
Từ trong muôn vàn ngọn núi,
Từ trong rừng tùng,
Từ trong nhà ngói,
Từ trong căn phòng,
Ồ không! từ
Trong sọ tôi
Mạo-hiểm
Chui ra.
Thực ra
Nó chỉ là con dấu của tôi,
Trên mặt khắc
Hai chữ dễ hiểu hình vuông:
LA-THANH)

Toàn bài của La-Thanh gồm 14 câu, tổng-cộng 59 chữ. Mỗi câu gồm 2 chữ (3 câu), 3 chữ (2 câu), 4 chữ (2 câu), 5 chữ (5 câu) hay 7 chữ (2 câu). Tuy nhiên toàn bài chỉ mang có hai ý: ý thứ nhất diễn-tả bằng 40 chữ trong 9 câu đầu và ý thứ nhì diễn-tả bằng 19 chữ trong 5 câu kế-tiếp. Chúng ta không thể tách riêng từng câu một như trong thơ cũ, bởi vì không một câu nào mang trọn một ý cả. Ý thứ nhất được diễn-tả trong các câu 1, 8 và 9, nên ít nhất phải ghép ba câu này lại với nhau mới đủ ý, còn các câu khác (câu 2 đến câu 7) chỉ là để bố-túc cho ba câu 1, 8, và 9 này thôi. Mặt khác, ý thứ hai được diễn-tả trong câu 10, 13 và 14, còn câu 11 và 12 dùng để bổ-túc cho ba câu này.

Hơn nữa, khi hết một ý, có tác-giả chấm câu rồi xuống giòng sang câu khác, như bài của La-Thanh cho thấy. Cũng có tác-giả không chấm câu hay xuống giòng; trái lại, ý sau được dùng trong cùng một câu với ý trước, chỉ có khác ở điểm là giữa chữ cuối của ý trước và chữ đầu của ý sau có một khoảng cách nhỏ. Khi đọc chúng ta phải chú-ý kỹ mới không bị lầm. Bài sau đây của nữ thi-sĩ Tịch Mạc-dung (s. 1947, gốc người Mông-

cổ) là một thí-dụ điển-hình:

Nhất khóa khai hoa đích thụ
Nhu hà nhượng nễ ngộ-kiến ngã
Tại ngã tối mỹ-lệ đích thời khắc. Vị giá,
Ngã đĩ tại Phật tiền cầu liễu ngũ bách niên,
Cầu tha nhượng ngã-môn kết nhất đoạn trần-duyên.
Phật u thị bả ngã hóa tác nhất khóa thụ
Trưởng tại nễ tất kinh đích lộ-bàng.
Tại dương-quang hạ thận-trọng địa khai mãn liễu hoa,
Dóa dóa đô thị ngã tiền-thế đích phán-vọng.

Dương nễ tẩu cận, thỉnh nễ tế thính
Chiến đẩu đích diệp thị ngã đẳng-đãi đích nhiệt-tình.
Nhi dương nễ chung u vô thị địa tẩu quá
Tại nễ thân hậu lạc liễu nhất địa đích.
Bằng-hữu a, na bất thị hoa-biện,
Thị ngã điêu-linh đích tâm.

(Một cây nở hoa
Làm sao để anh gặp em
Vào lúc em đang xinh đẹp nhất. Vì điều này
Em đã ở trước mặt Phật cầu hơn năm trăm năm
Xin ngài cho chúng mình kết được mối duyên-trần.

Do vậy Phật đã biến em thành một thân cây
Lớn lên bên đường anh phải đi qua.
Dưới ánh mặt trời em đã thận-trọng nở đầy hoa,
Mỗi dóa là mắt em liếc nhìn từ kiếp trước.

Lúc anh đến gần xin anh hãy lắng nghe
Những chiếc lá run động chính là em nhiệt-tình chờ anh.
Nhưng anh đi ngang qua mà không để ý thấy
Vật rơi xuống đất sau lưng anh.
Hỡi anh bạn, đó không phải là những cánh hoa,
Mà chính là lòng em đang điêu-linh.)

5. Tính-cách tự-sự

Đứng về một phương-diện khác, các bài thơ mới phần lớn mang tính-cách tự-sự. Nói như vậy không phải là thơ cũ không mang tính-cách tự-sự, nhưng đại-đa-số các bài thơ cũ mang tính-cách miêu-tả nhiều

hơn là tự-sự. Thí-dụ bài thơ sau của Tô-Thức tức Tô Đông-pha (1037-1101)

Niệm nô kiều
Đại giang đông khứ,
Lãng-đào tận thiên cổ phong-lưu nhân-vật.
Cố lũy tây biên,
Nhân đạo thị Tam-quốc Châu-lang Xích-bích,
Loạn thạch băng vân, Kinh đào liệt ngạn,
Quyển khởi thiên đôi tuyết
Giang-sơn như họa
Nhất thời đa-thiểu hào-kiệt.
Dao tưởng Công-cẩn đương niên,
Tiểu Kiều sơ giá liễu,
Hùng tư anh phát,
Vũ-phiến luân cân.
Đàm tiếu gian,
Cường lỗ hôi phi yên diệt,
Cố-quốc thần-du,
Đa-tình ưng tiếu ngã tảo sinh hoa phát.
Nhân-sinh như mộng,
Nhất tôn hoàn lỗi giang nguyệt.

Niệm nô kiều
Sông dài băng chảy,
Sóng cuốn hết thiên-cổ phong-lưu nhân-vật.
Lũy cũ phía tây,
Người bảo là Xích-bích thời Châu-du Tam-quốc.
Đá loạn sụt mây,
Sóng gầm vỗ bến,
Cuốn lôi ngàn đống tuyết.
Núi sông như vẽ,
Một thời ít nhiều hào-kiệt.
Nhớ Công-cẩn thời đó, Tiểu Kiều khi mới cưới,
Anh-hùng tư-cách,
Quạt lông khăn là,
Lúc nói cười
Giặc mạnh tro bay khói hết.
Cố quốc hồn về.
Đa-tình chắc cười ta tóc đà sớm bạc.
Đời người như mộng,
Chén này để tạ trăng nước.

Nguyễn-hiến-Lê dịch

Rất ít bài giữ nguyên được tính-cách thuần tự-sự như bài Tiết-Phụ Ngâm của Trương-Tịch (765-830).

Tiết-phụ Ngâm

Quân tri thiếp hữu phu,
Tặng thiếp song minh chu.
Cảm quân triền-miên ý,
Hệ tại hồng la-nhu.
Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,
Lương-nhân chấp kích Minh-quang lý.
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,
Sự phu thệ nghĩ đồng sinh-tử.
Hoàn quân minh-chu song lệ thùy,
Hận bất tương-phùng vị-giá thì.

Tiết-phụ Ngâm

Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn-vương những mối cảm-tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kề bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh-quang.
Như gương, vâng biết lòng chàng,
Thờ chồng quyết chẳng phụ-phàng thề xưa.
Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp-gỡ khi chưa có chồng.

Ngô-tất-Tố dịch

Tuy thơ tự-sự cũ có âm-điệu du-dương, thánh-thót, nhưng nó vẫn pha lẫn giọng bi-hùng (như bài Niệm Nô Kiều) hoặc nỉ-non, ai-oán (như Tiết-Phụ Ngâm), khiến cho người ta thấy vẫn có cái gì máy-móc, giả-tạo hay là phi-nhân-tính ở bên trong. Đó là lời tự-sự của một siêu-nhân chỉ có trong mộng-tưởng hay lý-trí chứ không phải của một thường-nhân chúng ta có thể thấy trong cuộc sống hàng ngày.

Trái lại, trong thơ mới, các thi-nhân đã kể chuyện của họ bằng những hình-ảnh, những cảm-nghĩ, những rung-động thực là người. Cái hay nữa của họ là đã khéo dùng phương-pháp giả tản-mạn cốt để làm toại-ý thói quen tinh-thần của các độc-giả, nhiều khi bằng cả cách phủ-định cú-pháp, khiến cho người nghe hay đọc không thấy nhàm-chán.

Bắc-Đảo (s. 1949) đã cho chúng ta một thí-dụ cụ-thể về thơ tự-sự mới.

Nhất-thiết

Nhất-thiết đô thị mệnh-vận
Nhất-thiết đô thị yên vân
Nhất-thiết đô thị một hữu kết-cục đích khai-thủy
Nhất-thiết đô thị sảo-túng tức thệ đích truy-tầm
Nhất-thiết hoan-lạc đô một hữu vi tiếu
Nhất-thiết khổ-nạn đô một hữu lệ ngân
Nhất-thiết ngữ-ngôn đô thị trùng-phục
Nhất-thiết giao-vãng đô thị sơ phùng
Nhất-thiết ái-tình đô tại tâm lý
Nhất-thiết vãng-sự đô tại mệnh trung
Nhất-thiết hy-vọng đô đái trước chú-thích
Nhất-thiết tín-ngưỡng đô đái trước thân ngâm
Nhất-thiết bộc-phát đô hữu phiến khắc đích ninh-tịnh
Nhất-thiết tử-vong đô hữu những trường đích hồi-thanh.

Hết thảy
Hết thảy đều là mệnh-vận
Hết thảy đều là mây khói
Hết thảy đều là khởi-thủy không chung-cục
Hết thảy đều là cuộc truy-tầm sảy non
Hết thảy mọi hoan-lạc đều thiếu nụ cười mỉm
Hết thảy mọi đau-khổ đều thiếu ngấn lệ
Hết thảy mọi ngôn-ngữ đều là nhắc đi nhắc lại
Hết thảy mọi giao-tiếp đều là gặp-gỡ lần đầu
Hết thảy mọi tình yêu đều ở trong tim
Hết thảy mọi việc đã qua đều ở trong giấc mộng
Hết thảy mọi hy-vọng đều mang theo chú-thích
Hết thảy mọi tín-ngưỡng đều mang theo lời rên-siết
Hết thảy mọi bùng-nổ đều có giây khắc yên-tịnh
Hết thảy mọi chết-chóc đều có âm-vang dài lê-thê.

Mười bốn từ "nhất-thiết" ở đây thoạt đầu đều có vẻ tự-sự hay kể-lể. Tuy nhiên, tất cả mang những hình-ảnh cái nọ chồng-chất lên cái kia cho đến hình-ảnh cuối-cùng, tử-vong (chết-chóc), làm tròn một vòng vận-mệnh con người như Bắc-Đẩu đã tuyên-bố ngay từ câu đầu. Trong lúc khơi-động thói quen tinh-thần của độc-giả hay thính-giả, Bắc-Đẩu đã từ-từ và lần-lượt hướng-dẫn họ qua các giòng tư-tưởng về số-phận con người trên cõi đời. Thi-sĩ bắt đầu bằng luận-đề mọi sự ở đời người chỉ là vận-mệnh (câu 1), nó thoảng qua như mây khói (câu 2). Khi thấy độc-giả hay thính-giả bắt đầu cảm được ý-nghĩa triết-lý của cuộc đời rồi, Bắc-Đẩu mới lần-lượt kể các sự-kiện con người thế nào cũng phải trải qua, không nhiều thì ít, và giải-thích ý-nghĩa của từng sự việc xảy ra cho con người,

mà kết-quả lại chứng-minh cho hai câu luận-đề. Người đọc hay người nghe không thấy bài thơ tự-sự này buồn-tẻ; trái lại, họ bị lôi-cuốn vào giòng suy-luận của Bắc-Đảo lúc nào không hay.

Mặt khác, chúng ta thấy bài thơ của Bắc-Đảo có tính-cách giả tản-mạn. Mỗi giòng thơ lôi cuốn người đọc hay người nghe đi từ sự-kiện này sang sự-kiện kia của cuộc sống con người mà kết-thúc là sự bộc-phát của một sự-kiện mà con người sợ nhất, đó là cái chết. Hơn nữa, ngay cả cái chết cũng chưa phải là hết chuyện, vì nó sẽ còn âm-vang kéo dài lê-thê mãi mãi về sau.

6. Sự tham-dự vào thơ của độc/thính-giả

Cái khéo của Bắc-Đảo là tuy thi-sĩ chấm-dứt bài thơ bằng cái chết của con người, ông không muốn ngừng ở đây mà còn ngụ-ý muốn các độc-giả hay thính-giả tự tiếp nối bài thơ với những sự-kiện khác nữa. Lúc đó bài thơ sẽ trở nên bất-tận.

Bài thơ Nhất-Thiết của Bắc-Đảo tiêu-biểu cho một đặc-điểm khác về hình-thức của thơ mới Trung-hoa. Các tác-giả của những bài thơ mới muốn độc-giả hay thính-giả không đọc hay nghe bài thơ một cách thụ-động, mà phải tham-dự vào việc tạo nên đoạn kết của bài thơ. Đặc-điểm này khiến cho tân-thi Trung-hoa khác với cổ-thi.

Trong cổ-thi, thi-sĩ và đối-tượng hoà-nhập với nhau thành một thực-thể viên-mãn. Độc-giả hay thính-giả không có một vị-thế nào trong thơ cả. Nói cách khác, họ chỉ thụ-động đọc hay nghe thơ, không cần phải làm gì. Chúng ta hãy đọc bài thơ sau của Lục-Du (1125-1210) sẽ thấy rõ.

Dạ qui ngẫu hoài cố-nhân
Mãi túy thôn trường bán dạ qui,
Tây sơn lạc-nguyệt chiếu sài-phi.
Lưu-Côn tử hậu vô kỳ sĩ,
Độc thính hoang-kê lệ mãn y.

Ban đêm trở về tình-cờ nhớ lại cố-nhân
Xóm tối, mua say trở lại đây;
Cổng soi trăng lặn chốn non tây.
Lưu-Côn đã thác không kỳ sĩ,
Nghe tiếng gà đêm, áo lệ đầy.

Trần-trọng-San dịch

Trong bài thơ này Lục-Du đã hoà mình vào trong khung-cảnh xóm tối, chung quanh không bóng người, chỉ còn lại cảnh-vật thiên-nhiên và tiếng gà gáy. Cánh cửa đã đóng chặt lại, người ngoài không có chỗ chen chân và thi-sĩ cũng muốn như vậy. Nói cách khác, trong cổ-thi, bài thơ khép chặt cánh cửa lại sau khi thi-sĩ và đối-tượng đã hoà-nhập với nhau, không để cho người ngoài chen vào.

Ngược lại, nữ thi-sĩ Thư-Đình (s. 1952) lại mở rộng cánh cửa, mời người nghe hay người đọc tiếp tay nối thêm vần thơ.

Lộ ngộ

Phượng-hoàng thụ đột-nhiên khuynh tà,
Tự-hành xa đích linh-thanh huyền-phù tại không-gian.
Địa-cầu phi tốc địa đảo chuyển,
Hồi đáo thập niên tiền đích na nhất dạ.

Phượng-hoàng thụ trùng hựu khinh dao duệ,
Linh-thanh bả toái-toái đích hoa-hương phao tại quí động đích trường nhai.
Hắc-ám đi hợp lai hựu sám khai khứ,
Ký-ức thiên-quang hoà nễ đích mục-quang trùng-điệp.

Dã hứa nhất-thiết đô bất tăng phát-sinh,
Bất quá thị cựu-lộ dẫn-khởi ngã đích thức-giác.
Tức sử nhất-thiết đô dĩ phát-sinh quá,
Ngã dã tập-quán liễu bất tái lưu lệ.

(Gặp-gỡ trên đường
Cây phượng-hoàng đột-nhiên siêu-vẹo,
Chuông xe đạp kêu lơ-lửng trên không.
Địa-cầu chuyển ngược nhanh vòng đảo,
Trở lại đêm xưa cách mười năm.

Cây phượng-hoàng nhè-nhẹ lay-động,
Tiếng chuông xe rắc hương-hoa khắp đường dài.
Màn đêm đen tối tụ rồi rí-rỉ đi,
Ánh sáng ký-ức hoà-nhập ánh mắt anh.

Có lẽ việc đây chẳng phát-sinh,
Chẳng qua đường cũ gây ảo-giác.
Dù nó có thực đã phát-sinh,
Thì em cũng quen không trào lệ.)

Câu chuyện ngẫu-nhiên gặp người yêu trên đường đến đây chưa chấm-dứt. Cảnh hiện-tại làm thi-sĩ tưởng-nhớ lại cảnh mười năm trước, không biết có thực nó đã xảy ra hay chỉ là ảo-giác do hình cây phượng-hoàng tạo nên. Tác-giả không có lời giải-đáp và muốn độc-giả hay thính-giả tiếp tay tạo nên hình-ảnh, cảm-xúc hay tâm-tư.

Chính sự mở rộng bài thơ để mọi người có thể tham-dự khiến cho

bài thơ trở nên sống-động. Đó mới chính là tính-chất thực-sự của thơ, vì nó hợp với đòi-hỏi của thực-tế, trái với lối diễn-tả chỉ có một khoảnh không-gian, một khắc thời-gian và một tâm-trạng đơn-nhất của cổ-thi, mặc dù cổ-thi mang một vẻ đẹp nhưng đó lại là vẻ đẹp tĩnh.

7. Thơ mới năng-động

Thơ mới Trung-hoa không bị đóng khung trong một khuôn-mẫu diễn-tả cảm-xúc hay cảm-quan như trong thơ cũ. Ngay giới-hạn không-gian hoặc thời-gian cũng không có. Vì thế thi-sĩ có thể thả lỏng một điểm thời-gian hay khoảnh-khắc của một sự việc, một biến-cố, ra khỏi cái khung to lớn hơn của bối-cảnh của nó có trước hay sau sự việc hay biến-cố đó để có thể làm nổi bật sự việc hay biến-cố. Nói cách khác, thơ mới tự-do hơn, linh-động hơn, linh-hoạt hơn thơ cũ. Thơ mới có tính-cách động nhiều hơn thơ cũ vốn có tính-cách tĩnh.

Chúng ta hãy so-sánh bài cổ-thi "Tống-biệt" của Vương-Duy (699-761) và bài tân-thi "Tả Tại Hoàng-Hôn" của nữ thi-sĩ Huỳnh-Hồng (s. 1940). Cả hai bài lấy chiều tà làm khung thời-gian.

Tống-biệt
Sơn trung tương tống bãi,
Nhật-mộ yểm sài-phi.
Xuân-thảo minh-niên lục,
Vương-tôn qui bất qui?

Tống-biệt
Trong núi vừa đưa tiễn,
Chiều tà đóng cửa tre.
Cỏ xuân sang năm biếc,
Vương-tôn biết có về.
Trần-trọng-San dịch

Bức tranh của Tống-Biệt là một bức tranh tĩnh. Ngoại trừ hai động-từ "tống" (tiễn) và "yểm" (đóng cửa) còn chỉ đôi chút hoạt-động của con người, các câu, các chữ khác đều diễn-tả trạng-thái, cảm-xúc hay nghi-vấn, nghĩa là tình-trạng tĩnh không phải là động.

Trái lại thơ của Huỳnh-Hồng năng-động hơn

Tả tại hoàng-hôn
Viên điệp phù khởi, quang-âm khắc tại thanh-thương đích liệm thượng.
Ngã-môn đích tâm thị hải, thị hồ,
Tối hậu thị tiểu-tiểu đích trì.
Du-tỳ giao-thúc, viên điệp chi thượng, viên điệp chi hạ.
Phán-vọng như nhất trích thủy-chu.
Hữu thời ngã-môn hội đột-nhiên đích ái trước trần-cụu đích cố-sự.

Thời-gian tiện thắng-lợi liễu
Tha phi trước trường phát
Nhi thả ngận âm-ám
Tượng na duệ liễu nhất địa đích, na thùy-liễu.

Na ta cố-lão đích thương-cảm, tống-yếu tùng phán-vọng
dĩ ngoại lai.
Mộ-sắc gia nùng, ảnh-tử thiếp tại thủy-diện.
Tỳ dã tỳ bất khai...

(Viết vào lúc hoàng-hôn
Lá tròn nổi trên mặt nước, thời-gian khắc trên mặt lá xanh-xanh.
Lòng chúng mình là biển, là hồ,
Cuối-cùng là cái ao nho-nhỏ. Sợi tơ nhỏ đan đi đan lại, trên lá tròn, dưới lá tròn. Lòng em ngóng anh như một giọt thủy-chu.
Có lúc chúng mình đột-nhiên yêu-thích chuyện xưa.
Thời-gian đã thắng-lợi
Buông xõa tóc dài
Nhưng thật đen âm-u
Như những cành thùy-liễu trải dài trên mặt đất.

Mối thương-cảm xưa ấy lúc nào cũng từ bên ngoài vùng mong ngóng lại.
Sắc chiều-tà nồng-đậm hơn, bóng chiều tà in trên mặt nước
Không thể nào xoá bỏ được...)

Nữ thi-sĩ đã khéo dùng các từ chỉ động-tác hay chuyển-động, tranh-đấu, biến chuyển như "phù-khởi" (nổi lên), "khắc" (in sâu), "giao-thác" (giao-chéo nhau), "phán-vọng" (mong-ngóng), "đột-nhiên" (thình-lình), "phi" (mở, trải ra), "duệ" (dẫn-dắt đến), "dĩ ngoại lai" (từ ngoài lại), "gia" (tăng), "tỳ" (xé rách), khiến cho toàn bài thơ mang một tính-chất năng-động hơn.

Hai bài thơ của Vương-Duy và của Huỳnh-Hồng diễn-tả hai hình-ảnh trái ngược. Bài Tống-Biệt mang hình-bóng một ông già, sống ẩn-dật nơi hoang-dã, dấu cảm-xúc của mình sâu trong lòng, và ít hy-vọng. Đó là một con người sống với nội-tâm. Trái lại, bài Tả Tại Hoàng-Hôn lại mô-tả một người còn trẻ tuổi, đang sống trong yêu-đương, không muốn che-dấu tình yêu cũng như sự mong-đợi của mình.

8. Cái tôi trong thơ mới

Vì thế cái mới của tân-thi còn là đem cái "tôi" ra nói một cách trực-tiếp, sống-động, công-khai, không cần che-đậy như cổ-thi.

Thực vậy, chẳng hạn trong bài thơ sau đây Mạnh Hạo-nhiên (689-740) tuy nói về mình nhưng toàn bài không có lấy một chữ "ngã" (tôi) nào.

Tuế-mộ qui Nam-sơn
Bắc-khuyết hưu thượng thư,
Nam-sơn qui tệ lư. Bất-tài, minh-chủ khí;
Da-bệnh, cố-nhân sơ.
Bạch-phát thôi niên-lão,
Thanh-dương bức tuế-trừ.
Vĩnh-hoài sầu bất mị,
Tùng nguyệt dạ song hư.

Cuối năm về Nam-sơn
Thôi chẳng dâng thư lên Bắc-khuyết,
Trở về nhà nát chốn Nam-sơn.
Tài-năng kém-cỏi, vua không đoái;
Bệnh-hoạn liên-miên, bạn lảng dần.
Tóc trắng giục thêm nhiều tuổi-tác,
Xuân xanh đưa dứt cái năm tàn.
Nghĩ hoài, nghĩ mãi, sầu không ngủ,
Song vắng, hàng thông đượm ánh vàng.
Trần-trọng-San dịch

Thật khác với bài "Thụ Nạn" của Giang-Hà (s. 1949). Bài dài 23 câu mà có tới 14 câu có từ 1 đến 3 từ "ngã", tổng -cộng 19 từ.

Thụ nạn
Ngã thị mẫu-thân, ngã đích nữ-nhi tựu yếu bị xử-quyết
Thương-khẩu hướng ngã tẩu lai, nhất chích hắc sắc đích thái-dương
Tại can-liệt đích thổ-địa thượng hướng ngã tẩu lai
Ngã thị lão thụ, ngã thị khô-can đích thủ-chỉ
Ngã thị liệm thượng kinh luyến đích trúu-văn
Ngã hòa thổ-địa nhẫn thụ trước cộng-đồng đích tai-nạn
Tâm bị suất tại địa thượng
Nữ-nhi đích huyết tiễn mãn nê-thổ
Cổn năng cổn năng đích, hài-tử đích lệ thủy tại ngã liệm thượng lưu trước
Hài-tử đích nhãn-lệ đã thị hàm đích
Tượng thị tại đông-thiên, nhất điều điều tiểu hà tại băng đống
Nhất điều điều hà lưu đình-chỉ liễu ca-xướng.
Ngã thị thu-muội, ngã thị nữ-nhi hòa thê-tử
Y-khâm bị ti phá, đầu phát tại phiêu-lạc

Bất thị lạc diệp Lãng-hoa tại nham-thạch thượng phi tiễn
Ngã đích đầu-phát thị nhất phiến hải
Ngã thị phụ-thân, ngã thị trượng-phu, ngã thị nhi-tử
Ngã đích đại thủ tại đầu-phát đích hải-dương thượng điên bá
Cốt tiết trầm bí địa hưởng trước.
Ngã thị thuyền-bạc Ngã thị bị phá-phạt đích sâm-lâm
Ngã đích sâm-lâm hoàn tại thổ-quánh địa sinh-trưởng.
(Chịu nạn
Tôi là mẹ, con gái tôi sắp bị hành-quyết.
Miệng súng hướng về tôi tiến lại, một vầng thái-dương đen tối
Tại mặt đất khô nứt hướng về tôi tiến lại.
Tôi là cây cổ-thụ, tôi là những ngón tay khô-cằn.
Tôi là những nếp nhăn giật-giật trên mặt.
Tôi và đất cùng chịu đựng tai-nạn.
Tim bị nứt trên mặt đất.
Máu con gái tôi tung-toé đầy đất bùn,
Nước mắt con tôi chảy nóng như sối trên mặt tôi;
Nước mắt con tôi cũng mặn,
Như vào ngày đông, từng con sông nhỏ đông lạnh,
Từng con sông nhỏ ngưng lời ca.
Tôi là chị em, tôi là con gái, và là vợ.
Vạt áo bị xé rách, đầu tóc xõa rối bời Không phải là lá cây.
Bọt sóng từ vách đá bay vọt lại,
Tóc tôi là cả một đại-dương.
Tôi là cha, tôi là chồng, tôi là con trai.
Bàn tay tôi to, giật mạnh trên đại-dương tóc,
Các khớp xương kêu răng-rắc buồn thiu.
Tôi là thuyền to, là thuyền nhỏ.
Tôi là rừng-rậm bị dẫn phạt,
Rừng-rậm tôi đó vẫn cục-mịch lớn mạnh.)

9. Thơ mới diễn-tả sự tiếp-cận với biến-động của sự việc

Hơn nữa, trái với cổ-thi, tân-thi chú-trọng nhiều đến sự tiếp-cận với sự biến-động của sự-việc chứ không phân-tích sự biến-động đó. Sự tiếp-cận này phần nhiều do sự khu-biệt hay đặc-sắc của mỗi giai-đoạn của tri-giác mà có.

Bài thơ sau đây của Lý-Bạch (701-762) mang nhiều màu sắc phân-tích sự biến-động của sự-việc hay hiện-tượng. Tuy nhiên, vì lối hành-văn rành-rẽ, gọn-gàng, cô-đọng, ý-tưởng không bị tản-mạn.

Đăng Kim-lăng Phượng-hoàng Đài

Phượng-hoàng đài thượng phượng-hoàng du,
Phượng khứ, đài không, giang tự lưu.
Ngô-cung hoa-thảo mai u-kính,
Tấn-đại y-quan thành cổ-khâu.
Tam sơn bán lạc thanh-thiên ngoại,
Nhị thủy trung phân Bạch-lộ châu.
Tổng vị phù-vân năng tế nhật,
Trường-an bất kiến sử nhân sầu.

Bài này đã được Nguyễn-đức-Hiển dịch sang hai bài thơ Việt-ngữ với nhan-đề là "Lên Phượng-hoàng đài ở Kim-lăng".

Đài phượng nên xưa phượng đến chơi,
Đài kia sông đó phượng đâu rồi.
Cung Ngô xe ngựa đường gai mọc,
Triều Tấn y-quan nấm cỏ vùi.
Bạch-lộ một châu hai dải nước,
Tam sơn ba ngọn nửa lưng trời.
Trường-an nhìn mãi mà không thấy,
Vừng nhật mây che luống ngậm-ngùi.

và:

Phượng xưa đến Phượng-hoàng đài,
Phượng đi, đài vắng, sông dài ngẩn-ngơ.
Lối mòn cỏ lấp cung Ngô,
Áo khăn triều Tấn mấy gò sâu nông.
Núi in ba ngọn trời trong,
Một châu cò trắng hai dòng nước xanh.
Trông về kinh chẳng thấy kinh,
Mây che nắng khuất cho tình nao-nao.

Trái lại, thi-sĩ Thương-Cầm (s. 1931), trong một khúc của bài thơ Thiên-Hà Đích Tà-Độ (Độ dốc của Ngân-hà), khi diễn-tả một hiện-tượng không phân-tích nó; trái lại thi-sĩ đã tiến gần tới sự biến-động của hiện-tượng mà diễn-tả hiện-tượng theo cảm-giác xuất-thần, hòa mình vào hiện-tượng, để cho nội-tâm mình tăng-trưởng, thay-đổi theo luật tự-nhiên. Hơn nữa, thi-sĩ đã không áp-đặt cái bản-ngã chủ-quan của mình vào trong trật-tự của vũ-trụ đang thành hình mà chỉ coi cái bản-ngã đó như là một phần của hiện-tượng tham-dự vào sự hình-thành đó.

Thiên-hà thùy hướng thủy-diện
Tinh-tú đê-đê hô-hoán.
Vô-số đơn-thuần đích chi-thể

Bị tự-kỷ đích ảnh-tử sở cảm-động

Lục-huyền-cầm tại âm-ba thượng hàng hành Thảo-nguyên
Tại phàm lãm hạ phù-động
Lưu lệ
Tịnh tác liễu trì đường đích tỷ muội.

Tại cao-áp tuyến dữ bồ-đào giá chi gian
Thiên-hà phủ thân hướng tha tự-kỷ.

Túc thị ngã đích chính đông-nam
Bị trù-phạm vu lưỡng liệt đại-nghiệp
Tử liễu đích mã đạt thanh
Phát mối liễu đích
Thán túc thị tử đạ đích âm-bộc.

(Sông Ngân ngả xuống phía mặt nước
Các ngôi sao khe-khẽ gọi nhau.
Vô-số chi-thể đơn thuần
Bị chính hình bóng mình cảm-động.
Đàn lục-huyền trôi theo dòng âm-ba.
Cánh đồng cỏ
Nổi trôi dưới giây buồm;
Nước mắt tuôn
Cùng trở thành chị em ao chuôm.
Giữa giây điện cao-áp và khung trái nho
Sông Ngân cúi xuống về phía chính mình.

Chính ngay về phía đông-nam tôi
Tiếng xe đã chết máy
Bị hai hàng cây án-thụ ghép lại.
Tiếng thở dài đã lên mốc
Trở thành nổ-bùng giữa ban đêm).

III. Kết-luận

Qua các đặc-điểm của thơ mới kể trên chúng ta nhận thấy thơ mới được hình-thành với mục-đích giải-phóng thi-ca Trung-hoa ra khỏi khuôn-khổ cổ-điển của mấy ngàn năm qua mà nhiều người cho là chật hẹp, cứng-nhắc, với những qui-luật gò-bó, giới-hạn sự diễn-tả cảm-xúc, tâm-tình, ý-nghĩ của thi-nhân. Với thơ mới, thi-nhân được tự-do bay-

bổng theo cảm-hứng của mình như con chim thong-dong lượn trên bầu trời vô-giới-hạn. Hơn nữa, với kỹ-thuật thơ mới, các tác-giả của tân-thi còn có nhiều cơ-hội đưa những tác-phẩm của mình tới gần đại-chúng hơn.

Những người đã quá quen với những vần, những điệu, những nhạc của thơ cũ thì cho rằng thơ mới Trung-hoa vô-vị, không theo một qui-luật nào về thi-pháp, không giàu nhạc-tính, đọc lên trúc-tra trúc-trắc, câu dài lê-thê hay cụt thun-lủn, không thể ngâm hay hát được. Nhận-xét của họ không hoàn-toàn đúng. Chúng ta dù có phải nhìn-nhận rằng thơ mới, vì tính-cách tự-do không bị ràng-buộc của nó, quả thực không có vần, nhưng không ai có thể phủ-nhận một sự thực là thơ mới cũng có điệu, có nhạc như thơ cũ. Mặt khác, các tư-tưởng trong thơ mới không cao-siêu, khuôn sáo, máy-móc, hay giáo-điều như thơ cũ, mà lại là những tư-tưởng rất thông-thường của đại-chúng như là: đau-buồn, yêu-thương, giận-hờn, mơ-ước, hy-vọng rất tự-nhiên và cũng rất ư là nhân-loại. Vì vậy, chúng ta có thể nói được rằng thơ mới Trung-hoa cũng có những cái hay, cái đẹp đặc-biệt của nó, không thua gì thơ cũ cả.

Chú-Thích

(1) Vũ-tuấn-Cường, Vũ-hoàng-Chương, Tản-đà (Nguyễn-khắc-Hiếu), Nguyễn-đức-Hiển, Trần-trọng-Kim, Phan-phong-Linh, Trần-trọng-San, Chu-đăng-Thẩm, và Ngô-tất-Tố.

(2) Đó là Nguyễn-đức-Hiển. Xem *Cổ-thi Nhàn-dịch*, dịch-giả tự xuất-bản, Houston, Texas, 1991, tr. 75-79.

(3) Trong nguyên-bản, thi-sĩ không viết chữ La-Thanh mà chỉ in lại dấu triện của ông có mang tên ông.

NHẮN TIN CHUNG CHO BẠN ĐỌC Ở CANADA

Vì thuế dịch vụ chính quyền Canada đánh trên các bưu kiện sách báo gửi tới các hiệu sách, nên một số hiệu sách ở Canada đã từ chối không nộp thuế trước khi lãnh báo, và nhiều kiện báo Văn Học gửi cho các hiệu sách đã bị trả lại. Hậu quả trực tiếp là số báo phát hành ở Canada bị xuống thấp trong thời gian qua.

Văn Học xin quí bạn đọc tại Canada *ghi danh mua dài hạn* Văn Học , để tránh tình trạng mua báo thất thường tại các hiệu sách. Giá biểu mua dài hạn có đăng ở trang cuối của số báo này.

Đêm nghe tiếng hát trên sông Hương

Nguyễn Thuyết Phong

Thuyền trôi lênh đênh giữa dòng. Đến Kim Long thì tiếng động của thành phố giảm dần, nhưng tim tôi bắt đầu nhịp nôn nao hơn. Giây lát sau, tiếng đàn tranh, nhị, nguyệt, bầu trổi lên. Một điệu rao, rồi đến bài Lưu thủy bắt đầu cho cuộc chơi tao nhã mà tôi hằng ước ao từ hơn ba mươi năm qua kể từ lúc tôi bắt đầu "cảm" nhạc Huế. Tôi nghe rõ âm vang từ một quá khứ không thật của băng, dĩa, của đài phát thanh nay đã thành sự thật trước mắt. Những nhạc sĩ, ca sĩ đang ngồi trước mặt tôi là hiện thân của một truyền thống âm nhạc từng phen khổ lụy vì chiến tranh, đổ nát, mất mát ở Huế nầy. Tôi cảm thấy như tôi đang được "về" Huế—dù Huế không phải là quê tôi. Huế của những ngày kinh hoàng kia đã có lúc khiến tôi nghĩ không bao giờ tôi có thể ngồi trên thuyền nghe ca Huế! Thế mà hôm nay tôi được về Huế, nghe tiếng ca, tiếng đàn trong khung cảnh nầy. Đẩy không phải đẹp như một giấc mơ hay sao?!

Ở Huế đặc biệt có dòng sông Hương chảy ngang qua thành phố, là tụ điểm của loại hình văn hóa phi vật chất. ít ra phải nhắc đến những địa danh như Thành Nội, núi Ngự Bình, Văn Lâu, Tràng Tiền, Đông Ba, Gia Hội, Đập Đá, Vĩ Dạ, cồn Hến v.v. mới thấy tầm quan trọng và sức chứa văn hóa của sông Hương. Tất cả đều có vết tích để lại trong âm nhạc Huế. Không biết bao lần tiếng hát vang trên mặt nước sông. Không biết bao đời nghệ nhân nghệ sĩ lấy cảm hứng cảnh đẹp của dòng nước trong xanh rồi cũng ... qua đi. Máy ghi âm của chúng tôi đang êm êm chạy đều theo những tiếng đàn trang nhã trong phối âm, phối khí. Tôi nghe rõ từng câu rao của mỗi nhạc cụ, rồi đến lượt tất cả hòa nhập nhau để sẵn sàng đi vào bài nhạc. Không nghe nhiều nhạc dân tộc có lẽ người ta khó phân biệt đâu là khởi điểm của một bài, hay thế nào là phong cách của một cuộc chơi. Biết thế, tôi phải làm một phen giải thích cho cả đoàn nghiên cứu một ngày trước khi "xung trận". Sự chuẩn bị nầy cần thiết

cho việc vừa thưởng thức vừa làm việc có tổ chức, nhất là không làm phiền khung cảnh nghệ thuật.

Đoàn chúng tôi gồm mười người, chỉ có hai người gốc Việt. Các bạn còn lại trong đoàn gồm người Mỹ và Anh. Họ thay phiên nhau, tình nguyện theo tôi đi nhiều nơi trong nước sưu tầm âm nhạc dù hoàn cảnh nước ta không mấy tiện nghi như ở Anh ở Mỹ. Người vác máy video, kẻ mang máy ảnh, máy ghi âm. Chúng tôi thường lội sình nơi đồng bằng sông Cửu Long, vượt đến Tây Nguyên hay vùng núi Hòa Bình ở phía bắc; cho đến những đêm chong đèn, đốt đuốc nghe nhạc dân tộc Thái đen ở vùng núi Bình Sơn, Thanh Hóa. Đêm nay trên sông Hương êm đềm, đối với chúng tôi là niềm hân hạnh hiếm có. Một giọng hát cất lên qua làn điệu Phú Lục nói về cảnh đẹp cố đô. Hơi bắc của bản nhạc tạo ra vẻ trong sáng, vững vàng.

Ai phong lưu người điệu:
Là khách Hương Bình
Bạn chung tình
Với mình mà chơi
Rượu khuyên mời
Cạn lời đinh ninh.
Trăng! bóng trăng vằng vặc
luồng gió như hình
gởi theo tình
cảnh đẹp người xinh
trời để dành riêng mình ...

Lời phú nghe say đắm, điệu nhạc càng làm đậm thêm tình cảm vui, thân ái, và linh hoạt mở đầu cuộc hát. Mỗi câu ca có hai nhịp, thường nghe đảo phách ở nhịp chính (nhịp thứ hai). Có ba dạng tiết tấu cho chữ cuối mỗi câu hát: nhịp nội nằm trước, nhịp chính diện trùng lên trên, hay nhịp ngoại nằm sau tiếng phách gõ. Đặc điểm của nghệ thuật ca Huế là có rất nhiều nhịp nội và ngoại. Trong chao đảo như thế, người hát tạo ra sự thi nhau đuổi bắt nhịp với các nhạc sĩ một cách tài tình. Tôi khó kềm giữ được thế ngồi yên trong niềm hứng thú của tiếng ca, tiếng đàn, tiếng phách dồn dập. Nếu chỉ nghe qua băng nhạc, thính giả khó có thể biết người nghệ nhân nầy đã ở vào tuổi bảy mươi. Nhiều nơi trên thế giới, ở chừng tuổi ấy người ta đã về hưu, chỉ hát để ru cháu, hoặc vài câu dân ca trong ngày lễ hội.

Đêm càng sâu lắng. Tiếng hát càng đậm lúc trở sang những bài chậm rãi hơn, nhẹ nhàng hơn. Tôi cảm thấy người xưa đã cố tình tạo ra một phong cách tâm lý âm nhạc rất hay: Khi mới gặp, thì vồn vã, vui tính chào hỏi lịch sự xã giao; khi bạn ở lại lâu sẽ nghe kể lể tâm sự đầu đuôi về

cuộc đời, con người, chuyện đất nước, hay cá nhân. Chẳng lẽ than thở ngay khi mới gặp? Hoặc khi đã gặp nhau một hồi lâu rồi mới vồn vã chào hỏi? Cách rao (dạo) nhạc và hát những bài vui trước, tha thiết sau, thật trùng vào tâm lý xã hội của con người Việt. Thoáng trong trí nhớ vài giây , tôi đang liên tưởng những buổi nghe nhạc tương tự ở một nơi nào đó: Venice, Osaka, Nagasaki, hay trên dòng sông Mã. Bỗng cất lên một tiếng hò:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm?
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai mong?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non!

Đúng lúc nầy thuyền đã trôi về đến Phú Văn Lâu mờ mờ dáng vấp trên bờ sông làm nền cho câu hát. Câu hò mái đẩy làm tôi thấy chạnh lòng làm sao ấy! Từ "chạnh" trong tiếng Việt rất hay, khó dịch sang tiếng nước ngoài, và hầu như không có một từ nào tương đương đủ nghĩa để sánh nó. Có lẽ chỉ có dân tộc Việt, nhiều kinh nghiệm sống, nhiều tang thương, và cũng nhiều sức mạnh mới thoát ra bằng lời, bằng xúc cảm, và bằng cái hiểu biết rõ về thực trạng non nước mình như vậy. Hai người hát tiếp giọng với nhau trong thể đối ứng (responsorial), nghe dìu dịu êm tai. Âm nhạc chuyển qua một khúc quanh khác. Tiếng ngân ở cuối mỗi câu phi nhịp tiết thường dứt ở âm bậc nhấn mạnh của thang âm điệu thức, là tiếng nấc của nỗi lòng uẩn khúc về chuyện nước non mình. Giữa những câu là tiếng *ơ*... kéo dài, uyển chuyển, làm mạch nối bằng một giọng thứ hai. Tiếng đàn đưa theo, hỗ trợ cho sự nắm giữ ý tưởng điệu thức *ai*.

Không ngờ cái hay của bài thơ, của điệu hò đã khiến nó đi vào kho tàng ca dao Việt Nam một cách nhẹ nhàng để nhiều người về sau không còn biết tác giả của nó là ai. May mắn trong thời gian trước đó tôi gặp được nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương ở Sài Gòn. Chị kể tôi nghe về lai lịch câu hò ấy. Tôi hết sức ngạc nhiên và thấy lý thú về giá trị lịch sử của nó. Thân sinh của chị, cụ Ưng Bình Thúc Giạ, một danh nhân triều Nguyễn uyên thâm cả chữ Hán lẫn Pháp, là người viết ra câu hò. Theo chị, cụ Thúc Giạ còn để lại nhiều thơ, ca Huế, và những vở tuồng hát bội có giá trị. Tôi nghe như tiếng hò nồng ấm của chị tặng tôi hôm trước văng vẳng đâu đây, hòa quyện vào âm thanh của hai nghệ nhân Vân Phi và Minh Mẫn đêm nay. Gió hiu hiu thổi nhẹ vào thuyền. Vô tình tiếng hát bài Nam Ai cũng đưa theo: *Gió đưa duyên đặng thấu tình chung thủy* ...

Từng âm, từng chữ nghe rõ ràng, dù người không quen nghe giọng Huế cũng có thể hiểu được. Tôi chợt phát hiện ra một điều: dù có người

cho rằng giọng Huế nặng, khó nghe, bất tiện, đêm nay tôi thấy giọng Huế rất có lợi thế về mặt âm nhạc. Vì tiếng Việt có dấu giọng, đa số các làn điệu âm nhạc (tân lẫn cổ) thường phải theo giọng phát âm bằng, trắc. Trong ca Huế, ngược lại, có thể "bẻ" giọng từ bằng thành trắc, hoặc từ trắc thành bằng, một cách khá dễ dàng. Cũng như khi tôi nghe kỹ giọng Huế, thì thấy không phải nó "nặng", (1) nhưng thật ra nó "uyển chuyển dậm" hơn các vùng khác trong nước. Đối với những chữ có dấu nặng thì vừa phải đi xuống lại hơi uốn trở lên. Người Huế quen cách uyển chuyển nầy, nên khi hát lại dễ hướng dòng nhạc lên xuống bất cứ lúc nào theo yêu cầu của điệu thức. (2) Nam Ai, Nam Bình, rồi đến Tứ Đại Cảnh. Tất cả dựa vào chất thơ sẵn có. Bản nào cũng cho tôi cảm giác lạ, bàng hoàng, giao động tâm tư, và thú vị về mặt nghệ thuật. Dù đã quen nghe và phân tích âm nhạc học, từng đàn một số bài bản Huế, lòng tôi vẫn thấy bâng khuâng, xúc động như người mới nghe. Bài *Quả Phụ* có thể có giá trị sâu sắc vì tính chất cô đọng, tồn trữ nhiều đường nét nghệ thuật rung, luyến chữ nhạc của các bài trên. Nó có khả năng làm ray rứt tâm tư như một tuôn trào bộc trực khi tâm lý cuối cùng không còn chỗ giấu diếm nữa. Một thoáng tưởng tượng như một Ballade giông bão của Chopin, nhà thơ của dương cầm (3), hay một trường ca Heike Monagatari hôm nào tôi nghe do nữ nghệ nhân Tsuruta Kinshi diễn xướng (4). Nhưng tôi tin chắc không một bản nhạc, bài hát nào vượt qua có giá trị văn hóa của *Quả Phụ*, vì bối cảnh, vì tâm tình, vì nhạc điệu đặc thù, và vì thời gian tồn tại của nó. Nhiều bài nhạc (ngay cả tân nhạc) có thể chết rất sớm theo thời gian. Một trong những bản nhạc sống lâu nhất mà tôi nghe được trong đêm nay là bài *Long Ngâm*, tin là sáng tác của Trịnh Trọng Tử hồi năm 1310. Tôi không cho rằng bài nhạc nầy giữ nguyên mẫu như tác giả của nó đặt ra từ miền Bắc xa xôi cách nay hơn 6 thế kỷ. Chỉ cần nghe nét nhạc truyền thống miền Bắc và đối chiếu với nhạc Huế người ta có thể đoán ra ngay rằng đây là một dị bản. Tuy nhiên, tôi không ngạc nhiên gì về những dị bản nếu có, vì đó là bản chất "động" của âm nhạc Việt Nam. Đó là sức sống của âm nhạc, bàng bạc qua nhiều thế hệ, truyền thừa qua nhiều miền, nhiều vùng, và chịu sự biến thiên. Biến thiên, vì thế, phù hợp với tâm lý xã hội địa phương một cách không cưỡng chế, rất hồn nhiên, để nhạc Huế nghe rất Huế.

Tôi tiếp tục nghe và suy nghĩ miên man theo tiếng hát thánh thót, dòng nhạc đậm đà tình tự dân tộc, và cảm xúc theo tiếng nước sông Hương róc rách vào mạn thuyền cho đến hết cuộc hát. Cảnh vật lờ mờ hai bên sông trong đêm càng về khuya.

Chúng tôi từ giã nhau, ra về mà lòng mãi vương vấn âm điệu của tiếng hát sông Hương.□

Gái quê
ĐỖ THÌ KÊNH G.

Mùa xuân con mắt lá răm
Dâm từ lá ướt cười hăm bốn giờ
Đồng chiêm nước lũ tràn bờ
Nửa vầng trăng khuyết mây hờ vắt ngang
Nắng về con bướm bay sang
Vườn nhà em đấy cải vàng ngoan không
Mùa hè hơ hớ con bông
Con cây mũm mĩm quả hồng nơ nơ
Con giời lẳng nẳng xanh lơ
Con giai cuối ngõ quả mơ rụt rè
Pháo dì đùng gốc con tre
Quả mơ mẹ gả xa quê cách làng
Mùa thu ngõ trúc còn chăng
Tóc em còn ướt chiều vàng bến sông
Tóc cho ai. Tóc cho chồng
Xõa trên bát ngát bềnh bồng sóng ru
Buồn ơi con nước mùa thu
Nửa đêm về sáng giã từ con giăng
Mùa đông bống bống bang bang
À ơi con ngủ cái vàng còn ngoan
Thì đây mũm mĩm giời ban
Sữa thơm khúc khích trăm gian tay chồng
Mải vui quên bẵng và đông
Gió về thăm mẹ con bồng con mang.

Ghi chú

(1) Có người thường đùa: "nếu chữ nào cũng bỏ dấu nặng sẽ ra giọng Huế!" Thực sự không phải thế.

(2) Dĩ nhiên, đứng về mặt xã hội học âm nhạc, mỗi vùng địa lý có quy luật tạo thanh riêng của nó.

(3) Nhớ buổi trình diễn dương cầm của Tôn Nữ Thanh Tuyền ở Viện Đại học Cleveland State, tháng 2, 1990.

(4) Nhớ buổi ghi âm tại thính đường Saint Germain de Prés, Paris, tháng 3, 1982.

Sự biện bạch của những cơn bão

DU TỬ LÊ

hãy nói về sự lầm lẫn của mình/yêu dấu
tại sao không?
(ấy là em nói hộ ta)
mọi người chỉ quen phô trương điều hay và lý phải
như xấu xa được dậy che
cho lầm tưởng hoàn hảo về một cuộc đời
dáng ra từ lâu
nên chết

hãy nói về những banh xé thịt da
do một hoảng hốt nào đó
tại sao không?
(ấy là em nói hộ ta)
buổi trưa
Sàigòn tháng Tư
nhuốm/nắng/bụi/tiếng động/mùi tử khí
chiếc áo dài treo lên
(hay vắt ngang bộ đồ lính)
những muộn phiền nung nấu
lửa xém từng lóng xương
căn phòng vãng lai
khao khát mai sau
mồ hôi/đẫm/
Pleiku/Lộ 7 kép/Tuy hòa/Nha trang/Vũng tầu
nút/chân/đôi dép/mượn
tình yêu đầu
thân thể nhau:
vực thẳm kinh hoàng và,
ký thác chết

hãy nói về sự khôn ngoan của mình/yêu dấu
tại sao không?
(ấy là em nói hộ ta)
điều ngu xuẩn nhất:
những tưởng mình có khả năng/lấp đầy/khoảng trống
mặc cảm tự ti/nhu cầu chúng tỏ/cơn bão yếu/ngọn lửa non/...
khả năng giăng bẫy (bẩm sinh)
những con mồi khờ câm
cũng chiếc giường
(hay nền xi măng/mảnh chiếu)
khác chăng bộ đồ
áo bà ba, quần lãnh đen
vắt ngang chiếc quần cộc cỡn
(cùng hí hửng đen)
em trong thế nằm dịu dàng rất mực
của cọp
cho con mồi cảm giác
chính y vật ngã
hổ đói
y dấu nụ cười há hê/nơi hàm răng/há
và dưới bộ lông em vấy máu

hãy nói về sự dối trá của mình/yêu dấu
tại sao không?
(ấy là em nói hộ ta)
tợ diều cơn bão muốn biện bạch
không phải về nơi chốn nó chọn đi qua
mà chính là những gì
nó để lại.

Đi xa với Hoàng Xuân Hãn

Nguyễn Nam Anh

"Điều quan trọng là thế hệ sau có giữ được tính cách Việt Nam nữa hay không..."

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một học giả nổi tiếng từ lâu, không chỉ trong nước mà còn ở cả ngoài nước nữa. Các công trình nghiên cứu của giáo sư trong nhiều lãnh vực là những đóng góp vô cùng quý giá, đặc biệt trong sử học và văn học. Trong chuyến viếng thăm Paris vào trung tuần tháng Mười 1994, nhà báo Nguyễn Nam Anh của tạp chí Văn học đã có cuộc gặp gỡ với Giáo sư Hoàng Xuân Hãn tại tư gia của Giáo sư ở Paris. Nguyễn Nam Anh cho biết anh đã gặp một "con người của lịch sử và trí tuệ." Paris quá mới mẻ và xa lạ với một người lần đầu đặt chân tới, nhưng mặc dù trí nhớ chẳng cho anh biết gì thêm về con đường dẫn đến nhà của học giả Hoàng Xuân Hãn, mà theo Nguyễn Nam Anh từ quán ăn mang tên Dalat của ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm, phải đổi mấy bận metro mới tới được, anh vẫn hình dung ra căn nhà của cụ Hoàng Xuân Hãn, một căn nhà nằm tầng trên của building sang trọng, yên tĩnh mà từ cửa kính, cầu thang, cuả gỗ sạch như lau như ly. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn ăn mặc tươm tất tiếp một người ăn mặc khá là cẩu thả từ xa đến. Phòng khách khá rộng. Những tủ sách bằng gỗ đánh véc-ni. Vài bức tranh. Mấy món đồ cổ. Một bức chữa bài thơ chữ Nôm do cụ Hãn viết. Bàn làm việc kế phòng khách cũng khá rộng. Một cuốn sách mở ra nằm dưới một đôi kính lão. Ánh sáng từ ngọn đèn tròn có chụp chiếu xuống trang sách đang đọc đở. Thời gian êm ả. Người đối diện có được cái may mắn được nghe hơn là được nói. Phải thành thật mà nói đó là một hạnh phúc của Nguyễn Nam Anh khi được tiếp xúc với con người của lịch sử. Và giọng nói của học giả Hoàng Xuân Hãn mang theo một tình yêu Việt Nam giữa một Paris mùa Thu...

NGUYỄN NAM ANH: *Thưa giáo sư, trong những công trình nghiên cứu của giáo sư từ trước tới nay, giờ đây nhìn lại, công trình nào được giáo sư nhớ tới nhiều nhất ?*

HOÀNG XUÂN HÃN: Các sách tôi viết trước chiến tranh ít lâu có cuốn *La sơn phu tử*. Thế hệ trí thức chúng tôi hồi đó nghĩ rằng lớp cựu học cha ông đã qua rồi, thế hệ tiếp nối là chúng tôi phải suy xét cho đúng mức những di sản của cha ông. Do đó tôi viết cuốn *La sơn phu tử*. Một năm sau khi Pháp trở lại Đông Dương, tôi viết cuốn *Lý Thường Kiệt*, nhằm cảnh cáo quốc dân về nạn ngoại xâm. Ngoài ra cũng muốn nhắc nhở cho mọi người nhớ sự đe dọa của Trung quốc. Còn nhớ hồi có hội nghị Genève năm 1954 nhằm giải quyết chiến tranh Đông Dương, phái đoàn Việt Nam (cộng sản—chú thích của Văn Học) sang dự họp có cả Phạm Văn Đồng. Cái ý của tôi hồi đó là muốn nhắn các anh ấy là mình cần Trung quốc để giành độc lập từ tay Pháp, nhưng mình cũng phải coi chừng Trung quốc. Lúc ấy không ai tin lời tôi cả. Nhưng tới hồi 1980 họ mới thấy lời tôi nói là đúng. Một công trình khác của tôi mà nhiều người nhắc tới là truyền bá quốc ngữ. Phép dạy chữ quốc ngữ là chính tôi làm ra. Đấy là những việc tôi làm hồi xưa. Về sau tôi viết cuốn *Chinh phụ ngâm bị khảo* cũng do ở chỗ: người mình có học về văn học, nhưng rất ít người chú ý tới văn học sử. Cái gọi là văn học sử Việt Nam thường là sưu tầm những chuyện bịa ra cả, như bản dịch *Chinh Phụ ngâm* cho là của Đoàn thị Điểm, hoặc gán những bài thơ tục tĩu cho Hồ Xuân Hương. Truyền thuyết cứ nói bừa như thế mà không có chứng cớ gì cả. Cứ một người nói ra thì người sau bắt chước, không chịu tầm nguyên tra xét xem người trước nói đúng hay sai. Tôi có viết một tập nghiên cứu dày về Hồ Xuân Hương, bên nhà có biết nhưng chắc bên Mỹ ít người biết. Tôi viết về thân thế của Hồ Xuân Hương, bà sống vào thời nào, tình nhân của Hồ Xuân Hương là những ai.

> ...*La Sơn Phu Tử* viết trước chiến tranh, *Lý Thường Kiệt* viết sau khi Pháp trở lại Đông Dương. Phép dạy chữ quốc ngữ là do chính Hoàng Xuân Hãn làm ra.

NNA: *Thưa giáo sư, cuốn đó đã được in chưa?*

HXH: Tôi có phổ biến trên một tạp chí nghiên cứu của người Việt ở Paris đây, tôi sẽ tìm lại để biếu anh một tập. Một ví dụ thứ hai về nghiên cứu văn học là trường hợp đại thi hào của chúng ta, Nguyễn Du. *Truyện Kiều* từ trước tới nay in ra rất nhiều, tam sao thất bổn, mà người ta còn tự

tiện sửa chữa mỗi khi in một ấn bản mới. Trong bốn năm mươi năm nay, tôi làm công việc truy tầm cho được đến nguồn của *Truyện Kiều*. Tuy không thể tìm được nguyên tác của Nguyễn Du nữa, nhưng tôi cũng cố gắng đoán một phần các câu Nguyễn Du viết như thế nào, và sau này người ta chữa lại ra sao. Tôi bỏ công cho việc này rất là nhiều. Nói chung, tôi xin nhắn với các anh em muốn nghiên cứu quốc học, về sử cũng như về văn học Việt Nam, như anh em ở bên Mỹ, là mình ở xa nước, mình không làm được đâu. Phải liên lạc với anh em nghiên cứu trong nước, nhất là lớp nghiên cứu trẻ trong nước, họ đã bắt đầu hiểu nhiều chuyện rồi đấy. Anh em bên Mỹ nếu muốn tạo một thế giới riêng về văn học Việt Nam, chuyện đó không dễ đâu. Ngày xưa thời nhà Minh người Việt Nam chạy sang Trung quốc rất nhiều, và nhiều người làm quan to lắm. Nhưng chỉ một hai đời, rồi sau có ai biết gì về lớp người đó nữa. *Nam ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng và *An nam chí lược* của Lê Tắc còn lại tới bây giờ chỉ là do may mắn, ngoài ra còn đấu vết gì nữa đâu. Ở đây tôi chỉ nói tới những nghiên cứu nhân văn Việt Nam, còn về khoa học thì đương nhiên ở nước ngoài có nhiều phương tiện nghiên cứu hơn trong nước.

NNA: *Giáo sư vừa nói tới những công trình nghiên cứu nhân văn. Còn về khoa học, giáo sư đã hoàn tất được những công trình gì? Và giáo sư nghĩ sao về tương lai của lớp trẻ Việt Nam theo con đường khoa học ở hải ngoại?*

HXH: Tôi bỏ khoa học ngay từ sau khi người Pháp trở lại Đông Dương sau chiến tranh thứ hai. Lúc ấy tôi không đi dạy nữa, mà ở bên nhà tôi cũng không có phương tiện để biết các tiến bộ khoa học của nước ngoài. Nhất là ngành toán học. Hồi tôi học là học thứ toán cũ ngày xưa. Sang Pháp, tôi mới thấy ngành toán học đã khác hoàn toàn. Tôi đến trường để nghe chứ không phải để học, mong tìm hiểu toán học đã đổi thế nào. Con em của tôi làm luận án khoa học, tôi đọc mà chẳng hiểu gì cả. Cho nên tôi cắt đứt hẳn với khoa học để theo đuổi các nghiên cứu nhân văn. Lớp trẻ theo khoa học ở hải ngoại, tôi nghĩ là sẽ có một tương lai chắc chắn, vì được hưởng những tiện nghi giáo dục khoa học rất tân tiến. Người Việt chúng ta rất thông minh, và như anh biết, ở các trường đại học tại Anh, Pháp, Mỹ.. số người Việt có trình độ học vấn khoa học bậc cao rất nhiều.

> Một người Việt ở ngoại quốc nghiên cứu về Sử Việt còn khó hơn một người ngoại quốc làm công việc này.

NNA: *Giáo sư có thể nói gì về ngành nghiên cứu sử học ở hải ngoại?*

HXH: Như tôi nói lúc nãy, những người ra ngoài có thể học được phép học sử chắc chắn hơn những người hồi xưa. Cả những anh em hiện nghiên

cứu sử ở bên nhà cũng nhờ sang bên Nga, bên Đông Đức mà có cơ hội học được phương pháp khảo sử. Nhờ thế họ có nhiều khả năng nghiên cứu hơn trước. Nhưng trình độ của quần chúng bên nhà cũng chưa khá hơn xưa đâu, người nghiên cứu đứng đắn lẫn lộn với người nghiên cứu không đứng đắn, không tách rời được. Riêng anh em học sử nghiên cứu sử ở ngoài này, tuy có được phương pháp nghiên cứu tốt, nhưng cái khó là không có "matériel", không có "matière" (tư liệu) để nghiên cứu. Sử học không thể tách rời ra khỏi đất nước. Một người Việt Nam từ ngoại quốc nghiên cứu sử Việt chẳng khác nào một người ngoại quốc nghiên cứu sử Việt Nam. Nhiều khi ta gặp khó khăn hơn một người ngoại quốc nữa. Vì thực tế một người ngoại quốc muốn xin vào Việt Nam nghiên cứu những đề tài như ngữ học, dân tộc học...sẽ dễ dàng hơn một nhà nghiên cứu Việt Nam đã bỏ nước đi xa bây giờ trở về. Có những lấn cấn thế này thế kia. Hơn nữa người ta nghi thế này thế nọ. Thành thử công việc nghiên cứu trở nên khó khăn hơn. Nhưng cũng đừng nên lấy đó mà giận hay bỏ cuộc. Mình phải làm thế nào thích nghi với những khó khăn như thế, và bắt tay vào

Học giả Hoàng Xuân Hãn
Ảnh Nguyễn Xuân Hoàng, Paris, 1994.

nghiên cứu. Vì nếu mình làm một cách đứng đắn, thì chắc chắn phải hơn một người ngoại quốc nghiên cứu sử nước mình. Tôi mong thế hệ này, trong khoảng năm mười năm nữa chứ không lâu hơn đâu, anh em ngoài này dần dần có thể về bên nhà nghiên cứu tại chỗ để hoàn thành những công trình lớn, đưa trình độ nghiên cứu sử Việt lên cao và giúp cho anh em bên nhà rất nhiều.

NNA: *Độc giả Văn Học cũng muốn biết đời sống của giáo sư bây giờ ra sao? Nhất là sức khoẻ của giáo sư, ở vào tuổi đã cao hiện nay.*

HXH: Lúc thấy không thể về Việt Nam được, tôi tìm cách trở lại nghề cũ, nghề kỹ sư chứ không phải nghề giáo sư. Tôi đã học lại về ngành nguyên tử, và làm kỹ sư cho một chỗ chuyên sản xuất lò nguyên tử. Tôi chỉ làm được vài năm vì lúc ấy cách làm lò nguyên tử sản xuất điện của Pháp lỗi thời, không gọn gàng tiện dụng bằng cách của Mỹ. Sau đó tôi cũng tiếp tục nghề kỹ sư, nhưng là kỹ sư ngành toán học. Chung lại cũng sống được, hồi hưu cũng có lương hưu ít nhiều. Về đường vật chất, không có gì khó khăn, trái lại cũng giúp đỡ được anh em thân nhân bên nhà nhiều. Năm 1951 sang Pháp, tôi có hoài bão đi tìm di tích của tiếng Việt tồn trữ ở các thư viện bên này. Tôi đã toại lòng, vì tìm được những bản chữ nôm cổ do các cố đạo mang về Pháp hồi thế kỷ thứ mười bảy lưu trữ tại Thư viện Quốc gia ở đây. Toà Thánh Vatican biết công việc tôi làm, nên lúc tôi sang Roma, họ có mời tôi vào thư viện Vatican để làm thư mục cho họ. Nhờ thế, mới phát giác ra những sách các cố đạo Việt Nam viết lúc sang bên này cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Sau này các linh mục Việt Nam biết đến những khám phá này, thời ông Diệm, Việt Nam có làm microfilm những tài liệu đó tại Thư viện Quốc gia Pháp và tại Thư viện Toà Thánh Vatican mang về. Bây giờ người Việt có biết đến ngôn ngữ, chữ viết cũ của người Việt thời thế kỷ 17, 18, tôi góp công vào chuyện đó cũng nhiều. Tôi toại lòng, vì làm được những việc trong nước không có tài liệu để làm.

Một thư mục về công trình Hoàng Xuân Hãn

NNA: *Tài liệu sử có ghi là giáo sư có chân trong phái bộ Việt Nam tham dự hội nghị Đà Lạt...*

HXH: Vâng, tôi có viết một cuốn sách về hội nghị đó, cuốn *"Hội nghị Đà Lạt"*. Qua cuốn sách đó, trong Nam ngoài Bắc hiện giờ họ thấy những người Marxists không tin tầng lớp trí thức. Lúc ấy, những người cộng sản trong phái bộ tham dự hội nghị Đà Lạt ít lắm, chỉ có Võ Nguyên Giáp là Marxist, còn phần lớn là trí thức ngoài Đảng. Bây giờ họ thấy

những chuyện chúng tôi làm hồi ấy đều do lòng yêu nước chứ không có cái gì khác cả. Chỉ tiếc là hội nghị không đem lại kết quả gì, vì người Pháp cố ý muốn lấy lại nước Việt Nam. Sau đó là cuộc chiến tranh Việt Pháp, như anh biết.

NNA: *Thưa giáo sư, thế hệ sau này nếu muốn tìm đọc tất cả những công trình nghiên cứu của giáo sư, thì họ phải làm sao? Hiện có một thư mục đầy đủ nào về những công trình ấy không?*

HXH: Lúc mới sang Pháp, tôi có dạy chữ Nôm cho một số người Việt Nam muốn học chữ Nôm. Trong số đó, anh Tạ Trọng Hiệp là một người thật xuất sắc. Anh ấy có khá đầy đủ những gì tôi viết. Hơn nữa sách của tôi bên nhà đã tái bản gần hết, tìm mua cũng dễ dàng. Bên Mỹ nếu muốn tái bản sách của tôi, tôi thấy không có gì trở ngại. Những sách tôi viết, tôi viết kỹ càng lắm, và khi in, cũng in kỹ càng lắm, muốn tái bản chỉ cần lấy bản cũ chụp in lại hoàn toàn như thế thôi. Nói thực, tôi chỉ mong anh em trẻ dựa vào sách của tôi để từ đấy, nhờ thời bình có nhiều phương tiện, mà khảo cứu thêm cho kỹ càng hơn. Nhưng tôi thất vọng. Họ chỉ dựa vào đấy viết tiểu thuyết, sách bán rất chạy, nhưng là vì tiểu thuyết chứ không vì chính đề tài khảo cứu.

NNA: *Những năm gần đây, giáo sư có dịp đọc biên khảo của một số nhà biên khảo lớp trẻ thuộc thế hệ sau giáo sư...*

HXH: Ở Mỹ hay ở bên nhà?

NNA: *Bên nhà.*

HXH: Có. Bên nhà hiện giờ trong giới nghiên cứu có một nhóm chừng độ mười lăm người có trình độ cao đấy. Như về ngành sử có Phan Huy Lê, Hà văn Tấn, hay anh Ngô Đức Thọ cháu cụ Nghè Ngô Đức Kế.

NNA: *Còn ông Trần Quốc Vượng?*

HXH: Anh Vượng cũng là nhà nghiên cứu đứng đắn, nhưng về đường chính xác, có lẽ không bằng những anh trên. Một số nhà nghiên cứu bên nhà đang dịch những sách sử Việt Nam viết bằng chữ Hán ra quốc ngữ một cách nghiêm chỉnh, những người đó họ giỏi chữ Hán, nhưng quan trọng là họ không "gian", nếu họ có lầm là vì không đạt được mà lầm chứ không cố ý "gian" theo kiểu không hiểu mà dịch bừa làm như hiểu. Những loại sách đó rất cần cho những người trẻ muốn nghiên cứu sử mà không đủ khả năng đọc chữ Hán, loại sách đó khá lắm. Hai bộ *Đại Việt Toàn Thư* bản dịch mới nhất và *Đại Nam Thực Lục* đời Nhà Nguyễn là những bản dịch rất đáng tin cậy. *Đại Nam Hội Điển, Minh Mạng Chính Yếu* họ cũng mới dịch. Muốn tìm hiểu lịch sử Việt Nam trong vòng hai trăm năm nay, thì nên mua những cuốn ấy. Về ngôn ngữ học, các nhà ngôn ngữ học bên nhà bây giờ giỏi lắm đấy. Khảo sát tiếng Việt, họ thiếu

kinh nghiệm về đường nông cổ nhiều, nhưng số người đọc được chữ Nôm khó đã tăng lên nhiều. Hôm nay có người cháu mới qua Paris, tôi hỏi những công việc nghiên cứu bên nhà đang làm về khảo cổ học, thấy họ làm cũng cao lắm, cẩn thận lắm.

NNA: *Xin trở lại những công trình của giáo sư về Truyện Kiều.*

Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* từ thời Tây Sơn

HXH: Văn cổ của mình còn không được nhiều, nhưng mà đến thế kỷ thứ mười bảy, do thất lạc nên văn bản còn lại rất ít. Theo tôi, cụ Nguyễn Du viết Truyện Kiều từ thời Tây sơn chứ không phải vào triều Nguyễn. Sách Gia phả nói cụ đi sứ sang Tàu năm 1813, khi về mang cuốn Kiều bên Tàu về rồi mới viết Truyện Kiều, theo tôi, không đúng đâu! Trong gia đình cụ, anh lớn làm quan đại thần nhà Tây sơn, anh em trong nhà hai người đã đi sứ ở Trung quốc, chắc chắn hai người ấy mang sách về rồi cụ đọc được. Cụ chống Tây sơn, không biết chống tới mức nào, nhưng tránh không ra làm quan, sống ở thôn quê nên có nhiều thì giờ. Lại cảm thân phận mình mà viết Truyện Kiều ngay thời Tây sơn. Văn bản thời ấy không còn nữa, văn bản xưa nhất còn lại bây giờ là cuối đời Tự Đức, khoảng 1872, 1873. Hiện tôi có ba bốn bản Kiều thời đó. Sau này người ta in *Truyện Kiều* bằng chữ quốc ngữ nhiều lắm, như bản Nguyễn văn Vĩnh, bản Trần Trọng Kim-

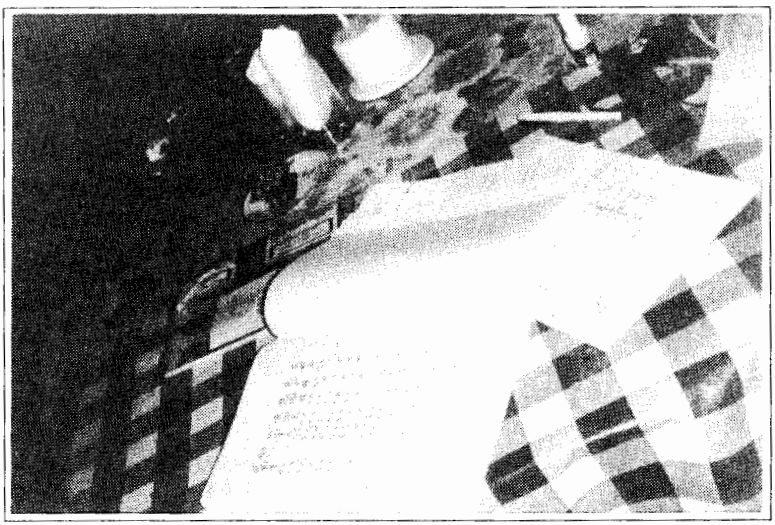

Bàn viết của Học giả Hoàng Xuân Hãn
Ảnh Nguyễn Xuân Hoàng, Paris, 1994.

Bùi Kỷ là những bản Kiều đứng đắn. Sau đó người ta in nhiều thêm, như bản Hà Huy Giáp, căn cứ vào những bản quốc ngữ đã có rồi thêm phần chú thích. Thật ra phần chú thích làm không khó đâu, vì tài liệu tham khảo nhiều. Cái khó là làm sao đọc chữ Nôm cho đúng. Cách đọc bản Kiều Nôm để phiên âm ra chữ quốc ngữ lúc đầu có nhiều sai lầm lắm. Cái khó thứ hai là làm sao truy nguyên lên để xem thời xưa Nguyễn Du có viết như thế hay không. Trong hai ba chục cuốn Kiều quốc ngữ in ra trong vòng năm mươi năm nay, không có cuốn nào tin được đâu. Nhiều người cứ nói rằng cuốn này do một người trong làng Tiên Điền cho, như một ông phán trong Nam bảo cụ Nghè Mai cho ông ấy một bản Kiều vốn của cụ Nguyễn Du. Những cái đó không đúng đâu, họ bịa ra cả. Ngày xưa những notion (ý niệm) về văn bản, các cụ không có. Đọc một chữ Nôm trong truyện Kiều, ta phải cẩn thận xem xét xem chữ ấy là chữ Nôm thời Nguyễn Du, hay do người sau đã tự ý sửa lại. Tôi lấy một ví dụ: Lúc Kiều mới đi thanh minh về, Nguyễn Du tả cảnh ban đêm (theo các bản Kiều quốc ngữ đang lưu hành):

Hải đường lả ngọn đông lân,
*Giọt sương **gieo** nặng cành xuân la đà.*

Người phiên âm đầu tiên đọc chữ Nôm gồm một bên là bộ *thủ*, một bên là chữ *liêu*, rồi phiên âm ra chữ *gieo*, vì nghĩ rằng sương trên trời gieo xuống cành. Nhưng đọc như thế không đúng. Chữ Nôm như thế phải

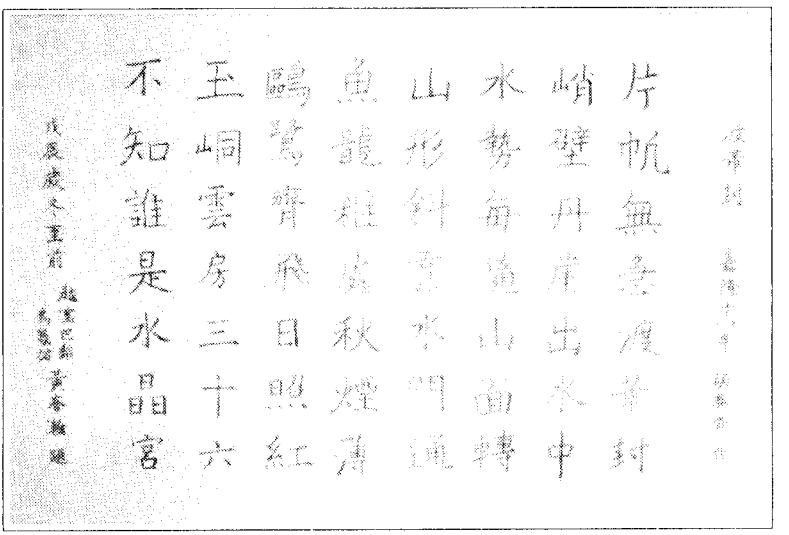

Thủ bút của Học giả Hoàng Xuân Hãn
Ảnh Nguyễn Xuân Hoàng, Paris, 1994.

đọc *treo*, vì chữ *gieo* Nôm viết khác. Đọc như thế, ta mới thấy cụ Nguyễn Du viết hay hơn nhiều. *Giọt sương treo nặng cành xuân la đà*. Sương ban đêm đọng thành những hạt treo trên những cành cây non la đà, như thế hình ảnh đẹp hơn nhiều. Chữ *gieo* viết chữ Nôm một bên bộ *thủ xóc*, một bên *chữ chiêu*. Rõ ràng vì một người đầu tiên đọc chữ Nôm sai, rồi ai cũng đọc như thế cả mà không thấy cái hay của người xưa. Một ví dụ nữa là câu: *Sắc đành đòi một tài đành họa hai* Các cụ đọc đến chữ *đội*, không biết cách nào khác liền đọc ra chữ *đòi*, nghĩa ngày xưa là *nhiều*, như đòi phen là nhiều phen, hoặc có nghĩa là theo đòi, rồi họ cứ nắm hai cái nghĩa ấy mà giải thích. Tôi đọc nhiều bản Nôm cổ, thấy những câu văn có chữ đòi ở vị trí như đòi một như trên nhiều lắm. Lúc viết cuốn La sơn phu tử, trong bản dịch Kinh Thi của La sơn phu tử có dùng chữ Núi đòi, dịch từ chữ Hộ sơn của Kinh Thi. Tôi tra tự vị thì Hộ sơn là núi không có cây, núi trọi, núi trọc trơ trọi không cây cối. Tôi lại tìm hiểu xem nếu Nguyễn Du viết trọi, tại sao không dùng những chữ có âm tương tự như thế, như trụy hay trọc chẳng hạn. Tra cứu thêm nữa, tôi mới biết là chữ đội ngày xưa có hai âm, một âm đọc là trụy. Như thế chắc chắn phải đọc câu Kiều trên đây thành: *Sắc đành trọi một tài đành họa hai* Ý nói sắc đẹp ấy chỉ có một mà thôi. Người khảo xét văn xưa, phải biết chữ Nôm là một, phải biết tiếng Nôm là hai vì đó là cổ ngữ của mình. Sau đó phải biết suy xét cái lý khiến người xưa phải viết như thế. Cho nên định giá những bản Kiều phiên âm ra quốc ngữ bản nào hơn bản nào kém, phải xét những mặt ấy.

> Nên tìm cơ hội để khảo cứu những vấn đề Việt Nam.

NNA: *Trong mấy năm gần đây, ở Sài gòn có in lại một số sách của cụ Vương Hồng Sển như* Sài gòn Năm Xưa, Sài gòn Tả Pí Lù, Hơn Nửa Đời Hư...*Giáo sư có đọc những cuốn đó chưa?*

HXH: Tôi chưa được đọc, nhưng tôi có biết danh của ông [Vương Hồng Sển], cũng như tánh cách của ông ấy. Ông là một người hiếu cổ hết sức, nghe nói ông sưu tầm được rất nhiều đồ cổ, sách cổ. Trong Nam trước có một số người như ông Lê Ngọc Trụ, Lê Thọ Xuân, Vương Hồng Sển...là những người hiếu cổ chịu khó tìm kiếm khảo sát một cách đứng đắn những chuyện xưa. Nhưng các ông thiếu kinh nghiệm về đường chữ Nho, hay biết chữ Nho cũng biết vừa, nên sách các ông ấy viết đứng đắn hơn nhiều người khác, nhưng giá trị khảo cứu thì phải xét từng "cas" một chứ không thể kết luận chung được.

NNA: *Lúc nãy giáo sư có nhắc đến Tạ Trọng Hiệp, một nhà nghiên cứu Việt*

học trẻ ở Pháp am tường chữ Hán, chữ Nôm, chữ Nhật...

HXH: Vâng, tuy nói trẻ nhưng nay anh ấy cũng năm mươi rồi. Đầu tiên anh ấy định làm một luận án lớn về chữ Nôm, nhưng vì cầu toàn quá, làm cái gì chưa được hoàn toàn thì nhất định không cho in ra, trong khi đối với Nhà nước Pháp thì họ muốn làm cái gì cũng làm cho chóng đi, lúc ấy họ mới cấp văn bằng. Anh Hiệp thì trái lại, không muốn có các văn bằng ấy khi việc nghiên cứu chưa hoàn toàn, cuối cùng nơi anh làm việc chỉ dùng anh như một *technicien* (chuyên viên) mà thôi. Tuy nhiên trong giới nghiên cứu Việt học, ai cũng biết anh có một khả năng rất cao. Nếu ai muốn tìm hiểu Việt học, tại Paris, cứ hỏi Tạ Trọng Hiệp thì biết được rất nhiều điều. Nhất là anh có một tủ sách không ai có bằng, anh ấy chịu khó tìm kiếm mà ngoại giao rất giỏi, nên sách gì ở đâu anh cũng tìm được.

NNA: *Nếu cần một lời khuyên cho những thế hệ Việt Nam sau này, về việc nghiên cứu Việt học, thì giáo sư cho lời khuyên gì?*

HXH: Các bạn trẻ, như bên Mỹ chẳng hạn, đương nhiên phải học một ngành trong trào lưu học vấn chung tại đó, để có một nghề sinh sống. Nhưng các bạn ấy cũng nên tìm cơ hội để khảo cứu những vấn đề Việt Nam, và muốn như vậy, không có cách nào khác là liên lạc với những người cùng giới ở Việt Nam, về lại Việt Nam để khảo sát tại chỗ. Chuyện đó bây giờ không còn khó khăn nữa.

NNA: *Thưa giáo sư, chuyện đó bây giờ tế nhị lắm, để gây tranh luận vì chạm tới vấn đề chính trị chứ không phải chỉ thuần có chuyện khảo cứu. Người Việt Nam tại Mỹ nhạy cảm về chuyện này hơn người Việt Nam tại Pháp hay các nước Âu châu khác.*

HXH: Nói thực tất cả chỉ do anh này sợ anh kia, cuối cùng không ai làm được chuyện gì cả. Người Việt Nam bên ấy không đủ can đảm. Những người bị mất mát nhiều thứ nên nuôi thù hận thì không trách họ được. Nhưng sợ những người ấy mà không dám nói những điều mình nghĩ, không dám làm gì cả, thì cũng không đúng đâu. Mươi năm nữa lớp cũ dần dần cũng chết đi, cốt là thế hệ sau này. Điều quan trọng là thế hệ sau có giữ được tính cách Việt Nam nữa không, chuyện nghiên cứu Việt học có tiến hơn những người Mỹ hay không. Nếu không, chắc chắn người Việt Nam bên Mỹ biết về Việt Nam ít hơn những người Mỹ biết về Việt Nam. Người Việt ở Mỹ hiện có cả triệu người, và nhiều người có tiền chứ không phải không có tiền. Nhưng tôi chắc chắn là các anh sẽ không làm được gì đâu, do chỗ người này cứ sợ người kia. Người có can đảm thì đừng kể những chuyện ấy, mình làm cho phải, cũng đừng làm quá đà, thì cuối cùng người ta cũng phải hiểu.❐

Thuyền trăng

NGUYỄN MINH ĐỨC

giai nhân ơi tình một thuở
đêm trăng nào chìm vỡ đáy sông hồ
ta đến đây rồi ngơ ngẩn cánh tay trơ
nàng đâu tá mộng hờ thôi lỡ dở

ta tự thuở ra đi
mê cung Hằng và ánh nguyệt
tự thuở thuyền trăng mê hoặc dáng giai nhân

bay bay lơ lửng mây tần
thuyền say trôi giữa mấy lần thiên cung

đây dã trối khúc nghê thường
nầy đêm sông vàng ánh nguyệt
đây gốc cội da già
nào dâu rồi vũ khúc dáng Hằng Nga

đây gốc da già dây rồi bóng ngã
chỉ một lần lầm lỡ dã xa vời
ánh vàng đầy tay sao ta nhìn trắng tỏa
ánh nguyệt rằm hay ánh tuyết rụng bơ vơ

đến nơi đây ánh vàng toàn bóng ảo
gốc da già khô hốc bến lưu đày
bên gốc da già lặng nhìn cố lý
ngỡ một vầng xanh run rẩy lạnh chơi vơi

ta đến đây rồi
bờ bến mới
đổi đời
ta đến đây rồi
thành chú cuội
muôn đời

ngóng trở lại ánh tinh cầu cũ kỹ
thuyền về đi đưa đẩy mái nổi trôi
thuyền về đi
thuyền hãy trở về đi
có phải còn lại nơi đây
dám lá non bầy trơ trọi
và dám rễ già càng cỗi cằn tóc rối

lá rồi
úa vàng
rồi
sẽ lã chã
tơi bời
lá có nhắn nhủ gì về bên này
gốc cội
hay sẽ vèo bay
một lối ngõ xa xôi.

Trời Xanh, Bên Kia Sông...

Nguyễn Mộng Giác

Tặng Kinh Dương Vương.

Buổi sáng hôm đó, toán tuần cảnh bắt về đồn một người đàn ông râu tóc bù xù, ở trần, chỉ mặc có cái quần tây dài màu xanh đậm cũ kỹ. Viên sĩ quan đồn trưởng chú ý ngay đến mái tóc quá dài, và đôi mắt đờ đẫn của người lạ. Ban đầu, viên sĩ quan tưởng đôi mắt ấy còn giữ nguyên sự sợ hãi lo lắng thường thấy trên gương mặt bất cứ khách lạ nào đến đây. Nhưng chừng năm phút sau, ông ta thấy mình lầm. Sự lạc lõng, thất thần trong lối nhìn của người đàn ông hơi khác thường. Đó là dấu hiệu của vắng mặt, của bàng quan, của xa lạ với hoàn cảnh trước mắt. Ông tò mò, ngồi lại ngay ngắn trên ghế, hỏi người cảnh sát:

—Vụ gì đó?

—Thưa thiếu úy, lão này định cởi quần áo đứng tô hô trong công viên.

Viên sĩ quan nhíu mày, hỏi lại cho rõ:

—Cái gì? "Định cởi quần áo" hay "đã cởi rồi"? "Đứng tô hô" hay là "chạy tô hô"?

Người cảnh sát cười:

—Dạ lão đã cởi xong cái áo, em còn để ngoài xe. Còn cái quần này thì lão đã mở nút, định tụt xuống. Thiếu úy thấy không, mấy hột nút chưa gài lại. Em thổi còi, lão mới sợ bỏ chạy.

Thiếu uý gật gù, vẻ mghiêm nghị cố ý không thể che được nụ cười mỉm nửa đùa cợt, nửa mỉa mai:

—Như vậy là "chạy truồng". Mãi hôm nay, phong trào đó mới tới Việt Nam.

Tất cả mọi người trong phòng đồng nổi lên cười ồ. Dĩ nhiên là trừ người khách lạ. Tiếng lao nhao bàn tán tưởng như không bao giờ chấm dứt:

—Nude Streaking Giao-chỉ.

—Hôm qua báo đăng có "chạy truồng" ở Đại Hàn. Một trung sĩ Mỹ da đen "chạy truồng" giữa phố đông.

—Thấm gì! Bên Mỹ có "chạy truồng" ngay giữa lễ phát giải thưởng điện ảnh Oscar.

—Còn chưa thú bằng "chạy truồng" trong lưu xá của nữ sinh viên.

Phải đến lúc cuộc bàn tán vô trật tự chấm dứt, và viên thiếu úy lấy lại cái uy của mình. Ông ra dấu cho mọi người im lặng, quay hỏi người khác lạ:

—Ông tên gì? Giấy tờ đâu?

Người đàn ông giật mình, đưa tay rờ lên túi quần sau như cái máy. Vẻ mặt càng ngày càng sợ sệt. Không muốn đùa dai thêm nữa, người cảnh sát đưa xấp giấy tờ cho vị chỉ huy:

—Dạ em có giữ đây. Không có gì bất hợp lệ.

Viên thiếu uý chăm chú quan sát từng mảnh giấy một, vừa xem vừa đọc to:

—Giấy căn cước tên Nguyễn Văn Út, sinh năm 1934 tại Tân Dân..., giấy miễn dịch vĩnh viễn... lý do vì đâu... bị thương hả. Chứng chỉ cư trú... ờ.. còn giá trị... Mà sao lại còn có thêm biên nhận phạt vi cảnh đây... Hóa ra khách hàng quen đây mà. Lần trước tại sao bị phạt, trong giấy, mực nhòe đọc không rõ?

Người đàn ông tên Út lúng túng, đưa tay lên rờ nhổ mấy sợi râu trên cằm.

Anh tần mần nhổ hết sợi râu này đến sợi râu khác. Phải, lần trước cách đây không lâu. Chừng hai tuần là nhiều. Người ta cũng thổi còi, cũng nắm chặt lấy hai cánh tay anh kéo mạnh ra phía sau. Chỉ khác một điều: đồn cảnh sát ở ngay bên cạnh, người ta không cần dùng đến xe. Người thẩm vấn già hơn, đáng bậc cha chú của ông này. Lời lẽ nghiêm khắc hơn. Từng tiếng dằn xuống, gọn sắc như nhát dao trên thớt. Ông ta giải quyết vấn đề nhanh, ra lệnh gọn: "Cởi quần áo giữa đám đông, phạm thuần phong mỹ tục, mang tội công xúc tu sỉ. Biên giấy phạt vi cảnh". Anh Út không nhớ chính mình lục bóp trả tiền hay chính người cảnh sát thu số tiền đó trong mớ giấy tờ lộn xộn, bèo nhèo ở trên bàn trước mặt ông. Điều đó đâu quan trọng gì! Anh được thả ra, lòng hoang mang không hiểu thứ ma quỉ nào nhập vào anh, buộc anh làm những việc trơ trẽn kỳ quái như vậy. Anh đã đứng tuổi, gia thế không đến nỗi thấp hèn. Anh không bao giờ, nhất định không bao giờ muốn làm trò cười cho đám đông. Anh thích ăn mặc chỉnh chạc, đi đứng khoan thai, ăn nói ôn tồn. Chiều chiều, anh thích đi dạo một mình trên bờ biển, nhìn những đợt sóng xô nhau tiếp nối như từng ngày từng tháng tiếp nối đưa anh vào tuổi già mệt mỏi. Những buổi chiều lặng

lẽ ấy, dạo một mình, anh thường ngâm thơ, hay tập làm thơ. Lúc đó anh cách xa với cuộc sống rộn rịp quay cuồng. Anh tự tại, anh độc lập. Để bù vào những buổi chiều trầm tư ấy, có những buổi sáng anh dấm mình trong cái rộn rã, náo hoạt ở công viên, đến sạp báo cạnh rạp chiếu bóng đọc hết tin giật gân này đến tin động trời khác. Anh không còn là anh nữa, anh trở thành tiếng rao mì của chú ba Tàu già, tiếng leng keng của chị bán bong bóng, tiếng nổ quá lớn một chiếc Honda cũ, tiếng trẻ ăn xin lè nhè gần bên quán nước. Anh nhập vào cuộc, như một giọt mưa đông nhập vào cuồng lưu dục ngầu phù sa tràn khắp các cánh đồng duyên hải. Anh quen thân với đống rác góc phố, câu khẩu hiệu giằng giữa hai trụ điện, tên du dãng chuyên cướp tiền lũ trẻ đánh giày, con chim nhỏ lơ láo trên nóc đài tưởng niệm chiến sĩ, dám cỏ úa trên công viên, người lính tuyển mộ pháo binh, anh cảnh sát áo xám cau có.

Viên thiếu úy không dằn được tức giận, giọng hỏi xẳng:

—Thế nào? Lần trước tại sao bị phạt?

Người đàn ông ngơ ngẩn hỏi lại:

—Dạ?

—Vì sao có cái giấy này?

—Dạ vì...vì người ta thấy tóc tai của tôi...

Thiếu úy ngắt lời người đàn ông:

—Đúng lắm. Ông để tóc hippy. Không hợp đâu. Hippy là tụi con nít kia. Tụi nó vô công rồi nghề, tiền bạc nhiều, bắt chước Âu Mỹ để tóc dài, mặc quần áo dị thường, cổ đeo chuỗi ốc. Ông chừng ấy tuổi, hippy coi sao được...

Viên sĩ quan ngập ngừng, rồi dừng lại. Chính thiếu úy cũng biết suy luận của mình không được ổn. Người đàn ông này đã ngoài bốn mươi. Nét mặt khắc khổ, dày dạn. Đôi mắt thiếu linh hoạt, là bằng chứng sự cam chịu hơn là óc a dua đua đòi. Hay người này là một đạo sĩ, hoặc một cuồng sĩ? Nhưng đã lỡ phóng lao, thiếu úy phải đẩy tới cùng:

—Âu Mỹ khác, mình khác. Đâu có thể cái gì cũng bắt chước được. Thấy người ta để tóc dài thì bắt chước để tóc dài. Thấy người ta "chạy truồng" thì cũng bắt chước "chạy truồng". Người ta làm có ý nghĩa. Người ta đòi hỏi sự thật trần truồng về vụ Watergate. Người ta đòi được biết hết nội dung bao nhiêu cuốn băng mật. Cả một phong trào đòi hỏi sự thật đang làm chấn động dư luận Mỹ. Người ta muốn một hình thức biểu lộ nào đó. Mít-ting. Cũ rồi. Biểu tình. Tổ-chức rắc rối lắm. Ngồi lì. Đã buồn lại mệt. Phải tìm cách nào cho vui nhộn. Các cô các cậu sinh viên tìm ra được hình thức mới nhất: "chạy truồng". Người ta cởi quần áo nhằm ý nghĩa sâu xa như vậy, chứ đâu phải làm khơi khơi.

Viên thiếu úy dừng lại để tận hưởng sự thán phục của mọi người

trong phòng, đoạn quay về phía người đàn ông trách móc:

— Ông chừng ấy tuổi đầu, dâu phải con nít, thấy báo đăng bên Mỹ có phong trào "chạy truồng", cũng bắt chước chạy truồng!

Bây giờ thì anh dựa sát vào tường. Anh có đủ cảm giác an toàn để hiểu được một phần lời trách cứ của viên thiếu úy. Chỉ có những kẻ trẻ người non dạ mới hay bắt chước. Người ta cởi quần áo ra mà chạy, mặc kệ họ. Mình có lập trường riêng... Nhưng...không được, không thể được! Phải làm như mọi người! Trong những tình thế đặc biệt đầy đẫy suốt cuộc đời anh, anh rút được một kinh nghiệm quí giá: là đừng làm cái gì khác thường. Dạo sống khôn ngoan nhất là chìm vào đám đông vô danh, lẫn mất giữa đồng phục. Đời luôn luôn muốn vậy. Hồi đó anh bị Pháp bắt trong chiến dịch Atlande, và bốn tháng sau khi ký hiệp định Genève, hai bên Pháp Việt bắt đầu trao trả tù binh.Trước khi lên xe Hồng thập tự, người ta phát cho bọn anh cùng một loại quần áo. Mỗi người mặc một cái áo vải popeline fort đen, và một cái quần dài cùng mầu. Trước ngực mang một tấm bảng ghi tên họ, tình trạng vết thương hay bệnh tật, và các thứ thuốc đã chữa trị. Cầm đầu phái đoàn là một thiếu tá, anh nhớ hình như thiếu tá Hall. Đoàn xe Hồng thập tự chở hơn hai trăm tù binh bộ đội khởi hành ở Qui Nhơn lúc 9 giờ, vì đường xấu nên đến trước cửa chùa Hang - địa điểm trao đổi tù binh - lúc 10 giờ. Người Pháp còn đem theo hai chiếc trực thăng đậu sẵn ở đám ruộng khô phía dưới chùa chuẩn bị chở tù binh Pháp bị thương nặng về thẳng Nha Trang. Mọi người lục tục xuống xe, sợ mấy gương mặt hung dữ đỏ gay của bốn người lính Pháp nên nem nép lặng lẽ xếp hàng tư đứng trước tấm "tăng" lớn giăng trên đường nhựa. Nhìn qua phía bên kia, anh thấy người ta lần lượt khiêng thương binh Pháp bằng chõng tre đặt ngay ngắn dưới nhà rạp cất tạm bên vệ đường. Sĩ quan hai bên bàn bạc thương lượng ngay trước cổng chùa. Giống như tất cả mọi người trong đoàn, anh phập phồng theo dõi cuộc bàn bạc, sợ các trục trặc bất ngờ vào phút chót làm ngăn trở cuộc đổi tù. Trời nắng chói chang, khí nóng bốc hơi từ mặt đường nhựa loang lổ và vách đá núi. Sống trong khí hậu này, một người cục súc như thiếu tá Hall có thể dễ dàng nổi cáu và đổi ý kiến. Anh nheo mắt về phía cổng chùa như nhìn tương lai của đời anh.

Nếu cuối cùng, họ gật đầu? Anh sẽ chạy qua khỏi cổng chùa, đến chỗ nhà rạp. Anh sẽ vứt bỏ bộ mặt lù đù ngu ngốc giả tạo, vừa chạy vừa cười về phía những người bạn người thân đang chờ đón anh. Anh sẽ cười hả hê, hét to cho sướng phổi. Anh sẽ nhảy cỡn như con nít giữa trưa nắng. Mẹ anh, người mẹ già chắt chiu dành dụm tất cả thứ của ngon vật lạ và lòng thương yêu cho đứa con trai út, chắc đang nôn nả chờ anh đâu đó. Sau nhà rạp? Không thể được. Đây là khu phi quân sự. Phải xa hơn nữa, như phía bên kia sông Trường Úc hoặc trên Chợ Huyện. "Mẹ ơi! Chắc bạn bè con trong Trung đoàn 803 trên đường rút về

hậu phương chuẩn bị tập kết có gặp mẹ, báo tin cho mẹ hay rằng con đã chết mất xác trên rừng Trường sơn. Con không chết được đâu mẹ. Út của mẹ không thể chết được. Con chỉ bị ngộp vì khói bốc lên từ đoàn xe bị phục kích trên đường 19. Con bị lạc đơn vị, bị Pháp bắt khiêng một tên trung tá lội rừng suốt hai ngày từ cây số 15 cho đến cây số 22, sau đó được chở về Qui Nhơn để chờ trao trả tù binh ngày hôm nay. Con của mẹ khổ sở vất vả lắm. Sáu tháng trường chúng con vật vã với rừng hoang, lưng chúng con rướm máu vì khuân không biết bao nhiêu lương thực và vũ khí để chuẩn bị cho cuộc phục kích cuối cùng. Ngày này qua ngày khác, chúng con chỉ ăn toàn một thứ cơm thiu với muối, và nước suối đục là ổ vi trùng sốt rét và kiết lỵ. Tụi bạn con đã quỵ xuống, bị trung đoàn bỏ lại cho thú dữ. Có đứa tan xác vì B26 hoặc Bearcat. Út của mẹ thì không! Con của mẹ dẻo dai chịu dụng, ốm nhưng bền như cây sậy. Mẹ có đem quà cho con không mẹ?".

Có ai xô sau lưng anh. Ơ kìa, thiếu tá Hall đang tươi cười vẫy tay ra hiệu cho bọn anh tiến tới. Giờ phút mầu nhiệm đã đến. Thần kinh anh căng thẳng, tưởng sắp đứt ở lưng chừng cố gắng. Anh cảm thấy nghẹn nơi cổ họng. Giá anh được thét lên một tiếng! Anh quay nhìn hai bên, đằng trước, đằng sau. Mọi người đều lầm lũi bước, nhịp bước vô hồn. Anh nhìn qua phía bên kia. Họ đã khiêng thương binh Pháp đến gần cổng chùa. Máu nóng nhộn nhạo trong người anh, và trên từng làn da thớ thịt, anh có cảm tưởng sắp có thứ gì nổ bùng như loại thủ pháo anh thường sử dụng. Đoàn người tiếp tục tiến, tiến gần ranh giới trước chùa. Tiến gần. Tiến gần hơn. Tĩnh vật cuối cùng anh ghi nhận là cổng chùa rêu phong, sau đó là cơn địa chấn: Đoàn người uể oải trầm lặng bao quanh anh đột nhiên hét lớn: "Đả đảo Bảo Đại". Ban đầu tiếng hét còn lộn xộn, càng về sau tiếng hét càng nhịp nhàng theo cánh tay giơ cao. Anh biết mình đã qua khỏi vùng dịch. Cả đoàn chạy về phía nhà rạp. Chập chờn trước mặt anh là những hình ảnh người mẹ già đang ngồi bóm bẻm nhai trầu. Anh chạy nhanh hơn, tay phải giơ cao, miệng hô khẩu hiệu. Cán bộ trong đoàn đã rút cờ đỏ giấu trong người ra phất. Anh nhìn lá cờ bay như cái khăn trầu phất phơ của mẹ. Chung quanh anh, bạn bè bắt đầu xé rách bảng tên trước ngực, lần tay cởi áo vứt xuống đường. Câu khẩu hiệu thay đổi: "Đả đảo thực dân Pháp". Anh khựng lại một chút, chợt nhớ ra bạn anh biểu lộ sự căm thù thực dân bằng cách vứt bỏ hết y phục do thực dân may sắm. Anh nghĩ nhanh: "đúng lắm", và bắt chước mọi người. Bạn bè anh đang cởi vứt quần áo, anh cũng phải cởi vứt quần áo. Mẹ anh chắc đã mang sẵn quần áo mới cho anh. Hình ảnh bà cụ chập chờn trong nắng rực rỡ làm cho anh vụng về, chậm chạp hơn các bạn. Anh vứt được cái áo, tự khen mình bằng cách đưa thẳng nắm tay phải lên cao để hét to: " Đả đảo Bảo Đại". Bằng bàn tay trái, anh lần tìm gút dây lưng để cởi nốt cái quần. Chính lúc đó, lúc anh cách đoàn người đang đứng chờ đón anh dưới mái nhà rạp độ mười thước, anh mới khám phá ra trở ngại oan nghiệt: anh quên mặc quần lót.

Trong số 231 tù binh được Pháp trả về hôm ấy, chỉ còn một mình anh gắng gượng giữ lại cái quần đen vải popeline fort của thực dân. Mưa buồn bắt đầu đổ rả rích từ đó, dai dẳng suốt cuộc đời anh.

Người cảnh sát trẻ ngồi gần cửa sổ nhận xét:

—Hình như người nầy không bình thường, thiếu úy. Mắt ông ta lạc thần. Ông ta không hiểu mình nói gì cả.

Người lính đưa ông Nguyễn Văn Út về đồn cũng bảo:

—Không phải hippy già đâu thiếu úy. Chắc là một ông đạo ở trong Nam ra, sống dị thường, như ông Đạo Dừa. Biết đâu đây là ông đạo trong mùa chay, phải tịnh khẩu.

Người cảnh sát thứ ba góp ý:

—Hay ông này là đồ đệ tên cuồng sĩ bên Tàu, nằm trần truồng trong nhà mà ca hát. Người ta cho ông ta điên. Ông bảo người ta điên, hẹp trí. Ông ta lấy nhà cửa làm quần áo, lấy trời đất làm nhà cửa, mà dám bảo là điên.

Cả phòng lại cười. Viên thiếu úy rụt rè bảo:

—Chắc ông này mất trí. Nhờ vậy mới được miễn dịch vĩnh viễn. Còn nếu không...

Người cảnh sát trẻ tuổi muốn thử lần chót, đến gần ông Út nói như quát vào mặt:

—Tại sao? Tại sao lại cởi quần áo trước đám đông mà không biết xấu hổ? Trời đất! Sao chắp tay đứng trân vậy? Ông thả tay ra đứng ngay ngắn tôi coi!

Người đàn ông giật mình, bàn tay phải thả bàn tay trái, đứng thật thẳng, lưng không dựa vào tường nữa. Viên thiếu úy cười vui vẻ:

—Đâu có. Ông ta hiểu mình nói gì mà. Lúc đầu, tôi hỏi, ông ta trả lời đàng hoàng. Đây là một trường hợp...

Anh không nghe hết được câu nói của thiếu úy. Trí nhớ mong manh của anh đính cứng vào một hình ảnh vừa được người lính trẻ gợi lại: hình ảnh hai bàn tay nắm chặt lấy nhau. Bàn tay phải bóp chặt bàn tay trái để trừng trị. Và bàn tay trái cũng muốn bóp nát bàn tay phải. Cả hai đều có tội. Trước hết là bàn tay trái. Tại nó, vì nó mà anh điêu đứng, ngay từ phút đầu. Vì sao nó dám giữ chặt lấy lưng quần popeline fort đen, không chịu buông thứ y phục ô nhục đó xuống dất nhớp, để dày xéo lên trên? Bàn tay trái này là bằng chứng tinh thần nô lệ, vọng ngoại. Người ta nhìn anh xúng xính cái quần vải tốt như nhìn một kẻ lộn sòng. Các cô gái trong ban tiếp tân cũng phát nón cho anh, phát khăn cho anh. Nhưng họ giả vờ sơ ý, không bưng cho anh bát nước trà đường như đã bưng cho mọi người trong đoàn. Họ còn tụ nhau lại xì xào bàn luận thật lâu

trước khi phát thêm cho anh cái áo. Cô gái có đôi mắt thật sắc sảo và cái cằm lẹm đã nói với anh:

—Anh chỉ cần cái áo. Còn cái quần, anh có rồi. Chắc anh chỉ thích loại vải sang mà thôi. Chúng tôi mặc toàn vải ta, quê mùa.

Mua mùa đông không tạnh ngay chiều hôm ấy. Người ta triệu anh lên thẳng bộ chỉ huy trung đoàn, không cho phép anh ghé nhà nhìn lại cái khăn trầu và đôi môi mẹ nhóp nhép. Anh bị biệt cư, làm hết tờ phản tỉnh này đến phản tỉnh nọ. Từ trong phòng vắng, anh đau khổ nôn nao nghe tiếng cười những đêm liên hoan gió thổi tạt từ bên kia vườn, tiếng con chuột rúc trong xó tối, tiếng lá chuối rừng mình, tiếng võng đưa kẽo kẹt của người lính canh. Anh trốn khỏi đơn vị giữa khung cảnh xô bồ biến đâu của những ngày cuối năm 1954 như một phép lạ. Cảnh tranh tối tranh sáng: một bên sắp ra đi muốn tiêu diệt tất cả mầm mống đối nghịch để chuẩn bị cho kế hoạch đấu tranh mới, một bên sắp đến muốn gieo những mầm sống ban đầu cho chế độ. Tình thế hỗn mang như cơn lốc, quật gãy vùi dập những cành cây cứng. Tin một phó-chính-ủy bị trùm kín để cưỡng ép xuống tàu được loan truyền khắp nơi, càng làm cho anh hốt hoảng. Suốt ba tháng ròng, anh thực sự thành dân du mục. Ban ngày anh trốn nấp ở xó bụi ven rừng nào đó, ban đêm bò ra đào trộm khoai mì ăn ngấu ăn nghiến. Râu tóc anh mọc dài cùng với lòng thù ghét loài người và ánh sáng mặt trời. Áo quần anh rách mục. Anh nhớ mẹ, thèm được nhìn lại ngôi nhà xưa, nhìn lại giàn bí trước sân, ngắm những con bướm vàng bay trên những luống cải bẹ. Anh thèm đứng thẳng, không sợ trước mặt, lạnh sau lưng. Cho đến ngày chiếc tàu Ba Lan chở đoàn quân cuối cùng nhổ neo khỏi biển Qui Nhơn hướng ra phía Bắc, anh thở phào nhẹ nhõm. Thế là thoát.

Nhưng chính lúc đó, bàn tay phải lại bắt đầu hại anh. Chính nó, chính nó đã siết chặt năm ngón lại nhau thành một khối ý chí, khối bạo lực, đòi đả đảo vị vua cuối cùng của triều Nguyễn. Nó có tội với chế độ mới, như bàn tay trái có tội với chế độ cũ. Nhiều, rất nhiều người sẵn sàng làm chứng để kết tội anh, đó là chưa kể các chiến tích của anh dọc theo quốc lộ xuyên rừng. Lần này, phải chính nó cầm viết tự thú, cầm viết cam kết ly khai, cầm cờ tuyên thệ. Anh tìm được đôi chút bình an, nhưng càng ngày càng trở nên lơ đãng, ơ hờ. Kỷ niệm lần lượt bỏ anh mà đi. Anh xa lạ với cỏ cây, mặt trăng mặt trời, trước mặt và sau lưng. Thảm kịch ấy kéo dài gần suốt hai mươi năm nay, trầm lặng như những ngọn gió âm thầm thổi qua các đỉnh núi đá cây cối cằn cỗi. Gần đây, anh tự thấy mình đổi khác, và điều ấy khiến anh lo sợ, rồi hốt hoảng. Đột nhiên anh trầm ngâm, đột nhiên anh yêu đời. Và giữa giai đoạn chuyển tiếp, trong kẽ hở của tối và sáng, âm và dương, từ cõi âm u mù khơi dâng lên niềm tiếc nuối: Anh tiếc cho đời anh, hối hận tại sao không để mặc cho cái quần popeline fort rơi xuống, mà lại dùng bàn tay trái giữ lại. Tại sao mình không để mặc trần truồng, cho sự thật đơn giản là sự thật, cho cuộc sống xuôi theo chiều lịch sử như giọt

Mùa lá lục
HUỲNH LIỄU NGẠN

anh gửi mây bay về cuối xóm
mấy hàng lũy bạc rập ngoài khơi
vắng tiếng hằng reo từ dạo tết
mà mai nương nợ bóng ngàn rơi

đời lệch xuống chiều nghiêng xuống cửa
chờ em xao lá lục mùa khô
mưa mai mỏng gió làm sao đợi
một mảng nắng về thấp dưới ô

lấy chút buồn rơi từ năm đó
nhà xa em ghé có mấy lần
ngày đi ngõ nghẹt đường mưa ẩm
gót em lún lụa ướt rèm đông

thương chi mấy giọt mưa đầu nội
vương cả ngàn sao giữa đêm rồi
ngoắt một lần tay đưa theo với
anh ngõ ngàn sao cũng xa rồi.

nước mưa thuận dòng từ suối ra sông từ sông ra biển? Tại sao không vất hết bộ y phục ấy đi, để chìm vào đám đông, lặn trong đồng phục? Sự đĩ lỡ đó, liệu còn cứu vãn được không? Lúc này? Tại đây? Chao ôi! Giữ kín một chút "riêng tư nhỏ nhoi" mà phải gặp bao nhiêu oan nghiệt ấy hay sao? Anh thương hại mình nồng nàn, mà cũng bỡ ngỡ lo ngại cái tiếc nuối huyền bí lâu lâu xuất hiện đưa đẩy anh làm chuyện lố lăng. Sự dao động trong tâm hồn anh quá sức chịu đựng của cái thân thể ốm đói. Anh thút thít khóc, trước sự kinh ngạc của mọi người.

Người cảnh sát reo to:

—Em nói đúng. Lão ta điên mà.

Viên thiếu úy trưởng đồn gật đầu, ra lệnh:

—Thôi. Trả áo lại cho ông ta. Tìm phố vắng thả ống xuống.

Người ta trả cho người đàn ông cái áo sơ mi xanh đã rách ở lưng và cánh tay. Ông ta chụp lấy áo, đội lên đầu, rồi chạy nhanh ra khỏi đồn. Hai ống tay áo rũ liệt phất phơ như đôi tay của một loài ma.□

Hãm địa

LÂM CHƯƠNG

Tôi ở đây núi rừng Việt bắc
Đời hãm vây trong nỗi khốn cùng
Vách núi ngăn tư bề chớn chở
Rừng âm u sương muối đại ngàn

Những bạn tôi ngồi như cổ thụ
Già trăm năm trước tuổi không ngờ
Manh áo vá che mùa gió chướng
Mặt hao gầy râu tóc xác xơ.

Tay rướm máu sức người cùng tận
Buổi chiều về không đủ miếng ăn
Nỗi cơ cực gặm mòn sự sống
Cây khẳng khiu sự sống khô dần.

Mùa đông đến mưa phùn gió bấc
Suốt mùa đông không thấy mặt trời
Đêm lán trại chìm trong nỗi chết
Tiếng cú kêu trù ẻo rợn người.

Thời mạt vận quỉ thần quay mặt
Nghiến chặc răng kình với tai ương
Người bỏ cuộc đi về với đất
Chiếu bó thây nằm lại rẫy nương.

Hồn oan khuất la đà ngọn cỏ
Mộ không bia lạnh ngắt chân đồi
Mùa mưa lũ đất trôi nước cuốn
Xóa nhòa đi dấu tích một thời.

Chốn hãm địa rừng hoang nước độc
Trời sa mù ẩm đục quanh năm
Mặt đất ướt xông mùi lá mục
Nước suối khe mầm bệnh sốt rừng.

Trên ngàn xanh mồ hôi đổ xuống
Phá rừng già dốt rẫy khai hoang
Người với đất chung niềm đau nhức
Dật lặng thinh phơi bãi tro tàn.

Những bạn tôi cây đời thiếu nước
Cố ngoi lên thân xác mỏi mòn
Bao nghiệt ngã xé lòng đau rách
Ngọn tre già lả xuống tang thương.

Yên Bái 1978

Quyên

Hoài Mỹ

Chuông hiệu báo hết giờ trực. Tôi vẫn tiếp tục lật từng trang cuốn đặc san cũ, xem những hình chụp các biến cố quan trọng trong năm. Chán chê tôi mới đứng dậy đi tắt các ngọn đèn, khóa cửa, ra khỏi xí nghiệp.

Mưa vẫn rơi rả rích. Thành phố Bergen tôi ở vốn nổi tiếng mưa nhiều. Mưa quanh năm suốt tháng. Bởi thế biểu tượng của thành phố mới là cây dù giương lên. Thiên hạ cứ ra khỏi nhà là cắp dù theo dầu lúc đó trời đang nắng, coi cây dù như vật bất khả ly thân. Tuy ở đây đã lâu, không còn lạ gì khí hậu, thế mà lúc chạy vội ra xe, tôi vẫn buộc miệng sau tiếng chửi thề:

— Trời đất chi lạ, mưa hoài!

Mở máy xe rồi tôi ngồi chờ sức nóng thổi tan hơi nước bám mờ mặt kính. Tôi nghe tâm hồn trống vắng vô cùng. Không một ý niệm về thời gian. Một ngày như mọi ngày.

Vì không muốn về nhà vào lúc này, tôi cho xe chạy vào trung tâm thành phố. Cả thị xã vắng tanh, sũng nước. Dường như không một bóng người qua lại. Sự sống động thường nhật đã biến mất từ bao giờ. Xứ này như thế đó. Ngày thường cứ khoảng bốn năm giờ chiều trở đi, mọi sinh hoạt từ các công, tư sở đến các cơ xưởng, hàng quán, cửa tiệm đều ngưng đọng. Cuộc sống lắng xuống, im lìm. Những ngày lễ tết, các chiều cuối tuần đường xá càng vắng vẻ. Thành phố chết trong hoang lạnh, buồn thiu.

Vòng hết các con đường, tôi chẳng tìm được hứng thú gì, đành hướng xe về ngoại ô, định về nhà.

Trời đột nhiên chuyển mình, đổ mưa như trút nước. Tuy máy xe nổ đã lớn, tôi vẫn nghe rõ tiếng gió rít liên hồi bên ngoài. Mưa nặng hạt thi nhau giáng xuống mui xe khiến đầu óc tôi lùng bùng những âm thanh hỗn loạn. Hai cái gạt nước chạy xối xả. Tôi phải giảm bớt tốc lực vì

đường quanh co. Hơn nữa mắt tôi cũng đã bị giới hạn tối đa bởi hằng hà sa số tia nước trắng xóa trước mũi xe. Bỗng - do phản ứng vô thức - tôi hoảng hốt đạp thắng. Chiếc xe đang ngon trớn bị giật gấp lại, gần như xoay quanh giữa đường. Tôi cố định thần để ý thức hiện tại. Tim tôi đập thình thịch. Mắt mở căng nhìn. Một người mặt áo trắng từ trong lề đường trườn cả thân mình ra vẫy xe tôi - hay nói đúng hơn chận xe tôi lại. Tay nắm chặt vô-lăng, tôi gắng lấy lại bình tĩnh. Sau đó tôi điều chỉnh xe vào gần lề đường. Một luồng điện chạy dọc theo sống lưng tôi. Chắc người này muốn xin quá giang. Tôi nghĩ nhanh vậy rồi quay cửa kính xuống. Gió lạnh ùa vào. Mấy hạt mưa bắn lên mặt giúp tôi tỉnh táo hơn. Bây giờ tôi mới nhìn rõ. Đó là một thiếu nữ. Tôi càng ngạc nhiên hơn khi nhận ra cô gái này không phải là người Na Uy như tôi đã đinh ninh, nhưng chắc chắn phải là một người Á Đông. Những mảng tóc đen rũ rượi xuống khuôn mặt trắng bệch của nàng. Trong khi tôi chưa biết phải dùng ngôn ngữ gì thì nàng đã hỏi, bằng tiếng địa phương:

— Ông có về phía phi trường không, cho em đi nhờ?

Giọng nói của nàng ngượng ngịu, khó nghe. Tôi đoán có thể vì lạnh quá mà hai quai hàm của nàng cứng lại nên phát âm không còn tự nhiên. Tôi mở chốt cửa xe. Nàng vội vã leo lên ngồi. Tôi mỉm cười tỏ dấu thân thiện. Nàng cũng nhếch môi định cười đáp lại, nhưng miệng nàng méo xệch, nhìn thảm hại. Tôi nói một câu bâng quơ để gây bầu không khí tự nhiên:

— Mưa lớn quá sức!

Nàng đáp, vẫn giọng run run:

— Vâng. Hồi sáng lúc ra khỏi nhà, em vội quá không kịp đem dù theo. May ghê, gặp ông.

Lúc đó tôi mới sực nhớ nàng đang bị lạnh. Tôi cởi áo khoác đưa cho nàng:

— Cô mặc tạm.

Tay nàng đỡ áo, môi chúm lại như muốn nói gì, nhưng lại thôi. Tôi thấy mắt nàng long lanh trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn trên trần xe.

Tôi rồ máy cho xe chạy tiếp. Trời tối đen. Hai ngọn đèn xe vạch thành hai đường sáng dài, chiếu những tia mưa chém chéo xuống mặt nhựa ngập nước. Đường có nhiều khúc quẹo gắt. Trong khi đó đầu óc tôi không ngừng quanh quẩn với những câu hỏi. Người con gái này là ai? Nàng là người Việt, Phi, Nhật hay Đại hàn? Nhưng chịu. Trong xe không đủ sáng để tôi có thể quan sát mắt nàng một hay hai mí, da nàng trắng hay ngăm ngăm hầu đoán được xuất xứ của nàng. Cuối cùng tôi đành gợi chuyện bằng cách tự giới thiệu tên mình. Nàng cũng đáp lại:

— Còn em là Kristin Berge, nhưng em là người Việt.

— À...

— Em là con nuôi cho gia đình Na Uy từ hồi bé xíu. Em... chẳng biết tí gì về Việt nam cả.

Tôi liếc nhìn Kristin đúng lúc nàng cũng quay sang ngó tôi. Tóc nàng còn ướt dính lại từng bệt xõa xơ xác xuống bờ vai. Tôi muốn nói một câu gì đó để bày tỏ niềm thông cảm, nhưng không tìm ra lời thích hợp. Kristin kể tiếp; giọng nàng đã tự nhiên hơn:

— Em cũng muốn tập nói tiếng Việt lắm, nhưng...

Tôi vội đỡ lời:

— Không sao. Hy vọng vốn liếng tiếng Na Uy của tôi không đến nỗi tệ.

— Ông nói hay lắm chứ. Ông ở Na Uy lâu chưa?

— Hơn mười năm. Chắc cô cũng quen một vài người Việt?

Kristin chép miệng:

— Không. Em chẳng dám.

— Sao vậy?

— Em không nói được tiếng Việt, sợ người ta cười.

— Thì cô cứ dùng tiếng Na Uy, hầu hết người Việt ở đây đã nói được ngôn ngữ này.

— Em biết, nhưng em vẫn thấy kỳ kỳ sao ấy khi giữa người đồng hương nói chuyện với nhau mà phải dùng tiếng nước khác.

Tôi bật cười:

— Trường hợp bất đắc dĩ mà cô, giống như cô với tôi từ nẫy đến giờ nói bằng tiếng Na Uy vậy. Có sao đâu!

Kristin cũng cười theo:

— Ông là người Việt Nam đầu tiên em gặp. Lúc vẫy xe, em đâu ngờ....

Nàng bỏ lửng câu nói. Tôi bắt đầu có cảm tình với người con gái xa lạ này.

Chợt Kristin húng hắng ho. Nàng cúi đầu ôm mặt trong hai ống tay áo khoác dài quá khổ của tôi. Tôi ái ngại nhìn nàng. Có lẽ nàng bị cảm lạnh. Tôi sực nhớ những miếng mứt gừng mà mẹ tôi mới gửi từ Việt nam qua. Tôi bảo Kristin mở nắp hộp chỗ để thẻ chủ quyền xe cùng một số giấy tờ linh kinh. Nàng lấy ra một gói tròn bọc trong bao ny lông và quấn bên ngoài bằng hai ba sợi thung.

— Cái gì thế này? Kristin tò mò hỏi.

— Kẹo ngậm cho ấm người, hết ho.

Kristin cầm một miếng mứt gừng đưa gần sát mặt như để quan sát một vật lạ lùng:

— Ngộ quá, em chưa thấy bao giờ.

— Gừng.

— Làm sao mà nó ra thế này chứ?

— Dại khái người ta thái gừng thành những lát mỏng, ngâm nước muối chừng một đêm, sau ướp với chanh rồi cho vào chảo thắng với đường cát trắng cho tới khi khô lại.

Nàng rụt rè cắn nhẹ miếng mứt gừng; miệng xuýt xoa:

— Cay ghê! Ở đâu mà ông có được? Các cửa hàng thực phẩm Na Uy không thấy bán, phải vậy không ông?

— Quà mẹ tôi gửi từ Việt nam sang đấy. Năm nào bà cụ cũng cho một ít mứt kẹo ăn tết, trong đó bao giờ mứt gừng cũng nhiều hơn cả. Bà cụ bảo bên Na Uy lạnh, tôi phải ngậm gừng luôn cho khỏi ho.

— Ông sung sướng thật!

— Tôi đã bằng này tuổi đầu mà bà cụ vẫn thấy tôi còn nhỏ. Không thư nào viết qua mà bà cụ không nhắc tôi phải mặc áo ấm đầy đủ, ăn uống đàng hoàng, bớt hút thuốc và... đi ngủ sớm.

— Các bà mẹ Việt nam thương con quá nhỉ... Em tiếc không còn mẹ.

Câu nói bất ngờ của Kristin làm tôi bối rối. Tôi thường rất vụng về trong việc an ủi người khác. Gặp ai tâm sự điều gì nhất là chuyện buồn, tôi chỉ biết ngồi ngây người lắng nghe. Lòng tôi xao động, hòa nhịp với nỗi niềm của họ nhưng miệng lưỡi tôi lại không chịu mở ra những câu thích hợp chia sẻ. Cũng như lúc này đáng lý tôi cần nói đôi lời thông cảm với Kristin, tôi lại nín thinh, bặm môi. Đột nhiên giọng Kristin run lên:

— Em nghĩ có thể... mẹ em còn sống.

Rồi không kịp để tôi có ý kiến gì, nàng nói tiếp:

— Ba má nuôi của em hiện còn giữ được một giấy khai sinh cũ của em khi ông bà nhận em làm con do cơ quan Caritas chuyển. Hôm nào ông có dịp tới chơi, em sẽ cho ông đọc.

Tôi bắt ngay đề tài này, nói như reo:

— Hay quá, tôi sẽ được biết tên Việt nam và nguyên quán của cô. Dám tôi với cô cùng quê lắm đấy!

Nhưng Kristin lặng thinh. Hẳn nàng đang đeo đuổi những ý nghĩ quan trọng khác. Bầu khí giữa chúng tôi trầm xuống. Tôi cũng không biết nói gì nữa; mắt chăm chú về phía trước. Chiếc xe tiếp tục nuốt những chặng đường loang loáng nước. Mưa bớt nặng hạt nhưng vẫn mau.

— Kìa, nhà em kia rồi!

Tiếng Kristin bỗng vang lên. Từ phía xa tôi thấy hiện ra lờ mờ một ngôi nhà đứng trơ trọi giữa khoảng trắng đục của một ngọn đèn. Hàng ngày lái xe qua lại chỗ này ít nhất hai lần, nhưng sao lúc này tôi không nhận nổi một nét quen thuộc nào của khung cảnh. Ngôi nhà hoàn toàn

xa lạ đối với tôi.

— Hồi sáng em có việc đến... nhà thương. Xong, em ghé nhà nhỏ bạn Đại Hàn cũng là con nuôi như em. Em về trễ thế này chắc ba má em trông lắm.

Giọng nói của Kristin đã trở lại bình thường, nghe thánh thót. Nàng kể tiếp, thật dịu dàng:

— Chiều cuối tuần nào cũng vậy, ba má với em thường ngồi trước lò sưởi. Ông bà uống rượu với thịt trừu hun khói, còn em ăn hạt dẻ, nho khô với nước Glogg hâm nóng.

Tôi bùi ngùi:

— Nghe cô kể, tôi thèm không khí gia đình quá.

Nàng quay nhìn tôi:

— Chắc ông cũng có thân nhân ở đây?

Tôi lắc đầu:

— Cha mẹ với các em tôi đều ở Việt nam cả.

— Chắc ông nhớ họ lắm nhỉ?

— Làm sao tránh khỏi, cô. Nhiều lúc buồn kinh khủng, nhất là những ngày lễ hay cuối tuần.

Tôi cho xe chạy chậm lại:

— Tiếc rằng con đường hẹp, nếu không tôi cũng muốn đưa cô vào tận nhà.

Kristin nhoẻn miệng cười:

— Ông lúc nào cũng tử tế. Mà không sao đâu ông, em vẫn thường xuống xe buýt ở gần đây, chỗ cột đèn kia kìa rồi đi bộ vào nhà. Mất chừng hai ba phút chứ mấy.

Rồi như chợt nhớ ra điều gì, Kristin nắm chặt lấy tay tôi lúc đó đang đặt trên cần số. Tôi rùng mình lạnh. Nàng đổi sang giọng tha thiết:

— Hay là tiện giờ mời ông vào nhà chơi. Chắc chắn ba má em sẽ vui lắm.

Tôi nhìn sững Kristin. Bất ngờ. Nàng hơi nghiêng đầu, như năn nỉ:

— Mới hơn tám giờ, hãy còn sớm mà ông. Với lại ngày mai là thứ bẩy. Ông về nhà lại...nhớ gia đình.

Câu nói của nàng gợi lên trong tâm trí tôi hình ảnh căn phòng. Dằng dặc nỗi hoang vắng, bơ vơ. Bởi vậy tôi đã rất muốn nhận lời Kristin, nhưng vờ khách sáo:

— Sợ không báo trước, ba má cô sẽ ngại.

— Không đâu, ông. Ba má em tính tình đơn giản không ai bằng. Thật đấy!

— Dĩ nhiên tôi tin cô, nhưng...Kritin này.

— Dạ?

— Trước khi vào nhà, tôi muốn đề nghị với cô một điều.

Kristin mở to mắt:

— Gì cơ?

Tôi cười nói:

— Cô đổi lối xưng hô đi. Tôi thấy cô dùng đại danh từ *"De"* nghe sao...nặng nề quá. Ta dùng thể cách *"jeg"*, *"du"* cho...tiện. Cô đồng ý không nào?

Nàng cũng cười:

— Vâng, tuân lệnh!

Tôi mở cửa xe. Kristin định cởi trả tôi áo khoác. Tôi vội nói:

— Cô cứ mặc, trời còn mưa. Cô cần áo ấm cho khỏi lạnh.

— Nhưng...anh...

— Kristin không thấy tôi còn chiếc áo len dầy cộm dây à?

Con đường nhỏ dẫn vào nhà được trải sỏi trắng. Tôi nhường Kristin đi trước. Chiếc áo khoác của tôi quá rộng đối với thân hình của Kristin, phủ xuống gần đầu gối. Từ phía sau, Kristin nhìn giống một tên hề giữa sân khấu lộ thiên. Nàng bước những bước nhỏ và nhanh. Số gian nan không giầu. Tôi nghĩ như vậy nhưng rồi lại tự cười cái ý tưởng đó của mình.

Dưới ánh đèn nhạt và lạnh ngôi nhà ba má Kristin có hình tượng tương đối cổ. Tôi đưa mắt đảo quanh. Mấy luống hoa chạy vòng chân tường mà vào mùa này chỉ còn trơ những gốc mục. Vài dụng cụ làm vườn nằm ngổn ngang bên ụ đất với những khúc củi mốc meo. Cảnh vật mang vẻ hoang liêu.

Kristin vừa mở cửa vào nhà đã reo gọi:

— Ba ơi, má ơi, mình có khách!

Từ bên trong ba má của Kristin bước vội ra. Hai người đều đã đứng tuổi, nhưng dáng mạnh khỏe, dẻo dà. Kristin líu lo thuật lại cuộc gặp gỡ của chúng tôi. Cả ông lẫn bà đều niềm nở. Nhờ họ gọi nhau tôi được biết ba của Kristin tên Nils, còn bà là Rita. Kristin xin lỗi vào phòng thay quần áo.

Trái với quang cảnh bên ngoài, phòng khách ấm cúng và sang trọng. Ngọn lửa uốn éo rực cháy trong lò sưởi. Cây đèn đứng tỏa ánh sáng dìu dịu xuống chiếc dương cầm bóng loáng. Trên tường treo nhiều bức tranh mà hầu hết vẽ cảnh thiên nhiên của biển và rừng núi Na Uy. Gần khung cửa kính và trong các góc phòng bầy những bình hoa và chậu kiểng. Hai tủ đứng dựng đầy những sách bọc da nâu với gáy chữ vàng. Tôi hiểu ông bà này cũng như phần đông người Na Uy vì khí hậu lạnh lẽo khắt khe, thường ít chú trọng đến các sinh hoạt bên ngoài. Đổi lại, họ dồn thời giờ, tiền bạc và thẩm khiếu cho đời sống và vật dụng trang hoàng trong

nhà mà tiêu biểu nhất là phòng khách. Chúng tôi ngồi nói chuyện ở bộ sa lông bọc nhung đỏ mịn kê trước lò sưởi.

Ông Nils trao cho tôi ly rượu. Bà Rita nhanh nhẩu:

— Rượu nhà nấu đấy. Cậu nếm thử xem được không.

Mầu rượu hồng quân óng ánh trong ly thủy tinh. Mùi thơm dịu, đầm. Tôi nhấp nhấp một hai ngụm nhỏ:

— Trái Nips. Ngon tuyệt.

Bà Rita cười dòn. Bà lấy miếng đùi cừu hun khói treo sẵn trên móc xích cạnh lò sưởi, xắt thành những lát mỏng, bầy gọn vào cái đĩa sứ trắng. Tôi thầm ước chớ gì những mẩu thịt kia biến thành khô bò hay khô nai. Bà mời tôi. Tôi làm ra vẻ thản nhiên, nhưng vẫn không tránh khỏi lợm giọng khi nuốt. Mùi ngai ngái ai khói của thịt làm mất hương vị thơm ngon của rượu. Tiếc.

Ba má của Kristin hỏi thăm về đời sống hiện nay của tôi, về tình trạng của tập thể người tị nạn của Na Uy, đặc biệt về nước Việt mà ông bà nói là tuy mang tiếng có con nuôi Việt Nam, nhưng lại không biết gì nhiều về xứ sở này. Bà Rita tiếp lời:

— Nhất là thời gian gần đây Kristin cứ hết hỏi về thân nhân ruột thịt của mình lại về văn hóa Việt Nam. Chúng tôi cũng như bao cha mẹ nuôi khác chỉ biết nhận con, ngoài ra có biết gì nữa đâu. Còn về nước Việt, thú thật kiến thức của chúng tôi cũng giống đa số người Na Uy, rất hạn hẹp, thành thử chẳng thỏa mãn hết các thắc mắc của Kristin. Giá Kristin...không yếu, vợ chồng chúng tôi đã dự tính gửi con qua Paris, nơi nghe nói có phân khoa đại học chuyên dậy Việt ngữ và các nền văn minh Á Đông. Dù sao Kristin cũng được quyền biết về nguồn gốc của mình chứ.

Nghe bà kể, tôi thèm được hỏi thêm về tình trạng của Kristin, nhưng ngại bị thiếu tế nhị, đành từ tốn đề nghị:

— Trong khi chờ đợi Kristin...khỏe lại, nếu cô ấy muốn và được ông bà cho phép, tôi sẵn lòng chỉ trước cho Kristin sơ qua về tiếng Việt.

Bà Rita đáp ứng vui vẻ liền. Ngược lại, ông Nils vẫn bình thản, hỏi như đã muốn chuyển hướng câu chuyện:

— Chắc người Việt, người Tàu, người Cam Bốt có thể hiểu ngôn ngữ của nhau được nhỉ, như ở khối Bắc Âu này người Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển và Băng Đảo vẫn nói chuyện được với nhau dễ dàng bằng tiếng nói riêng của nước mình?

Sau khi nghe tôi giải thích, bà Rita cũng vồn vã tham dự vào câu chuyện ngôn ngữ:

— Thế còn chữ viết, người Việt có viết chữ Trung Hoa không? ồ, chữ gì cứ như các hình vẽ thì làm sao nhớ nổi. Nhìn vào tôi có cảm tưởng thấy đám rừng, hoa cả mắt!

Tôi cười:

— Thưa bà, không. Tuy cũng có thời gian dân tộc Việt phải dùng chữ Tàu và một loại chữ tương tự do người Việt lập ra gọi là chữ Nôm, nhưng từ thế kỷ 17, các giáo sĩ Tây phương đến nước tôi truyền đạo Thiên Chúa, đã dùng mẫu tự Latinh để phiên âm tiếng Việt. Từ đó người Việt nhận thứ chữ này làm quốc ngữ. Người Việt dù sống ở đâu hay vào thời nào thì cũng viết một loại chữ duy nhất.

Bà Rita tặc lưỡi:

— Như vậy dân chúng đỡ vất vả, cứ như tại Na Uy này, học Bokmal đã mệt lại còn phải nhồi thêm cả Ny norsk nữa!

Sợ tôi không hiểu hết ý trong câu nói của vợ, ông Nils giảng giải:

— Vào cuối thế kỷ 19 một loại ngôn ngữ chung gọi là Bokmal được lưu dùng và đặc biệt phát triển trong thời gian Na Uy liên hiệp với Đan Mạch. Đến khoảng năm 1850 một ngôn ngữ mới có tên là Ny norsk được thành lập dựa trên căn bản những thổ ngữ Na Uy. Dự tính tương lai *Ny norsk* sẽ thay thế *Bokmal*. Chắc cậu đã thấy sự kiện này rồi chứ gì?

Vừa lúc đó Kristin mở cửa bước vào. Nàng bỗng xa lạ hẳn trước mắt tôi. Dưới ánh đèn khá mạnh trong phòng khách Kristin hiện ra nhỏ bé. Không còn là hình ảnh linh hoạt trên xe hồi chiều. Chiếc áo len hồng cao cổ không làm cho nàng thanh tú. Tóc nàng tuy đã được chải gọn, quấn bằng một sợi vải cũng mầu hồng, nhưng không óng và đầy như tóc của những cô gái đương thì. Dáng vóc nàng như xọm lại. Trừ đôi mắt. Vẫn sáng.

— Ngồi cạnh má này, con. Uống tí rượu cho ấm người nhé?

Kristin lắc đầu:

— Con uống trà ở nhà Kotaza nhiều rồi, má ạ.

Rồi nàng thì thầm gì đó với má nuôi mà bà Rita đứng dậy liền đi vào trong nhà. ít phút sau bà trở lại với hai ba cuốn album và một bìa giấy cứng trên tay. Ông Nils rót thêm rượu cho tôi.

— Đây rồi!

Giọng bà Rita reo nhỏ. Khuôn mặt bà rạng rỡ khi trao cho tôi một tờ giấy ngả màu vàng và sờn chung quanh mép. Kristin nhoài người về phía tôi:

— Tên Việt của em là gì vậy? Anh đọc xem.

Mắt tôi lướt nhanh trên tờ giấy trích lục khai sinh, trả lời:

— Quyên.

Kristin chúm chím môi lập lại:

— Q...u...yên - rồi hỏi: Thế tên này có nghĩa gì không anh?

Tôi suy nghĩ giây lát trước khi giải thích:

— Đó là tên của một loài chim. Chim Đỗ Quyên. Do tích xưa tương

truyền có một ông vua vì ham vui mà để mất nước. Sau ông ta buồn khổ mà chết, hồn ông biến thành chim, tục gọi là chim Đỗ Quyên. Chim này thường buông những tiếng kêu sầu thảm. Người ta nói đó là những tiếng thương nhà nhớ nước của một vong hồn cô quạnh.

Kristin im lặng. Thái độ của nàng làm tôi e ngại. Bất giác nàng thở dài:

— Em đọc trong một cuốn sách viết về các tôn giáo ở Á châu, thấy cũng nói rằng nếu ai chết trong lúc còn mang nỗi uẩn ức thì linh hồn sẽ vấn vương mãi ở trần thế này. Phải vậy không anh, giống trường hợp ông vua gì anh vừa kể đó?

Tôi không biết phải trả lời sao, đành lập lửng:

— Tôi cũng nghe nói vậy. Riêng tôi thì... chưa có kinh nghiệm.

Ba má của Kristin cùng cười; giọng cười của họ nghe gượng gạo trong khi khuôn mặt của Kristin đăm chiêu. Nàng nói thật nhỏ nhưng chắc và rõ:

— Em thì em tin.

Tôi không muốn để Kristin rơi vào trạng thái suy tư với những vấn đề siêu hình rắc rối nên gợi cách cho bầu không khí vui lại:

— Kristin thì lo gì. Tôi dám bảo đảm bất cứ lúc nào hồn Kristin cũng siêu thoát.

Nhưng Kristin không để ý câu nói của tôi, tiếp tục theo đuổi những ý nghĩ của mình. Phần tôi, tôi cảm thấy mình pha trò vô duyên. Giọng Kristin chợt chùng xuống, ngùi ngùi:

— Mai mốt chết, em ao ước hồn em cũng biến thành chim. Em sẽ bay thẳng về quê hương của mình.

Tôi ân hận đã kể một câu chuyện hoang đường. Nhưng đồng thời tôi cũng không hiểu vì sao Kristin lại có những tư tưởng hoang đường khắc khoải như vậy. Không lý tên Quyên lại là định mệnh? Tiếng kêu thương ai oán!

Bà Rita chắc cũng không muốn tình trạng lúng túng này kéo dài. Bà vội lấy cho tôi xem một cuốn album, sốt sắng kể lai lịch từng tấm ảnh: Ngày này cách hơn hai chục năm ông bà đứng ở phi trường đón nhận đứa con nuôi Việt Nam. Những năm tháng ấu thơ của Kristin. Ngày đầu Kristin đeo ba lô đi học... Không một ngày vui hay việc quan trọng nào, không một chuyển tiếp nào trong cuộc sống của Kristin mà không được ghi lại bằng hình ảnh. Tôi không ngớt trầm trồ khen ngợi. Nét sung sướng và hãnh diện hiện rõ trên khuôn mặt của ba má nuôi Kristin. Tôi để ý thấy Kristin thỉnh thoảng e lệ nhất là khi mắt tôi dừng lại hơi lâu trên các tấm ảnh chụp nàng ở bãi biển Tây Ban Nha, Hy Lạp nhân những chuyến du lịch mùa hè. Biết ý, tôi nói xa xôi:

— Trước khi nhận Kristin, ông bà có được biết mình sẽ được một đứa con xinh đẹp và dễ thương như thế này không?

Ông Nils lắc đầu, chất phác trả lời:

— Hoàn toàn không. Chúng tôi chỉ biết gửi đơn đi rồi chờ đợi kết quả. Mà cũng không phải dễ xin con nuôi đâu nhá. Chính quyền xét rất kỹ các điều kiện về tài chánh gia đình, nhà cửa, lý lịch và sức khỏe cũng như sự giao tế xã hội. Sau khi được chấp nhận trên nguyên tắc về cả phía Na Uy lẫn nhà nước Việt Nam, chúng tôi phải nộp một ngân khoản theo giao kèo. Tiếp đó là những ngày tháng hồi hộp chờ đợi, không biết mình sẽ nhận được con trai hay con gái, bởi vì khi viết đơn, chúng tôi đã ghi không phân biệt phái tính. Ngày chúng tôi được ra phi trường đón con, thần kinh càng căng thẳng, vui mừng đã đành mà nhất là không chắc con mình ra sao, lành lặn hay...khiếm khuyết bộ phận nào.

Tôi hỏi thêm, cũng vẫn ẩn ý:

— Nhưng rồi hẳn ông bà đã mãn nguyện, bõ công trông đợi và lo âu?

Hai ông bà cùng đáp vâng, quả thật chúng tôi may mắn. Kristin không giấu nổi xúc động, nắm lấy bàn tay bà má nuôi. Nũng nịu như một trẻ thơ. Tôi mừng thầm nàng đã trở lại trạng thái bình thường.

Sau đó bà Rita còn trang trọng khoe tôi một bộ quần áo trẻ con màu hồng, một đôi bí tất trắng và một khăn bông vàng nhạt. Tất cả được gói gọn trong một bao ny lông. Giọng bà nồng nàn:

— Bộ đồ này Kristin đã mặc trong ngày đến Na Uy đấy.

Tôi hiểu đây là những báu vật, thứ gia bảo đối với bà Rita:

— Quí hoá vô cùng. Bà cẩn thận hết sức. Mai này Kristin về nhà chồng, bà cho Kristin làm của hồi môn thì thiết tưởng không gì ý nghĩa bằng.

Bà Rita cười rung cả thân hình. Ông Nils gật gù đầu trong khi Kristin lại kín đáo thẹn thùng. Tôi nhận ra nét Đông phương vẫn hiện hữu nơi người con gái Việt Nam này vốn đã bị bứt khỏi gốc rễ từ thuở còn trứng nước.

Tôi ở chơi với gia đình Kristin tới gần khuya mới xin phép ra về. Khi tôi đứng dậy, Kristin nói nhỏ, nhưng giọng bình thản:

— Từ nay hãy gọi em là Quyên. Em thích tên Việt này.

Tôi gật đầu. Nàng đưa tay cho tôi bắt. Bàn tay nàng thon nhỏ, mềm mại. Tôi nghe được sự chuyển động của mạch máu trong người mình. Nàng vội quay đi.

Ông Nils thân mật bảo tôi hãy coi đây như nhà của mình và bất cứ lúc nào rảnh, cứ tự nhiên ghé lại. Tôi cảm ơn ông bà về mối thịnh tình. Sau đó ông bà để Quyên tiễn tôi. Ra đến gần cửa, Quyên sực nhớ:

— Chết, áo khoác của anh! Quyên máng trên ghế trong phòng của Quyên kia kìa. Để Quyên vào lấy cho anh.

Tôi tự dưng đi theo Quyên. Nàng bật đèn trong phòng. Mắt tôi vô tình dừng lại ở vùng ánh sáng tỏa tròn trên mặt chiếc bàn kê gần lò sưởi điện. Trên đó nằm ngổn ngang những chai lọ. Quyên quay nhìn tôi. Ánh mắt thoáng bối rối. Nàng nói, làm như bình thản nhưng sao tôi vẫn nghe trong giọng nói của nàng có vẻ gì chịu đựng, vừa ngậm ngùi, buông lơi:

— Thuốc của Quyên đấy. Gần ba tháng nay Quyên có triệu chứng...lao phổi. Hồi sáng Quyên mới đi tái khám.

Nàng giang rộng tay áo khoác cho tôi xỏ vào. Tôi cố tìm đôi mắt của Quyên nhưng nàng hơi cúi đầu, nhìn xuống. Ra tới ngoài cửa, hình như tôi đã chỉ nói được có một câu: Đêm nay, nhớ ngủ thật ngon, nghe Quyên!

Mưa đã dứt từ lâu, nhưng gió buốt. Bầu trời mầu tro, đậm đặc. Ở thật cao, thật xa lấp lánh một hai vì sao hiếm hoi.

...Vừa ngồi vào xe, mắt tôi chợt thấy gói mứt gừng mà Quyên đã để lại trên bảng xe đối diện chỗ nàng ngồi hồi chiều. Tiếng húng hắng ho và tiếng xuýt xoa kêu cay của Quyên nghe văng vẳng. Như Quyên vẫn ở bên cạnh tôi. ❐

Bạn đọc Văn Học từng thích thú khi đọc những truyện ***Núi, Trong phòng hồi sinh, Hư cấu*** *đăng trên Văn Học, nên tìm mua ngay*

nụ tầm xuân

tập truyện mới nhất của

Mai Kim Ngọc

tác phẩm đầu tiên do nhà xuất bản Văn Học ấn hành

Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa xin liên lạc

Nhà Xuất bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301, Westminster CA, 92683 USA.

Phone 714-527-5761

Cuối Đường

Minh Ý

Viết cho D.

Sau bữa cơm tối kéo dài khoảng hơn nửa giờ, người đàn ông đứng dậy giúp vợ dọn dẹp bàn ăn. Trong im lặng. Ra phòng khách, mở TiVi xem 20/20, không chú ý lắm. Người đàn ông như vẫn còn lo âu về công việc, ánh mắt mỏi mệt cô đọng, dù dáng ngồi có vẻ buông thả những hờ...

Người đàn bà đến ngồi bên cạnh chồng. Im lặng. Vài phút sau nàng với tay lấy tờ báo trên mặt bàn. Lật từng trang, nàng chỉ xem những hình ảnh và mấy câu phụ đề bên dưới. Nhìn đồng hồ, 10 giờ 40. Người đàn bà cảm thấy thời gian như ứ đọng lại, không nhúc nhích. Nàng đưa tay che miệng, ngáp nhẹ một cái, như thể không phải nàng ngáp. Người đàn bà đứng lên:

—Em đi ngủ.

Nàng cúi xuống hôn chồng. Người đàn ông nhìn vợ, cái nhìn hơi chú ý một chút:

—Em mệt? Có đau gì không?

Người vợ ngập ngừng giữa thang lầu nhưng không quay lại:

—Không. Em chỉ buồn ngủ.

Nàng vào buồng tắm. Thói quen trước khi đi ngủ. Tiếng nước xối xả, át cả tiếng hát của nàng. Người đàn bà hát nho nhỏ, dù vui hay buồn cũng thế. Nàng cho rằng âm nhạc làm cho người ta vui hoặc buồn hơn cái hiện trạng trong tâm hồn lúc đó, và như thế cái hiện trạng sẽ tan vỡ nhanh hơn...

Đôi mắt mở to, bất giác người đàn bà thở dài. Đồng hồ chỉ 12 giờ 01. Nàng trở mình, nằm nghiêng. Bóng nàng in trên bức tường màu trắng đục. Nàng nhìn những đường cong của người nàng trên đó. Dầu óc người đàn bà đi lang thang, nàng bắt gặp mình đang tưởng tượng tới những xác ướp trong Kim Tự Tháp. Có lẽ nàng cũng đang nằm ở tư thế đó.

Vững chải nhưng cô độc.

Người đàn ông biết vợ còn thức. Đưa tay tắt ngọn đèn ngủ và bước sang giường của người đàn bà. Họ ngủ riêng, người đàn bà muốn thế, từ ngày họ lấy nhau. Thành thói quen.

—Em chưa ngủ, phải không? Tại sao thế?

Người đàn ông để tay lên vai vợ, khẽ xoay người nàng lại. Ông ta nhìn đôi mắt to đen của người đàn bà, hỏi thêm:

—Em có sao không?

Người đàn bà khép mắt lại, nàng lắc đầu. Mái tóc dài uốn khúc trên mặt gối theo chiều cử động của nàng:

—Em cũng không biết nữa? Chắc không có gì.

Bàn tay người đàn ông xoa nhẹ trên lưng vợ. Chiếc áo lụa mỏng khích thích ông ta. Người đàn ông trườn tới, hôn lên cổ vợ. Người đàn bà bất động, không đáp ứng. Nhưng rồi họ cũng quấn lấy nhau, như hai con rắn. Người đàn ông biết vợ mình đẹp. Ông ta mỉm cười một mình và có vẻ như nguôi quên những mệt nhọc của đời sống...

Buổi sáng có nắng dẹp dịu dàng trên dòng Potomac. Trời đang dần thu.

Người đàn bà ngừng vẽ. Nhìn dòng Potomac, rồi nhìn dòng nước trong tác phẩm của mình. Không được, mạnh tay quá! Nàng nói một mình và buông bút. Bóng người con trai đổ tới, khoảng 24 hay 25 gì đó, tiến lại phía người đàn bà, hơi mỉm cười để gợi chuyện:

—Xin lỗi. Tôi có thể ngồi đây nói chuyện với bà về bức tranh bà đang vẽ?

—Vâng, cứ tự nhiên.

Người con trai nhìn bức tranh đang vẽ dở, quay sang hỏi người đàn bà:

—Chắc bà theo ngành này?

Người đàn bà cười hồn nhiên:

—Không, tôi chẳng biết gì về hội họa. Lúc nào thích vẽ thì vẽ, tùy hứng, không căn bản nào cả.

—Nếu thế bà là...thiên tài!

Cả hai cùng cười. Người con trai tiếp:

—Tôi nói thật đấy! Nhưng...xin lỗi, tôi nghĩ có lẽ bà là người Hongkong sang đây du lịch?

—Không. Tôi là người Việt Nam. Tôi ở đây đã khá lâu.

Người con trai trở nên tò mò và khuôn mặt ngây thơ khiến cho người đàn bà có cảm tình, có một chút chú ý nào đó.

—Nếu được, bà kể chuyện về quê hương của bà cho tôi nghe với.

Người đàn bà ngập ngừng:

—Ô! Khó quá! Tất cả chỉ còn là những nhớ tưởng mơ hồ. Xong trung học tôi sang đây du học, theo ngành báo chí. Ra trường, làm nghề ký giả được một năm thì tôi gặp nhà tôi. Tôi chỉ về Việt Nam một lần - từ thời còn sinh viên - nên chẳng biết phải kể thế nào? Tôi nghĩ cuộc chiến đã gần tàn... Tôi bỏ nghề cả năm nay vì chẳng thấy thích nữa... Có thể tại cuộc chiến ở đất nước tôi làm tôi bỏ nghề? Người ta muốn tôi mổ xẻ vào chính vết thương của mình. Tôi không làm được...

—Cuộc chiến tàn khốc quá, nhưng bà không nghĩ là quê hương bà đẹp sao? Dân tộc bà với những ưu việt mà người khác phải ghen tị?

Người đàn bà nhìn dòng Potomac và cười nhẹ nhàng:

—Những điều đó đã có sách vở nói đến. Hơn nữa, tôi không thích tự khen những gì thuộc về mình nhiều quá. Quả thực tôi không thích thế!

Đôi mắt màu đại dương của người con trai dán chặt trên khuôn mặt người đàn bà. Người con trai thầm nghĩ, nàng sống nhiều quá, đã có mọi thứ cho nàng, chắc nàng hạnh phúc lắm... Nhưng...biết đâu cái vẻ đẹp trầm lặng Đông phương kia lại chẳng là những phản ảnh trái ngược từ bên trong? Người con trai bỏ lửng những ý tưởng của mình:

—Tôi học về hội họa nhưng chưa có tác phẩm nào ra hồn. Tuy vậy, nếu bà cần tôi có thể giúp bà.

—Tuyệt đối không. Tôi vẽ cho chính tôi nên tác phẩm chỉ cần vừa ý tôi là đủ.

Người đàn bà đứng lên thu dọn giá vẽ. Người con trai giúp nàng rửa cọ và cất những hộp màu. Người đàn bà ra về bằng một nụ cười thật đẹp nhưng cũng thật hờ hững, người con trai cảm thấy thế và hơi khó chịu trong lòng.

Suốt mùa thu, người đàn bà và người con trai đã gặp nhau đôi ba lần. Bên giòng Potomac... Như một vô tình hò hẹn. Họ đã bắt đầu quen thân, nhưng người đàn bà lúc nào cũng như thuộc về một thế giới khác. Nàng như ảo ảnh, nàng hững hờ với đời sống như nàng đã biết hết về chính nó... Người đàn bà sinh ra và lớn lên ở một mảnh đất nhỏ bé và đầy tang thương. Nhưng nàng đã trưởng thành ở một xã hội có mẫu mực mà con người mong đợi. Nàng được nuôi dưỡng bằng hai nền văn hóa hoàn toàn khác biệt, và vì thế người đàn bà luôn sống bằng những bất ổn nội tâm. Trong khi người con trai thì hăm hở, cuồn cuộn với từng phút giây, tưởng chừng cuộc đời phải quy hàng mọi tưởng vọng của mình...

Người đàn ông bước xuống, khóa cửa xe. Nhận chuông cửa. Tĩnh

lặng. Gọi thêm lần nữa. Không có ai trả lời. Người đàn ông lấy chìa khóa trong túi, mở cửa bằng một dáng cử nôn nóng và lúng túng... Người đàn bà không có nhà. Một mảnh giấy đặt trên mặt bàn phòng khách: "Anh ăn cơm trước, khoảng 10 giờ em về!"

Người đàn ông ngỡ ngàng. Như mất mát điều gì. Thường thì người đàn bà gọi điện thoại báo cho chồng biết mỗi khi nàng muốn đi đâu bất chợt. Sự trống vắng sau một ngày làm việc khiến người đàn ông cảm thấy mệt nhọc như đang bám cứng lấy tâm thể ông. Căn nhà như rộng thêm ra... Người đàn ông ăn cơm tối một mình. Những món ăn có sẵn. Coi báo. *The Wall Street Journal* chẳng có gì. Thị trường chứng khoán lên bất ngờ vào cuối ngày. Xong bữa ăn tối. Người đàn ông có vẻ chờ đợi...

Ở ngoài, có tiếng cửa xe đóng. Người đàn ông ngồi bật dậy từ chiếc sofa ngoài phòng khách, nhìn qua cửa sổ. Chiếc xe phóng nhanh. Người đàn bà mở cửa bước vào. Hai người gặp nhau bằng ánh mắt cùng dò hỏi, người chồng lên tiếng:

—Em đi đâu mới về?

—Đi nhảy?

—Với ai

Dáng vẻ khó chịu, người đàn bà vừa bước lên thang lầu vừa trả lời:

—Peter!

—Anh không biết người đó?

—Em cũng mới quen.

Người đàn ông im lặng, nhìn vợ chăm chú và vẻ bực tức lộ trên nét mặt. Người đàn bà thay quần áo, tránh cái nhìn của người đàn ông. Sau đó, nàng ngồi xuống cạnh chồng, giọng nhỏ nhẹ:

—Không có gì đâu, Jimmy. Chỉ đi nhảy như mọi lần khác không có anh. Có lẽ tại em chán đời nên chẳng muốn gọi anh chiều nay, thế thôi!

Người đàn ông thở dài:

—Em như một người lạ khiến anh phải ngờ vực.

—Em vẫn vậy. Tại em không nói và cũng tại anh...không thấy.

—Anh yêu em không đủ sao?

Người đàn bà nhìn chồng, nhưng chẳng có gì trong ánh mắt. Có lẽ nàng không nhìn gì cả...

—Tình yêu? Cảm ơn anh, Jimmy ạ! Trước khi lấy anh, em đã có hai mối tình. Anh biết rồi đấy! Em yêu kinh khiếp, như yêu anh vậy. Nhưng chính em đã trốn bỏ nó. Với em, lúc nào đời sống cũng rỗng không, cũng nhàm chán vô vị. Em quay quắt lạ lùng giữa lúc em đang hạnh phúc. Em tìm kiếm cái gì em cũng không biết nữa. Nó không có tên gọi. Em biết nói sao cho anh hiểu?

Người đàn ông ôm vợ vào lòng:

—Tội nghiệp cho em quá! Anh chẳng khi nào biết đến những điều đó. Và những người khác, anh có nghe họ nói thế bao giờ? Anh có thể làm được gì cho em?

Người đàn bà lắc đầu:

—Em đã có nhiều thứ và anh đã cho em nhiều thứ... Tất cả đều ở em, chính em làm em tội tình! Nhưng mà thôi, mình nên đi ngủ Jimmy ạ! Em xin lỗi đã làm cho anh lo lắng mất vui...

Washington D.C. giữa buổi trưa đầu hè. Công viên đầy chim bồ câu và những mẩu vụn bánh mì. Trên cỏ xanh mướt. Ở một cao ốc giữa lòng thành phố, người con trai làm hai ly càphê rồi bưng lại phía bàn. Người đàn bà xoay xoay chiếc vòng trên cổ tay nói cám ơn. Họ hôn nhau. Người con trai lướt môi mê dại trên chiếc cổ cao và trắng ngần. Một lúc thì người đàn bà trườn ra:

—Thôi, mình bắt đầu làm việc. Tôi ghé đây để cho cậu vẽ, như đã hẹn. Sau đó, tôi phải đi phố mua ít đồ.

—Được rồi. Tôi sẽ đưa em đi.

—Tôi muốn đi một mình.

Người đàn bà bưng tách càphê, uống từng ngụm nhỏ:

—Tôi phải ngồi thế nào cho cậu vẽ, Peter?

Người con trai ngảnm nhìn người đàn bà như một nghệ sĩ ngắm một người mẫu:

—Nếu được em cho tôi vẽ khỏa thân. Tôi chưa bao giờ được thấy, được vẽ một phụ nữ Á Đông cả. Nhất là phụ nữ Á Đông khỏa thân. Em cho không?

Người đàn bà mỉm cười, nhìn sâu vào đôi mắt màu đại dương, giọng ngần ngừ:

—Được! Nhưng chỉ vẽ và...chấm hết, hiểu không?

Người con trai cúi xuống hôn lên đôi mắt người đàn bà:

—Cảm ơn em.

Họ bắt đầu làm việc. Người con trai say sưa vẽ trong im lặng. Một thời gian khá dài. Khoảng hơn hai tiếng thì bóng dáng người đàn bà đã ở trên khung vải. Những nét phác họa còn cần nhiều giờ để hoàn tất. Người đàn bà nhìn lưng áo ướt đẫm mồ hôi của người vẽ, rồi ngắm nghía bức tranh:

—Khá lắm, Peter! Cậu có thể đuổi kịp Leonardo da Vinci rồi. Nhưng tôi thì không mong làm nàng Lisa đâu...

Người con trai quăng bút chạy lại, hôn như mưa bão trên khắp khuôn mặt người đàn bà và thì thầm:

—Tôi yêu em. Tôi cần em. Em biết không?

Không để cho người đàn bà kịp nói điều gì, người con trai bế bổng bức tượng sống đi về phía giường, ôm ghì và hôn xiết trên những đường cong mà chàng vừa vẽ.

Người đàn bà cố ngồi dậy:

—Bình tĩnh, Peter! Tôi không muốn vướng mắc nhiều với cậu. Tôi 37 tuổi mà cậu thì quá trẻ. Cậu còn một tương lai nếu cậu muốn. Đừng làm tôi nổi giận...

Giọng khô lạnh của người đàn bà làm người con trai hốt hoảng:

—Xin lỗi, xin lỗi em. Tôi không cố tình. Tôi yêu em. Thế thôi!

Người đàn bà đứng dậy, mặc quần áo. Người con trai kéo cái khóa áo phía sau lưng giúp người đàn bà. Cả hai cùng im lặng. Sau đó, người đàn bà tự làm cho mình một ly càphê khác. Khói nóng bốc lên. Mùi thơm của càphê làm cho nàng cảm thấy dễ chịu, sau mấy tiếng đồng hồ ngồi khỏa thân bất động. Người đàn bà nhìn lại bức tranh. Không biết nàng nghĩ gì...

Người con trai đưa tay lên vuốt mặt:

—Em không giận tôi chứ?

—Không. Nhưng tôi phải đi. Trễ rồi!

—Chừng nào tôi lại được gặp em?

—Không biết.

Người con trai ủ rũ. Người đàn bà bước ra khỏi phòng. Vào thang máy. Chiếc túi da mềm đeo trên vai, hai tay buông xuôi. Giống như nằm trong chiếc quan tài hơi rộng và đầu óc trống không...

Không khí bên ngoài ngột ngạt. Màu trời u ám và những đám mây vần vũ trĩu nặng. Sự sống như ngưng đọng trên đường phố. Người đàn bà vừa ra khỏi cao ốc được mấy bước thì cơn mưa ập xuống. Nàng vội lấy chiếc dù màu đỏ trong chiếc túi da, mở dù che và tiếp tục bước đi một cách bất chấp, như cơn mưa chưa hề trút đổ. Nàng chẳng để ý tới ai. Nàng quên cả căn phòng nàng vừa rời bỏ.

Người con trai đứng bên cửa sổ, từng lầu thứ sáu, nhìn xuống. Chăm chú theo dõi từng cử chỉ, từng bước đi của người đàn bà, từ lúc nàng ra khỏi cao ốc. Lòng xúc động mạnh. Một thứ cảm giác yêu đương chen lẫn nỗi thất vọng, đang xoáy mạnh từ đỉnh đầu cho tới gót chân, khiến người con trai không còn kiên nhẫn đứng đó nữa. Chàng phóng ra khỏi căn phòng, vào thang máy rồi chạy như bay về hướng người đàn bà.

Trong thoáng chốc, người con trai đã chui tọt vào trong chiếc dù, ôm cứng lấy ngang vai người đàn bà. Người đàn bà ngạc nhiên, vừa định nói thì người con trai hôn lấp trên đôi môi đang mấp máy của nàng. Mái tóc và khuôn mặt ướt sũng nước mưa của người con trai...nhỏ giọt, nhỏ giọt làm người đàn bà mềm lòng. Nhưng rồi nàng ôn tồn, có pha một

chút trách phiền:

—Cậu trẻ con quá! Đừng làm chuyện điên khùng giữa đường giữa phố như thế. Tôi không thích đâu.

—Mặc kệ thiên hạ. Tôi chỉ biết tôi yêu em điên cuồng...

—Đừng nói tới thiên hạ. Tôi không thích là không thích, hiểu không Peter?

Người đàn bà nhìn thẳng, bước chân thật đều, hơi nhanh một chút, như muốn bỏ rơi người con trai đang đeo đuổi mình. Người con trai trách móc sau lưng:

—Tôi ghét cái bộ mặt đóng băng của em lắm, em biết không?

Người đàn bà không trả lời. Nàng băng qua đường, ở một ngã tư. Người con trai ngập ngừng như muốn tiếp tục đi theo, nhưng rồi chàng quay trở lại, đi ngược hướng với người đàn bà. Với bộ quần áo thấm nước, người con trai bước vào một quán càphê ở đường K. tìm một góc trống vắng nhìn cơn mưa qua khung cửa kính. Thành phố toàn một màu xám dục... Người con trai cảm thấy như mình đang tan loãng và mất hút giữa cảnh trời đất u ám đó.

Người đàn bà lội mưa đi về hướng khu thương xá, nằm trên đường Connecticut. Nàng hát nho nhỏ như thể nàng đã vừa trải qua một cơn hoan lạc. Ngày mai là sinh nhật thứ 42 của người đàn ông. Người đàn bà đang tìm mua một món quà sinh nhật cho chồng, một món quà không cần thiết nhưng phải có...

Cuộn xong những lọn tóc, người đàn bà ngồi sấy tóc bên bàn phấn và nhìn qua cửa sổ. Bầu trời trong xanh như pha lê. Những sợi nắng hanh vàng, thứ nắng thủy tinh, làm cho buổi chiều đẹp thần tiên. Đẹp quá đến trở thành hư ảo. Một bức tranh không một thiên tài nào vẽ được. Đã lâu rồi, người đàn bà quên đi cái thói quen ngồi trên thềm cửa, nhìn những con sóc nhỏ nhảy nhót dễ thương. Khu vườn phía sau nhà đã bắt đầu phủ ngập những chiếc lá vàng của cây phong thảo. Người đàn bà thẫn thờ nhìn cảnh vật chung quanh. Vũ trụ đối với nàng thật huyền nhiệm. Những chiếc lá xanh thẫm, chín đỏ, bỗng trở thành vàng úa, khô lại rồi lìa cành bay trong gió thu... Đông đến, cây cỏ chỉ còn là những thân xác trơ trụi buồn hiu.

Rồi khi nắng ấm vừa tới, những nụ non lại bắt đầu trổ mầm, sự sống vươn dậy... Nhưng tận cùng là gì? Người đàn bà thường tự hỏi như thế. Nàng muốn biết, cuộc đời nàng có hòa nhập với cái thế giới nàng đang sống hay không? Nàng không thiếu gì cả. Nàng chỉ thiếu có câu trả lời cho những ẩn ức về sự hiện hữu của nàng.

Điện thoại reo. Người đàn bà tắt máy sấy, nhấc ống nghe.

—Hello, em đấy hả?

—Vâng, anh đang ở đâu đấy?

—Anh vừa tới phi trường San Francisco được 10 phút. Em có khỏe không?

—Em khỏe. Còn anh?

—Được. Anh chỉ lo cho em ở nhà. Dù sao thì tuần sau anh mới về được. Công việc phải thế, em đừng buồn. Thôi, anh sẽ gọi lại sau. Hôn em.

Người đàn bà bỏ máy xuống. Trở lại bàn phấn chải gỡ những lọn tóc. Nhìn bóng mình trong gương. Người đàn ông mê nụ cười của nàng suốt tám năm trời nay. Những chiếc răng xinh đẹp và sáng ngời của người đàn bà là những hạt trân châu trong đêm dạ vũ. Người đàn ông rất thích nghe nàng nói. Ông ta cho rằng tư tưởng của người đàn bà cũng đẹp như chính nàng. Đôi khi nó còn thâm sâu huyền hoặc hơn những điều mà người đàn ông có thể thấy được, hiểu được trong đời sống hàng ngày... Những khác thường đó làm cho tâm hồn người đàn bà khốn đốn.

Điện thoại lại reo. Người đàn bà ngần ngừ.

—Hello.

—Hello, Peter đây! Cả tháng nay không thấy mặt em tôi muốn nổ tung, em biết không?

Người đàn bà cười trong như tiếng thủy tinh vỡ:

—Nhưng cuối cùng thì chẳng nổ tung gì hết, phải không? Tốt đấy! Cứ thế mà lớn khôn ra, Peter ạ.

Người con trai cắt ngang:

—Đừng làm...thầy nữa em ơi. Tối muốn biết tối nay em có bằng lòng đi ăn cơm Tàu với tôi không?

—Hoàn toàn không. Tôi không rảnh.

—Chuyện gì? Sáng nay tôi mới thấy ông ấy ra ngoài phi trường mà, chuyến bay đi S.F. lúc hơn 9 giờ, đúng không?

—Đúng. Nhưng tôi bận.

Người con trai xuống giọng:

—Tôi nhớ em vô bờ. Em không yêu tôi chút nào sao? Lâu quá rồi, không được gặp em, tôi giống tên khùng em ạ!

Người đàn bà kiên nhẫn:

—Tôi biết. Nhưng tối nay tôi không muốn đi đâu hết. Tôi cần một mình. Có những lúc tôi không thích có ai bên cạnh. Chỉ tôi với tôi thôi cũng đủ mệt rồi, Peter hiểu không?

Người con trai thở dài:

—Tại thế mà tôi yêu em. Tôi khổ vì cái nết lạ lùng của em... Thôi vậy, hôm nào đẹp trời em tử tế với tôi một chút nghe em!

—Ừ! Nhưng đừng ủ dột như thế nữa...

Người đàn bà cúp máy. Nàng bất động trong giây phút rồi xuống nhà dưới. Nàng chọn một dĩa hát để vào máy. Tiếng đương cầm buồn với bản "Tình thư cho Elise" của Beethoven. Buổi tối trong căn phòng rộng thênh thang, người đàn bà thấy mình như con chim đang bị lạc bầy. Nàng ngồi gọn nhỏ trong chiếc ghế bành to rộng. Nhìn sững lên nền trần nhà màu trắng toát. Người đàn bà hồi nhớ lại quãng đời đã qua. Những hình ảnh chập chờn hoặc rõ nét lần lượt nhảy múa trong trí tưởng rồi phản chiếu trên nền trần nhà màu trắng trước mặt...

Mái trường xưa, bạn bè và tuổi mới lớn, đẹp, thông minh. Những năm cuối trung học, có người yêu trong quân đội với những nhớ nhung, giận hờn và yêu thương thơ mộng... Rồi rời xa quê hương và người tình. Một lựa chọn cô đơn nhưng gắn liền như một tiền định. Đất Mỹ buồn thảm. Hơn một năm sau, người yêu tử trận... Đất Mỹ lại buồn thảm thêm hơn. Thời tiết nào cũng thấy giá băng. Tất cả chỉ còn những giảng đường chơi vơi và bè bạn xa lạ. Sách vở là nguồn vui. Thứ nguồn vui tự kỷ.

Thời gian để tang cho tình yêu đầu rồi cũng đã qua đi. Gặp một người đồng hương cùng trường. Yêu nhau tha thiết rồi chung sống như vợ chồng. Lễ giáo cưới hỏi là một thứ xa xỉ. Đời sinh viên xa nhà không có thời giờ để nghĩ đến. Hơn nữa, họ biệt lập với thế giới bên ngoài, với mọi người chung quanh. Họ cần có nhau để sống còn. Giữa đời hiu quạnh.

Đến một lúc thì khám phá ra yêu nhau không phải chỉ để hạnh phúc. Hạnh phúc là một cái gì mờ ảo khó nắm bắt. Tình yêu không chưa đủ. Người ta không thể dựng lên một địa ngục rồi chui vào đó mà yêu nhau. Những bất đồng sâu rộng giữa hai cá thể đã dựng nên một bãi chiến trường đầy muộn phiền và nặng điều sám hối. Điêu đứng tận cùng. Một khóa học bị bỏ dở. Rồi cố ngóc dậy để dứt khoát. Xong luận án cuối cùng.

Nghề ký giả bay nhảy gặp gỡ. Với họp báo, tiệc tùng và sàn nhảy thênh thang quyến rũ. Những năm dài thay đổi, sắc đẹp và kinh nghiệm đã chín muồi như cây trái đầu mùa. Gặp Jimmy được hai năm thì lấy nhau chính thức, 29 tuổi. Và bây giờ 37 tuổi, mọi thứ gần như có trong tay..., hoặc giả là đã có tất cả, vì người đàn bà không còn cảm thấy tha thiết điều gì.

Tâm hồn người đàn bà trùng xuống. Những cú gọi viển liên của người đàn ông càng làm cho nàng lạc lõng "Em có khỏe không? Ngủ ngon nhé! Hôn em." Người đàn bà bứt rứt khó chịu. Trong sự nhàm chán đó, nàng biết mình vẫn được thương yêu chăm sóc. Nàng có được những gì mà người ta gọi là hạnh phúc ở đời. Nhưng tận cùng, nàng vẫn

bất an. Người đàn bà muốn một cái gì đó mà chính nàng không biết, không hiểu. Cuộc đời hình như không có chung cuộc. Giống như thời tiết đều đặn bốn mùa. Nhàm chán. Thỉnh thoảng giông bão. Thỉnh thoảng thiên tai. Cứ thế... Để André Gide phải gào thét và Albert Camus đã khoắc khoải chối từ. Còn nàng, với một phạm trù tâm thức nghễn lối. Những lý tưởng để deo đuổi, hay những cuộc đời bình thường với gia đình con cái, không phải là một trả lời. Những sinh hoạt đó chỉ nảy sinh vì con người muốn tìm quên hoặc xoa dịu chính mình. Tận cùng, tất cả đã chẳng mang một ý nghĩa nào. Đời sống vẫn tối thăm thẳm, người đàn bà đã phải lần mò chới với trong cái miệng con khủng long hung bạo đó... Người đàn bà chỉ hiểu có thế. Hơi thở nàng lạnh buốt. Như sương đêm...

Một tuần lễ trôi qua. Người đàn bà không ý thức được thời gian đó lâu hay mau. Nhưng buổi sáng thức dậy, nàng cũng có một chút reo vui trong lòng, cũng muốn chuẩn bị đón chồng về. Người đàn ông báo tin sẽ về đến nhà vào khoảng 4 giờ chiều. Với những đón chờ, người đàn bà dọn dẹp nhà cửa. Chuẩn bị bàn ăn và nấu những món mà người đàn ông ưa thích.

...Trời bên ngoài đã tối hẳn. Vành trăng lưỡi liềm không đủ sáng. Một vết nhạt nhòa... Căn phòng hoàn toàn im lặng. Phòng làm việc của người đàn ông. Người đàn bà nhìn xuống. Nhìn vào bức ảnh bán thân của chồng...

Giây lâu, người đàn bà thì thầm... Tội nghiệp Jimmy quá! Anh yêu đời, anh đáng sống hơn em. Tại sao anh lại chết? Chiếc phi cơ đã nổ tung. Giữa không gian cao rộng, giữa mây trời xanh thẳm, anh tìm thấy những gì? Mà em chưa biết? Anh thấy nó êm dịu hơn lúc còn sống? Hay chẳng có gì ngoài một thế giới hỗn loạn khác? Em muốn thử nhưng em chưa làm được. Có lẽ anh may mắn hơn em? Không có anh đời em sẽ mất đi nhiều thứ, nhưng em không khổ lắm đâu, trong cái nghĩa tận cùng của nó, Jimmy ạ! Em yêu anh nhưng em chẳng muốn níu kéo anh ở lại. Sự viên mãn nếu có, em mong anh được đón nhận như một ân thưởng duy nhất của kiếp người. Hiểu em không Jimmy?...

Đôi mắt người đàn bà cay buốt. Những giọt nước mắt đọng lại trên mi rồi lăn xuống... Lạnh như gươm giáo, quét vào làn da mặt mỏng manh của nàng. ❐

Có loài hoa tên thục nữ

TRẦN THIỆN HIỆP

Trong truông ái tình yêu, em hóa kiếp
Nhập xác hồn nhau lại, gọi chung tên
Đá hiu quạnh chợt ươm hồn thục nữ
Cánh xanh rêu nẻ đá trổ hoa vàng
Em ngẩng mặt, hạt mưa tình chải tóc
Nghe sủng ân theo chân lược trôi về

Từ kết tóc, tuyên ngôn em riêng cõi
Dóa buồn vui chiu chắt một vòng tay
Nguồn suối ngọt, bình nguyên em tỏa nhánh
Đất cằn khô sống lại với linh hồn
Ngàn dặm sóng, thênh thang niềm kiêu hãnh
Mỗi bước em truông ải, trọn cho tình

Là hạnh ngộ, luân hồi nào ai biết
Nhánh tin yêu xanh biếc bước vào đời
Ngôi định tinh vời cao làng tha thiết
Hoa hướng dương vàng cánh đón mặt trời
Tay dan tay che ngang trời mưa nắng
Khúc ca đêm nguyệt quế ấm hương mời

Chiều hải âu, biển em hồn căng gió
Sáng tầm xuân hương đọng tóc vai mềm
Tôi đã lạc cùng em ngàn dặm ở
Nợ muôn trùng chưa trả mãi vay thêm
Lời của đá, nhật nguyệt hằn rực rỡ
Núi ngàn năm xanh thẳm, nước sông đầy

Giọt nắng

TRÚC CHI

Có những giờ xuân rách tả tơi
Trên những vành môi vắng nét cười
Áo cũ vá chằm không kín nổi
Vai gầy em bé sớm mồ côi.

Có những giờ xuân buồn héo hon
Sương mai lạnh lẽo thấm vào hồn
Bà già tóc bạc ngây người ngắm
Khói quyện hương tàn trên mộ con.

Có những giờ xuân rất ngậm ngùi
Tráng sĩ bạc đầu lòng còn sôi
Tay dẫn ly rượu tay vung kiếm
Say giấc mơ xưa chuyện vá trời.

Có những giờ xuân rất ngỡ ngàng
Khi người lính trẻ chợt nhìn ngang
Đếm thiếu một vài thằng nối khố
Trong toán quân đi nhịp khải hoàn.

Có những giờ xuân thật bẽ bàng
Phấn son đùa cợt với bi thương
Tiếng cười kỹ nữ nghe tan tác
Quầng mắt đen thâm chữu chán chường.

Có những giờ xuân dốt dạ dày
Lũ người trốn dối gậy trong tay
Cúi đầu lầm lũi run run bước
Giữa nắng tươi vàng trên khóm mai.

Dành vậy, này, Xuân của đất trời
Của ngày dịu ấm tháng xanh tươi
Của dòng sinh hóa vô cùng tận
Tôi vẫn làm thơ tạ ơn Người.

Tạ ơn từng cánh đào chưa phai
Từng hạt sương như ngọc sáng ngời
Dôi khi giọt nắng trên thềm lạnh
Cũng ấm niềm tin ở cuộc đời.

Vùng Ký Ức Đớn Đau

Hoàng Chính

Cầm tờ giấy cho nghỉ việc trong tay, tôi ngập ngừng bước ra khỏi cửa hãng. Buổi chiều lộng gió. Gió, như một bàn tay nghịch ngợm, chụp giựt tờ giấy trên tay tôi. Tôi đã đọc tờ giấy hình chữ nhật có những chữ đánh máy tròn trĩnh ấy hai lần rồi, nhưng sao cứ muốn đọc lại hoài.

Ngồi xuống chiếc ghế chờ xe buýt bên đường, tôi mở tờ giấy đã xếp làm tư ra. Gió đập vào mặt giấy lạch phạch. *Chúng tôi trân trọng thông báo cho ông biết là ông được cho nghỉ việc vô hạn định.* Mỗi lần đọc tới chữ *vô hạn định*, lòng tôi lại nhói lên cái cảm giác tê buốt như thể trái tim bị chích bằng một mũi kim nhọn.

Một thứ mùi khăm khẳm, hôi mốc tỏa ra, vắt trong gió. Tôi khịt khịt mũi, cố định hướng xem cái mùi hắc ám ấy từ đâu đến, nhưng đành chịu. Quanh đây đường xá sạch sẽ, không có một bãi rác nào ở gần; cũng không có một khúc đường cống nào bị vỡ cả. Chợt có tiếng thở phì phò thật gần phía sau. Tôi xoay người lại và đụng vào một thân người khô cứng như một bộ xương cũ kỹ. Một lão già mốc ngời bụi bặm đang chồm người từ phía sau, nhìn đăm đăm vào tờ giấy tôi đang cầm trên tay. Không thèm chú ý đến tôi, lão lẩm nhẩm đọc. Đôi mắt nâu đục lờ những vệt mây trắng của lão dán chặt vào mảnh giấy cho nghỉ việc của tôi. Tôi sững sờ, không còn biết phản ứng cách nào khác hơn là chờ cho lão đọc xong. Xong việc, lão hơi quay đầu qua phía tôi, khạc ra câu nói nhỏ khàn khàn vướng vất trong cái cổ họng dài ngoẵng, *"Thanks!"*

Cách phát âm *"th"* rõ rệt của lão làm tôi nghĩ lão không phải là người sinh đẻ ở đây. Không chờ tôi trả lời, lão già lủi đi thật nhanh như một con chồn, biến mất vào đám đông trên hè phố. Lão biến đi rồi, cái mùi ẩm mốc như còn vương lại trong không gian lộng gió. Mùi chua chua ngai ngái của thức ăn đã vữa làm cái bụng trống trơn của tôi quặn lên, khó chịu. Tôi nhìn theo hướng đi của lão, cố tìm vóc dáng gầy gò của lão trong đám đông, nhưng không cách nào thấy được cái bóng nhỏ bé,

loắt choắt ấy trong đám người áo quần mùa hạ loẹt lòe màu sắc.

Đó không phải là lần đầu tiên tôi gặp lão. Trước đây, tôi cũng đã thường thấy lão, như một chiếc áo choàng rộng thùng thình bằng vải *jeans* bạc phếch, tròng bên ngoài bộ xương lòng khòng, khô khốc. Lão hay khật khưỡng thả những bước mòn trên khúc đường, mà những mảnh gạch vuông trong lòng đường cũng cũ kỹ như con người của lão. Quãng đường tôi thường gặp lão nhất là khúc đường nhỏ cong quẹo như một chiếc lưỡi liềm mỏng mảnh, dẫn qua một ngôi trường luôn luôn vang vọng tiếng trẻ. Ngôi trường đồ sộ hình như có tới hai cấp lớp: trung và tiểu học. Lão thường hay đi dọc theo lề đường, cái đầu bù xù tóc xám cúi gằm ra phía trước, như một chiếc sọ khô ở đầu một ngọn cây, cắm vào một thân thể thẳng bù nhìn làm bằng vải cũ. Cái đầu gật gưỡng như sắp gẫy lìa ra ở khúc cổ. Lão quả là một con người kỳ lạ. Lão không phải ăn mày; lão cũng không có vẻ gì của một con người không đàng hoàng. Trái lại, lão có cái vẻ cần cù của một người biết tằn tiện.

Tôi xếp tấm giấy làm tư, nhét vào túi áo. Ngửa người ra sau, hít đầy hai buồng phổi thứ không khí khô của một ngày xế chiều mùa hạ ran ran hơi nóng. Đêm nay chắc sẽ mưa như dự báo thời tiết trên truyền hình đã loan báo. Tôi mong mưa như mong một người tình yêu thầm nhớ trộm. Ngước nhìn những bệt mây màu trắng đục ở một góc trời bị những khoảng cao ốc cắt góc, tôi hình dung đến những giọt mưa lạnh buốt; những hạt mưa tròn tròn, trong vắt như những viên pha lê mát rượi. Tôi ngáp dài nhìn thiên hạ dập dìu trên đường phố. Đèn giao thông ở ngã tư lặng lờ chớp tắt, xe cộ từng đợt dừng lại, rồi túa đi. Những người đi bộ lao xao như những hình người trong các khúc phim hoạt họa của trẻ em. Chưa bao giờ tôi thấy mình đứng bên ngoài cuộc sống như lúc này. Khi mất việc làm, người ta cũng bị tách luôn khỏi những sinh hoạt của dời sống mệt mỏi nhưng sinh động, như đứa bé sơ sinh bị cắt cuống rốn, tách lìa khỏi thân thể người mẹ.

Vừa nhìn mông sang phía bên kia đường, tôi chợt tỉnh ngủ khi bắt gặp cái bóng gầy guộc của lão già ban nãy; cái bóng mờ nhạt trong đám đông dang cần cù như một con sóc bới bới, đào đào cái giỏ rác bằng lưới mắt cáo đặt bên vỉa hè. Tôi chăm chú nhìn lão. Lão lượm được một miếng giấy gì đó, ngồi khòm xuống, đặt lên đầu gối, vuốt cho phẳng phiu và chăm chú đọc. Những lần trước tình cờ gặp lão, tôi không buồn để ý, nhưng lần này, sau khi mất việc làm, tôi như chao đi trong khoảng không cuống cuồng chóng mặt. Và tôi bỗng dưng thấy hình ảnh của lão quen thuộc như đã thuộc về một phần đời sống mình.

Nhìn vóc dáng, tôi tin chắc lão là một người Á Châu. Khuôn mặt lão biện minh cho những điều phỏng đoán ấy. Tóc lão xám xịn, nhưng trước kia hẳn mái tóc ấy có một màu đen nhánh, đôi mắt lão xếch ngược như đôi mắt một tướng Mông cổ ngày xưa, thường thấy trong tranh vẽ. Tôi tưởng tượng Thành Cát Tư Hãn năm nào, sau cuộc binh đao đã không về lại được đất Trung nguyên ngắt xanh đồng cỏ, để tối ngày đi lang thang tìm lại ấn tín, trong những lề đường thênh thang xứ lạ. Ngồi bên này đường nhìn sang, vừa bằng thị giác mỏi nhừ chói nắng, vừa bằng trí nhớ cùn mòn, tôi thấy mặt lão nhăn nhúm như mặt một chiếc mặt nạ bằng da thuộc. Đôi má hóp và cái miệng chưa bao giờ mở hé được một nụ cười, khiến tôi đoán là lão cũng đã rụng gần hết răng. Mà vậy cũng phải, như tôi đây, gã trai trẻ mới ngoài ba mươi tuổi mà cũng đã có cái cười móm mém tội nghiệp. (Tôi bị chứng thiếu chất vôi trong cơ thể, nên răng và xương èo ọt một cách đáng sợ.)

Lão đọc xong miếng giấy, lẩm bẩm gì đó. Tôi không thấy rõ khuôn mặt lão nhưng hình dung ra được vẻ thất vọng in trên những nếp nhăn. Hẳn lão đang chửi thề. Không biết khi chửi thề thì lão dùng tiếng mẹ đẻ hay tiếng của xứ sở tạm dung. Vài người đi đường dừng lại nhìn lão, nghĩ ngợi gì đó, rồi lại lầm lũi bước đi. Dường như lão chẳng thèm để ý đến ai. Lão lúc nào cũng đắm chìm trong một kiếm tìm vô vọng. Nhưng mà lão tìm kiếm cái gì ở những tờ giấy vụn trong những giỏ rác, hay những tờ bích chương quảng cáo đã phai màu ấy chứ. Tôi tự hỏi, và không tìm nổi câu trả lời.

Một cơn gió thổi thốc tháo trong lòng phố, làm những mảnh giấy vụn bị cuốn lên không gian, xoay tròn rồi lả tả rơi xuống mặt đường. Chiều, hoặc chậm lắm là tối nay sẽ có mưa. Mưa xuống, tôi sẽ chôn chân ở nhà, ngồi (hoặc nằm) bên những cuốn sách cũ, viết lăng nhăng những vần thơ què quặt và nhớ mông lung cái thời còn đi học. (Tôi bỏ học ngay khi vừa tròn cái tuổi hết bị chi phối bởi luật cưỡng bách giáo dục.) Hồi đó, tôi cũng đã yêu mưa; những cơn mưa màu xám ở sân trường ...

Hai hôm sau, tôi trở lại hãng nhận hồ-sơ việc làm để đi nộp cho sở Thất nghiệp. Lúc đưa cho tôi tờ giấy có ghi số giờ đã làm, cũng như số tiền lãnh được trong năm qua, con nhỏ thư ký có cái mụn ruồi bên khóe môi trên, bên phải đã ném cho tôi một nụ cười ái ngại.

"Bạn có dự-tính đi xin việc ở đâu không?"

"Cũng chưa biết nữa," tôi ngập ngừng. "Có lẽ tôi sẽ nghỉ dưỡng sức một thời gian..."

"Tính đi học lại không?"

"Có lẽ..."

"Cố lên, bạn còn trẻ mà, hãy trở lại trường," con nhỏ dịu dàng an ủi:

"Tôi nghèo mạt rệp."

"*Me too!*"

Tôi muốn nói "*Nhưng cô là phụ nữ, cô là người bản xứ, và nhất là cô có nhan sắc, còn tôi chỉ là một kẻ di dân hèn mọn...*" nhưng tôi dằn nỗi chua cay xuống tận đáy lòng, và chỉ nói ra một phần ý nghĩ mình:

"Nhưng cô đẹp, cô giống người mẫu trên bìa các tạp chí thời trang."

Khuôn mặt đứa con gái rạng rỡ một nụ cười. (Đó là hình ảnh đẹp thứ nhất tôi ghi nhận được trong ngày, cám ơn Thượng đế.) Nàng cám ơn tôi tíu tít.

"Chúc may mắn!"

"Cám ơn!"

"Hẹn gặp lại."

"Chào!"

"Tạm biệt."

Tôi bước ra khỏi cánh cổng khép hờ của hãng. Tiếng máy chạy xình xịch khép lại sau lưng, phố xá mở ra trước mặt. Tiếng xe cộ rầm rĩ. Buổi sáng, ngày còn mềm như tấm đẫm hơi nước của cơn mưa đêm trước. Những chiếc lá ngắt xanh loang loáng ướt. Gió đu đưa cành, làm rụng xuống những hạt nước mỏng lành lạnh. Tôi nhìn quanh quẩn hai bên lề đường tìm kiếm lão già bữa trước. Phố xá giờ này như còn ngái ngủ. Những kẻ đi làm thì đang ở trong hãng, còn lại trên đường phố hẳn phải là những kẻ thất nghiệp như tôi, hoặc thất tình (?) như lão. (Lão giống một kẻ thất tình lắm chứ.)

Buổi sáng tươi mát như thế này, tôi thèm có được một người bạn, rủ nhau đến một quán cà phê nào đó, nói cho nhau nghe những mẩu chuyện lặt vặt trong đời sống. Những sinh hoạt, những mẩu chuyện nhiều khi chẳng có ý nghĩa gì, nhưng đó lại là một phần của đời sống. (Tại sao cứ phải đi tìm ý nghĩa nọ kia cho những sự việc thực sự chẳng có ý nghĩa gì ráo!)

Tôi đứng lừng khừng bên lề đường, nhìn vẩn vơ những đám mây trắng rõ. Phải kiếm chỗ nào nhìn thiên hạ hấp tấp sống chứ. Tôi nghĩ đến chiếc băng ghế dài chỗ trạm ngừng xe buýt. Chỗ đó hơi ồn ào, nhưng nếu muốn tìm thêm những hình ảnh đẹp, để xếp vào sưu tập của một ngày thì trạm ngừng xe là nơi lý tưởng. Những học sinh trung học của ngôi trường ở khúc quanh cũng thường xuống xe buýt ở đây. Những con bé tươi mát, tròn đầy như tuổi trẻ của một xứ sở tự do no đủ.

Nhưng chiếc băng ghế dài sáng nay đã bị chiếm ngự. Lão già đó chứ ai, cái lưng gù của lão trong chiếc áo choàng vải *jeans* bạc phếch ấy làm sao có thể lầm với ai khác được. Đôi vai rung rung như thể lão đang rùng mình vì gió lạnh. Mái tóc bù xù rối rắm tưởng chừng như lão vừa mới được gỡ ra khỏi một cuộc vật lộn. Lão đang lúi húi làm gì đó. Từ dàng này, tôi chỉ có thể nhìn thấy khoảng lưng gù của lão rung rung khe khẽ. Lão lạnh chắc.

Tôi luồn tay vào túi áo, đếm lại những đồng xu. Tôi sẽ mời lão già một ly cà phê, chắc lão sẽ nhận lời. Tôi cũng dân Á châu như lão. Lão già, tôi trẻ nhưng điều đó hẳn không ảnh hưởng gì đến cái tình thân hữu chúng tôi sắp chia xẻ với nhau. Những đồng xu va chạm nhau leng keng trong túi quần. Tôi lẩm nhẩm tính. Còn đủ cho vài ly cà phê và một chuyến xe buýt về nhà.

Hít chút tự tin tưởng tượng váng vất trong không khí vào đầy lồng ngực, tôi thong thả bước về phía lão. Vài chiếc xe qua lại dưới lòng đường ẩm ướt. Tiếng bánh xe nhèm nhẹp bóc lên từ mặt đường gạch ướt. Tôi bước đến sát cạnh lão. Lão đang cắm cúi trên một mảnh giấy vuông, nhỏ như một trang vở học trò. Tôi vòng qua phía trước, chuẩn bị một câu chào. Nhưng tôi chưa kịp chào, đã bắt gặp cái khuôn mặt nhăn nheo của lão vặn vẹo đau đớn. Miệng lão căng ra hai bên, hai má ướt nhòa nước mắt. Những sợi tóc xám bạc ủ rũ trên trán, đôi vai lão rung rung. Hai tay lão kềm siết mảnh giấy nhỏ đã nhòa hết chữ viết, chỉ còn trơ lại những hàng kẻ lờ mờ. Tiếng nấc nức nở lọt qua cái miệng méo xệch và hai lỗ mũi phập phồng, lấm lem mũi rãi. Lão khóc; Trời ơi, lão đang khóc, như một đứa bé ở đáy nỗi khổ đau tột cùng.

Dôi-chân-hăng-hái tôi chùn lại, và chôn cứng trên nền gạch. Tôi bối rối, hỏi lão bằng tiếng Anh, "Ông có sao không?"

Lão vẫn khóc tức tưởi. Tôi khom người về phía lão. Cái mùi chua chua, ẩm mốc vồ lấy tôi, như một cơn lốc nhỏ. Tôi lại chào lão và hỏi, "Tôi có thể giúp ông được chuyện gì không?"

Dòng nước vẫn túa ra từ hai hố mắt sâu. Tiếng nấc của lão làm tôi hoang mang khôn tả.

"Chào ông, ông có sao không?"

Lão vẫn khóc.

"Ông bệnh phải không?"

"..."

"Tôi gọi xe cấp cứu cho ông nghe." Tôi kiên nhẫn hỏi, chẳng biết lão có hiểu cái thứ tiếng Anh tôi đang nói không.

"Ông có mất gì không?" Tôi lại hỏi, dù không tin là lão có gì để

mất.

Tiếng khóc rưng rức vẫn cuồn cuộn tuôn ra, qua cái miệng căng dài như một cái gạch ngang khốn khổ và hai lỗ mũi phập phồng nước. Vai lão khóc, lưng lão khóc, cả người lão cùng khóc; cả những ngón tay đang miết trên mảnh giấy hình vuông, cũ kỹ cũng khóc.

"Ông cần gọi cảnh sát không, tôi gọi giùm cho."

"*No*!" Lão chợt gầm lên rồi lại tiếp tục khóc. Tiếng rống của lão khàn khàn như tiếng gầm của một con sư tử già nua.

Tôi lại ngập ngừng, "*Are you okay*?" dù biết chắc lão chẳng *okay* chút nào .

Tôi cố nhìn cái đầu của lão, để đón bắt một cái gật hay lắc của chiếc sọ nhỏ bé cắm trên mảnh thân hình mỏng teo ấy. Nhưng chỉ thấy được những cái rung của cả thân người nhịp nhàng với những tiếng nấc khô khan.

Tôi rón rén ngồi xuống cạnh lão. Kiên-nhẫn. Bỗng dưng, tôi thấy thương xót lão như thương một người chú, người cậu ốm đau, bệnh hoạn. Cái mùi vữa chua vẫn tỏa ra quanh lão, nhưng tôi thấy dễ chịu hơn ngày hôm trước. Cái mùi ấy không còn làm tôi muốn ói mửa. Lão hẳn có chuyện gì buồn ghê gớm lắm. Tôi ngồi cách lão khoảng một gang tay. Tôi không muốn gây cho lão cái cảm-giác đang bị quấy rầy. Tôi chỉ muốn tìm hiểu, và nếu được, giúp lão được gì thì giúp, thế thôi. Lão cũng là người tha hương như tôi.

Vài người đi đường ngoái lại nhìn chúng tôi. Hai kẻ tóc đen này hẳn giống hệt đứa con hoang đàng và người cha già nặng tình phụ-tử trong Kinh thánh. Những bóng cây dần dần ngắn lại. Nắng trải xuống lòng đường lát gạch những mảnh thủy tinh óng ả. Cơn khóc vật vã lắng dần, lão đưa tay áo lên quệt nước mắt, và bất chợt xoay qua, dúi mảnh giấy vào tay tôi. Tôi chụp lấy tấm giấy, vội như con mèo háu ăn vồ con cá nhỏ.

Tôi run run mở rộng tờ giấy mềm, ẩm ướt. Đó là một tấm giấy cỡ trang vở học trò có những đường kẻ xanh cũ mờ. Tờ giấy nhăn nhúm nhòe nhoẹt những chữ viết mực xanh tím. Tôi lật qua lật lại mảnh giấy, hoàn toàn không hình dung ra được những gì đã được viết trên đó.

Tôi ngập ngừng hỏi lão, "Giấy gì đây?"

Giọng lão khàn khàn. "Đọc giùm tao được không?" Tiếng Anh của lão tương đối cũng dễ nghe. Tôi đưa tờ giấy, soi lên ánh nắng trong, lắc đầu nghi ngại.

"Không thể. Chẳng có gì hết..."

"Vậy thì hãy mặc xác tao!" Lão gầm lên và giật phắt tờ giấy trong tay tôi. Trong lúc tôi chưng hửng ngơ ngác thì lão cẩn thận vuốt

tấm giấy cho thẳng thớm và xếp lại làm tư, rồi làm tám, và nhét sâu vào túi. Tôi liếc nhìn lão, thấy cái túi áo dày cộm giấy tờ. Bây giờ tôi mới nhận ra hai túi ngoài áo choàng vải *jeans* của lão cũng đầy những giấy. Lão lặng lẽ đứng dậy, khục khặc ho rồi xoay lưng về phía tôi, lầm lũi bước đi. Chiếc quần *jeans* lão mặc đã bạc trắng và rách tua ở hai ống. Đôi giầy *bata* đen đúa dơ bẩn dưới chân lão, nhùng nhằng hai sợi dây cụt ngủn. Tôi nói với theo:

"See you later!"

Không nghe lão trả lời. Cái bóng gù của lão già lẫn vào bóng những người qua lại trên đường phố. Nhìn theo cái bóng gầy guộc ấy, tôi không khỏi không nhớ đến nhân vật Lão gù nhà thờ Đức Bà trong truyện Victor Hugo. Lão đi rồi, cả một khoảng trống trải của một ngày không có gì làm trải ra trước mắt tôi. Đường phố vẫn thấp thoáng người qua lại. Tôi nhìn lại bằng trí nhớ tờ giấy lão già đưa cho coi ban nãy. Vẫn chẳng tìm ra được điều gì mới lạ. Bỗng dưng tôi thấy mình thở dài.

Bẵng đi một thời gian tôi không gặp lão. Đúng ra thì cũng mới chỉ có ba ngày. Có lẽ sự chờ đợi đã cho tôi cái cảm-giác mỏi mòn về thời gian. Suốt ba ngày nay, tôi không gặp lão già sống vất vưởng ấy. Tôi nghĩ là lão ốm đau chi đó. Tội nghiệp lão. Một thân một mình (sao mà lão giống tôi thế không biết,) những lúc ốm đau như thế biết trông cậy vào ai. Suốt ba hôm liền, sáng nào tôi cũng ra ngồi ở chiếc ghế trống bên trạm ngừng xe buýt. Người tài xế tuyến đường này hẳn không hiểu nổi tôi mắc chứng gì mà chờ hoài những chuyến xe đến rồi đi bên đường phố cũ. Thực ra, cũng có lúc tôi băn khoăn tới mức muốn đi báo cảnh sát để họ tìm lão. Tôi sợ lão chết đấm dúi đâu đó, ở một xó xỉnh vắng vẻ của thành phố. Tội nghiệp lão. Lão già vô gia cư. Phải chi hôm gặp lão ở đây, tôi rủ lão về sống với tôi, hẳn lão đã không chết vì đói, lạnh. Hình dung đến cái thân hình xương xẩu của lão nằm chết khô bên một ống cống nước hôi hám, tôi cảm thấy mình có lỗi với lão; tôi thấy mình đồng lõa với Thần Chết. Nhưng chắc gì lão đã chết. Tôi mong lão còn sống, còn khỏe mạnh và nhanh lẹ như con chồn tinh khôn, vẫn thường lục lọi những giỏ rác, trong khúc đường ngắn ngủn dẫn tới ngôi trường học khang trang lúc nào cũng rộn ràng tiếng trẻ. Có lẽ lão trôi dạt đến một thành phố khác. Gã Thành Cát Tư Hãn lưu lạc mò mẫm tìm đường về đất Trung nguyên xa thăm thẳm.

"Hey, đọc giùm cái này coi!"

Lão già, trời ơi, lão đây chứ ai. Tiếng gọi bất ngờ của lão làm tôi muốn đứng tim. Vẫn khuôn mặt nhăn nheo lớp đa chai cứng, đôi mắt

xếch như hai dấu sắc và huyền trên vừng trán lòa xòa mớ tóc xám bạc màu rối rắm. Cặp môi khô nẻ, hở ra hàm răng sún mất chiếc răng cửa. Tiếng Anh của lão cũng dễ nghe. Tôi mừng rỡ, đón lấy mảnh giấy nhàu nát, nhích qua một bên nhường chỗ cho lão và cố gắng lịch sự mỉm cười.

"Chào ông, mời ông ngồi."

Lão gá người ngồi xuống cạnh tôi. Mùi chua mốc tỏa ra oi nồng, khó chịu.

"*Thanks*!"

Tôi vuốt mảnh giấy cho thẳng. Lão nhắc bằng cái giọng vướng đàm trong cổ họng:

"Cẩn thận!"

"Đừng lo."

"Quan trọng đấy. Mắt tao kém, đọc không được."

Tôi cố gắng đọc những chữ nhỏ li ti lờ mờ trên trang giấy. Những chữ viết tay xấu xí quấn lấy nhau như những con giun quằn lên vì bị xéo.

"Đọc được không?"

"Được chứ. *Giấy báo dọn nhà, Thưa ông quản lý, tôi xin thông báo cho ông biết tôi sẽ dọn ra khỏi...*"

"*Shit*!" Lão gắt.

Tôi ngơ ngác xoay qua nhìn lão. Lão không nói gì thêm, lặng lẽ gỡ mảnh giấy ra khỏi tay tôi, xếp lại làm tư rồi làm tám và nhét vào túi áo.

"Ông bị mất giấy tờ hả?" Tôi tò mò.

Lão lặng thinh nhìn theo chiếc xe buýt học sinh đang quẹo trái ở ngã tư.

"Ông uống cà phê không, tôi mời; mình lại cái quán đàng kia..."

Lão vẫn chăm chú nhìn chiếc xe đã mất hút ở khúc quanh. Bỗng dưng lão gầm gừ trong cổ họng, "Thằng Jack khốn nạn!"

"Jack là ai vậy?"

"Thằng Jack khốn nạn; khốn nạn..."

"Mình lại quán cà phê ngồi nói chuyện. Tôi mời..."

Lão bỗng quay sang, nhìn thẳng vào mắt tôi:

"Tao thèm rượu."

Tôi cố tính nhẩm xem trong túi mình còn bao nhiêu tiền, có đủ mời lão uống vài ly rượu không, nhưng không nhớ nổi.

"Ngày mai mình uống rượu, hôm nay uống cà phê. Tôi mời..."

"*Shit*!" Lão quay phắt đi như giận dỗi sau câu chửi thề.

"Jack là ai vậy?" Tôi thắc mắc. Lão không trả lời, mà hỏi ngược lại:

"Uống cà phê ở đâu ?"

Tôi chỉ về phía quán cà phê có bán bánh ngọt ở góc đường, kế bên trường học.

"Đi!"

Lão nói và đứng ngay dậy, tôi đứng lên theo và thong thả đi bên cạnh lão, về phía ngôi trường trung học. Tin rằng mình đang dần chinh phục được lão già, lòng tôi hân hoan khôn tả. Tôi muốn hỏi lão từ đâu tới nhưng chưa dám. Chúng tôi chưa quen nhau tới mức có thể hỏi những câu như thế. Trí tưởng tượng của tôi hoạt-động khẩn cấp. Lão hiện ra như một tay gián điệp quan-trọng của quân đội Thiên hoàng. Cặp mắt xếch làm lão có nét giống một sĩ quan Nhật. Biết đâu, lão lại chẳng đang miệt mài tìm kiếm một cái gì đó mà tôi không thể nào ngờ tới. Lão cũng có thể là một tay sát nhân đang bị truy lùng nên giả diên giả khùng che mắt thiên hạ.

Lúc gần tới tiệm cà phê, lão chợt đứng sững lại. Tôi ngơ ngác nhìn lão, "Chuyện gì thế?"

"Tao ghét con nhỏ ở quầy tính tiền."

"Tại sao?"

"Nó không thích dân tóc đen."

"Chả sao."

Lão trừng mắt, giận dữ:

"Tóc mày màu gì?"

"Thì...đen."

Lão đưa tay gãi đầu xồn xột. Những bụi trắng từ chân tóc lão lỏa tỏa bay ra trong nắng sớm. Lão nói như ra lệnh:

"Mày mua rượu về nhà tao uống."

Tôi ngạc nhiên. Lão mà cũng có nhà nữa ư. Thôi được, cứ mua đại chai rượu gì đó, về nhà lão uống lai rai. ừ biết đâu lão lại chẳng là một tay triệu phú trá hình; biết đâu lão lại chẳng thấy tôi hiền lành, đáng thương (thực tình, tôi thấy mình cũng dễ thương,) mà chia cho một phần tài sản. Lão già triệu phú không ai nối dõi sẽ chọn tôi làm người thừa kế. Hình ảnh căn nhà nguy nga hiện ra lờ mờ trong trí tưởng. Tôi - trong trí tưởng - đi ra đi vào căn nhà rực rỡ ánh đèn ấy, một con chó trắng như bông quấn quýt dưới chân. Tôi thành một tay trưởng giả thứ thiệt dễ ghét. Chỉ có thế mà lòng tôi cũng thơ thới, hân hoan như những lúc đọc được một vần thơ trác tuyệt.

"Mày mua chai rượu nào được được một chút. Tao chờ ở đây."

Lão nói khi chúng tôi đi ngang qua chỗ chiếc ghế quen thuộc ở trạm ngừng xe buýt. Một người đàn bà mặc chiếc áo đầm lòe loẹt màu sắc đang ngồi ở một đầu ghế. Lão ngồi xà xuống đầu ghế bên kia. Tôi nói *OK* và quay đầu bước đi, thoáng thấy mụ già hấp tấp đứng dậy dạt ra

phía sau, cách chiếc ghế một khoảng xa. Tôi không nghe tiếng chửi thề của lão. Tôi mong lão đừng thèm để ý đến chuyện nhỏ nhặt ấy. Những người đàn bà ở đây đầy quyền năng. Hẳn lão đã biết cách giữ mình.

Tôi vào tiệm rượu ở phía bên kia con phố. Những chai rượu đủ loại làm tôi bối rối. Tôi không biết lão thích thứ gì. Sau cùng, tôi lựa đại một chai rượu vừa túi tiền nhất, (nghĩa là chai rượu rẻ nhất,) hẳn lão cũng thông cảm dùm tôi.

Lúc tôi quay lại, lão đang vuốt ve một mảnh giấy vụn nhỏ bằng bàn tay. Vừa thấy bóng tôi, lão xếp tờ giấy lại, bỏ vào túi áo.

"*Let's go!*" Tôi quơ cái bọc có chai rượu lên trước mặt lão.

"*OK.*"

"Nhà ông ở đâu?"

"Đừng hỏi."

Thấy lão gắt gỏng, tôi đổi đề-tài, "Trời đẹp quá."

Lão cứ lầm lũi bước. Tôi hấp tấp đi theo. Lão già lủi nhanh như một con sóc. Lúc đi ngang qua sân trường học, bước chân lão có hơi chậm lại. Lão quay đầu nhìn vào sân trường. Tôi liếc theo hướng nhìn của lão rồi quay lại nhìn lão. Lúc này, lão giống ông Ba bị đi tìm bắt trẻ con. Lão lẩm bẩm gì đó tôi nghe không rõ, rồi lại lầm lũi bước.

"Thằng khốn nạn Jack..."

"Hả?"

"Tao không nói chuyện với mày!"

"Ồ, xin lỗi."

"Khỏi cần xin lỗi."

Thái độ của lão làm tôi thấy thích thú. Tôi lập lại câu hỏi ban nãy, "Nhà ông ở xa không?"

"Mày có thể câm mồm đi được không?"

"*OK.*" Tôi kiên nhẫn.

Sau khi đã qua mấy chục khúc rẽ quanh co, chúng tôi đi vào một khoảng sân rậm rì cỏ dại. Một căn nhà đổ nát bỏ hoang, xiêu vẹo trên nền đất, cạnh đó là một cái nhà để xe lụp xụp. Tôi ngỡ ngàng chùn bước. Thấy tôi chăm chú nhìn căn nhà, lão hầm hừ:

"Không phải nhà đó, cái kia kìa." Lão chỉ cho tôi căn nhà để xe nhỏ bé như chiếc hộp bị móp méo khắp xung quanh.

"À."

"Vào chơi!" Giọng lão dịu xuống.

"Vâng, cám ơn."

Lão đẩy cánh cửa gỗ qua một bên. Ánh nắng lùa vào, vẽ lên trước mắt tôi một cái ổ chuột khổng lồ gồm những nệm giường mủn rách, những khăn trải giường nhăn nhúm cũ rích, một chiếc ghế có nệm

bọc da màu xanh lá cây đã bung lò so. Và biết bao nhiêu là giấy tờ lụn vụn. Những tờ giấy vuốt thẳng, buộc lại với nhau thành từng bó, xếp dọc theo vách tường.

"*Sit down*," lão nói, tay chỉ chiếc ghế cũ. "Coi chừng rách quần."

"*Thanks!*"

Tôi dè dặt ngồi xuống ghế. Tiếng lò so khô dầu kêu lên kèn kẹt. Chiếc ghế lỏng lẻo như thể không chịu nổi sức nặng của tôi, chỉ muốn gẫy sụp. Lão trấn an tôi:

"Đừng lo, coi vậy mà chắc lắm."

"*Thanks*."

"Sao mày cám ơn hoài vậy?" Lão cau có ngồi phịch xuống tấm nệm giường cũ kỹ. Tôi lúng túng cười trừ.

"Đưa tao coi chai rượu xem."

Tôi trao chai rượu còn trong bọc cho lão. Lão hấp tấp xé toạc cái túi giấy bọc ngoài, đưa chai rượu sát đôi mắt màu nâu đã kéo mây ngầm nghía; đôi mắt có những đường gân máu ngoằn ngoèo đỏ loét. Tôi chăm chú theo dõi cử chỉ của lão. Không bày tỏ một nét nào của sự hài lòng hay thất vọng, lão loay hoay tìm cách mở nút chai.

"Ông không có đồ mở nút chai sao?"

"*Silly question*."

"*Sorry*!"

Loay hoay một hồi lão cũng mở được cái nút chai, và đưa chai rượu lên mũi hít hà. Đôi mắt lim dim, như thể lão đang say mê thưởng thức cái hạnh-phúc nhỏ nhoi nồng nồng bốc hơi trong không khí. Tôi toan hỏi lão có ly uống rượu không, nhưng kịp ngừng ngay lại. Lão dốc chai rượu lên tu một hớp, nhăn mặt hít hà.

"Mẹ kiếp, thua rượu nếp than xa!"

Lão làm tôi giật mình, hoảng hốt. Lão vừa mới nói một câu tiếng Việt. Lão là người Việt Nam, Trời ạ. Vậy mà tôi có bao giờ ngờ. Tại đôi mắt Mông cổ của lão. Tôi cuống quýt hỏi lão, bằng tiếng Việt:

"Ông Việt Nam hở?"

Lão sựng người lại, chai rượu bị giật ra khỏi cái miệng rộng, đổ sánh ra vài giọt. Lão trợn mắt nhìn tôi:

"Mày Việt Nam à? Sao giống Tàu quá. Tao tưởng mày là Tàu Đài Loan, Hồng Kông gì chứ."

Lão đặt chai rượu xuống nền xi măng lồi lõm, lừ đừ đứng lên, như một xác chết vừa đội mồ sống dậy. Khuôn mặt lão căng ra vì sững sờ, rồi chùng xuống, dãn ra, và mềm lại như đang hạnh-phúc tột cùng.

"Vậy mà tao có biết đâu. Ha ha," lão cười khoái trá. "Tha hương ngộ cố tri..."

Lão nói giọng Bắc thật rõ. Lão bước tới một bước, ôm chầm lấy tôi, siết cứng lại. Thân hình xương xẩu của lão cấn lên người tôi, như những thanh sắt cong của một chiếc giường vênh vẹo. Tôi ngộp thở trong đôi tay bằng thép của lão. Mùi hôi mốc siết cứng lấy hai lỗ mũi tôi ngột ngạt. Bàn tay lão vỗ về lưng tôi dịu dàng, thân thiết.

"Mày còn đi học không?"

"Dạ không."

"Mày còn trẻ quá. Tên gì nhỉ?"

"Dạ, Tâm."

"Vợ con gì chưa?" Lão vẫn chưa buông tôi ra.

"Chưa."

"Thất nghiệp hả?"

"Dạ."

"Có nhà cửa gì không, nếu không về ở với tao."

Lão buông thõng hai tay, nhìn tôi, chờ câu trả lời. Tôi ngập ngừng:

"Dạ có, thuê *apartment*."

"À," lão nắm lấy cổ chai rượu, ngồi phịch xuống tấm nệm cũ. "Rảnh rồi lại đây chơi."

"Vâng."

Lão đưa chai rượu lên miệng, tu ừng ực. Xong, gật gù lẩm bẩm một mình:

"Được lắm, được lắm..."

Không hiểu lão khen rượu hay khen mình, tôi áy náy ngước nhìn mảnh mặt trời lấp ló sau khoảng trống trên mái "căn nhà" của lão.

"Ông ở đây mùa đông có đủ ấm không?"

Lão tu một hơi rượu, nuốt cái ực, khề khà:

"Mày hay hỏi ngớ ngẩn."

Mặt lão ngả dần sang màu tím, cái màu của miếng thịt bò ôi. Từ lúc khui chai rượu ra đến giờ, lão chẳng hề mời tôi được một câu. Tôi ngồi lặng lẽ nhìn lão uống tì tì như một tay bợm nhậu thứ thiệt, không cần tới đồ nhắm.

"Giấy tờ gì mà ông có nhiều thế?" Tôi đánh liều hỏi, hai mắt đảo vội một vòng căn nhà để xe chật hẹp.

Mặt lão bỗng nghiêm trang hẳn lại. Đôi mắt đỏ sọng nhìn mông vào khoảng trống trước mặt. Lão ngồi đờ người ra như bị thôi miên mất vài giây rồi lại tiếp tục uống. Lão uống, hết ngụm này tới ngụm khác. Chẳng bao lâu rượu đã cạn tới gần đáy chai.

Tôi làm ra vẻ thản nhiên, "Jack là ai vậy?"

Tia nhìn lão tóe lửa về phía tôi bỏng rát. Mặt lão cau lại hằn học,

cằm lão bạnh ra như đang nén cái đau trong cơn tra tấn bạo tàn. Tôi lì lợm đợi câu trả lời của lão. Mất đến hơn một phút căng thẳng nặng nề, sau cùng mặt lão dịu xuống, lão tu một hớp rượu, nói nhỏ, "Thằng Jack học cùng trường tao hồi đó."

Tôi thở phào.

"À, bạn học cũ của ông..."

"Cùng trường nhưng khác lớp."

".... "

"Nó chết rồi!"

Tôi ngơ ngác nhìn lão, đợi câu nói kế tiếp.

Lão tu một hớp rượu, rồi thong thả, "Tao giết nó."

Tôi sững người, ngơ ngác:

"Ông giết?"

"Ù." Giọng lão lạnh tanh.

"Ở đâu?"

"Cái trường ở khúc mày hay ngồi đợi xe *bus*."

"Hồi nào?"

"Lâu rồi."

Tôi đã đoán đúng. Lão là kẻ đang bị pháp luật truy lùng; hèn chi lão giả điên giả khùng. Tôi lo lắng liếc quanh, tìm xem có vũ khí gì có thể tự vệ được, để nếu cần...

"Thằng khốn nạn Jack." Lão nói bằng tiếng Việt cái câu mà trước đây tôi hay nghe lão lẩm bẩm bằng tiếng Anh.

"Rồi, rồi...ông có bị gì không?"

"Mày sợ hả?" Lão quay phắt qua nhìn tôi. Đôi mắt ánh lên những tia lửa màu đỏ cam. Lão già, tôi trẻ, chắc tôi đủ khả năng tự vệ nếu bị lão tấn công. Tôi luống cuống:

"Không có, hỏi cho biết vậy thôi."

Lão trầm ngâm:

"Tao ở tù hai chục năm."

Tôi điếng hồn. Lão lẩm bẩm, "Mẹ kiếp!"

Cả hai chúng tôi cùng im lặng. Tôi không biết phải hỏi lão về chuyện gì mà không làm lão bực mình. Lão nóng tính. Tôi không muốn làm mất lòng lão. Dù sao lão cũng đáng tuổi cha chú; dù sao lão cũng là người đồng hương. Lão già bắt đầu say. Cái đầu lỏng khỏng của lão lắc lư như đầu con rối bị đứt dây. Một tay lão nắm cứng cổ chai rượu đã gần cạn, tay kia quơ quào loạng quạng.

Chợt lão quát lên:

"Mẹ kiếp, lẽ...ra tao cũng... không nên giết nó..."

Tôi chồm người ra đằng trước ngóng câu nói kế tiếp của lão.

"Giết nó rồi, gần ba chục năm sau, tao vẫn không tìm lại được..." Lão buông lửng câu nói. Chất tò mò trong tôi bị kích-thích đến cực độ, nhưng tôi không dám đặt câu hỏi, chỉ sợ lão nổi giận. Tôi kiên nhẫn ngồi chờ, như kẻ đệ tử ngồi chờ sư phụ ban truyền bí kiếp. Một vuông nắng lọt qua khoảng trống trên mái, rớt xuống mặt lão. Tôi thấy được những nếp nhăn đậm nét. Có những giọt nước lăn dài trên má lão. Lão lại khóc. Tôi thấy vai lão rung rung. Giọng lão khao khao ướt sũng:

"Không bao giờ tìm được; *never, never...*"

Lão bắt đầu khóc. Tiếng khóc rưng rức làm tim tôi đau nhói. Tôi là kẻ đa cảm, tôi không muốn khóc theo lão, nhưng trời ơi cái hình ảnh một lão già sống lẻ loi, lưu lạc ở một nơi cách xa quê-hương hàng chục ngàn cây số ngồi khóc tức tưởi vì một niềm đau nỗi khổ nào đó, làm lòng tôi mềm nhũn như miếng bánh tráng nhúng nước.

"Thằng Jack khốn nạn..."

"Nó làm gì ông?" Tôi hỏi.

"Tao học thua nó...hai lớp. Tao tị nạn...tao mù chữ Anh..."

Lão khụt khịt mũi. Khuôn mặt lão tối sầm dù đang được mặt trời ném xuống cho một vạt nắng hình vuông.

"Ngày nào nó cũng giựt cặp sách, mũ, giầy tao...quăng đi...như chơi *baseball*.."

Tôi hình dung ra một thằng bé tóc đen chạy lăng quăng theo cái cặp xách, cái mũ, chiếc giầy mà lũ bạn ác độc đang chuyền tay nhau trên sân trường.

"Tao học lớp mười, tao ở với chú...và con mụ thím...khốn nạn...mày biết không ? À mà mày tên gì...tao quên mất rồi."

"Tâm."

"Ù, Tâm...Con mụ thím khốn nạn....Phải không Tâm?"

"Phải."

Lão quơ tay một vòng, chỉ cho tôi coi đống giấy vụn lão gom thành từng bó xếp chung quanh vách tường. Những mảnh giấy vụn ấy thì liên-hệ gì tới câu chuyện của lão chú. Và *con mụ thím khốn nạn* nữa?

"Tao lấy địa chỉ trường để nhận thư...Tao không muốn...con mụ thím khốn nạn mở thư tao ra xem..." Lão lại ngửa cổ tu một hớp rượu. "Thằng Jack khốn nạn lấy cặp sách của tao quăng cho một lũ khốn nạn khác...giấy tờ, sách vở bay tứ tung..."

Lão ngừng lại, đưa tay áo lên chùi nước mắt.

"Hôm ấy tao vừa mới...nhận được thư của...mẹ tao...ở Việt Nam..." Lão nói đến chữ *Mẹ* một cách kính cẩn. "Thư của mẹ tao..."

Lão lại khóc tức tưởi. Tôi lờ mờ hiểu ra sự liên-hệ của tờ giấy vụn mà có một lần lão đã nhờ tôi dọc dùm, cùng những đống giấy vụn

chất đầy quanh bốn bức tường cái nhà để xe chật hẹp này, với câu chuyện lão đang kể. Giọng nói lão khàn khàn khê đặc:

"Mấy chục năm nay...tao vẫn không hiểu...mẹ tao đã viết những gì...trong tờ thư đó...thằng Jack khốn nạn....thằng khốn nạn..."

Tôi nhỏ nhẹ:

"Sao ông không viết thư hỏi bà cụ?"

Lão bất thần quăng chai rượu vào tường, cái chai thủy tinh vỡ nát, mảnh vụn rào rào bay tứ tung. Tôi hoảng hốt toan đứng dậy chạy trốn, nhưng thấy lão vẫn ngồi đó, sự phẫn nộ chỉ hằn trên nét mặt, nên tôi ngồi nén lại, nhấp nhổm trên mặt ghế.

"Đồ ngu!" Lão gầm gừ. Tia nhìn của lão tóe lửa. "Mẹ tao đau màng óc...ở Việt Nam...đó là tờ thư cuối cùng...biết không? Thằng ngu!"

Lão gào lên, khóc sướt mướt như lần tôi bắt gặp lão khóc trên đường phố. Tôi bối rối cùng tột. Biết nói gì cho lão nguôi ngoai đây hở Trời. Tình mẹ con có gì mà đền bù được. Thằng Jack nào đó khốn nạn thật. Và con mụ thím nào đó cũng khốn nạn không thua gì thằng Jack. Tôi thương lão già quá, nhưng biết làm sao bây giờ. Người mẹ khốn khổ đã trối trăn gì với thằng con xa xứ nhỉ. Trời ơi, có biết bao nhiêu là câu hỏi. Tôi nảy ra ý nghĩ viết một tờ thư giả, thuyết phục lão rằng đó là tờ thư của mẹ lão. Biết lão có tin tôi không. Tính lão nóng nảy. Lão dám giết tôi nếu khám phá ra sự thật. Trời ơi, hãy chỉ cho tôi biết phải làm gì để giúp lão già tội nghiệp này.

Tôi lúng túng ôm hờ lấy vai lão. Cơn say đã đẩy ứ tới cổ, người lão mềm nhũn, lão sụt sùi ngã người theo sức đỡ của cánh tay tôi. Tôi đỡ lão nằm xuống tấm nệm cũ. Hai mắt lão nhắm nghiền, hai vai rung rung theo tiếng nấc.

Một lát, căn nhà để xe vuông vức vang vang tiếng ngáy.

Vậy là tôi không còn thất nghiệp nữa; trong những ngày tới, tôi sẽ phụ lão trong việc tìm kiếm một tờ thư; một tờ thư đến từ cái nước Việt Nam xa lơ xa lắc. Tôi tần ngần nhìn vệt nắng nhảy múa trên ngực lão, cái ngực mỏng teo phồng lên, xẹp xuống theo tiếng ngáy rền rĩ; cái ngực chứa đầy nỗi uất ức của một đứa con không được nghe những lời cuối của mẹ mình.❐

Hãy cho ta chết giùm đời nhau

NGU YÊN

Ngày tay tẩm thâm tình
Sờ thân xác dang yêu
Người ôm sát trong lòng mà xa cách muôn trùng
Rơi bao nhiêu rơi rơi
Ướt lên từng nơi nhức nhớ thương
Nhức lên từng nơi đã bặt linh hồn
Mặc áo mân mê hàng khuy
Nằm dắp chăn xưa cùng nằm
Dưa người bằng hơi hám mình đã quen

Ngày tay vuốt lên môi để ghi nhớ suốt đời
Bàn tay xé con tim bật to tiếng kêu gào
Như trên những ngón tay dấu môi hình dang rỉ máu tươi
Những đêm dài tay nhói triền miên sầu

Lần cuối hôn lên vành môi
Gìn giữ hương hơi một đời
Mất người còn mãi bóng hình

Ngày tay vuốt mắt người
là đau xót kinh hoàng
là thê thiết khôn cùng
là tan tác chia lìa
Thấm bao năm trong tay
chút hơi lạnh băng giá cuối đời
Chút hơi này theo suốt tình ai hoài

Lần cuối nâng niu người yêu
Trà sớm ướp quanh chỗ nằm
Hương trầm bạn thơm tháng ngày lẻ loi

Đành thôi cách biệt nhau
Từ nay sẽ ngàn sau
Chỉ còn nước mắt chỉ còn nhang khói thế thôi
Ngày tay vuốt mặt lần sau chót đưa người
Hình ảnh lúc cuối cùng
Chịu sao nỗi thương đau
Hôm nay đang yêu nhau
nghĩ không, làng dã tơi nát tan
Nghĩ không, đời dã tắt ngày vui rồi

Hãy cho ta sống giùm tình nhau
Hãy cho ta khổ giùm lòng nhau
Hãy cho ta chết giùm đời nhau.

Vướng Víu

Trần Doãn Nho

Ông bà Mẫn từ trên xe Honda bước xuống, hai tay ôm đồ đạc linh kinh, chưa kịp vào nhà thì đứa cháu đã chạy ra, đưa cái điện tín khẩn. Ông Mẫn cầm, bà Mẫn nhìn ghé vào tờ giấy, đọc: "Ra Nha Trang gấp. Chuyện tối quan trọng."

Mặt bà Mẫn tái xanh. Ông Mẫn cất kính mát, vỗ vào trán:

— Cái gì thế này! Còn có năm ngày nữa là lên máy bay.

Bà Mẫn nhìn ông mếu máo:

— Cái gì thế anh? Biết tính sao đây.

Ông Mẫn im lặng, suy nghĩ. Bà Mẫn vứt đồ đạc, ngồi xuống nền nhà, luôn miệng than thở. Ông Mẫn van vỉ:

— Bà im giùm tôi đi. Tôi cũng có biết gì hơn bà đâu. Đánh cái điện tín ngu như con bò. Không ai hiểu mô tê gì hết.

Ông đi lui đi tới trong phòng khách. Một lát sau, ông nhìn vợ:

— Suy nghĩ mãi, tôi cũng không biết chuyện gì đã xảy ra. Tôi tính thế này: bà thuê bao chiếc tắc xi ra ngay Nha Trang tối nay. Tôi phải ở lại lo thu xếp hành lý. Mốt lên phi trường cân hành lý rồi. Lấy số điện thoại nhà thằng Thanh ở Chợ Lớn, ra ngoài đó đến bưu điện gọi vào ngay. Tôi sẽ dời lên ở nhà thằng Thanh canh điện thoại bà. Thôi bà đi đi, thì giờ không còn nữa.

Hai ông bà rú xe chạy vụt đi.

Bà Mẫn thuê bao một chiếc taxi tại bến Lê Hồng Phong chạy đêm ra Nha Trang với giá tiền hơn gấp đôi giá thường lệ. Ông Mẫn đem mấy trăm đô-la đổi ra tiền và chỉ vàng nhét vào túi bà, dặn dò cẩn thận.

Xe đến Nha Trang cũng gần hai giờ sáng. Xe vừa ngừng trước cổng, bà Mẫn đã vội nhảy xuống xe chạy vào, quên cả lấy tiền thối.

Nhà còn thức, đèn đuốc sáng trưng. Vừa nghe tiếng gõ cửa, ba đứa con bà đều chạy ùa ra, mặt mày đứa nào đứa nấy buồn thiu. Hai cô con

gái mắt đỏ hoe. Bà chưa kịp hỏi, cô gái lớn đã mếu máo:

— Con Na bỏ đi rồi.

Bà mở lớn đôi mắt nhìn mấy đứa con, há hốc mồm, sửng sốt không nói được. Một lát, bà vất cái "sắc" xuống đất, run giọng hỏi:

— Đi rồi, đi đâu? Mẹ không hiểu chi hết.

Viện, cậu con trai, dìu bà vào:

— Mẹ vào đây, rồi nói chuyện sau. Mà mẹ phải thật bình tĩnh đã.

Bà Mẫn luôn miệng rên rỉ:

— Trời ơi là trời, còn có năm ngày nữa thôi. Tôi biết làm sao đây.

Bà lay hai vai đứa con trai:

— Nói mau đi. Tao quá sốt ruột. Kiểu này chắc tao chết quá. Nói mau, nói mau. Tại sao nó đi, đi hồi nào?

Ba đứa con nhìn nhau. Cuối cùng, Viện nói:

— Con Na có bồ. Con đoán là nó trốn ra với thằng bồ nó.

Bà Mẫn há hốc mồm, lắp bắp:

— Con Na có bồ? Con Na mà có bồ! Trời! Sao tao chẳng hề hay biết gì vậy. Mới có mười bảy tuổi đầu. Nó đứng đắn, đàng hoàng là thế sao nó lại có bồ. Sao tụi bây biết nó có bồ? Tại sao trước đây chẳng có đứa nào nói cho tao biết. Trời ơi.

Ba đứa con im lặng nhìn nhau. Bà Mẫn sụt sùi, đưa mắt ngơ ngác nhìn hết đứa này đến đứa khác, tâm thần bối rối bất định. Trong lúc đó, vợ chồng người em bà Mẫn, mấy đứa cháu đều thức dậy. Bà Mẫn nhìn người em:

— Làm thế nào bây giờ cậu? Cậu biết không, chỉ còn có năm ngày nữa là lên máy bay mà nó bỏ đi như thế này, biết tìm đâu.

Người em cười:

— Theo em, cháu có người yêu thì để cháu ở lại.

Bà Mẫn chồm dậy:

— Cậu nói cái kiểu gì lạ vậy. Không đời nào. Ai cho nó có bồ, có người yêu? Tôi đã dặn dò nhiều lần là không được có bồ, không được yêu đương lăng nhăng. Mọi chuyện phải đợi qua Mỹ cái đã.

Người em nói:

— Chị lạ thiệt. Bộ ở Mỹ mới yêu được còn ở Việt Nam thì không được yêu. Hồi xưa, chị...mê anh Mẫn, chị khóc lóc...

Bà Mẫn chỉ vào mặt em:

— Cậu đứng đắn một chút xem. Ruột tôi đang rối tung lên đây. Tôi lâu nay cứ lo con bé lớn, nên khuyên lơn nó mãi. Thằng Viện nữa. Nay chở con này, mai chở con nọ. Ai mà ngờ cuối cùng lại chính con bé út gây rắc rối. Nó thương tôi thế, nó hiền lành thế mà...

Người em lại cười:

— Bộ hiền lành thì không được yêu hay sao?

— Không được. Đứa nào cũng phải đi qua Mỹ mới được yêu. Tôi phải đi tìm con Na về. Tôi không tìm ra nó, chắc tôi chết mất. Cậu phải giúp tôi đi tìm nó gấp. Tốn mấy cũng được, cậu biết không.

— Em mà được đi Mỹ như chị, đứa nào ưng ở lại, em cho ở lại. Chắc gì ở Mỹ nó sướng bằng ở đây. Vả lại, chắc gì nó kiếm được người vừa ý nó. Mà thôi, chị nhất quyết đi tìm nó thì cứ đi tìm. Phải đi ngay. Thì giờ đâu còn bao nhiêu nữa.

Thế là chưa đầy một tiếng đồng hồ sau khi ra Nha Trang, bà Mẫn lại ôm cái "sắc" nhỏ nhảy xe tốc hành chuyến ba giờ rưỡi sáng đi Huế sau khi dùng điện thoại báo tin và hỏi ý kiến ông Mẫn. Các con bà cho biết, bé Na, hay như tên trong giấy khai sinh là Anh Thúy đã rời khỏi nhà chiều hôm trước, trong túi chỉ có mấy chục ngàn đồng. Người yêu của Anh Thúy là một thanh niên lái xe tải ở đường Thống Nhất. Qua sự tiết lộ của mấy đứa con, hai đứa quen nhau cả một năm nay, nhưng chị em giấu cho nhau vì lẽ giản dị là cô nào cũng có bồ. Hai cô lớn thì có bồ cho vui, cho đỡ buồn. Còn Anh Thúy, lúc đầu, bắt chước mấy chị cũng muốn có một thằng bồ "cho đỡ buồn". Thực tế thì cô nào cũng muốn đi Mỹ, muốn lấy chồng ở Mỹ. Nhưng không ngờ, chơi mà hóa thiệt. Rốt cuộc, tình yêu của Anh Thúy quá sâu đậm, nên phút cuối cùng, cô quyết định trốn đi. "Tình yêu sâu đậm". Cái từ mà cô con gái lớn mô tả việc con Na trốn theo trai, khiến bà Mẫn như lên cơn sốt. Bà không thể hình dung đứa con út mà bà cưng nhất lại có thể bỏ gia đình mà đi trong những ngày trọng đại như thế này. Đáng lẽ giờ này cả gia đình bà vui chơi ở Sàigòn, thăm bà con, bạn bè, thăm các nơi trước khi lên máy bay đi Mỹ. Suốt gần hai chục năm, làm gì có được những ngày vui như thế. Thế mà, bà phải bỏ ăn, bỏ ngủ, chạy đôn chạy đáo đi tìm đứa con. Tình yêu, tình iếc gì, mất dạy thì có! Càng ức, bà càng hối hận tại sao mình quá chủ quan. Thấy một vài người bạn H.O, có con lớn, nhất là con gái, cứ phải ngay ngáy lo âu về chuyện đi ở của đứa con, bà đã từng phì cười và sung sướng khi thấy mình không bị vướng vào hoàn cảnh đó.

Chuyến xe tốc hành đưa bà Mẫn trở lại thành phố mà mới một tuần trước đây gia đình bà đã làm tiệc từ giã bà con, bạn bè. Đến Phú Bài, bà bồn chồn ra đứng ở cửa. Xe chưa ngừng, bà đã nhảy vội xuống, suýt té, tìm chiếc Honda ôm giục chạy lên đường Thống Nhất. Căn nhà nằm bên kia đường rầy xe lửa. Bà Mẫn cố nén hồi hộp đi vào. Nhà nhiều cây, vắng vẻ. Đến bậc thềm, bà đứng lại nhìn quanh. Bà định vào hẳn cửa lớn thì thấy có bóng người ở bên cạnh chiếc taxi ở góc vườn. Bà vội vã bước đến.

Nghe tiếng động, một thanh niên từ gầm xe bò ra.

— Chào bác. Thanh niên lên tiếng.

Bà Mẫn nhìn kỹ thanh niên:

— Chú cho tôi hỏi. Đây có phải là nhà của ông Bường?

Thanh niên đáp giọng nhỏ:

— Dạ phải. Bác muốn gặp ba cháu? Vậy mời bác vào nhà.

Thanh niên trong bộ quần áo dính đầy dầu mỡ, phủi tay, đi trước. Bà Mẫn bước theo hỏi:

— Ai là cậu Thông?

Thanh niên xoay đầu lại:

— Dạ, cháu là Thông.

Bà Mẫn mím môi, cố đè xuống một nỗi giận dữ như muốn phun vọt ra thành những lời chửi rủa. À, thì ra mày. Cái thằng đã dụ dỗ con tao, đã cướp đi những ngày vui còn lại ở Việt Nam. Hèn gì trông mặt mày đểu cáng, bần tiện. Mày biết con tao sắp đi Mỹ, mày quyến rũ nó, mày lợi dụng nó để mày tìm cách bắt bí vợ chồng tao.

Bà bước vào nhà, và nhớ lời dặn dò của ông Mẫn qua điện thoại là phải hết sức dịu dàng, hòa nhã, mềm mỏng. Lạt mềm buộc chặt. Hơn nữa, "mình đang ở thế yếu", ông Mẫn nhắc đi nhắc lại với bà như thế.

Thanh niên kéo ghế nói:

— Xin mời bác ngồi. Để cháu đi gọi ba cháu.

Bà Mẫn khoát tay:

— Từ từ, bác có chuyện muốn hỏi cháu một tí trước khi gặp ba cháu.

Ngừng một lát, quan sát nét mặt người thanh niên, bà cố tìm ra một dấu hiệu khác lạ trên đó như một chút bối rối, hay sợ sệt chẳng hạn. Nhưng thấy anh ta vẫn bình thường, bà gượng tươi cười nói:

— Bác xin tự giới thiệu, bác là mẹ của Anh Thúy. Chắc cháu có biết Anh Thúy?

Người thanh niên chợt biến sắc:

— Bác...là mẹ của Thúy..không...cháu không biết Anh Thúy nào cả. Mời bác ngồi, cháu đi gọi ba cháu.

Bà Mẫn nghiêm mặt định nói, nhưng anh ta đã đi vào phía trong. Một lát, một người đàn ông bước ra chào bà.

— Chào chị. Tôi là Bường, ba của Thông. Mời chị ngồi.

Bà Mẫn cười:

— Xin chào anh.

Đợi người đàn ông ngồi xuống xong, bà nói ngay:

— Xin thưa anh thế này. Theo như người ta cho biết, con anh đây và con gái tôi, hai đứa thương nhau. Trai gái thương nhau là lẽ thường, vợ chồng tôi không hề cấm cản. Nhưng nghiệt một cái là cháu không hề cho tôi biết. Đến phút cuối, thưa thiệt với anh, còn năm ngày nữa là gia đình

tôi lên máy bay đi Mỹ theo diện H.O, cháu đột ngột bỏ đi, chẳng nói năng gì cho vợ chồng tôi biết cả. Chúng tôi đoán là cháu đã về lại Huế, vì muốn ở lại Việt Nam với cháu Thông, con anh. Anh cũng biết, thấy con bỏ đi, lòng ai cũng như muối xát, không rõ con cái muốn gì và hiện giờ ở đâu, ra sao. Tôi hộc tốc bỏ hết mọi việc, ra lại đây, trước để biết thực hư, sau để xem ý cháu thế nào mà liệu bề dàn xếp. Nhờ anh nói với cháu Thông, có biết cháu Anh Thúy ở đâu, chỉ cho tôi được gặp, để nói với cháu đôi lời.

Người đàn ông - ông Bường - gật gù, lắng nghe bà Mẫn nói. Thấy bà Mẫn ngừng nói, ông lên tiếng:

— Xin thưa với chị, lâu nay tôi cũng có nghe thằng Thông nói nó có thương một cháu nào đó, nhưng nghe nói bên anh chị cũng khó, nên cháu chưa dám định gì hết. Cháu nói cháu cũng chưa biết rõ mặt anh chị nữa. Riêng tôi, hôm nay nghe chị nói tôi mới rõ là cháu ở trong diện được đi Mỹ. Nếu tôi biết trước như thế, thì tôi cũng đã khuyên con tôi đừng dan díu vào làm gì, vì đủ thứ rắc rối, không đi đến đâu. Với lại, không hết tiếng (cái giọng dẻu cáng, bà Mẫn nghĩ bụng). Tôi cũng không ngờ con chị lại nặng tình như thế, dám trái ý anh chị, bỏ đi. (Đã âm mưu rồi còn làm bộ đạo đức giả, bà Mẫn nghĩ). Con cái như thế là không được. Để tôi hỏi thằng Thông xem sự việc ra sao.

— Thông ơi, ra đây. Ông Bường gọi.

Thông bước ra trong một bộ áo quần khác vừa mới thay. Ông Bường hỏi con:

— Bà đây là mẹ của Anh Thúy. Con và Anh Thúy có quen nhau, phải không?

Thông lí nhí trong miệng đáp "dạ", hai bàn tay nắm chặt lấy nhau.

— Con có biết Anh Thúy hiện giờ ở đâu không?

Thông ngẩng mặt lên nhìn bà Mẫn:

— Thưa bác cháu hoàn toàn không biết. Cháu và Anh Thúy đã từ giã nhau từ cả hai tuần trước.

Bà Mẫn dịu dàng hỏi:

— Bác nói thiệt với cháu, lòng bác hiện giờ như lửa đốt. Như bác đây biết và rồi sau cháu sẽ biết. Bác sắp rời Việt Nam, mà con thì bỏ đi đâu, sống chết đói no không biết, làm mẹ sao mà đành lòng. Nếu không gặp được Thúy, chắc hai bác và gia đình dành phải ở lại. Cháu và con bác thương nhau là chuyện thường tình. Nếu mấy đứa bây cho bác biết từ trước thì hai bác sẽ thu xếp êm đẹp rồi, đâu có phải để đến như thế này. Bác thức đêm thức hôm đi suốt từ Sàigòn ra Nha Trang rồi lại về Huế. Bác nghĩ rằng con Thúy bác chỉ có về đây với cháu thôi.

Bà Mẫn nức nở, lấy khăn chặm nước mắt, nhìn Thông tha thiết. Thông

lễ phép nói:

— Cháu thề với bác là cháu không hề biết Thúy hiện ở đâu.

Bà Mẫn giang hai tay về phía Thông:

— Không, nhất định cháu biết, cháu phải biết. Bác van xin cháu, bác chỉ mong được gặp Thúy để xem em như thế nào, em muốn gì. Bác hứa sẽ không la rầy gì Thúy.

Thông vẫn rất lễ phép:

— Thưa bác, cháu hoàn toàn không biết Thúy ở đâu. Cháu biết là cháu nói ngay.

Ông Bường xen vào:

— Tôi chắc cháu không hề hay biết gì về chuyện Thúy bỏ đi. Suốt ngày hôm nay, cháu vẫn ở nhà, chẳng có đi đâu. Tôi người lớn, tôi không dối bác làm gì.

Bà Mẫn im lặng, uất ức. Bà nhìn người cha, rồi nhìn người con, cố phát hiện bất kỳ một dấu hiệu gì khác thường trên khuôn mặt hai người. Nhưng trông họ vẫn bình tĩnh. Bà lại nhìn mông lung ra ngoài vườn, nhìn đoàn tàu vừa chạy ngang với một cảm giác ngao ngán cùng cực. Cuối cùng, bà quay lại, nét mặt thiểu não:

— Chắc tôi chết mất, nếu không gặp được Thúy. Biết làm sao đây hở trời.

Bà đứng dậy, có cảm giác như mọi sức lực trong người cạn kiệt. Bà cố gượng dậy để khỏi ngã chúi về phía trước. Bà chào hai cha con ông Bường rồi thất thểu bước. Ông Bường tiễn chân bà ra cổng, nói:

— Bác thông cảm. Tôi cũng không biết phải an ủi bà như thế nào.

Bà Mẫn không còn muốn nghe gì nữa. Bà bước vội ra đường, đón xe thồ qua Bưu điện. Phải cả tiếng đồng hồ sau, bà mới nói chuyện được với ông Mẫn qua đường dây điện thoại viễn liên. Bà vừa khóc vừa tóm tắt tình hình với chồng. Sau khi phân tích mọi điều, ông Mẫn dặn bà về nhà đứa em vợ ăn uống, tắm rửa cho bình tĩnh trở lại, rồi cùng người em lên lại nhà ông Bường. Theo ông Mẫn, bằng mọi giá phải bám lấy cha con ông Bường. Và điều quan trọng nhất là chấp nhận mọi điều kiện mà họ đưa ra một cách vui vẻ. "Em không quen hứa cuội" bà Mẫn nói. "Bà phải hứa, không thì chẳng bao giờ gặp được con đâu", ông Mẫn nói: "Nếu họ bắt phải làm giấy cam kết hay thề thốt thì sao." "Cứ làm, cứ thề. Tôi đã nói, bà phải chấp nhận tất cả mọi điều kiện. Tất cả, bà nghe chưa. Không trù trừ, do dự. Thì giờ không cho phép suy nghĩ hơn thiệt nữa."

Bà Mẫn cùng người em trở lại nhà ông Bường buổi tối. Gặp bà, ông ta hỏi ngay:

— Thế nào, bác đã gặp được con gái bác chưa?

Bà Mẫn có cảm giác câu nói của ông Bường như một lời châm chọc

vô cùng đểu giả. Nhưng bà cố hết sức nén giận:

— Chưa bác à. Thế cháu Thông đâu?

— Cháu đi đâu đó, chắc cũng sắp về.

— Tôi có chuyện muốn thưa cùng với bác, nhưng phải đợi cháu Thông về đã.

Ba người ngồi trao đổi những chuyện vu vơ. Bà Mẫn tỏ ra bình tĩnh hơn buổi chiều vì có người em ở một bên, hơn nữa đã có lời dặn dò của ông Mẫn. Khá lâu sau, Thông dạp xe đạp về. Ant ta chào bà Mẫn, nét mặt hơi mất tự nhiên. Bây giờ, bà Mẫn mới có dịp nhìn kỹ người thanh niên mà hiện nay bà vô cùng thù ghét. Khuôn mặt nhỏ nhắn, trắng, trông có vẻ lì lợm, nhưng không đến nỗi bất lương. Nhưng bà thấy có cái gì đểu cáng, bất chính ẩn dấu ở đàng sau, không thể tin được. Một khuôn mặt như thế này làm sao tin được hắn ta đến với con bà là vì yêu. Hắn chỉ tìm cách lợi dụng thôi.

Đợi Thông ngồi xuống, bà Mẫn từ tốn nói:

— Tôi đã suy nghĩ rất kỹ trước khi trở lại đây. Tôi biết chắc chắn là con tôi và cháu Thông đã sắp đặt trước việc này. Sự đã rồi. Làm cha làm mẹ mà khắt khe quá với con sẽ đưa đến những tình hình không hay. Sự việc hôm nay có một phần lỗi của vợ chồng tôi. Tôi đã trải qua một thời tuổi trẻ, cũng yêu cũng thương, cũng hẹn cũng hò cho nên tôi hiểu. Bây giờ đây, trước mặt bác, em tôi, tức là cậu mấy cháu, và cháu Thông, tôi xin hứa là hoàn toàn tán thành mối tình của con tôi và cháu Thông.

Ngừng một lát để quan sát phản ứng của hai cha con, bà Mẫn lại tiếp:

— Tôi sẵn sàng để cháu ở lại. Trước đây, tôi vẫn cho rằng phải qua Mỹ mới được sung sướng. Nhưng giờ, nghĩ lại, sung sướng đâu chẳng thấy, mà lại cắt đứt mối tình của con, thì đúng là không nên.

Ông Bường cúi đầu, chăm chú lắng nghe. Thông thì ngồi nhìn thẳng mặt bà Mẫn như muốn tiếp nhận tất cả những gì bà nói. Khuôn mặt trông hớn hở hẳn lên. Bà Mẫn nhìn Thông hỏi:

— Bác nói thế có đúng không?

— Dạ.

— Bây giờ bác tính thế này. Cháu cứ để cho bác gặp mặt Thúy, để bác thăm em và biết chắc em hiện vẫn bình an vô sự...

Bà Mẫn ngừng lại nhìn Thông. Thông cúi đầu yên lặng. Bà nhìn ông Bường. Ông ta nhìn vơ vẩn lên trần nhà. Bà Mẫn hỏi Thông:

— Thế nào? Mẹ con sắp phải xa nhau, nỡ nào cháu không để cho bác gặp được em. Cháu thương Thúy, cháu cũng phải thương mẹ của Thúy chứ.

Thông vẫn yên lặng. Anh bối rối nhìn quanh, tránh cái nhìn van lơn,

tha thiết hướng vào mình. Bà Mẫn lại hỏi:

— Trước hết, để cho bác yên tâm, cháu cho bác biết có phải hiện giờ Thúy đang ở Huế không?

Thông lí nhí cái gì trong miệng, bà Mẫn nghe không rõ. Bà nghiêng đầu sang bên phía Thông, nhắc lại câu hỏi. Thông ngập ngừng:

— Dạ, dạ...không...à...à dạ...có.

Thông quay đi, khuôn mặt như tái lại. Bà Mẫn thở phào. Không khí như bỗng dịu hẳn. Bà Mẫn lại tiếp tục:

— Cháu đồng ý cho bác gặp Thúy không?

Thông im lặng. Bà Mẫn nhìn ông Bường:

— Cớ sự đã thế này, bác cũng nên nói cháu giúp tôi. Bác có con, bác biết. Lòng tôi như lửa đốt...

Ông Bường nói:

— À, thì chuyện tụi nó, tôi chẳng để ý làm gì.

Đồ đểu. Bà rủa thầm. Như một màn độc thoại trong vở kịch, bà lại tiếp:

— Bác và cháu có ý kiến gì cứ nói.

Nhìn khuôn mặt hai cha con một lần nữa, thấy chưa có dấu hiện gì biến chuyển, bà nói một câu bà vẫn còn trù trừ chưa muốn nói từ nãy giờ:

— Vợ chồng tôi sẵn sàng chấp nhận hết mọi điều kiện mà bác và cháu muốn, miễn là đừng có gì quá đáng.

Bà Mẫn có cảm giác ông Bường thở ra nhẹ nhõm, còn Thông thì hớn hở hẳn ra. Có lẽ thế, ông Bường nhổm người dậy, cầm bình trà rót thêm nước vào cốc mọi người, rồi từ tốn nói:

— Tấm lòng thương con của bác làm tôi quá sức cảm động. Không giấu gì bác, hồi mới tối nay, tôi gặn hỏi mãi thì Thông mới thú thật là có cháu Thúy ở Huế. Tôi bảo Thông nói với cháu Thúy là vì chữ hiếu, nên về thăm mẹ và xin phép mẹ đàng hoàng. Nhưng hình như cháu sợ chị đổi ý...

Bà Mẫn cướp lời:

— Không đời nào.

— Để tôi tiếp. Cháu nói cháu không hề muốn đi Mỹ. Cháu muốn lấy chồng ở Việt Nam và muốn anh chị lo cho cháu trước khi ra đi.

— Tôi sẵn sàng.

— Nhưng cháu vẫn còn ngần ngại... Cái này Thông nó biết. Tôi chỉ nghe nói đại khái thôi. Có gì con cứ nói với bác đi, Thông.

Thông ấp úng:

— Dạ thưa bác...dạ...tụi cháu biết lỗi, nhưng vì thương nhau quá làm liều. Thúy muốn bác chính thức...tổ..tổ..chức...cho hai...đứa. Còn

không...Thúy sợ...sợ...

Ông Bường lớn tiếng với Thông:

— Mày cứ ấp a ấp úng. Tụi bây tính sao, muốn gì thì cứ nói với chị, với anh đây. Mẹ và cậu, và có ba đây. Người lớn đã nói ra không lẽ nuốt lời.

Thông cố thu hết can đảm, e dè nhìn bà Mẫn:

— Tụi con...tụi cháu muốn bác hứa..hứa...

Bà Mẫn hơi cáu:

— Cậu, à cháu...con, tụi bây muốn tau hứa, thì tau hứa. Hay có muốn bác thề, bác cũng thề. Có bàn thờ Phật đây...

Bà Mẫn đứng dậy, đến trước bàn thờ Phật, nói lớn:

— Hôm nay, ngày...ngày tám, ngày tám phải không cậu Quảng. Phải há! Ngày tám tháng bảy, tôi là Văn Thị Vinh, xin hứa, à xin thề...nếu tôi không cho con tôi là Anh Thúy ở lại Việt Nam, nếu không cho cháu lấy cậu...à...cháu Thông, thì tôi sẽ bị...bị...tai nạn..., bị đi...máy...bay...

Nói đến đây, chợt bà cảm thấy bàng hoàng vì lời thề quá độc. Giọng bà Mẫn chợt đứt quãng và lắp bắp rồi đột ngột ngừng lại. Cả ba người ngơ ngác nhìn, thấy bà Mẫn miệng há hốc, người run lẩy bẩy, té lăn ra giữa nền nhà. Hoảng hồn, em bà Mẫn, ông Quảng vội đến đỡ bà Mẫn lên, Thông rối rít chạy đi lấy khăn ướt lau mặt cho bà. Phải một lát lâu sau, bà Mẫn mới tỉnh người, vịn bàn đứng dậy, nhìn quanh:

— Cám ơn. Tôi hơi mệt, vì đã thức suốt hai đêm liền.

Ông Bường nhìn Thông, rồi nói:

— Thực, tôi hết sức cảm động vì tấm lòng của chị. Tôi không ngờ chị thương con, thương rể...à...thương cháu Thông như thế. Chị đã thề, riêng tôi đây, tôi cũng vui lòng cho hai đứa tác hợp với nhau. Thông, con liệu nhắn Thúy về gặp mẹ.

Thông ngần ngừ:

— Nhưng trời tối thế này. Hay đợi sáng mai?

Bà Mẫn xua tay:

— Cháu cũng biết rồi, thì giờ không còn nữa. Bác phải trở lại Sàigòn trong đêm nay.

— Đêm nay? Thế còn chuyện đám cưới? Ông Bường hỏi.

Bà Mẫn hơi sửng sốt:

— Đám cưới? À, thì đám cưới, nhưng thật đơn giản. Anh biết rồi, nếu bây giờ lên tàu tốc hành cũng phải khuya mai mới đến. Vỏn vẹn chỉ còn ba ngày nữa mà phải lo hàng vạn thứ: cân hành lý, thăm bà con, lo khám sức khỏe, mua sắm đồ dạc lính kính...

— Dạ, tôi biết. Vậy thì, chắc tôi với cháu cũng phải vào Sàigòn luôn thể.

— Anh với cháu vào Sàigòn à?...À, mà phải, được, đi cùng với tôi và cháu Thúy.

Ông Bường quay sang Thông:

— Thông, con xem, trước khi đi đón Thúy, lo xoay chạy tiền nong để còn mua vé tàu, mua sắm ít đồ để mà lo việc cưới hỏi.

Nhìn bà Mẫn, ông Bường cười:

— Chị xem, dù gì cũng con nhà đàng hoàng. Mà gia đình chị lại sắp đi Mỹ. Đám cưới dù có gấp gáp, nhỏ nhoi cũng phải ngó cho được kẻo người ta cười, phải không chị.

Bà Mẫn ậm ừ, gật đầu. Thông bước đi. Bà Mẫn hỏi:

— Cháu đi đón em mau mau nhé.

Thông dừng lại:

— Để cháu chạy gấp đi mấy chú, mấy đì xoay một ít tiền rồi đi sau....

Bà Mẫn hốt hoảng:

— Thôi, khỏi. Không còn thì giờ nữa. Cháu đi chở Thúy về ngay, tất cả chuẩn bị để đi ngay. Mọi phí tổn để vợ chồng tôi tính. Cậu Quảng lên ga mua ngay vé chợ đen, chuyến tàu tốc hành sớm nhất.

Ông Bường nhìn bà Mẫn, xuýt xoa:

— Ai lại làm thế. Chị còn phải lo mua sắm đồ đi Mỹ....Vả lại, nhà trai cũng phải có chút gì chứ....

— Thôi, cám ơn lòng tốt của anh và của cháu. Vợ chồng tôi lo tất, khỏi phiền anh. Miễn là tôi được gặp cháu trước khi đi.

Chuyến tàu TN8 Hà Nội-Sàigòn rời ga Huế vào lúc nửa đêm. Bà Mẫn mua luôn một khoang giường nằm mềm cho bốn người đi: Ông Bường, Thông, Anh Thúy và bà Mẫn. Vào Đà Nẵng thêm hai người bà con nữa cùng đi với bà Mẫn: một là em gái bà và một là em gái ông Mẫn. Bà Mẫn giải thích với cha con ông Bường và Anh Thúy, bà cô và bà dì của Thúy vào dự đám cưới hai cháu, tiễn gia đình ông Mẫn đi, đồng thời dẫn vợ chồng Anh Thúy trở về quê giới thiệu và trình diện với bà con.

Theo lời bà Mẫn dặn dò, hai người em cố thuyết phục Anh Thúy bỏ ý định ở lại Việt Nam. Nhưng, cô vẫn khăng khăng không thay đổi ý kiến. Cô cho biết cô không thể sống xa Thông. Hơn nữa, bà Mẫn đã hứa, đã thề là sẽ sẵn sàng để cô ở lại. Cô dọa, nếu mẹ cô đổi ý cô sẽ làm liều.

Chuyến tàu đến ga Hòa Hưng vào lúc ba giờ sáng. Bà Mẫn bước xuống sân ga với một tâm trạng nặng nề. Hai ba ngày qua, bà đã sống đời sống của một người khác. Lo âu, căng thẳng, buồn phiền, chán nản. Bà phải dịu dàng, vui vẻ với con. Bà phải ân cần, chìu chuộng một ông sui gia và một cậu con rể bất đắc dĩ. Bà phải đóng một vở kịch mà đoạn cuối, chưa biết sẽ ra sao. Nếu không có giấc mơ đi Mỹ vực dậy, bà đã

hoàn toàn kiệt sức. Ông Mẫn, ba đứa con và khá đông cháu chắt, bạn bè ông Mẫn đón ngay tại cổng ra ga. Thấy ông Mẫn, bà Mẫn chạy bổ lại ôm lấy ông nức nở. Ông gỡ nhẹ bà ra tiến đến ông Bường, tươi cười:

— Chắc anh là anh Bường. Thế cháu Thông đâu?...À, đây. Tôi là Mẫn, ba của Anh Thúy. Hân hạnh được gặp anh và cháu.

Ông quay sang bà Mẫn và các con:

— Thôi, có gì về nhà hẵn hay. Đứng ngay cổng nói chuyện, cản đường khách ra vào. Người nào, xe nấy. Mỗi người đèo một người.

Bà Mẫn nhìn chồng, dụ dự chưa quyết. Ông Mẫn lớn tiếng:

— Thì bà lên xe về nghỉ đi. Mặt mày hốc hác như mất hồn.

Bố trí cho mọi người lên xe về hết, ông Mẫn mới quay sang hai cha con ông Bường đang ngơ ngác đứng nhìn:

— Để đàn bà con nít về trước, mình đàn ông từ từ về sau.

Ông chỉ người thanh niên đi với ông:

— Đây là Thanh, cháu tôi, hiện đang phục vụ ở Sở Công an Thành phố. Đây là anh Bường và cháu Thông. Mời tất cả vào quán nước đằng kia, ta sẽ nói chuyện sau.

Cả bốn người vô quán nước. Ông Mẫn gọi cà phê, thuốc lá. Sau vài lời hỏi thăm xã giao, ông Mẫn nói:

— Trước hết, tôi xin cảm ơn anh và cháu đây đã thương cháu Thúy nhà tôi, lặn lội vào tận đây. Nhưng tôi xin thông báo cho anh rõ: cháu Thúy nhà tôi phải đi Mỹ cùng với gia đình. Đó là tương lai của cháu.

Ông Bường trợn mắt nhìn ông Mẫn:

— Anh nói cái gì lạ vậy. Chị đã hứa, đã thề trước bàn thờ. Chị đã...

Ông Mẫn cắt ngang:

— Nhà tôi không làm vậy thì làm sao cha con anh chịu thả con bé Thúy ra.

Thông đứng dậy, nét mặt vô cùng xúc động, nhìn ông Mẫn, lắp bắp:

— Trời ơi, bác nỡ nào...cháu và...Thúy thương nhau... Bác gái... đã...hứa.

Thông đẩy ghế, chạy ra khỏi quán, nhìn về sân ga, rồi trở vào ngồi gục mặt xuống bàn, nức nở.

Ông Mẫn cười:

— Có lẽ cậu cũng có thương con tôi đấy. Nhưng lợi dụng thì nhiều hơn.

Thông ngẩng đầu lên:

— Cháu không hề lợi dụng. Tụi cháu...đàng hoàng...

— Không, cậu biết gia đình tôi sẽ đi Mỹ, cậu quyến rũ con gái tôi. Tôi không tin cái thứ tình cảm của cậu.

Thông van vỉ:

— Bác ơi, tụi cháu...tụi con thương nhau thực tình.

Ông Bường đứng dậy:

— Như vậy thì tôi đã rõ. Mọi lời thề thốt của chị ở nhà tôi chỉ là một sự lường gạt.

— Cứ xem như thế đi. Nhưng anh nên nhớ rằng cha con anh đã lường gạt trước đấy nhé. Thôi, chào anh. Chúc anh ở lại vui vẻ.

Ông Mẫn và đứa cháu đứng dậy đến quầy trả tiền, rồi bước ra xe. Thông chạy theo.

— Bác ơi bác...thương cháu. Thúy ơi, Thúy...

Thông như muốn quỵ hẳn trên lối đi. Ông Bường đứng nhìn theo chiếc Honda chở ông Mẫn khuất dần ở góc đường đàng xa, lầm bầm chửi tục một mình.

Tất nhiên là Anh Thúy không thể nào ngủ được. Mai đã lên máy bay. Mai đã ra đi. Không còn gì cả. Cô đã mất hết. Mất Huế. Mất Thông. Mất những đêm hẹn hò. Mất những con đường rợp bóng cây đạp xe đạp đi với nhau. Bao nhiêu thề thốt. Bao nhiêu hứa hẹn. Cô ngồi dậy vặn đèn nhỏ ở bàn. Mọi người có lẽ đã yên giấc ở phòng ngoài, ở mái hiên, ở trên gác, ở phòng khách. Bà con. Bạn bè. Khóc lóc. Dặn dò. Bia. Thuốc. Hành lý. Vui quá vui. Bà mẹ cô tươi cười, hạnh phúc. Một nước Mỹ rạng ngời, sung sướng hình như đầy ắp cả căn nhà mướn tạm này. Ba cô không tiếc tiền, đã trả trọn tháng tiền nhà cho chỉ ba ngày tạm trú. Tất cả là vì cô. Cô nhìn quanh. Mẹ cô thiêm thiếp. Người anh trai nằm ngủ say sưa ngay nơi cửa phòng. Cánh cửa phòng đóng kín với chiếc khóa to bản treo lủng lẳng. Các cửa sổ có chấn song, lớp trong lớp ngoài. Cô được canh giữ như một tù nhân. Cô là một tù nhân, ít ra cho đến lúc cô lên máy bay. Mọi người khuyên nhủ, động viên cô. Mọi người chúc mừng cô. Một thiên đường đang đợi cô trước mắt. Một huy hoàng cô đang nắm trong tay. Tại sao cô muốn bỏ nó. Tại sao cô muốn ở lại Việt Nam.

Không. Cô muốn ở lại. Nước Mỹ hoàn toàn vô nghĩa đối với cô. Cha mẹ cô, anh em cô cũng hoàn toàn vô nghĩa. Vì không ai hiểu cô. Không ai thương cô. Mọi người đều ích kỷ. Mọi người chỉ biết có nước Mỹ. Mọi người đều gian dối. Cô đã trốn đi, nhưng cô lại bị mẹ cô "bắt lại". Cha mẹ cô đã dàn một vở kịch để chia lìa cô với Thông. Cô gục mặt xuống bàn. Mọi chuyện đều đổ vỡ tan tành. Thế giới trở nên hoang vu, trống vắng. Cô ân hận tại sao đã để cha mẹ cô lừa phỉnh, kéo cô ra khỏi chỗ ẩn nấp rồi đưa lại vào đây, ở căn nhà này và bắt cô phải đi Mỹ. Càng ân hận, cô lại càng giận Thông nhẹ dạ, dễ tin. Phải chi, phải chi, giờ này cô còn được ở Huế, trong ngôi nhà nhỏ đó, đợi Thông. Phải chi... Cô mệt mỏi, chán nản. Cô kéo hộc bàn, lấy một gói thuốc, đổ ra vài viên, rót nước

định uống. Bỗng có bàn tay ai giữ lại. Cô nghe tiếng mẹ cô ở phía sau:

— Con không ngủ mai mà lên đường, còn uống thuốc gì nữa.

Cô quay lui nhìn mẹ, đôi mắt long lanh:

— Mẹ tưởng con uống thuốc gì?

— Không, mẹ không tưởng gì hết. Con đừng suy nghĩ vẩn vơ nữa. Đi ngủ đi.

Cô gục đầu nức nở:

— Đến thuốc bổ mà mẹ cũng không cho uống nữa.

Mẹ vỗ về:

— Con cứ yên tâm ra đi. Mẹ đã hứa với con ba tháng sau cho con về mà.

Cô nhìn mẹ:

— Thì mẹ đã chẳng hứa bao nhiêu lần rồi còn gì!

Cô im lặng. Mẹ cô cũng im lặng.

Hai bàn tay cô bíu lấy mép bàn. Cô muốn nói, muốn la, muốn hét, muốn... Nhưng rốt cuộc, cô chỉ ngước nhìn mẹ, đôi mắt nhòa lệ và giọng ướt đẫm:

— Mẹ ơi, mẹ có biết...□

Tìm đọc

VÙNG ĐÁ NGẦM

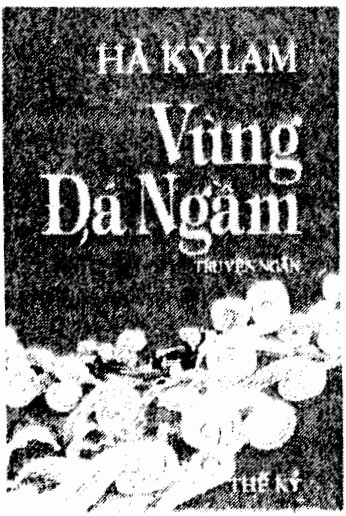

TUYỂN TẬP
TRUYỆN NGẮN
CỦA
HÀ KỲ LAM
214 trang.
Giá $10.00

***Thế Kỷ** xuất bản*
và phát hành
11022 Acadia
Parkway # A
Garden Grove,
CA 92640 USA
Tel: 714-638-9510
Fax: 714-638-1944

Sáo trúc vô thanh

HOÀNG VŨ ĐỨC VÂN

Kính gửi Bạn Hiền Trần Hồng Châu
với Cây Sáo Trúc Còn Lại: Âm hưởng thơ Bạn...

Buồn tím ngắt chiều đông buông xuống
Tuyết hoa trời mười hướng say say
Niềm giao hưởng trắng cuối ngày
Mái đầu tuyết chảy đã ngoài bảy mươi...

Lốp dã mòn, chiếc xe già cỗi
Đinh ốc long, gân cốt rã rời
Khí công chậm chạp xa vời
Van tim khép mở, mỡ dầu chẳng thông...

Giờ này nghĩ lay thành nhổ núi
Chuyện ngày xưa mà thấy nực cười
ấm hận đa thấy tuyệt vời
Yết hầu tắt nghẹn dưới trời hay hay...

Bông hồng nào còn trên sỏi đá?
"Lâu đài nào trên cát bể Đông?"
Ngẫm nhìn cũ kỹ tấm thân
Chắp tay nguyện hóa vô thanh sáo Trời...

Diện âm dương âm ba tích tụ
Tiếng vô thanh đồng điệu có hay?
Triền miên sinh hóa mãi rồi!
Hư Vô vườn cũ đến thời về thôi...

Tựa bên song ngày ngày lịch sử
Sóng thời gian chẳng thấy bạc đầu
Núi Sông cố quận ly tao
U Lan chùm gửi đeo vào ngát thơm...

Động Đình xưa hồ vàng lau lách
Hoàng Hạc Lâu nhớ lại người xưa
Hồ Gươm sóng biếc say sưa
Vọng Tiên Lâu đợi gió vừa cho Mây...

Thành Phố Trong Hư Tưởng

Nguyễn Chí Kham

Khi mọi người ngồi trong toa xe yên lặng, tôi mở túi xách, lấy một cuốn tiểu thuyết ra nằm đọc cho đỡ buồn. Nhưng được hai trang, tôi cảm thấy vô ích, thì giờ chuyến đi còn rất lâu dài, hai bên núi rừng phong cảnh đều lạ, nó bị màu xanh trùng điệp che kín hết. Ở đoạn đường xấu, đoàn xe chạy quá chậm. Tì tay lên thanh sắt, mắt tôi cứ ngó xuống, ngó sâu hơn nữa, nhưng không nghĩ rằng đó là vực thẳm. Bất chợt, tôi nhớ ra là mình có cất giấu bao diêm và gói thuốc Bastos xanh. Ở trường Việt Anh, mặc dù là tư thục, nhưng kỷ luật rất nghiêm. Học sinh lớp nhỏ không nói, cả đến lớp lớn đều bị ngăn cấm hút thuốc. Giờ ra chơi, những bọn ghiền rúc vào nhà ông cai, vừa mua quà ăn, vừa lén lút chuyền thuốc cho nhau hút. Không biết tôi đã tập tành hút lúc nào, nhưng các vòng khói tròn, hương vị của nó dần dần mê hoặc tôi như một trò chơi rất hấp dẫn. Gói thuốc mới nguyên, thơm phức, tôi xé vừa góc nhỏ lớp giấy bạc rồi rút ra một điếu, nhưng tự nhiên cảm thấy ngần ngại, cặp mắt nhìn xuống hai ngón tay hơi cong, lưỡng lự. Khi bật lên que diêm lóe sáng, mồi điếu thuốc cháy, nhả khói, tôi chợt nghĩ: thì ra nay mình đã hiểu một chút ít cuộc đời.

—Em về nghỉ hè phải không? Người đàn bà ngồi bên cạnh tôi hỏi.

—Dạ phải. Hơi ngập ngừng một chút, tôi hỏi lại: Sao chị biết?

—Chị nhìn thấy em hút thuốc.

Tôi nhìn cặp mắt của chị, hơi nhếch miệng cười rồi nói:

—Ở trường em thầy Hiệu trưởng cấm hút thuốc.

Chị cười. Tôi cũng bối rối, nhưng ngồi gần bên chị, tự nhiên cảm thấy được sự bao dung, che chở. Tôi hỏi:

—Chị về đâu?

—Chị về Qui Nhơn.

—Qui Nhơn à chị?

—Ờ, gia đình chị đang ở đó.

—Chị được mấy cháu rồi?

—Một thôi.

Hai mái tóc rũ xuống, chị hất nhẹ ra đàng sau, dùng cánh tay đẩy kéo liếp cửa hạ thấp xuống một chút cho đỡ bớt gió. Đôi mắt chị buồn, có lẽ vì không bằng lòng một chuyện gì đó mà chị trở nên một con người lưu lạc. Chị gặp tôi, người bạn nhỏ, hẳn chị sẵn sàng che chở cho tôi. Sự dẫn đo, chính tôi cũng cảm thấy, và chỉ cần chị hỏi một câu riêng tư, là tôi có thể bộc bạch hết cả chuyện gia đình, chuyện tại sao phải rời bỏ quê hương ngoài đó vào đến tận trong này. Toa xe có lẫn mùi khói than. Nhìn ngọn đèn những lúc con tàu chạy lắc lư, tôi thấy cái bóng sáng của nó cứ nhồi xóc, lên xuống, và ở bên ngoài bóng đêm nhòa kín không trông rõ. Dám trẻ bán quà rong đi lên ba bốn đứa, nó vừa cất tiếng rao lơ lửng. Băng ghế bên kia ô cửa, một bà mẹ đang mở gói cơm, hai đứa con gái ngồi bên cạnh cùng ăn. Tôi hỏi:

—Ga Qui Nhơn lớn không chị?

—Ga nhỏ thôi. Ga chính nằm ở ngoài Diêu Trì. Chị xuống ga đó rồi phải đổi sang tàu chợ mới đi vào thành phố.

—Ôi, là rắc rối.

—Thì phải vậy thôi.

Đột ngột, như từ một đỉnh dốc cao băng tràn xuống, con tàu lao vút trườn mình dồn dập trong một tốc độ khủng khiếp. Những tiếng hú còi nhấc bổng sự yên lặng ồ ạt cứ ném tới phía trước, trong toa xe một vài mảnh bụi than va chạm tưởng chừng đá lửa loé sáng, nhức buốt. Hai chị em cùng cảm thấy rộn ràng, và lúc này hiểu được rằng tàu sắp đến ga Tháp Chàm.

—Chỗ đèn sáng kia là thành phố Phan Rang, chị nhỉ?

—Từ ga về phố cũng đến bốn, năm cây số nữa.

—Chị à...chị cho em biết tên chị được không?

—Được chứ, chị tên Mai.

—Chốc nữa đổi tàu, chị Mai và em nhớ cùng lên một toa.

Tàu đến ga Tháp Chàm. Chuyến tàu suốt từ Sài gòn ra chưa tới. Chị Mai và tôi thu xếp gọn hành lý vào quán ăn. Chị kêu hai tô bún. Nồi bún bốc nóng, ăn xong chị gác đũa nhưng bảo bà bán hàng múc thêm cho tôi một tô nữa. Thấy chị không ăn thêm, tôi hỏi, chị cười nói đủ rồi. Xong, tự động chị mở ví lấy tiền trả rồi quay sang hỏi tôi:

—Em uống cà phê được không?

—Em nghĩ là nên uống một chút cho vui.

—Ăn tiếp cho xong đi.

Tôi ăn ngon miệng. Bún cay, thịt mềm, măng dòn nóng từng cọng.

Ở đầu dãy kia là những cái bàn thấp bày bán cà phê, nước giải khát. Nhà ga đèn sáng ở ngay chính giữa và hai đầu hồi. Mặt sân để trần, không có mái hiên lợp đưa ra ngoài. Chị hỏi tôi:

—Em đọc sách truyện nhiều không?

—Em có đọc nhưng chưa hiểu mấy.

—Đi xe lửa có cái thú là tàu ngừng lại các ga trong buổi tối.

—Những năm em ở Quảng Trị, mỗi ngày có hai chuyến tàu đến ga.

—Nhà em ở trong thành phố.?

—Không chị, gần với nhà ga thôi. Những tiếng còi tàu thành kỷ niệm về thời thơ ấu của em.

—Năm di cư, chị có đi ngang qua tỉnh Quảng Trị của em.

—Ngày hôm nay chị mà về đó thì vui lắm.

—Sao ở nơi xa mà em biết được ngoài đó vui? Quê chị ngoài miền Bắc, tỉnh Phú Thọ. Ở đó là vùng trung du có nhiều đồi núi trồng trà.

—Chị ở đó cũng giống cô Mai trong truyện Nửa Chừng Xuân.

—Ồ, giống cái tên thôi.

—Em thấy người cũng giống nữa.

Chị nắm bàn tay tôi, mỉm cười nói:

—Không nịnh chị nghe.

—Em nhớ ra được hết truyện rồi. Ở Phú Thọ, anh chàng Lộc lên thăm nói chuyện với chị bên bếp lửa suốt cả đêm.

—Cô Mai ấy có một tâm hồn cao đẹp hơn chị.

Tôi ngừng bước, nắm tay chị:

—Nhưng chị cũng là cô Mai. Em thấy hai người không khác nhau.

—Tại sao em lại nói vậy?

—Bởi vì chị luôn luôn có hạnh phúc.

—Không đâu em.

—Chị đang trở về với gia đình không hạnh phúc sao. Em đang vui, vì bên cạnh chị, em thấy mình không còn bé nữa .

Chúng tôi đi đến cuối sân ga, và quay trở lại. Chị cứ để bàn tay cho tôi nắm, đề nghị:

—Ghé vào đây uống càphê.

Cô bán hàng nhìn chị, cặp mắt có vẻ cảm ơn. Chị kéo chiếc bàn nhỏ ra một chút, chúng tôi ngồi trên hai cái ghế con. Tôi ngửi mùi cà phê thơm. Lửa ở nồi nước sôi reo vui. Cái áo trắng cô bán hàng đã cũ, nhưng bàn tay cô nhỏ và đẹp.

Từ Sài gòn tàu đã ra tới. Hai chị em cuống quýt, vội vàng, chen lấn mãi mới đưa được hành lý lên được hết. Khi tàu chạy, chị quàng tay, ôm qua vai chiếc áo len của tôi cho ấm. Tôi chợt nghĩ đến những hình ảnh trong truyện Nửa Chừng Xuân, chị Mai đang ở Hà Nội, ghé vào trường

Bảo Hộ thăm em, hôm sau, chị lên tàu đi Phú Thọ. Chị đã gặp anh Lộc, anh ấy cho chị tiền, nhưng hai người nói với nhau những câu ngắn ngủi, và chốc chốc anh lại bỏ đi. Chị xuống ga Thạch Lỗi. Nhà ga có cái hồ nước, bóng cây. Từ chỗ đó không có xe, chị phải đi bộ về. Mấy ngày nay lão bộc Hạnh ở nhà một mình với con chó. Nghe bước chân chị tới đầu ngõ, con chó chạy ra mừng, còn lão bộc Hạnh, tưởng như chưa tin hết vào cặp mắt già nua của mình khi thấy cô chủ hớn hở khác thường.

—Em đang nghĩ gì vậy?

—Em đang nghĩ tới ông Hạnh, lúc chị trở về nói với ông là sắp phải bán nhà.

Chị xoa đầu tôi nói:

—Em giàu tưởng tượng quá.

Những ngọn đèn trong toa xe tắt bớt, chỉ còn ánh sáng đầu lối cửa nối liền các toa xe. Gió thổi vù vù ngoài cánh cửa, có mưa văng hạt nhỏ. Tôi đóng mạnh cửa toa tàu, khẽ bảo chị Mai:

—Chị nghỉ một chút cho khoẻ.

—Chị không buồn ngủ. Em mệt cứ nghỉ đi.

Bóng đêm thấp, lấn vào trong toa xe yên lặng. Tôi ngủ thiếp lúc nào không hay, đầu ngả lên cánh tay chị Mai. Đôi lúc tôi nghe chị trở mình, có lẽ vì cái đầu tôi hơi nặng làm chị mỏi, nhưng chị vẫn cứ để yên không gỡ cánh tay ra. Tôi thức giấc nhưng ngồi im, nghe tiếng mưa rì rào văng dọc theo con tàu. Tôi sà đầu trườn theo cánh tay, đến lúc áp má vào vai chị, mảng tóc thơm mùi bồ kết của chị phủ kín cả mái tóc và khuôn mặt tôi. Mùi thơm bồ kết giống như mùi thơm mái tóc mẹ tôi, nhưng có cái gì khác nữa: dịu hơn, thanh hơn.

Chiều hôm sau lúc ánh nắng sắp sửa tắt, tàu chạy tới ga Diêu Trì. Khi con tàu tiến vào ga, tôi nhìn thấy nhà ga không lớn, nhưng mọi sinh hoạt đang ồn ào nhộn nhịp. Ngồi bên cạnh chị, tôi cảm thấy bâng khuâng, giữa lúc người ta đang rộn ràng với hành lý, tiếng rao quà, và chỗ này, chỗ kia, hành khách đang đứng đợi để lên chuyến tàu. Tàu vừa ngừng hẳn, tôi nói:

—Chị xuống trước đi, em chuyển hàng cho chị.

Chị bóp mạnh vai tôi, rồi béo mấy ngón tay vào má, thật đau. Nơi mái tóc đang rối, cặp mắt chị có vẻ đẹp nồng nàn. Tôi sắp sửa nhảy xuống sân ga, chị đưa tay ngăn lại.

—Em phải trông coi hành lý kẻo mất.

—Không sao đâu chị.

Tôi mang cái túi xách và giỏ trái cây, bước đi cùng với chị tới chỗ cửa kiểm soát vé.

—Chị nhớ được tên em rồi.

—Em thì không thể nào quên được tên chị.
Ở gần cửa ga, chị dừng lại, và tôi bỏ hành lý xuống.
—Ngày nào đó, hy vọng sẽ gặp em ở Qui Nhơn.
—Vâng, em sẽ tìm chị.

Năm ấy, trên chuyến tàu trở về Huế, tàu cũng đã ngừng lại gần một tiếng đồng hồ ở ga Diêu Trì. Tôi bồng có ý định muốn đi vào Qui Nhơn để tìm chị Mai. Nhưng trời đã tối, tôi chỉ ghé vào một cái quán tranh ngồi uống nước. Các quán ăn quanh ga nằm im lìm trong đêm nhưng đột ngột choàng thức dậy, ồn ào nhộn nhịp mỗi khi có đoàn tàu tới. Thường thường tàu dừng ở đây không lâu, hành khách chuyển tàu suốt chuyển qua tàu chợ xuống Qui nhơn xong là chừng năm phút sau, tàu chuyển bánh. Đã gần hai năm, hình ảnh của chị Mai trở nên xa cách hư ảo, mặc dù mùi bồ kết trong tóc chị không hề tan theo thời gian.

Qui Nhơn là một thành phố hư tưởng. Thành phố của biển khơi, đêm đêm vời vợi tiếng sóng vỗ, những ánh đèn trôi dạt ra đó, bồng bềnh xa xăm. Qui Nhơn không phải là điểm hẹn, nếu ai hoài mong tìm kiếm thì chẳng bao giờ có được chuyện gặp gỡ. Ga Diêu Trì, với tôi, nó có một ý nghĩa riêng, như chúng tôi có cùng một tâm sự. Từ quán tranh sân ga đêm ấy, tôi muốn gửi về Qui Nhơn tiếng gọi "chị Mai", thì thầm.

Sau nhiều năm, tôi thu xếp những kỷ niệm để cất bớt vào chỗ lãng quên, dường như trong đó cũng có lẫn lộn hình ảnh của chị Mai. Ngày tháng dó chìm lặng, như không còn nữa. Tôi lập gia đình. Hai vợ chồng tôi tình cờ cùng nhau đến tạo dựng cuộc sống, nuôi dưỡng hy vọng định cư lâu dài tại Qui Nhơn. Đời sống chúng tôi chỉ tạm đủ qua đồng lương, nên chúng tôi thuê tạm một căn nhà ở xóm lao động, nằm rất gần phi trường. Tôi phụ trách công tác biên tập cho ban phát thanh Quân đội, còn vợ tôi là giáo viên trường tiểu học.

Sống ở Qui Nhơn gần một năm, vợ tôi sinh được đứa con gái đầu lòng. Tôi trở về Huế, hết bảy ngày nghỉ phép thì lên máy bay vào lại Qui Nhơn với một nỗi vui hân hoan chưa từng có. Tôi không ngờ tin tức đầu tiên lúc tôi bước chân vào phòng làm việc là Ban Mê Thuột thất thủ vào trưa hôm qua. Giữa buổi trong phòng tin tức đài phát thanh, nắng lửa tuôn vào ngột ngạt, bực bội.

Những ngày sau đó, chúng tôi làm việc hết mình, nhưng đầu óc rất nặng nề. Không có một ai sáng suốt đưa ra nổi kế hoạch gì. Lệnh trên, tức là Bộ Chỉ huy Quân đoàn, bảo sao thì cứ loan tin như vậy. Tin loan bình an vô sự đúng vào ngày rút bỏ Pleiku, các đơn vị di tản chiến thuật về Nha Trang để toàn bộ phần đất cao nguyên bỏ trống cho Cộng sản Bắc Việt.

Hai vợ chồng tôi lìa xa Qui Nhơn cùng với cháu gái mới được hai tháng tuổi. Chúng tôi đem nhau vào Sài gòn, thành phố lớn thủ đô, vào lúc này mỗi ngày một thêm hối hả, đông đúc. Nhưng rồi Sài gòn cũng đã chung cuộc, chịu số phận đầu hàng cho cuộc chiến tranh bớt đi cái cảnh chết chóc, tàn lụi, và nỗi thống khổ.

Chúng tôi không hề biết là có một nỗi thống khổ khác lớn hơn đang chờ, và chúng tôi phải xa cách nhau bảy năm. Vợ tôi trôi giạt về quê mẹ. Tôi thì trôi xa hơn, từ các trại cải tạo miền Nam ra đến những trại tù heo hút miền Bắc.

Cô gái đưa tay chỉ cho tôi thấy con đường rẽ đi tới khu Nhà Hát Lớn. Lúc hai giờ rưỡi sáng, xe lửa về tới Ga Hàng Cỏ. Tôi thực may mắn, là người đứng tên sau cùng trong danh sách hai mươi tù nhân cải tạo học tập được lệnh tha. Hà nội, thành phố vẫn cũ kỹ, mức sinh hoạt đời sống quá thấp, nhưng vẻ đẹp của thành phố này là màu xanh và bóng mát. Đang vào đầu mùa thu, ánh nắng rực rỡ chiếu xuống hồ Gươm, và lúc này trên vỉa hè tôi đang đi bộ, lá rụng đầy trên mặt đất. Nhà Hát Lớn nằm chính giữa một khu phố rộng, vắng vẻ bao quanh. Không thấy có biển quảng cáo dằng trước, các cánh cửa đều đóng kín. Tôi dừng lại phía bên này nhìn ngắm một chút rồi bỏ đi. Tôi chỉ mới biết Hà nội có lần đầu, nhưng tôi đã nhìn thành phố này bằng đôi mắt tiếc rẻ.

Ở đầu phố Tràng Tiền, tôi trở lại bờ hồ, hai bên vỉa hè đường phố trông sạch sẽ vui nhộn, sinh hoạt buôn bán ồn ào. Những bước chân khua lên, tiếng chuông tàu điện, tiếng chuyện trò cười nói...Trên đoạn đường đi lang thang, tay tôi vẫn giữ khư khư cái túi xách nhẹ hẳng vắt sợi dây trên vai. Vừa đi vừa tò mò nhìn ngắm phố xá. Bất chợt, tôi dừng lại. Cách xa bậc thềm tam cấp hiệu sách mấy bước, tôi thấy một thiếu phụ trông quen quen, như đã gặp một lần đâu đó. Chị ta cũng trông thấy tôi, và hình như cũng đang ngỡ ngàng. Tôi bước tới gần, lưỡng lự một lúc. Phải, chị Mai của thời nào. Lòng tôi tự nhiên xót xa. Chị già đi nhiều, và không còn đẹp nữa. Tôi hỏi, mà hy vọng mình lầm:

—Chị...có phải là chị Mai không?

—Dạ phải. Sao anh biết?

—Chị chưa nhận ra ai ư?

—Thú thật tôi không nhớ. Hình như...Thực tình tôi cũng thấy anh quen quen...

—Chị Mai, một lần tôi đã gặp chị trên chuyến tàu từ Đà Lạt về Qui Nhơn.

—À phải, tôi nhớ ra rồi. Ngày đó anh còn đi học.

—Vâng, lúc đó tôi học ở Đà Lạt. Hơn mười năm rồi phải không chị.

Chị ra ngoài này chơi?

—Không, tôi đi thăm nuôi nhà tôi.

—Anh ấy ở trại nào, chị?

—Ở trại Vinh Quang.

—Thế chị đã lên trại chưa?

—Chưa, sáng ngày mai kia.

—Tôi cũng vừa mới được tha về.

—A, mừng cho anh quá. Nhưng sao anh còn ở đây?

—Tôi mới về hôm qua, đợi chuyến tàu tối nay vào Sài gòn. Chị có phải bận việc gì không?

—Không, chẳng có gì bận. Anh còn đi đâu nữa?

—Cũng loanh quanh. Chị cùng đi thăm Hà nội với tôi một chút không?

Chị không nói, nhưng bằng lòng bước xuống lối đi. Nãy giờ trong câu chuyện, tôi vồn vã, ngược lại chị có vẻ dẫn đo, dè dặt. Chắc chị nhận ra rằng tôi đã khác xưa, không còn là một cậu con trai thuở trước.

—Chị ra đây được tuần lễ chưa?

—Không, mới ngày hôm kia.

—Anh có viết thư đều cho chị?

—Có, anh vẫn viết thư đều.

—Gia đình chị, các cháu đã lớn?

—Vâng, các cháu đã lớn rồi anh.

Chúng tôi đi bộ trên con đường ven theo bờ hồ, tới nơi tập trung buôn bán có nhiều tên phố nối với nhau như Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Buồm, Hàng Chiếu. Tôi theo chị vào chợ Đồng Xuân, đi quanh một chốc rồi trở ra. Chị ít nói. Tôi cũng bối rối không biết nói gì, định nhắc tới mùi hương bồ kết, nhưng nhìn mái tóc điểm bạc lòa xòa không chải gỡ của chị, lại thôi. Chúng tôi quay trở lại khu phố có những hàng cây đang rũ xuống bao bọc quanh khu Hoàn Kiếm. Hà Nội đã có heo may thực sự. Tôi chợt nhớ hai câu thơ của Nguyễn Đình Thi "Gió thổi mùa thu hương cốm mới. Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em". Ở một quãng vắng, trên thảm cỏ xanh nhìn xuống bờ hồ, tôi nhìn gương mặt nghiêm trang của chị, đột nhiên thấy chị trẻ hơn, ánh mắt lóng lánh. Tôi mỉm cười với chị.

—Gặp lại sau bao nhiêu năm, cũng mừng, chị Mai nhỉ!.

—Vâng. Hơn mười năm rồi còn gì. Lúc đó...

Má chị ửng hồng. Sóng trên mặt hồ đưa lên mùi gì giông giống mùi bồ kết. Chị Mai nói:

—Tôi phải đi mua thêm cho anh ấy một ít đồ dạt. Thôi, anh về nam thế nào cũng có dịp gặp lại.

Ở Cali phân ưu Phùng Quán
HỒ MINH DŨNG

Tâm người tu đến mấy ngàn năm
mới gặp được ông dưới bụi trúc già
ông với dá đắp chung mảnh trời rách
gối lên thơ - lồng lộng bóng quê nhà.

Hành hiệp đời ngàn cân treo sợi tóc
ngày ông đi hoàng hạc kéo theo về
phấn thông vàng, sóng Tam Giang vuốt mắt
ở bên ông đá bỗng nở tim người.

"Trăng hạ huyền như một lưỡi gươm cong"
quấn chặt thân ông, quấn vạn vòng
quấn không chặt dế chân bờ dậu
nhân diện quần phương dắp áo bông sờn.

Một huyệt chôn xương, trăm huyệt chôn thơ
chờ mai sau núi sông về cái táng
Người ơi! Đêm Nghi Tàm đọc thơ Đỗ Phủ
lòng bay quanh - trời dất khóc òa.

Tâm người tu đến mấy ngàn năm
mới lên chòi cao cùng ông ngó sóng
sóng lặng thinh, rượu khổ sâm hết
thơ đắp mặt rồi: máu lệ khôn cùng.

Nói xong, chị vội vã bước sang bên kia đường. Tôi không nói gì, lặng lẽ đứng nhìn theo chị. Thành phố bắt đầu lên đèn. Tôi đi bộ về Ga Hàng Cỏ. Gặp lại mấy người bạn tù, tán gẫu vài câu về Hà nội, rồi lên tàu. Bỗng dưng, trời chuyển mưa tầm tã. Đoàn tàu vẫn còn bất động, nằm dài chịu trận dưới cơn mưa. Rồi tiếng còi bắt đầu hú lên. Tàu chuyển bánh. Dưới mái hiên nhà ga đông nghẹt người đưa tiễn. Tôi cũng đưa cánh tay lên cùng với mọi hành khách vẫy chào giã từ. Tôi giã từ ai đây, giữa lòng Hà nội ướt át? Có lẽ giã từ những thành phố hư tưởng trong đời tôi. Giã từ mùi hương bồ kết trong tuổi thơ tôi. Giã từ. Vĩnh biệt.❐

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

● **Nhà văn Doãn Quốc Sỹ ra mắt sách ở Quận Cam**

Tác giả *Khu Rừng Lau*, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã về quận Cam thăm thân nhân và bạn hữu, đồng thời ra mắt một lượt ba tác phẩm mới xuất bản của ông trong một buổi họp mặt hôm 18.3.95 tại Phòng Sinh hoạt nhật báo Người Việt. Ba tác phẩm do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành là *"Dấu Chân Cát Xoá"*, truyện vừa; *"Người Vái Tứ Phương"*, truyện vừa; và *"Mình Lại Soi Mình"*, truyện dài. Nhà xuất bản Văn Nghệ mặc dù đã in xong ba tác phẩm này trước khi ông bà Doãn Quốc Sỹ rời Việt Nam đến định cư tại Hoa Kỳ, nhưng quyết định đợi ông được xuất ngoại mới phát hành vì sợ trở ngại cho việc ra đi của ông bà Sỹ.

Buổi họp mặt ra mắt sách qui tụ hết sức đông đảo các bạn hữu văn nghệ, đồng nghiệp, học sinh sinh viên, bạn tù và độc giả của Doãn Quốc Sỹ, tất cả đều vui mừng chào đón ông bà Doãn Quốc Sỹ, sau hai mươi năm trải qua nhiều khổ cực dày đọa, cuối cùng đã đến được một nơi có khá đầy đủ những người bạn cũ của ông bà. Chương trình ra mắt sách vì thế diễn ra trong không khí hết sức văn chương, hết sức đầm ấm. Sau khi hai anh Trần Đại Lộc và Nguyễn Thiện Cơ đại diện ban tổ chức phát biểu chào mừng ông bà Doãn Quốc Sỹ và quan khách, nhà văn lên diễn đàn đọc những ghi nhận đầu tiên của ông về sinh hoạt văn nghệ ở hải ngoại, qua một số bài thơ đăng trên báo Tết. Ông vui vì thấy đồng bào hải ngoại còn giữ được lòng yêu tha thiết đối với quê hương, và niềm tin lạc quan vào tương lai. Sau đó, lần lượt các nhà văn và thân hữu phát biểu về con người và tác phẩm Doãn Quốc Sỹ: Mai Thảo, Võ Phiến, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Sỹ Tế, Quỳnh Giao,

Nguyễn Mộng Giác, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Diệu Liên Hương, Nghiêm Phú Phát. Tất cả đều đồng ý với nhau rằng cả nhân cách và văn nghiệp của Doãn Quốc Sỹ đều nhất quán ở lòng nhân ái và tính cương trực. Một vài người bạn thân của gia đình nhà văn kể lại sự đóng góp lớn lao của "chị Thảo"- tức Bà Doãn Quốc Sỹ - trong văn nghiệp của nhà văn.

Doãn Quốc Sỹ năm nay đã 72 tuổi, dù trải qua nhiều năm tù tội nhưng vẫn rắn rỏi khoẻ mạnh, giọng nói vẫn dõng dạc sang sảng như thời xưa. Được hỏi dự định trong tương lai, nhà văn Doãn Quốc Sỹ cho biết sau một vòng đi thăm cảm ơn bạn bè thân nhân, ông sẽ viết hồi ký dưới dạng tùy bút, còn các vấn đề khúc mắc hiện tại, xin để cho các anh em trẻ.

- **Trang Châu ra mắt *"Về Biển Đông"* ở Hoa Thịnh Đốn**

Văn Học số tháng Ba đưa đi in sớm nên không kịp ghi nhận buổi ra mắt cuốn *"Về Biển Đông"* của Trang Châu do Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ tổ chức tại Trường Luật George Mason chiều chủ nhật 26.2.95. Đây là một cuốn bút ký về cuộc hải hành bác sỹ Trang Châu tham gia đi vớt người vượt biển năm 1988. Nhà văn Trương Anh Thụy, một trong những thành viên của Tổ hợp Xuất bản và nhà báo Ngô Vương Toại điều hợp một cách linh động buổi ra mắt sách, cùng với các diễn giả rất quen thuộc trong văn giới Miền Đông như các anh Phó Ngọc Văn, Bùi Bảo Trúc, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Thắng. Phần văn nghệ có đóng góp của các anh chị Trần Lãng Minh, Nga My, Loan Phượng, chị Oanh. Ngoài các bạn văn tham dự buổi sinh hoạt, người ta cũng để ý thấy một số bạn trong y giới của tác giả, và các cựu quân nhân trong binh chủng Nhảy Dù là binh chủng Trang Châu phục vụ nhiều năm trước 1975.

- **Nhà văn Robert Olen Butler đọc truyện ở Tây Bắc Hoa Kỳ**

Chiều thứ Năm 9.3.95 nhà văn Robert Olen Butler, người đoạt giải văn chương Pulitzer 1993, đã tới Seattle đọc truyện cho thính giả Mỹ, Việt nghe dưới sự bảo trợ của nhà xuất bản Holt. Hôm ấy, Butler đọc vài trích đoạn của cuốn "Cleave" đang viết dở và một truyện ngắn khác nhan đề là *"Nỗi ghen của anh chồng hóa thân làm vẹt"*. Sau phần đọc truyện là phần trả lời những câu hỏi của bạn đọc. Trả lời những câu hỏi chung quanh tập truyện *A Good Scent from a Strange Mountain* và bối cảnh Việt Nam trong phần lớn truyện của ông, Butler đáp ông đến VN năm 1971 và từ đó yêu vô cùng đất nước và người Việt. Ông ca tụng người Việt Nam rất nồng hậu, cởi mở thân tình. Đời sống ở những thành phố ông đã sống như Sài gòn chẳng hạn, thì đầy sinh động, tràn ngập âm thanh, cảm

giác lúc nào cũng sung mãn, sống động. Được hỏi về cách xây dựng một tác phẩm, Butler nhấn mạnh tính sáng tạo và tưởng tượng. Ông không có sẵn một cốt truyện với những tình tiết xếp đặt trước khi viết. Trong khi sáng tác, ông để cho tưởng tượng và nguồn hứng đưa dẫn tự nhiên tới sự thắt mở của câu chuyện. Cố nhiên, theo ông, cốt truyện đã được lờ mờ phác họa trong tiềm thức, nhưng óc sáng tạo, nguồn cảm hứng mới là yếu tố quyết định nền tảng cho tác phẩm.

Trong buổi đọc truyện, độc giả người Việt còn mua được bản dịch ra Việt ngữ cuốn *"A Good Scent From A Strange Mountain"* của Thiên Nhất Phương bày bán tại University Bookstore để xin Butler ký lưu niệm trên bản Việt dịch.

• **Văn chương bị trói**

Giới nhà văn trong nước bị cảnh cáo: Tự do kinh tế không có nghĩa là tự do chính trị. Theo thông tấn xã Reuters, ngày 13.3.75 ông Đỗ Mười, Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam, trong một bài diễn văn đọc trước đại hội nhà văn tại Hà nội, đã nói: "Một vài nhà văn đã chối bỏ di sản của tổ tiên, chối bỏ những thành quả của cách mạng." Ông còn bảo: văn nghệ là yếu tố quan trọng trong một cuộc chiến tranh mà Việt Nam đã chống lại những thế lực thù địch muốn chia rẽ và lật đổ chế độ.

Đỗ Mười không chỉ đích danh những nhà văn nào đã đi sai đường, và cũng không cho biết lực lượng thù nghịch là lực lượng nào.

Vẫn theo hãng tin Reuters thì Hội Nhà văn gồm 551 người và cho biết đây là cơ quan văn nghệ thứ hai nhận những lời cảnh cáo của Đảng. Lời cảnh cáo nói rõ gia tăng tự do kinh tế không có nghĩa là tự do chính trị.

Trước đó một tuần, hội Nhà báo Việt Nam cũng đã bị ông Đỗ Mười cảnh cáo: tự do báo chí phải phục vụ cho quyền lợi của đất nước. Đỗ Mười nói Đảng và Nhà nước "không cho phép những kẻ lạm dụng tự do báo chí để gây bất ổn trong tình hình chính trị xã hội".

Ai cũng biết báo chí cũng như văn học nghệ thuật tại Việt Nam cộng sản hiện nay đều do Nhà nước quản lý. Chế độ hiện hành không có chỗ cho báo chí tư nhân. Nhớ ngày nào ông Nguyễn văn Linh "cởi trói" cho văn nghệ có chút chỗ thở, bây giờ ông Đỗ Mười "trói lại". Thật là cởi ra rồi lại buộc vào như không.

• **Cái thiện bị đe dọa.**

Nhà văn nữ Lê Minh khuê, tác giả tập truyện *"Bi kịch nhỏ"* từng gây ra nhiều cuộc tranh luận trước đây, trong một cuộc phỏng vấn trên tờ Phụ Nữ cho biết hiện nay ở Việt Nam, "cái thiện vẫn còn bị đe dọa". Trả lời câu hỏi tại sao những nhân vật của bà gần đây luôn bị dày vò hành hạ cả vật chất lẫn tinh thần, Lê Minh Khuê nói trong thế giới đang đổi thay, nhìn lại, bà thấy

"chúng ta" có một số phận thật đáng buồn, bị cái ăn làm tình làm tội đến mức nhân cách cứ phải bị đặt trước những thử thách. Rồi đồng tiền nữa.Lúc nào con người cũng như chỉ muốn trở thành nô lệ cho những giá trị mà say cho cùng, chỉ là vô nghĩa. Và dù muốn biện hộ thế nào, cái Ác vẫn cứ tồn tại khá ngang nhiên, và lúc nào "chúng ta" cũng trông chờ mong manh vào sự may rủi, nghĩa là cái Thiện vẫn còn bị đe dọa. Bà nói đối với bà, hy vọng bao giờ cũng ít.

Theo Lê Minh Khuê, "viết là một hành động mong muốn thức tỉnh. Và trước hết là tự thức tỉnh. Là sự thanh lọc. Và trước hết là tự thanh lọc." Đặc biệt trong cuộc phỏng vấn, Lê Minh Khuê ca ngợi Thạch Lam là rất hiện đại khi nắm bắt những khoảnh khắc của đời sống. Họ (bà đề cập tới Nam Cao, Lỗ Tấn, Tchekhov, Thạch Lam, Hemingway, Thanh Tịnh...) mới đúng là những nhà văn. Những cây bút lớp trẻ Lê Minh Khuê thích có Phan thị Vàng Anh và Nguyễn thị Minh Ngọc.

- **Cuộc thi dịch thuật năm 1994 tại Việt Nam.**

Hội Nhà văn Việt Nam, báo Văn Nghệ và Nhà Xuất bản Văn Học (Hà nội) phối hợp tổ chức cuộc thi dịch thuật văn học hạ bán niên 1994. Có 69 dịch giả văn xuôi và 50 dịch giả thơ tham dự. Thành phần như sau: 10 dịch giả Anh văn góp 21 bản dịch truyện ngắn, 16 bản dịch thơ từ văn thi phẩm của văn chương Anh, Mỹ, Úc; 17 dịch giả Nga ngữ góp 14 bản dịch truyện ngắn, 66 bản dịch thơ từ văn chương Nga; 27 dịch giả Pháp ngữ góp 34 bản dịch truyện ngắn và 56 bản dịch thơ từ văn chương Pháp; 22 dịch giả Hoa ngữ góp 25 bản dịch truyện ngắn, 47 bản dịch thơ của các tác giả Trung hoa lục địa, Hồng kông và Đài loan.

Cuộc thi chỉ chấp nhận những bản dịch truyện ngắn dài không quá 3000 từ, thơ không quá ba bài, mỗi bài không quá 30 câu. Người đoạt giải nhất là Triệu Lam Châu với bản dịch "Vương quốc chim họa mi" của nhà văn Nga Pautovsky. Phan thị Thanh Thủy đoạt giải nhì qua bài dịch thơ Anna Akhơmatôva, cùng giải nhì với Lê Ngọc Mai qua truyện "Người đăng tin rao vặt" của nhà văn Ý Carlo Castellanta

Hai dịch giả Trinh Bảo và Trịnh Diệu Thìn đoạt giải ba. Trinh Bảo dịch truyện "Mũi sói" của nhà văn Trung quốc Tuyết Nguyên, còn Trịnh Diệu Thìn thì dịch mấy truyện thật ngắn của nhà văn Thái lan Xămrơng Khămphau.

- **Nhật Ký Anne Frank, ấn bản mới**

Từ gần nửa thế kỷ qua, cuốn nhật ký của Anne Frank, một cô bé người Hoà lan gốc Do thái đã gây xúc động mạnh cho hàng triệu người trên thế giới. Qua cuốn nhật ký đơn sơ, ghi lại những cảm nghĩ cũng như những hình ảnh sống

động về nỗi kinh hoàng những người Âu châu gốc Do thái kinh qua trong thời kỳ Đức quốc xã tận diệt người Do thái, Anne Frank để lại cho hậu thế một kho tàng kinh nghiệm quý giá về một thảm họa lớn lao trong lịch sử nhân loại. Ngày 28 tháng 3 năm 1944, Bộ trưởng Giáo dục chính phủ Hoà lan lưu vong truyền qua làn sóng điện từ Luân đôn một thông điệp kêu gọi dân chúng thu thập các tài liệu thường tình, giản dị để tạo thành vàn khố sử liệu về sự chiếm đóng của Đức quốc xã. Ông kêu gọi "Lịch sử không những chỉ có thể ghi lại đặt căn bản trên những quyết định hay tài liệu chính thức của nhà nước mà thôi. Để cho hậu thế hiểu rõ những gì quốc gia chúng ta phải chịu dụng và vượt qua được những thử thách nào trong những năm sống dưới sự chiếm đóng của Đức quốc xã, chúng ta cần có những tư liệu thường tình—một cuốn nhật ký, thư từ chẳng hạn."

Lời kêu gọi đó đến tai cô bé trong lúc cùng gia đình lẩn trốn trong thành phố Amsterdam, và ngày hôm sau cô ghi vào nhật ký: "Mười năm sau khi chiến tranh bùng nổ, người ta vẫn còn thấy lý thú khi đọc những gì ghi lại cách người Do thái chúng tôi đã sống như thế nào, ăn uống ra sao, bàn tán chuyện gì trong thời gian trốn tránh." Thêm nữa, lời kêu gọi đó còn thúc đẩy cô bé dự định dùng cuốn nhật ký của mình làm căn bản cho một cuốn tiểu thuyết có nhan *Căn Nhà Bí Mật* như cô đã ghi lại trong nhật ký ngày 11 tháng 3 năm 1944. Trong lúc đang thực hiện ý định của mình, nơi trú ẩn của cô bé bị Gestapo ruồng bố vào ngày 4 tháng 8 năm 1944. Một nhân viên của cơ sở thương mãi bao che cho người Do thái thu lượm được những giấy tờ vương vãi sau cuộc ruồng bố của Gestapo, cất giấu kỹ rồi trao lại cho Otto Frank, cha của tác giả, khi ông này trở lại Amsterdam vào cuối năm 1945.

Khi cho xuất bản cuốn nhật ký này lần đầu tiên vào năm 1947, Otto Frank và nhà xuất bản đã cắt bỏ khá nhiều, một phần vì chiều dày của cuốn sách, phần khác có những điều chưa tiện phổ biến. Vì thế, trong ấn bản mới nhất này, cuốn sách chứa đựng nhiều chi tiết hơn, và cho người đọc thấy rõ được nhiều hơn về Anne Frank. Trong số những đoạn mới xuất bản lần này, có những phần nhật ký ghi lại cảm xúc về phái tính cũng như những tò mò của một cô gái ở tuổi dậy thì về tình dục, và nhất là quan niệm của cô bé về vai trò một người phụ nữ. Cô ghi lại trong nhật ký ngày 5 tháng 4, 1944 như sau: "Tôi không thể tưởng tượng được là rồi mình sẽ có một đời sống như mẹ, như Bà van Daan hay những người dàn bà khác, sống lặng lẽ làm tròn bổn phận để rồi bị lãng quên. Ngoài chồng con, tôi cần phải có một công việc gì khác để đeo đuổi!...Tôi muốn mình là một

người hữu dụng, hay đem lại được sự vui thú cho người, ngay cả những người tôi chưa hề gặp. Tôi muốn là tôi vẫn tiếp tục sống ngay cả sau khi tôi chết."

Những phần mới xuất bản trong cuốn Nhật ký này còn cho người đọc nhìn thấy triển vọng trở thành một nhà văn của cô bé: đôi mắt nhận xét sắc sảo, khả năng mô tả và thuật sự, như khi cô ghi lại cảm nghĩ cuả mình khi nhìn người nha sĩ—một trong những nhân vật "người tù" của cuốn truyện *Căn Nhà Bí Mật*—ngồi cầu nguyện: "Một trong những nỗi khổ của tôi vào mỗi sáng chủ nhật là nằm trên giường nhìn vào lưng Dussel ngồi cầu nguyện...Nhìn Dussel ngồi cầu nguyện thật quả kinh hoàng!" hay khi cô ghi lại những cảm xúc cuả mình sau khi nhận chiếc hôn của Peter van Daan, con trai của gia đình cùng lẩn trốn chung với gia đình cô bé: "Ô, quả thật tuyệt vời! Tôi không thể thốt lên lời nào, nỗi đê mê quá lớn lao, anh ấy vuốt má vuốt tay tôi, có chút vụng về."

Ấn bản mới này do Susan Massoty dịch ra Anh ngữ và do Doubleday xuất bản, đề giá $25.

• Nam Cao dãi khách

Xung quanh cuốn Chân dung và giai thoại *Đốt lò hương cũ* của Ngọc Giao

LTS – Tập Chân dung và giai thoại Đốt lò hương cũ *của nhà văn Ngọc Giao do Nhà xuất bản Tổng hợp Khánh Hòa ấn hành năm 1992 đã gây ra một phản ứng "chậm" đến bất ngờ đối với nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình lý luận ở Việt Nam. Đặc biệt là bài "Một kỷ niệm về Nam Cao" trong* Đốt lò hương cũ. *Mặc dù cuốn sách phát hành vào năm 1992, mãi đến năm 1993 và đầu năm 1994 mới có những bài viết về cuốn sách này. Một số bài viết của các ông Đào Bích Nguyên, Tô Hoàng, Thanh Châu...bày tỏ thái độ bất mãn đối với những trang hồi ký của ông Ngọc Giao. Tất cả những người có dự bữa cơm tại nhà Nam Cao hôm đó (trong hồi ký của Ngọc Giao) như Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính...đều đã qua đời vào năm 1992. Người duy nhất trong cuộc còn sống là bà Nam Cao. Ông Tô Hoàng, tác giả bài "Không thể có chuyện đó trong cuộc đời Nam Cao..." đã đến Nam Định gặp bà Nam Cao. Và người đọc sẽ thấy một câu chuyện hoàn toàn khác với những trang hồi ký của Ngọc Giao. Những bài viết dưới đây được "ghi chép" nguyên văn từ tạp chí Tác Phẩm Mới số tháng Hai, 1994, phát hành tại Việt Nam.*

Thật khổ cho ông Nam Cao
ĐÀO BÍCH NGUYÊN

Chân dung văn học là một thể loại rất cần và luôn được các thế hệ đón đọc. Những người cùng thời, ghi nhớ những mảnh đời, những kỷ niệm của các văn nhân, thi sĩ, mà bạn đọc từng mến mộ, cũng chính là góp thêm vào sự phong phú về thân thế và sự

nghiệp của nhà văn ấy. Những nhà văn cao tuổi thường viết về nhau. Gần đây, đọc những trang viết của Tô Hoài về Nguyễn Bính về Nguyên Hồng, hoặc của Từ Bích Hoàng, Vũ Cao viết về Thâm Tâm, Thôi Hữu..., những trang hồi ký của Nguyễn Vỹ, Vũ Hoàng Chương viết về bè bạn thời tiền chiến, in ở thời chiến cuộc Việt Nam đang lúc dữ dằn, tuyến này, tuyến kia mà tình của các ông đối với Nguyễn Bính, Anh Thơ, Mộng Sơn vẫn đằm thắm; những buổi gặp gỡ của thời họ là bạn văn chương của nhau, gây đầy hứng thú cho lớp người sau. Gần đây tôi được đọc cuốn *Đốt lò hương cũ* của nhà văn Ngọc Giao. Ông viết về Tam Lang, Vũ Trọng Phụng, Lê Văn Trương, Lan Khai, Nguyễn Bính và Nam Cao. Những tư liệu, kỷ niệm, tình bè bạn của Ngọc Giao với những người ông đưa vào hồi ký, tôi thấy ông viết với tình cảm yêu mến và trân trọng. Có những tư liệu như Tam Lang thuê xe đi kéo, để viết *Tôi kéo xe*, nếu đích thực quả như thế, thật đáng vô cùng khâm phục. Trong *Bốn mươi năm nói láo* của Vũ Bằng, tôi nhớ, ông Vũ có một đoạn tả, sau khi ở xóm Khâm Thiên, cơn say lên, ông Tuân trèo cả lên mái nhà mà hét ở trên ấy... Tôi không biết ông Nguyễn thời ấy có ngông đến thế không, nhưng chi tiết này, không gây "thiệt hại" gì lắm cho ông Nguyễn và người đọc, mà ông Vũ Bằng, có "nghe người ta nói" hay "bịa" ra, thì cũng chỉ làm tôn lên cái tính "ngông" của ông Tuân mà thôi.

Nhưng trong *Đốt lò hương cũ*, Ngọc Giao khi viết về Nam Cao đãi khách, hôm ấy có đám khách văn khá đông về chơi nhà Nam Cao... Nam Cao lại đi bắt trộm gà hàng xóm để thết đãi bạn. Trang hồi ký lại còn viết: Trí thúc chúng tôi: "Uống mau lên, ăn mạnh lên. Bữa ăn này không thể kéo dài. Kìa trông trời sắp tối, đó là giờ gà qué lên chuồng. Chủ nó đóng cửa chuồng không bao giờ quên kiểm soát, thấy thiếu con gà trống gáy này thì phải biết, nó réo chửi ba đời bảy kiếp đứa nào ăn trộm gà nhà nó." Và, vẫn lời hồi ký: "Trí thở gấp gáp hơn: Các cậu cạn bát, nhai nuốt hết cả thịt rượu đi, rồi tháo ngay ra thuyền tàu cho nhanh, thoát cái đất chết này. Trong khi ấy, tớ và vợ tớ sẽ mau mau đào hố chôn hết lông gà, lòng gà, xương gà ở gốc bụi tre gai. Nếu chậm, chúng nó kéo vào ngay bây giờ thì cả nhà nhục nhã..."

Ngọc Giao viết tiếp: "Chúng tôi, không lưỡng lự, làm theo lời Trí, nốc cho nhanh, nhai cho lẹ, chỉ còn trơ mâm gỗ. Trí cả hai tay, vơ vội xương gà bỏ bị, gật đầu chào chúng tôi, nhảy vội xuống sân, biến vội sau bụi tre trong bóng tối đang đổ xuống!" (Sách đã dẫn, trang 58 và 59)

Đọc những dòng này tôi thương ông Nam Cao quá. Thương không phải ông nghèo đãi bạn, mà

hình như ông bị "tai bay, vạ gió." Đọc lời thư cuối bài của ông Ngọc Giao, lấy cái tuổi 80, tỏ lời với bà Nam Cao rằng, ông rất trọng và yêu Nam Cao "người bạn nghèo đủ tài đủ đức, đã thể hiện hết cả tấm lòng yêu thương bạn...," tôi vẫn cứ không tin đây là sự thật. Bởi Nam Cao qua những trang viết, cách sống, qua những trang hồi ký được viết ra hoặc kể lại chưa kịp in lên giấy của những người cùng thời rất thân thiết với ông, thì hành vi bắt trộm gà đãi khách của ông Nam Cao, dù ông Ngọc Giao viết với thiện ý "đề cao" nhà văn chí tình với bạn, tôi vẫn cảm thấy hình như đó là những chuyện được "tưởng tượng" ra. Nếu như có, thì cái miệng của những anh chàng văn nghệ, dù xưa hay nay, làm sao mà giữ kín được. Người ta sẽ nói cho nhau biết. Ông Ngọc Giao viết những lời này bây giờ gần như độc quyền. Bởi những người dự bữa cơm ấy là Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính thậm chí đến Nguyệt Hồ, đến năm 1992 đều viên tịch cả, lấy ai mà thanh minh cho ông Nam Cao, nếu như chuyện trộm gà kia là tưởng tượng chứ không phải thật. Chỉ còn bà Nam Cao, thì, ngay từ khi chồng bà còn, bà nào có nói một lời nào về thân thế, sự nghiệp văn chương của chồng mình đâu. Mà bà ở mãi tít thành Nam, cuốn sách in tận Khánh Hòa và không biết, bà có được biếu sách hay không! Khổ cho ông Nam Cao thật! Tôi chẳng thấy ông Nam Cao được đề cao tý nào mà lại mang cái tội "ăn trộm gà" đãi bạn, cái việc mà một nhà nghèo khổ ở một làng quê, nếu có tâm tí chút, cũng không bao giờ chịu làm để mang tiếng ngay với lương tâm mình, chứ chẳng cần phải ai biết. Mà cũng lạ thế, mấy ông nhà văn thời ấy, sao lại chịu ăn cơm thịt gà của bạn đi ăn trộm một cách "nuốt lấy được" như những kẻ ăn vụng, ăn trộm bất đắc dĩ thế... Trang hồi ký ấy mua vui cũng chẳng lấy gì làm vui, nếu không nói là còn bực mình. Tôi có dịp hỏi nhà văn Tô Hoài, được ông nhã nhặn nói: "Theo mình, Nam Cao đời nào lại làm như thế!"

Trong tập hồi ký này cũng có một pha ông Ngọc Giao được ăn cơm của thứ cá, thứ gà, vịt ăn trộm nữa, đó là ông viết về Lê Văn Trương. Khi Ngọc Giao đến, Lê Văn Trương hò hét: "Kìa, Đại ca đã đến. Chú Hồng, chú Hiếu, mau đi làm việc!" Tác giả kinh ngạc (!), vì chính Hồng và Hiếu cầm lao sắt vác nỏ, tên tre đi bẫn trộm gà vịt, cá về làm cơm tặng mình. Đến lượt các ông Lê Văn Trương, Đặng Đình Hồng, Tân Hiến cũng lại chịu chung số phận một lũ ăn trộm vặt... khổ cho họ quá! Hồi ký rất quý, có chỗ nghiêm trang, chỗ vui vẻ, nhưng sức nhớ cần phải cho minh bạch, và nếu không phải là người trong cuộc thì hãy hỏi han cho tường tận. Không biết khi hành quyết bỏ rọ nhà văn Lan Khai, ông Ngọc Giao có mặt ở đó không, mà

ông viết cứ như người tận mắt thấy từ đầu đến cuối. Còn tôi, khi lên Tuyên Quang, hỏi về cái chết của Lan Khai, có người nói rằng: "Họ thiếu thuốc thôi!" Mấy ý kiến đóng góp với ông Ngọc Giao.

Không thể có chuyện ấy trong cuộc đời Nam Cao

TÔ HOÀNG

Trong cuốn sách *Đốt lò hương cũ* thuộc loại sách: "Nhà văn Việt Nam - Chân dung và giai thoại" do Nhà xuất bản Tổng hợp Khánh Hòa ấn hành năm 1992 có những bài viết của tác giả Ngọc Giao đề cập tới cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của các nhà văn, nhà thơ Nguyễn Bính, Lê Văn Trương, Nam Cao...

Trong phần viết về Nam Cao, tác giả Ngọc Giao kể lại một trường hợp như sau. Đâu đó vào thập niên 30-40, có một lần ông cùng Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Nguyệt Hồ đáp đò về xã Đại Hoàng, huyện Lý Nhân thăm Nam Cao. Nhà văn hồ hởi đón bè bạn rồi tự nhiên mất hút một lúc khá lâu. Khách không thể ngờ được rằng khi xuất hiện, thầy giáo Trí (tên gọi của Nam Cao) đã bê lên một mâm rượu, thịt gà. Cũng vẫn theo lời ông Ngọc Giao thì Nam Cao đã giải thích với bạn bè rằng vừa lúc họ xuất hiện có chú gà trống ở hàng xóm chạy vào bếp, nhà văn liền chộp lấy giết thịt đãi khách. Ngọc Giao còn kể tiếp, trong bữa cơm Nam Cao luôn miệng giục khách ăn, uống cho nhanh, vì chiều đã sập xuống, sắp đến giờ gà lên chuồng, Nam Cao ngại rằng hàng xóm thấy mất gà sục sang nhà ông thì mọi chuyện vỡ lở hết (trang 58, sách đã dẫn).

Nhiều nhà văn, nhà thơ thuộc các lứa tuổi khác nhau đang sống ở Hà Nội khi đọc đến những dòng trên đều hết sức phẫn nộ vì sự bịa tạc hoàn toàn không phù hợp với tính cách và phẩm giá của Nam Cao, như mọi người đã từng biết. Để xác minh cho đầy đủ hơn, Ban Biên tập tuần báo *Văn Nghệ* (Hội Nhà văn Việt Nam) đã cử nhà thơ Bế Kiến Quốc – phóng viên của tòa báo về thành phố Nam Định gặp bà quả phụ Nam Cao để làm sáng tỏ mọi chuyện. Chiều ngày mồng 2 tháng Chạp vừa qua cùng với nhà thơ Bế Kiến Quốc, anh Nguyễn Thế Vinh – Thư ký Tòa soạn báo *Văn Nhân*, tờ báo của Hội Văn nghệ tỉnh Nam Hà – chúng tôi đã tìm tới ngôi nhà số 16 phố Nguyễn Du, nơi bà quả phụ Nam Cao sống cùng với vợ chồng chị Hồng, người con của nhà văn. Bà Nam Cao năm nay đã 77 tuổi nhưng đôi mắt còn rất tinh anh, dáng đi ngay ngắn, lưng chưa bị còng và điều đặc biệt khiến chúng tôi xúc động là bà còn rất tinh tường, minh mẫn. Nghe nhà thơ Bế Kiến Quốc đọc những dòng viết của tác giả Ngọc Giao, bà quả phụ Nam Cao hết sức điềm tĩnh, chỉ thỉnh thoảng thốt lên: "Chết thật! Chết thật! Cái ông này sao đơm đặt vậy!" Chờ anh Bế Kiến

Quốc đọc đến dòng cuối, bà Nam Cao rành rọt kể lại: Bà nhớ chuyến viếng thăm đó xảy ra vào tháng Tám, sau cơn bão được mấy hôm. Chị Hồng lúc đó lên bốn, còn anh Thiên mới được tháng tuổi. Thấy bạn văn thơ về chơi, thầy giáo Trí nói với vợ: "Có mấy anh về thăm, muốn uống một bữa rượu. Thế mợ có chạy được thức gì không?" Bà giáo đáp: "Đầy đủ tuốt. Anh không phải lo gì cả!" Bà quả phụ Nam Cao còn nhớ bà đã giết ba con gà, hai con luộc để nhắm rượu, một con nấu cháo vì Nam Cao bảo bà, sau bữa rượu đám bạn thơ, bạn văn rất thích ăn cháo gà. Bà Nam Cao kể, bà còn mua thêm hai cân thịt bê thui. Rượu ngon có tiếng của vùng Đại Hoàng thì mua ở nhà ông Trương Thống. Khách uống hết lít đầu không ăn thua gì, bà mua thêm lít nữa. Khách vẫn chưa say, bà lại mua lít thứ ba... Bà quả phụ còn nhớ rành rõ: Khi bạn sắp đáp đò trở về thành Nam, chồng bà định đi theo nhưng có người can lại vì hôm đó chị Hồng, anh Thiên đều ốm, mãi sáng ngày hôm sau Nam Cao mới ra thành phố... Anh Bế Kiến Quốc hỏi: "Hay cụ Ngọc Giao kể về chuyến viếng thăm khác chứ không phải chuyến tháng Tám?" Bà quả phụ Nam Cao khẳng định: "Ông Ngọc Giao và các ông Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm chỉ về thăm Đại Hoàng chuyến ấy thôi..."

Câu chuyện trao đổi đến đó tự dưng chúng tôi không muốn hỏi thêm bác gái Nam Cao điều gì nữa. Bác cũng không bổ sung hoặc cải chính thêm điều gì... Buổi chiều thành Nam yên vắng, vắng vẻ tạo cảm giác khoảng cách nửa thế kỷ như bị dồn nén lại để sự thật hiện lên trước mắt. (Lao Động số ra ngày 14.12.1993)

Nhân câu chuyện "Nam Cao đãi khách"

THANH CHÂU

Ông bạn Trần Lê Văn, sau khi đọc bài báo "Không thể có chuyện ấy trong cuộc đời Nam Cao" (*) đã tìm đến vội hỏi tôi: – Ông có tin rằng một người tư cách như Nam Cao có thể làm chuyện đó? Tôi ngớ ra, nhưng rồi cũng hiểu: lúc này trong làng văn đang chú ý và dư luận đang xôn xao về bài báo nói trên. Trần Lê Văn vốn cùng quê Nam Định với Nam Cao, từng quan hệ công tác, hiểu biết nhau từ trước cách mạng, nên không chấp nhận câu chuyện đã in trong tập *Đốt lò hương cũ* nói về bữa rượu đãi khách của Nam Cao, nhà văn mà ông kính trọng. Tôi từ trước vẫn mua mỗi tờ *Văn Nghệ*, chưa kịp đọc số báo *Lao Động* này, nên đề đạt đáp: "Có thể khi viết cao hứng, nhà văn chúng ta thường "hư cấu" quá đà, mà quên hậu quả của bài mình viết..." Ngừng một phút, tôi nói tiếp: "Hơn nữa, tác giả, tôi biết, là người già lão quá rồi – hơn 80 tuổi còn gì – cái quên cái nhớ đâu còn minh mẫn?" Trần Lê Văn thở dài: "Tôi hiểu, ông là người đồng

thời với tác giả, nên có thể thông cảm...

Nhưng, giấy trắng mực đen, bút sa gà chết – như các cụ ta thường nói – mỗi chữ viết ra đều nên thận trọng... Ông Văn lại tiếp: "Chắc ông còn nhớ, trước kia một con gà chỉ đáng hơn hào chỉ, nhà có khách dù nghèo khó đến đâu cũng làm được mâm cơm coi được, huống chi một nhà giáo đã đỗ đíp-lôm ở đất Đại Hoàng... làm sao đến nỗi 'dở võ' bắt trộm gà hàng xóm." Thử tưởng tượng, rồi đây các nhà sư phạm của ta cứ theo kiểu giai thoại ấy mà thêm thắt cho bài giảng của mình "phong phú"? Các em học sinh sẽ có ấn tượng thế nào về một nhà văn đức tài, tầm cỡ như Nam Cao? Lâu nay trên các báo chúng ta hay gặp khối "chân dung văn nghệ sĩ" vô khối mẩu chuyện "ly kỳ"... kiểu đó! Chả hạn, về Quang Dũng, người ta đã tỏ vẻ thương cho nhà thơ này đói khổ quá, đến nỗi được ai mời ăn, thì ngốn ngấu như kẻ sắp chết đói!

Còn có anh không hiểu nghe ai mà tả ông Nguyễn Tuân và ông Tản Đà – trước cách mạng – đã từng nhảy tàu điện từ Hà Nội về nhà ở Ngã Tư Sở, bao giờ trên tay cũng lủng lẳng một xâu thịt sống để chuẩn bị bữa "nhậu" chiều... Và nhà thơ Xuân Diệu với Chế Lan Viên thì rủ nhau vào công viên Thống Nhất (Lê Nin) nhưng không có tiền mua vé, đã vỗ ngực xưng danh là "nhà thơ nổi tiếng" để mong được "miễn phí" lọt qua cửa ải...

Thật thảm hại cho những "cây bút" có tài bịa đặt ra những "quái thai" như đã kể trên. Độc giả thời nào cũng ưa tìm hiểu tác phong, tâm tính, cuộc đời của văn nhân, thi sĩ mà mình ngưỡng mộ. Bởi vậy sách báo in ra không thể thiếu những chuyện riêng tư về danh nhân đương thời hay đã khuất. Viết sai lệch về họ không trung thực đã dành, còn có tội với lịch sử, trước mắt có tội và vô lễ với người thân trong gia đình họ. ❐

Đón đọc

Văn Học số 109

Số đặc biệt Kỷ niệm Hai mươi năm
Văn học Hải ngoại
Mười năm Tạp chí Văn Học

Ra đầu tháng 5 năm 1995.

TÀI LIỆU VĂN HỌC

Văn học thời kỳ mới của Trung Quốc: ánh huy hoàng đã tắt?

LTS – Bài viết dưới đây của tác giả Phạm Tú Châu – được trích từ tạp chí Tác Phẩm Mới số 2/1994, xuất bản tại Hà Nội – có thể được coi như một cái nhìn tổng lược nền văn học đương đại Trung Quốc – đặc biệt là về văn xuôi của Trung Quốc sau "Cách mạng văn hóa" (1966-1976). Các nhà phê bình lý luận cho rằng đây là thời kỳ huy hoàng của văn học Trung quốc vì nó có tác động mạnh mẽ đến nhiều mặt của đời sống và tư tưởng xã hội cho đến khi nó bị tàn lụi trong mấy năm gần đây.

Nhận thấy những gì đã xảy ra trong văn học Trung quốc từ 1976 đến nay có nhiều điểm tương đồng với biến chuyển của văn học Việt Nam trong nước, từ các trào lưu sáng tác cho tới tình hình xuất bản phát hành văn nghệ phẩm, nên Nguyễn Huy Thạch xin "ghi chép" lại để bạn đọc làm tài liệu.

Văn học thời kỳ mới không mở đầu bằng tác phẩm của các nhà văn đã thành danh – những con chim trúng đạn – mà mở đầu bằng truyện ngắn đầu tay *Chủ nhiệm lớp* của thầy giáo phổ thông Lưu Tâm Vũ, đăng cuối năm 1977. Chính những bức xúc trong cảnh nhà trường biến thành đấu trường, lớp học trở thành nơi rao giảng chính trị vô bổ cộng với những tai họa mà trí thức và người dân Trung Quốc phải gánh chịu đã khiến ông cầm bút viết nên truyện ngắn giản dị, chân chất ấy. Ngay sau đó, hàng loạt tiểu thuyết cùng loại phanh phui những nỗi khổ, nỗi oan, những mất mát, tổn thất to lớn, sâu sắc không thể bù đắp nổi của một

thời sai lầm quá tả. Đó là hướng đi đầu tiên của văn học thời kỳ mới được gọi chung với tên "văn học vết thương". Truyện ngắn, truyện dài và ký có tới hàng vài ba ngàn tác phẩm, nước ngoài dịch và xuất bản cũng nhiều, chẳng hạn như *A!* của Phùng Kỳ Tài, *Con ngựa tạp sắc* của Vương Mông, *Người đến tuổi trung niên* của Thẩm Dung (nữ), *Vua trẻ con* của A Thành, *Một nửa đàn ông nửa là đàn bà* của Trương Hiền Lượng v.v... Sau này, có nhà phê bình phủ nhận vai trò mở đường của *Chủ nhiệm lớp* về mặt nghệ thuật song dù sao cũng không thể chối bỏ tác dụng cái hích đầu tiên của nó.

Hướng đi thứ hai của văn học thời kỳ mới là "văn học suy ngẫm lại", suy ngẫm không chỉ về cách mạng văn hóa mà rộng ra về bi kịch đời thường, bi kịch của "một lũ người lầm lạc, coi sai lầm là chân lý, cam chịu nhận là có tội để bị trừng phạt dù thâm tâm không thừa nhận." Thật ra, ý hướng suy ngẫm lại chẳng những đã có ở "văn học vết thương" mà còn có ở tác phẩm thuộc đề tài khác, có điều "văn học suy ngẫm lại" thể hiện tập trung hơn mà thôi. Tác phẩm tiêu biểu có thể kể một vài, đó là bút ký *Tùy tưởng lục* gồm năm tập của nhà văn lớn Ba Kim, *Đại đội lính mới* của Lý Chân Văn, *Chiếc giường giấy* của Giang Hạo, *Cây cầu* của Lý Hiểu v.v...

Hướng đi thứ ba được gọi là "văn học cải cách". Nội dung chủ yếu là đề xuất quan niệm mới về đô thị, phê phán những tập tục và tâm lý do văn hóa phong kiến tạo nên, gây cản trở cho sự phát triển của kinh tế. Những tác phẩm tiêu biểu như *Giám đốc họ Kiều nhận chức* (1979) của Tưởng Tử Long, truyện dài *Đôi cánh nặng nề* (1984) của Trương Khiết (nữ) v.v... đều phản ánh sự xung đột giữa ý thức đô thị hiện đại và tính lười nhác lịch sử bắt nguồn từ ý thức văn hóa truyền thống. Nhiều tác phẩm "cải cách" tiếp theo càng chú ý hơn nữa tới mâu thuẫn giữa hai nền văn hóa đó.

Hướng đi thứ tư là "văn học tìm cội" ra đời năm 1984-1985 khi văn hóa nước ngoài ồ ạt tràn vào Trung Quốc, trong đó có tác động của *Trăm năm cô đơn*, tác phẩm của Gacxia Mácket đoạt giải Nobel văn học năm 1982. "Văn học tìm cội" hoặc phê phán tâm lý và lối sống ngu muội, lạc hậu ở nông thôn do văn hóa truyền thống tạo nên như tác phẩm *Ba, ba, ba!* của Hàn Thiếu Công, hoặc thừa nhận và thích thú với tính kiên nhẫn, ôn hòa, bao dung, chân chất của người dân hoang dã miền bắc như *Con tuấn mã đen* của Trương Thừa Chí v.v... *Cao lương đỏ* của Mạc Ngôn, *Phục Hy Phục Hy* (sau được chuyển thành phim Cúc Đậu) của Lưu Hằng đều thuộc hướng này.

Hướng đi thứ năm là văn học tâm lý, cảm giác, huyền tưởng được gọi chung là văn học phái tiên phong, thuộc trường phái hiện đại. Nhà

văn tiêu biểu là Dư Hoa, Cách Phi, Tô Đồng Ngụy, Chí Viễn v.v... Chịu ảnh hưởng của nhiều nhà văn phương Tây như Stôbirăng (Pháp), Uônphơ (nữ, Anh), Matechlinh (Bỉ), Đốtxtoiepxki (Nga), Kapka (Tiệp) v.v... tiểu thuyết của họ từ lâu đã phá vỡ kết cấu của tiểu thuyết cố sự và tiểu thuyết tâm lý thời kỳ đầu, tìm tới sự chân thực của tâm lý, biến thái của cảm giác chủ quan. Có tác giả còn chú trọng biểu hiện sự độc ác, thú tính tàn nhẫn, điên cuồng của con người hoặc yếu tố thần bí, huyền ảo như *Sự đời như khói, Sai lầm bên bờ sông, Lời tự thuật của cái chết...* của Dư Hoa, *Chiếc thuyền mê* của Cách Phi v.v...

Năm hướng đi trên đây tuy được sắp xếp theo thời gian xuất hiện song chỉ là tương đối, nhiều lúc chúng xen kẽ nhau hoặc một mình rộ lên, trở thành những cơn sốt như "văn học tìm cội" , lôi cuốn học giả nhiều ngành khoa học khác nhau cùng tham gia "tìm cội", khiến cho đủ thứ "cội" từ văn hóa ăn uống, chân bó, đuôi sam, phong thủy (xem đất để mả, cất nhà) bói toán... trở thành đầu đề câu chuyên trong xã hội.

Nếu phân chia thành hai đề tài lớn là văn học thành thị và văn học nông thôn để xem xét thì người ta thấy cho tới nay mối xung đột giữa nông thôn và đô thị biểu hiện ra rất gay gắt và phức tạp. Một là vì đô thị vừa và nhỏ ở Trung Quốc không bị hạn chế như thành phố lớn, nông thôn kéo về rất đông, ý thức đô thị lan rộng trong xã hội; hai là kết cấu sản xuất nông nghiệp được điều chỉnh, kinh tế nông thôn cũng rất phát triển, mang lại sức sống mới và cả những xao động mới, khiến ý thức tư tưởng của nông dân phân hóa và biến đổi. Trước tình hình trên, nhà văn Trung Quốc tỏ ra vững tay hơn khi viết về nông thôn, tiểu thuyết của họ về đề tài này thành công hơn, đậm đà tình cảm và ý vị hơn tiểu thuyết viết về thành thị. Điều đó không tách rời với tình hình chính trị, xã hội của Trung Quốc. Ngay từ thời chống "phái hữu" năm 1957 và trong "cách mạng văn hóa", biết bao nhà văn và trí thức trẻ buộc phải rời thành phố về những vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh lao động cực nhọc, nhiều người lấy vợ, lấy chồng, sinh con đẻ cái ở đó, cho nên khi trở lại thành thị đã thay đổi rất nhiều do cải cách kinh tế, họ dễ dàng cảm nhận được mối xung đột gay gắt nói trên.

Ngoài ra do có chính sách mở cửa, văn hóa phương Tây mấy chục năm vừa qua được dịch ra và giới thiệu cặn kẽ, khiến nhà văn có điều kiện thẩm xét lại bản chất của nền văn minh hiện đại, so sánh đặc điểm giữa văn hóa phương Tây và phương Đông từ đó mà thể hiện cách nhìn nhận có chiều sâu của mình trong tác phẩm. Nhìn chung, nhiều nhà văn đều ưa chủ đề "trở lại" với thiên nhiên đồng nội, hồi tưởng lại thời gian niên thiếu và thanh xuân của họ ở nông thôn. Thường khi hồi tưởng, họ đều thích giữ lại những thuần phong mỹ tục ở nông thôn bỏ bớt những

tai họa khổ sở riêng. Có thể nói, trong số tác phẩm xuất sắc viết về nông thôn, nhiều tác phẩm đạt mức truyền lại cho đời sau, hay nói một cách khiêm tốn hơn, hễ ai muốn hiểu biết về nông thôn Trung Quốc ở thời kỳ cải cách mở cửa đều không thể bỏ qua. Có thể kể: *Người ở vụng ổ gà, Nóng vội* của Giả Bình Ao, *Đời người, Thế giới phàm tục* của Lộ Dao, *Thuyền xưa* của Trương Vĩ, *Mùa hè xa lạ* của Thành Nhất, *Thương sinh* của Hạo Nhiên, *Đất dày* của Lý Nhuệ, *Người dân chài cuối cùng* của Lý Hàng Dục, *Con chúu Lỗ Ban* của Vương Nhuận Tư, *Cây nến đỏ rơi lệ* của Trương Nhất Cung, *Hồn sông* của Kiều Kiện v.v...

Trong khi đó văn học viết về công cuộc cải cách kinh tế ở nhà máy, xí nghiệp và đô thị nói chung dần dần lặp lại nhau dẫn tới nhàm chán. Bút pháp hiện thực chủ nghĩa phải nhường chỗ cho bút pháp hài hước, chế diễu của những nhà văn trẻ viết về lớp thanh niên và tráng niên thành đạt ở đô thị. Thế là một loạt hình tượng văn học nhạo đời, tâm hồn trống rỗng, tinh thần suy thoái xuất hiện. Những nhân vật này chẳng những diễu đời bằng lời lẽ chua chát, cay cú mà còn phơi bày những lỗi lầm xấu xa trong đời sống đô thị bằng phong cách kịch nhộn của chính bản thân mình. Bút pháp này còn được gọi là "văn học phản giá trị" trong sáng tác về đề tài đô thị, tức văn học không coi bất cứ cái gì là có giá trị, mọi giá trị như người khác quan niệm đều trở nên lố bịch, buồn cười. Còn có cách nhận định văn học thời kỳ mới theo xu hướng thẩm mỹ như xu hướng chủ nghĩa hiện thực mới (tả thực mới), xu hướng sùng thượng sự phát triển kiện toàn của bản năng, giải phóng tính người bị ức chế, xu hướng viết về lịch sử cổ đại, cận đại và hiện thực như cải cách ruộng đất chẳng hạn. Đồng thời với tiểu thuyết, các thể ký gồm bút ký, tùy bút, phóng sự, hồi ký..., mà Trung Quốc gọi chung là văn học báo cáo cũng gây được sự chú ý với bạn đọc.

Tiếp sau đó trong văn học báo cáo lại nảy sinh "văn học kỹ thực" (ghi chép sự thực) phát triển mạnh vào năm 1985 đến năm 1988, do các báo và tạp chí tổ chức thi có giải thưởng, càng đưa hai thể loại văn xuôi này lên tới đỉnh cao. Dù đứng ở góc độ nào để đánh giá thì mọi người trong giới văn học đều thống nhất với nhau ở một kết luận đáng buồn là thời kỳ hoàng kim của văn học thời kỳ mới chỉ duy trì được năm sáu năm đầu, tức giai đoạn I. Lúc đó là lúc người ta đang khao khát được bộc lộ tình cảm và nỗi niềm, ý thức dân tộc vừa mới thức tỉnh. Một tiểu thuyết hoặc áng văn xuôi nào có chiều sâu về nội dung hoặc cách tân về nghệ thuật đều lập tức được tất cả các giới đọc say mê. Giữa nhà văn và bạn đọc, nhà phê bình và bạn đọc cũng như giữa bạn đọc với nhau có quan hệ thông tin gắn bó chưa từng có. Tiếng vang của những tác phẩm đó khác nào từng tảng đá lớn được ném xuống khe sâu, làm chấn động

cả mặt đất. Khoảng từ 1985 trở đi, tức giai đoạn II của văn học thời kỳ mới, hiệu ứng vang dội nói trên không còn nữa, văn đàn trở nên vắng vẻ tiêu điều. Tình thế thay đổi hẳn khiến người ta có cảm giác như "trải qua một cuộc bể dâu". Trong lúc kinh tế tư nhân phát triển, cơn sốt thu hút mọi người là buôn bán, làm giầu và mấy năm gần đây là cơn sốt cổ phiếu, chứng khoán, nhà đất càng khiến người ta chú ý tới lợi ích vật chất, tiền bạc, hàng hóa, lượng bạn đọc giảm đi trông thấy. Chẳng hạn, năm 1985, thư viện trong toàn quốc mua 200,000 cuốn cho mỗi đầu sách văn học, đến năm 1989 chỉ còn 50,000 - 60,000 cuốn, đầu những năm 90 chỉ còn khoảng 1000 thậm chí 100 cuốn. Khẩu vị "gặm" sách của bạn đọc cũng thay đổi luôn, khó lường trước. Lúc "tiểu thuyết kim tiền" và "tiểu thuyết làm thuê" đang rộ lên, *Tuyển tập văn xuôi* của Tôn Lê lại bán rất chạy; khi tiểu thuyết kinh hoàng loại *Đàn cừu im lặng* đang bày đầy cửa hàng sách thì tiểu thuyết của Trương Ái Linh được sinh viên học sinh tranh nhau xem. Rồi thì dấu võ, trinh thám, quân vương, phi tần, tướng văn, tướng võ, khanh khanh trầm trầm, tài tử giai nhân, thậm chí cả tình yêu tầm thường phần nào nhảm nhí, mà Trung Quốc gọi chung là "văn học thông tục", đều tiêu thụ rất nhanh, còn văn học viết với ý đồ và thái độ nghiêm túc, yêu cầu chất lượng cao phải bỏ nhiều công sức lao động thì bạn đọc lại không màng tới.

Giai đoạn này nhà văn cảm thấy ngỡ ngàng, mất phương hướng, nhiều người do ưu tư buồn phiền nên đã gác bút hoặc chuyển sang làm nghệ thuật bằng tay trái như vẽ tranh chẳng hạn. Quan niệm văn học của nhà văn cũng thay đổi. Từ năm 1987 đến nay, một khuynh hướng xuyên suốt trong sáng tác tiểu thuyết là chuyển trọng tâm từ nội dung sang hình thức, từ cốt truyện, chủ đề, ý nghĩa sang thuật lại, kỹ xảo và kết cấu. Mọi kỹ xảo của các trường phái văn học nước ngoài đều được đem ra thử nghiệm, vận dụng khiến sáng tác rất đa dạng về mặt hình thức song lại làm cho sức sống cùng nhịp với thời đại suy yếu đi rất nhiều. Tình hình đó khá phức tạp và nguyên nhân dẫn tới tình hình đó còn phức tạp hơn nữa, người ta chưa thể kết luận trong một lúc. Có một điều nhận thấy chắc chắn là khuynh hướng thụt lùi nói chung trong sáng tác văn học, thụt lùi ngoài ý muốn về chỗ đứng của tư tưởng cũng là giá trị tinh thần thực sự tồn tại trên thế giới này.

Từ đầu những năm 90 đến nay địa vị và tác dụng của văn học nghiêm túc lại sa sút thêm một bước nữa khi va chạm với kinh tế thị trường. Trong khi đó, tiểu thuyết với những nhân vật được gọi là vô lại bỡn cợt đời, chế diễu những gì là giá trị trong tác phẩm của nhà văn tiêu biểu Vương Sóc, tiểu thuyết thông tục, tiểu thuyết phái tiên phong, tiểu thuyết "tả thực mới" vẫn có chỗ đứng trên văn đàn. Văn học báo cáo, văn học

"kỹ thực" càng ngày càng hiển hách, càng phong phú, đa dạng. Người ta thấy nhan nhản truyền kỳ về lãnh tụ, truyện ký của danh nhân, chuyện lạ lịch sử, những vụ án bí ẩn trên thế giới, những cuộc hôn nhân tan vỡ, tai ương cho nhân loại, điểm nóng trong xã hội, hậu trường của những vụ giành giật lẫn nhau trong thương mại, thậm chí đời tư của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Rigân, Busơ, Xađam Hútxen v.v... Tiểu thuyết cũng như văn học báo cáo nhiều lúc không còn chức năng thẩm mỹ, càng không được chú ý đến chức năng giáo dục, chỉ còn là thông tin những chuyện đời vặt vãnh.

Nhiều cuộc tọa đàm và hội thảo khoa học đã được tổ chức để nhận rõ và đối phó với nguy cơ tan rã của văn học và tinh thần nhân văn. Giáo sư khoa Ngữ văn trường đại học Hoa Đông Vương Hiểu Minh phát biểu: "Ngày nay, nguy cơ của văn học đã hết sức rõ rệt, các tạp chí văn học đều phải chuyển hướng, chất lượng các tác phẩm mới ra đời sa sút một cách phổ biến, bạn đọc có trình độ thưởng thức ngày một ít, nhiều nhà văn và nhà phê bình phát hiện mình đã chọn lầm nghề, thế là số người đua nhau nhảy vào biển thị trường (tức đi buôn, hiện tượng nổi bật trong văn nghệ sĩ năm 1992 - P.T.C.) tăng lên. Trước đây tôi cho rằng văn học chiếm địa vị vô cùng quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, bây giờ mới hiểu ra rằng đó là cảm giác lầm lẫn. Ngay lúc văn học có hiệu ứng vang dội nhất, cái mà công chúng thực sự quan tâm nhất không phải là văn học mà là cái phi văn học, ở bên trong cái áo khoác ngoài là văn học. Tiếc thay, chúng ta bị những âm thanh vang dội làm ù tai mờ mắt, mãi đến khi làn sóng hàng hóa làm trốc tận rễ giới văn học, bấy giờ chúng ta mới bừng tỉnh ra rằng từ lâu đại đa số người của xã hội này chẳng còn thích thú với văn học nữa. *(Tọa đàm về nguy cơ của văn học và tinh thần nhân văn. Tạp chí Tân hoa văn trích, số 11 năm 1993).*

Về nguyên nhân khiến nhà văn đi buôn, giáo sư mở tiệm, nghệ sĩ bán hàng, người ta cho rằng điều đó không phải lỗi của kinh tế thị trường mà chính là ngược lại. Ở những nơi kinh tế thị trường phát đạt kiện toàn, những hiện tượng như trên là khác thường chứ không rầm rộ như ở Trung Quốc. Người ta khó tìm thấy ở đó giáo sư nào bày quầy bán bánh, cũng khó thấy nhà văn và diễn viên nào mừng hớn hở vì có thêm tên gọi Tổng giám đốc hay giám đốc kinh doanh. Dân chúng hâm mộ thu nhập rất cao của họ, song họ không khi nào ngu xuẩn đến mức không thấy tự hào về năng lực nghề nghiệp chuyên môn của mình mà chỉ thích khoe khoang tiền bạc. Trung Quốc có hiện tượng khác thường đó là vì ý thức hám lợi của văn nhân Trung Quốc đã từng biểu lộ hàng mấy trăm năm trước đây. Số người phát biểu ý kiến như trên tỏ ra nghi ngờ về khả năng kinh doanh của trí thức và văn nghệ sĩ, hơn nữa kinh doanh có thể có

ảnh hưởng xấu tới bản thân sáng tác của họ. *(Ý kiến của Trương Nhữ Luân, Tiền Trung Văn, Tông Phúc Quang trên Tân hoa văn trích. Số đã dẫn).*

Có nhà văn cho rằng tiểu thuyết sở dĩ ngày một ít độc giả là vì chức năng phơi bày những hiện tượng đen tối, ám muội trong xã hội bị cường quyền tước đoạt và cấm đoán, con đường thông qua tiểu thuyết để nói lên nỗi khổ và bất công của đời người bị chặn đứng, bạn đọc không tìm thấy niềm vui sướng được tiểu thuyết nói thay cho mình do đó buộc phải chia tay với tiểu thuyết *(Ý kiến của nữ văn sĩ Trương Kháng Kháng).* Nhà văn khác, Ủy viên chấp hành Hội Nhà văn Trung Quốc Phùng Ký Tài lại nhận định tiểu thuyết sa sút là do nhà văn mất cảm giác an toàn; trật tự trong giới văn nghệ cần đi theo hướng "pháp trị" chứ không phải là "nhân trị" theo kiểu "thỉnh thoảng lại "xía vô"". Có người phán đoán văn học thời kỳ mới đã cáo chung, ánh huy hoàng của nó đã trở thành quá khứ. Nói cáo chung không phải vì nó đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử mà vì nó đã đánh mất tinh thần văn học của mình. Cách nói giai đoạn hiện nay là "hậu kỳ" của văn học thời kỳ mới không có ý nghĩa thực tế *(Vương Kỷ Nhân, giảng viên trường Đại học sư phạm Thượng Hải).*

Nhiều ý kiến khác cho rằng văn học thời kỳ mới không cáo chung, nhà văn không cáo chung mà chỉ là bối cảnh xã hội sản sinh ra nó đã chuyển biến. Loại sách bán chạy như "văn học kỹ thực", truyện tình, võ hiệp, báo chí khổ nhỏ... không làm nên sự phủ định đối với văn học nghiêm túc. Mấy năm cuối cùng của thế kỷ XX này tất phải là thời kỳ chuyển mình của văn học và nhà văn Trung Quốc, tuy nhiên văn đàn dường như chưa thấy rõ xu thế đó *(Lý Khiết Phi, báo Văn hối, 11-11-1992).*

Để làm cho văn học xã hội chủ nghĩa trở lại phồn vinh, một năm trước, ngày 4 đến ngày 6 tháng 12 năm 1992, Hội nhà văn Trung Quốc mở hội thảo toàn quốc về cải cách thể chế văn nghệ. Hội thảo lần này chú trọng trao đổi kinh nghiệm làm kinh tế của Hội nhà văn các tỉnh nhằm tăng thực lực sáng tác bởi một tác phẩm ưu tú thường thống nhất được hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế. Đây là đề mục lớn, là công trình có hệ thống mà Hội nhà văn sẽ tiến hành từ nay về sau. Hội nghị còn thảo luận việc tăng cường bốn ý thức "Ý thức trung tâm", coi xây dựng kinh tế là trung tâm; "Ý thức phục vụ" tức văn nghệ phục vụ nhiệm vụ trung tâm là xây dựng kinh tế; "Ý thức dấn mình" tức văn nghệ sĩ tích cực tham gia xây dựng kinh tế và cải cách mở cửa; "Ý thức phản ánh" tức nhà văn coi nhiệm vụ trọng tâm của mình là phản ánh công cuộc xây dựng kinh tế và cải cách mở cửa, cung cấp nhiều sản phẩm tinh thần phong phú và đặc sắc cho bạn đọc.

Thực tế, đáp án và hiệu quả việc làm của các nhà văn Trung Quốc ra sao còn ở phía trước.□

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Lechi Do Lewisville TX; Nguyễn Dũng Montréal Canada; Nguyễn thị Thanh Bình Springfield VA (tặng báo cho Cao Xuân Lý Australia và mua sách); Nguyễn Quang Hân Marlboro NJ (gia hạn và mua sách); Nguyễn Đình Phụng El Paso TX; Dac Vu San Francisco CA; Mme Cheminel France; David Bui Garden Grove CA; Library of Congress D.C.; Bankstown Library Australia; Mỹ Trang Burke VA; Long G. Pham London England; NGuyễn Q. Huỳnh Riverside CA (mua báo cho Miên Đức Thẳng Germany); Tôn Thất Ân Medford (khiếu nại mất báo); Khôi Q. Nguyễn De Kalb IL; Tôn Thất Khoát Santa Ana CA; Nguyễn Ngọc Chi Tustin CA; University Adelaide Australia; Nhan T. Ton Renton CA; Ngô Nhựt Tân Ontario Canada, Lê thị Huệ San Jose CA; Nguyễn thị Chân Quỳnh Paris France; Phan Ni Tấn Downsview Ont Canada; Nguyễn Như Huệ Troyes France, Ecole Francaise d'Extreme Orient Paris France; Ngô Ngọc Tuấn Silver Springs MD; Lam A. Tú Issaquah WA; K-Phuong Schalch Lê Oberageri Switzerland;

Nhắn tin chung

Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 1.3.95, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng

Cuối năm chuyến đi gửi từ Springfield VA; Mừng bạn xa đến thăm, Rượu sánh lưng chiều, Bên hiên chiều em say, Giọt ngoài, Lời vọng đêm thâu gửi từ Santa Ana CA; Xuân muộn gửi từ Beaverton OR; Câu chuyện con mèo gửi từ San Francisco CA; Trí nhớ của loài chim gửi từ Mitchener Ont. Canada; Văn nghệ sĩ VN nghĩ gì về văn học Miền Nam 1954-1975 gửi từ Richmond Australia; Thư và ảnh của Thế Uyên Seattle; Trăng, Tôi, và Sao Mai gửi từ Seattle; Một nơi dễ vào gửi từ Dorchester MA; Trần sơn, Mù trôi gửi từ Montréal Canada; Bài hai mươi, Sao cứ mãi hai lần, Hai mươi năm xa quê gửi từ Santa Ana CA; Văn học trong Kim Dung gửi từ Germany; Diskette hai truyện ngắn gửi từ Montréal Canada; Chờ sáng gửi từ Paris France; Phố núi, Rã rời thân xác thơ ta gửi từ San Jose CA; Hồng úa gửi từ Ontario Canada;

Mưa tháng Tám gửi từ San Jose CA; Mưa rơi trong lòng, Biển vẫn xanh màu, Nhẹ bước thôi em, Gió chiều, Hát ca vang trời gửi từ Westminster CA; Dưới gốc hoa đào gửi từ Seattle WA; Bay đi cánh chim biển gửi từ Gauting Germany; Điện đàm gửi từ Bakerfield CA; Lên non xuống biển gửi từ Santa AnaCA; Thơm gửi từ Lancaster CA; Dạo khúc II gửi từ Renton WA;

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Trừ thơ, những bài khác nếu đăng được, Tòa soạn sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư riêng hoặc điện thoại. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Sách mới nhận được trong tháng

🕮 ***Bầy thú nhỏ***, truyện dài của Sơn Tùng, Alpha xuất bản và tổng phát hành, sách dày 310 trang, giá 14 Mỹ kim. Sơn Tùng là một nhà văn kỳ cựu của nhật báo Tiền Tuyến trước 1975 ở Sài gòn, đã xuất bản hai tập truyện ngắn Trừng Phạt (1990), và Vết Thương (1992). Bầy Thú Nhỏ là truyện dài tác giả khởi viết năm 1972, bắt đầu in từng kỳ trên nhật báo quân đội Tiền Tuyến cuối năm 1994 cho đến ngày Sài gòn thất thủ. Tác phẩm phổ biến nửa chừng, hai mươi năm sau Sơn Tùng mới có cơ hội in toàn phần và gửi đến bạn đọc. Theo lời tác giả, đây là một bức tranh buồn thảm về chiến tranh, nhưng khi khởi đăng trên Tiền Tuyến, tác phẩm này được Toà báo giới thiệu như một thông điệp hòa bình, một bức họa trung thực độc đáo nhất về chiến tranh Việt Nam. Địa chỉ liên lạc: Alpha 6771 Wilson Blvd. Falls Church, VA 22044 USA. Phone: 703-536-4006. Fax: 703-536-4045.

🕮 ***Về Biển Đông***, bút ký về công tác cứu người vượt biển của nhà văn Trang Châu, Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim. Trước 1975, Trang Châu là bác sĩ quân y trong binh chủng Dù, tác giả tập "Y sĩ tiền tuyến", được Giải Văn học Nghệ thuật Toàn quốc năm 1969. Sau 1975, hành nghề bác sĩ tại Montréal Canada đồng thời tham gia tích cực vào các công tác văn hóa xã hội tại Canada, từng là chủ tịch Văn bút VN Hải ngoại nhiệm kỳ 1991-1993. Trang Châu đã in ở hải ngoại tập "Thơ Trang Châu" (1989). Trong tập bút ký này, Trang Châu ghi lại trung thực cuộc hành trình cứu người vượt biển trên con tàu Mary Kingstown năm 1988, xen vào những sự kiện là hồi tưởng và suy nghĩ của tác giả về những ngày cuối cùng của chế độ VNCH.

Địa chỉ liên lạc: Văn Nghệ

P.O. Box 2301 Westminster CA 92683.

📖 ***Hơn nửa đời hư***, hồi ký của Vương Hồng Sển, Văn Nghệ xuất bản, dày 640 trang, giá 20 Mỹ kim.

Vương Hồng Sển, một nhà văn, nhà giáo quen thuộc của nhiều thế hệ độc giả miền Nam, sinh năm 1902, hiện ở tại Sài gòn, nghĩa là đã sống trải qua tất cả biến cố thăng trầm của đất nước suốt thế kỷ 20. Là một người say mê sưu tầm sách báo và đồ cổ, lại có tính thích ghi chép quan sát tỉ mỉ tất cả những gì xảy ra quanh mình, Vương Hồng Sển là một nhân chứng quan trọng trong những sự kiện lịch sử mà nhiều người đã quên. Thêm vào đó, với sự chân thành tối đa và một lối viết dí dỏm sinh động đặc biệt miền Nam, Vương Hồng Sển đã cống hiến cho bạn đọc một món quà tinh thần vô cùng quí giá. Đây là một cố gắng đáng khen của nhà xuất bản Văn Nghệ. Tác phẩm này đã in trong nước theo bản thảo đã bị cắt xén kiểm duyệt, khiến tác giả đau lòng bất mãn vì thấy đứa con tinh thần của mình trở thành tàn phế. Tác giả đã yêu cầu nhà xuất bản Văn Nghệ in lại trọn vẹn những phần bị kiểm duyệt, cho nên "Hơn nửa đời hư" dày trên 600 trang in. Bạn đọc cần lưu ý là một nhà xuất bản ở hải ngoại đã chụp hình in lại bản in trong nước và vội vã phát hành mà không hỏi ý kiến tác giả, và dĩ nhiên bản in ấy thiếu sót rất nhiều đoạn quan trọng, không được đầy đủ như bản của nhà xuất bản Văn Nghệ.

Địa chỉ liên lạc : Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Phone: 714-527.5761.

📖 ***Mình lại soi mình***, truyện dài của Doãn Quốc Sỹ, Văn Nghệ xuất bản, bìa và phác họa chân dung tác giả của Đinh Cường, sách dày 352 trang, giá 16 Mỹ kim. Đây là một trong ba tác phẩm nhà Văn Nghệ phát hành cùng một lượt chào mừng gia đình nhà văn Doãn Quốc Sỹ đến định cư tại Hoa Kỳ, từ các bản thảo tác giả viết dưới chế độ cộng sản. Nhà xuất bản giới thiệu cuốn *Mình lại soi mình* như sau: "Sau 1954, sống hai mươi năm với các thăng trầm của chế độ cộng hòa, Doãn Quốc Sỹ có bộ Khu Rừng Lau, bộ trường thiên tiểu thuyết đầu tiên của Miền Nam. Sau 1975, sau hai mươi năm sống trong dày đọa nhục nhã dưới sự thống trị cộng sản, mười hai năm trong ngục tù cộng sản, khẳng khái trước tòa, bất khuất trong tù, Doãn Quốc Sỹ lay động sâu xa lương tâm trí thức trong và ngoài nước. Và ông "mình lại soi mình" trong một pho truyện dài trên bốn trăm trang. Trong hoàn cảnh nào, tâm hồn và văn chương Doãn Quốc Sỹ cũng dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương.

Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất bản Văn Nghệ.

📖 ***Người vái tứ phương***, truyện vừa của Doãn Quốc Sỹ, Văn Nghệ xuất bản, bìa và phác họa chân dung tác giả của Đinh Cường, sách dày 104 trang, giá 10 Mỹ kim. Tác giả viết tác phẩm này xong năm 1982, tức là ngay sau khi vừa thoát khỏi tù ngục cộng sản lần thứ nhất. Chủ đề của tác phẩm là đem nhân ái hóa giải tham tàn. Bạn đọc tìm lại được tinh thần nhân ái đôn hậu của *Khu Rừng Lau*, *Chiếc chiếu hoa cạp điều*, *Giòng sông định mệnh*.

📖 ***Dấu chân cát xóa***, truyện vừa của Doãn Quốc Sỹ, Văn Nghệ xuất bản, bìa và tranh chân dung tác giả của Đinh Cường, sách dày 88 trang, giá 9 Mỹ kim. Đây là tác phẩm Doãn Quốc Sỹ viết trước 1975, và năm 1984 đo chuyển bản thảo tác phẩm này ra hải ngoại để in sau khi cho ấn hành tại Pháp cuốn *Di* (với bút hiệu Hồ Khanh) mà tác giả bị bắt lần thứ hai và lãnh án chín năm tù. Nhà xuất bản giới thiệu tác phẩm như sau: "Năm 1974, mấp mé sự sụp đổ của Miền Nam, Doãn Quốc Sỹ cho ra đời một tác phẩm tràn trề tình cảm lãng mạn nồng nàn. Một phút sáng lòa trong tâm tư trước khi bóng tối bao trùm. Trong *Dấu chân cát xóa*, ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng..."

Tạp chí thân hữu nhận được trong tháng

Chân Nguyên, tạp chí văn nghệ và tư tưởng triết học tây đông, số 24 & 25, tháng 1.95

Tia Sáng, tiếng nói của người Việt Đông Âu tị nạn tại Đức, Berlin.

Tình cầu Phương Bắc, đặc san Xuân 95 của Hội Ái hữu Không quân VN tiểu bang Washington

Đi Tới, số 10 tháng 2.1995, nguyệt san thời sự, văn nghệ xuất bản ở Québec Canada, do nhà văn Nguyễn Minh Đức làm chủ bút.

Trân trọng cảm ơn quí thân hữu đã gửi báo tặng đến Văn Học.

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC TRÍCH ĐĂNG BÀI CỦA VĂN HỌC

Tất cả các tác phẩm (truyện, thơ, biên khảo) đăng tải trên tạp chí Văn Học đều thuộc bản quyền của tác giả và tạp chí Văn Học. Việc trích đăng, trích đọc hay sử dụng các tác phẩm đó dưới mọi hình thức phải có sự thoả thuận chính thức và tiên quyết của tác giả và Tạp chí Văn Học.

Trân trọng,

Văn hữu cộng tác và Tạp chí Văn Học

Ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn có thiện ý biếu không hoặc bán với giá rẻ cho các **độc giả Văn Học mới mua báo dài hạn hay gia hạn trong thời gian từ đầu tháng 2 cho đến cuối tháng 6 , 1995.** Sau đây là danh sách những cuốn sách biếu (có dấu hoa thị *) hoặc bán giá hạ (trừ 30%). Độc giả chọn một cuốn sách biếu, và ghi tên những cuốn mua thêm vào phiếu mua báo dài hạn gửi về toà soạn Văn Học. Ngay khi nhận được, chúng tôi sẽ gửi ngay báo, sách biếu và sách mua giá hạ cho quý vị theo bưu phí book rate hay surface.

SÁCH VĂN NGHỆ

001 ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI (hết, sẽ tái bản)
Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

002 TÙY BÚT (tái bản) 15MK
Võ Phiến

003 TÙY BÚT II (hết) 15MK
Võ Phiến

004 MÙA BIỂN ĐỘNG I (đã in lại lần 5) 8MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

005 MÙA BIỂN ĐỘNG II (đã in lại lần 3) 10MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

006 MÙA BIỂN ĐỘNG III (đã in lại lần 1) 13MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

007 MÙA BIỂN ĐỘNG IV (Bèo Giạt) 15MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

008 MÙA BIỂN ĐỘNG V (THA HƯƠNG) 21MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

009 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM (đã in lại lần 1) 14MK
Biên khảo Võ Phiến

010 KỲ THÁC (tái bản) 7MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

011 THƠ HIỀN 6MK
Thơ Như Chi

*012 MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG 7MK
Tiểu luận văn học Nguyễn Hiến Lê

*013 HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẦN QUANH 6MK
Thơ Ngu Yên
*014 TRẦM MẶC CÂY RỪNG 6MK
Tập truyện Võ Hồng
015 HỢP LƯU 7MK
Truyện dài Hồ Trường An
016 MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC 10MK
Tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến
017 MỘT CHÚT RIÊNG TƯ (hết) 10MK
Tập truyện dâu tay Mai Kim Ngọc
018 NGỰA NẢN CHÂN BON (đã in lại lần 2) (hết) 9MK
Tập truyện Nguyễn Mộng Giác
019 TRUYỆN NGẮN I (hết)
Tập truyện Võ Phiến
020 TRUYỆN NGẮN II 14MK
Võ Phiến
021 ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI 7MK
Truyện dài Lê Tất Điều
022 THƠ CAO TẦN 6MK
Thi tập Cao Tần
023 TẠP LUẬN (hết) 14MK
Võ Phiến
024 CUỐNG RÚN CHUA LÌA (tái bản) 8MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc
*025 CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ 9MK
Tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê
*026 VÒNG ĐAI XANH 8MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh
*027 TỤA ĐỀ Ở BÊN TRONG 8MK
Thơ Ngu Yên
028 XÚ SẤM SÉT 8MK
Tuyển tập Võ Đình
029 NỤ CƯỜI TRE TRÚC 11MK
Tập truyện Kiệt Tấn
030 YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT (hết)
Đỗ Quý Toàn
*031 CON SUỐI MÙA XUÂN 7MK
Tập truyện Võ Hồng

032 TÌM PHẬT Ở ĐÂU? (tái bản) 7MK
Minh Tâm
033 HOA BƯƠM BƯỚM 9MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
034 MUÔN KIẾP CÔ LIÊU 14MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
035 TIỂU THUYẾT II 15MK
Võ Phiến
036 TÙ NGỤC VÀ TÂM THÚC LƯU ĐÀY 6MK
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận
*037 NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI 10MK
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang
*038 KIẾP NGƯỜI 13MK
Tiểu thuyết W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê dịch
*039 NHƯ CÁNH CHIM BAY 13MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
040 HỒI KÍ TẬP I 14MK
Nguyễn Hiến Lê
041 HỒI KÍ TẬP II 15MK
Nguyễn Hiến Lê
042 HỒI KÍ TẬP III 9MK
Nguyễn Hiến Lê
*043 TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 7MK
Nguyễn Hiến Lê
044 LONG LANH HẠT BỤI 10MK
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc
045 TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975 (HẾT)
046 ĐÒNG CHỮ TÂM TÌNH (hết) 8MK
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng
*047 CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THÚC
LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY 10MK
Lê Tuyên
048 TIẾNG KÈN 8MK
Tập truyện của Nhật Tiến
*049 NGÀY N+... 11MK
Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7, Hoàng Khởi Phong

050 TIỂU LUẬN 14MK
Võ Phiến
051 NGUYỆT THỰC 7MK
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm
052 TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH (hết)
Tập truyện Nguyễn Ý Thuần
053 CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA 14MK
Tiểu thuyết Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
*054 ĐƯỜNG MỘT CHIỀU 7MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác
*055 Ý CAO TÌNH ĐẸP 8MK
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch
*056 YOGA CĂN BẢN 8MK
Võ Đình Mai
057 THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT 16MK
Khảo luận Tạ Chí Đại Trường
*058 CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ 8MK
Nguyễn Xuân Hoàng
059 CÒ VÀ TUYẾT 8MK
Thơ Đỗ Quý Toàn
*060 BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ 8MK
Will và Ariel Durant Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc
*061 QUÊ HƯƠNG 8MK
Thơ tình Định Nguyên
062 THỀM HOANG 8MK
Truyện dài Nhật Tiến
*063 MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" 8MK
Nguyễn Tấn Hưng
064 LỚP LỚP PHÙ SA I 13MK
Truyện dài Kiệt Tấn
*065 MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN 7MK
Kiều Phong
066 GIÓ ĐÊM 7MK
Tập truyện Trần Thị Kim Lan
067 TẠP BÚT 16MK
Võ Phiến
068 NGHĨ VỀ THƠ 9MK
Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc

069 HOA SEN TRÊN TUYẾT (tái bản) 8MK
Nguyên Phong phóng tác

070 ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI 12MK
Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

071 ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI (sắp hết) 23MK
Hồi ký của Hoàng Liên

*072 KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI 7MK
Khảo luận văn học Nguyễn Văn Xuân

073 NGOÀI GIẤC NGỦ 11MK
Thơ Thường Quán

074 THUYỀN NHÂN 19MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc

075 VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ 8MK
Nguyên Giác Phan Tấn Hải

076 TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ 12MK
Tác phẩm trong nước gởi ra của Dương Thu Hương

077 VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 16MK
Nguyễn Hưng Quốc

078 TRUYỆN THẬT NGẮN (hết) 6MK
Võ Phiến

079 NGỤ NGÔN 11MK
Giáo sư Đoàn Nhật Tấn

080 THƠ MIỀN NAM TẬP I (Văn học miền Nam) 6MK
Võ Phiến

081 SAO CÓ TIẾNG SÓNG... 13MK
Võ Đình

082 KINH DỊCH (sách viết sau 75, tái bản) 20MK
Nguyễn Hiến Lê

*083 HỠI ƠI (thơ 6MK
Ngu Yên (tập thơ thứ 3)

*084 KHỔNG TỬ (sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) 12MK
Nguyễn Hiến Lê

085 TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I 6MK
(trong bộ Văn học miền Nam), Võ Phiến

*086 ĐẶC KHẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA 12MK
Nhiều học giả

087 QUÊ 6MK
Tập truyện Võ Phiến

088 HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ
MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (tái bản lần 1)22MK
Hồ Sĩ Khuê

089 TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY (tái bản lần 2) 14MK
Hồi ký dức Đạt Lai Lạt Ma Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

090 MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG 12MK
Nguyên Phong dịch

091 CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ
NHÚC ĐẦU VỪA PHẢI 10MK
Nguyễn Bá Trạc

092 LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC 14MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

093 NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI 13MK
Hồi ký của dức Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Hà dịch

*094 ĐỜI NGHỆ SĨ 9MK
Nguyễn Hiến Lê

095 VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HUONG TÔI 32MK
Đỗ Mậu, tái bản lần 9

096 MÂY BÃO 12MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh, tái bản

097 VIẾT (sách mới) 10MK
Võ Phiến

098 ĐỐI THOẠI (sách mới) 8MK
Võ Phiến

099 KÝ BÚT KỊCH I (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

100 TRUYỆN MIỀN NAM II (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

101 SÀIGÒN TẠP PÍN LÙ (tức SàiGòn năm xưa II, III) 15MK
Vương Hồng Sển

102 LUẬN NGỮ 13MK
Nguyễn Hiến Lê

103 XUÔI DÒNG 7MK
Truyện ngắn Nguyễn Mộng Giác

SÁCH AN TIÊM, THANH VĂN

*PH 001 MỒ HÔI CỦA ĐÁ 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

PH 002 LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ 13MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 003 MUA 11MK
8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 004 ĐỌC KINH 6MK
Vũ Khắc Khoan

PH 005 HOÀNG TỬ BÉ SAINT EXUPERY 6MK
Bùi Giáng dịch

PH 006 SỢI CHỈ TRONG HỒN 13MK
Truyện dài Nguyễn Ý Thuân

PH 007 MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC 6MK
Gérald de Nerval, Bùi Giáng dịch

PH 008 TÙ CHỐN LƯU ĐÀY 13MK
Tạp bút Hoàng Nguyên Nhuận

PH 009 NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG 15MK
Hermann Hess, Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch

PH 010 SÔNG CÔN MÙA LŨ I 18MK

PH 011 SÔNG CÔN MÙA LŨ II 20MK

PH 012 SÔNG CÔN MÙA LŨ III 20MK

PH 013 SÔNG CÔN MÙA LŨ IV 20MK
Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác

PH 014 THU GỚI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI 6MK
Phạm Công Thiện dịch

PH 015 QUÊ HƯƠNG BẠN HỮU TÙ ĐÀY 10MK
Trần Dạ Từ

PH 016 THƠ TAGORE 8MK
(Lời Dâng, Tâm Tình Hiến Dâng, Tặng Vật), Đỗ Khánh Hoan dịch

PH 017 LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM 15MK
Tạ Chí Đại Trường

PH 018 BA TRỤ THIỀN 20MK
Philip Kapleau, thiền sư người Mỹ Đỗ Đình Đồng dịch

PH 019 MỘT TRANG ĐỜI (tập truyện) 11MK
Phan Thị Trọng Tuyến

PH 020 NỬA ĐÊM SỰC TỈNH 9MK
Hồi ký những cuộc tình Lưu Trọng Lư

PH 021 NGHỀ LÀM VUA 12MK
Tiểu thuyết mới của Lệ Hằng

PH 022 TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI 14MK
Tiệp bút Đỗ Quý Toàn

PH 023 BỤI VÀ RÁC 13MK
Truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng

PH 024 PHẬT HỌC KHÁI LUẬN 20MK
Biên khảo, Thích Chơn Thiện

PH 025 CÁT BỤI CHÂN AI 12MK
Hồi ký Tô Hoài

PH 026 QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN 7MK
Hồi ký Hồ Dzếnh

PH 027 QUÊ NGOẠI II 7MK
Thơ Hồ Dzếnh

PH 028 MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI 16MK
Hồi ký Tạ Chí Đại Trường

PH 029 PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 12MK
Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch

PH 030 CUỐI ĐÊM DÀI 10MK
Truyện Nguyễn Thị Thanh Bình

PH 031 NHỮNG BÍ ẨN SAU CỖI CHẾT 16MK
Đoàn Văn Thông

*PH 032 HƯƠNG RỪNG CÀ MAU 8MK
Truyện Sơn Nam

PH 033 TIỂU THUYẾT I (Tập chót trong Võ Phiến Toàn Tập) 15MK
Võ Phiến

PH 034 TRĂNG HOÀNG CUNG 8MK
Truyện Phùng Quán

PH0035 VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI 15MK
Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa

PH0036 BÊN LỞ BÊN BỒI
Nguyễn Thị Hoàng Bắc

PH0037 THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG 8MK
Tùy bút Trần Hồng Châu

PH0038 NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG 10MK
Thơ Trần Hồng Châu

Quý Vị Yêu Thích Những Ca Khúc Nghệ Thuật
Hãy Tìm Mua Đĩa Nhạc

Duy Cường hoà âm

Với Mười Một Bài Ca Bất Hủ Của Nền Tân Nhạc Việt Nam

● **Ngọc Lan** *Dương Thiệu Tước* ● **Tiếng Chuông Chiều Thu** *Tô Vũ* ● **Sao Đêm** *Lê Trọng Nguyễn* ● **Bến Xuân** *Văn Cao & Phạm Duy* ● **Dạ Lai Hương** *Phạm Duy* ● **Nguyệt Ca** *Trịnh Công Sơn* ● **Đường Chiều Lá Rụng** *Phạm Duy* ● **Tà Áo Văn Quân** *Phạm Duy Nhượng* ● **Gởi Ánh Mây Hàng** *Vũ Thành* ● **Đêm Màu Hồng** *Phạm Đình Chương, thơ Thanh Tâm Tuyền* ● **Hoàng Hạc Lâu** *Cung Tiến, thơ Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương cảm dịch*

CÓ BÁN TẠI NHỮNG NHÀ SÁCH VÀ TRUNG TÂM BĂNG NHẠC UY TÍN

Gởi Thẳng Về Nhà, Kể Cả Cước Phí
Hoa Kỳ: US$ 12.00 — Ngoài Hoa Kỳ: US$14.00
Thư từ, Chi Phiếu hay Lệnh Phiếu:
Đoantrang Nguyen
P.O. Box 1445
Tustin, CA 92681-1445

Lê Tín Hương,
tác giả và tác phẩm âm nhạc
"Có Những Niềm Riêng"

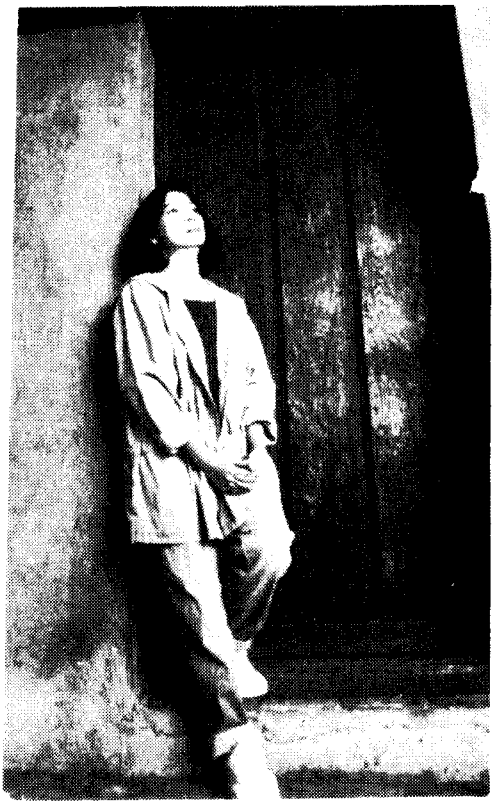

Niềm vui nào dấu kín?
Nỗi buồn nào cầm nín?
Ước mơ nào lặng thinh?

Trong mỗi chúng ta chắc ai ai cũng phải có những nỗi niềm riêng tư thầm kín. Nỗi niềm riêng ấy đã được trang trải qua dòng thơ ý nhạc của Nữ nhạc sĩ Lê Tín Hương trong nhạc phẩm "Có những niềm riêng" Một sáng tác mới lạ đầy rung cảm. Nhạc khúc đang được rất nhiều thính giả yêu thích và được xem như là một trong những nhạc phẩm hay nhất, có giá trị nghệ thuật thuật từ nhạc đến lời của cuối năm 1994.

Một hiện tượng lạ và hiếm có trong vườn hoa âm nhạc hải ngoại suốt hai mươi năm nay.

Có Những Niềm Riêng

những nhạc khúc mới của **LÊ TÍN HƯƠNG**

1. Anh đi	Thanh Hà	6. Một góc đời	Thanh Hà
2. Còn biết về đâu	Duy Trác	7. Như mây như mưa	Vũ Khanh-T.Hà
3. Đừng bao giờ hứa	Thanh Hà	8. Trả lại cho đời	Duy Trác
4. Vùi trên lối mòn	Thanh Hà	9. Hoài mong	Thanh Hà
5. Như cánh chim trời	Duy Trác	10. Có những niềm riêng	Thanh Hà

TRUNG TÂM VIỆT PHƯƠNG (VT MUSIC)
5002 W. McFadden St. # 24 Santa Ana CA 92704 • Tel (714) 839-2950 Fax (714) 531-4292

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES • DESIGN • LAYOUT • TYPESETTING • CATALOGS • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • PMT • HALFTONE •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, muốn nắm bắt những vấn đề, muốn đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, văn hóa, nghệ thuật...

Phải tìm đọc

Tạp chí ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới. Giá mỗi số $4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ $52; Canada $58; Âu châu $76; Á, Úc $86.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về THẾ KỶ 21, PO BOX 2054-H39
WESTMINSTER CA 92684 USA.
Tòa soạn: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.
E-mail 75504.3510@compuserve.com

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý mua báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____ tháng_____,gới hạng_____

Tôi chọn sách tặng số____, sách mua số_____, giá tiền_____

Tổng cọng : Văn Học US$_____, Sách Mua US$_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang_____ Zip_____

Sau khi thân hữu trở thành độc giả dài hạn, tôi muốn nhận được sách tặng số_____.

GIÁ BÁO DÀI HẠN KỂ TỪ 4/1/95

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Người Hoa Kỳ xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Van Hoc. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK

Giá:$4.00